



LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC (Chủ biên) – NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH
TRẦN VĂN SÁNG – NGUYỄN VĂN THUẦN – TRẦN VĂN TOÀN

Ngữ văn

11

TẬP HAI

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC (Chủ biên) – NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH
TRẦN VĂN SÁNG – NGUYỄN VĂN THUẦN – TRẦN VĂN TOÀN

Ngữ văn

11

TẬP HAI

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Ngữ văn – Lớp 11

(Kèm theo Quyết định số 2026/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Họ và tên	Chức vụ Hội đồng
Ông Lê Quang Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thư	Ủy viên, Thư kí
Bà Nguyễn Thị Bích	Ủy viên
Bà Mai Thị Hồng Tuyết	Ủy viên
Bà Lê Phương Thuý	Ủy viên
Bà Đặng Thu Thuý	Ủy viên
Bà Tôn Nữ Quỳnh My	Ủy viên
Bà Bùi Thị Phương Thuý	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên
Bà Lê Thị Thanh Loan	Ủy viên

LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
BÙI MINH ĐỨC (Chủ biên) – NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH
TRẦN VĂN SÁNG – NGUYỄN VĂN THUẤN – TRẦN VĂN TOÀN

BẢN MẪU

Ngữ văn

11

TẬP HAI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH



Văn bản



Câu hỏi



Mẫu

Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về hình thức (các chi tiết tiêu biểu, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật) và nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, triết lí nhân sinh) của truyện ngắn hiện đại. Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- ▶ Nhận diện và phân tích được tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong khi nói và viết, từ đó, có ý thức và bước đầu biết vận dụng quy tắc ngôn ngữ một cách hiệu quả, sáng tạo.
- ▶ Biết viết bài văn nghị luận và thuyết trình, giới thiệu một tác phẩm truyện theo lựa chọn cá nhân.
- ▶ Biết giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá tốt đẹp; tin tưởng vào phẩm chất trong sáng, cao thượng, tình yêu và lòng can đảm của con người.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN**1. Sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật**

- Trong truyện ngắn, lời người kể chuyện nhằm giới thiệu, miêu tả nhân vật, bối cảnh; bình luận, dẫn dắt câu chuyện, tạo thành giọng chủ đạo của truyện.
- Lời nhân vật là phương tiện bộc lộ ý nghĩ, tâm trạng, cá tính của nhân vật trong từng tình huống cụ thể, góp phần thể hiện phẩm chất, tính cách nhân vật.
- Lời nhân vật thường có sự phối hợp hài hoà với lời người kể chuyện. Chẳng hạn như đoạn trích sau đây: “Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã 14, 15 tuổi chạy ra mở cửa rồi kêu ầm lên: “Mẹ ơi! Đồng chí Khải đến.”. Cô tôi cau mặt gắt: “Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa?”. Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên:

“Tại sao Chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi.”. Cô tôi thở dài, quay người đi. Tôi nói: “Nước được độc lập vui quá cô nhỉ?”. Cô trả lời: “Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ?”.” (*Một người Hà Nội* – Nguyễn Khải).

2. Hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường

Quy tắc ngôn ngữ là những chuẩn mực chung về cách phát âm, dùng từ, cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu, dấu câu,... được mọi người trong cộng đồng thống nhất sử dụng để bảo đảm giao tiếp hiệu quả. Thông thường, trong giao tiếp, chúng ta phải thực hiện đúng các quy tắc này. Tuy vậy, trong một số trường hợp, người nói và người viết vẫn có thể phá vỡ có chủ ý một số quy tắc để thể hiện những sự vật, hiện tượng, cảm xúc, nhận xét đặc biệt, nhằm tăng cường hiệu quả giao tiếp. Các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường là:

– Tách rời các tiếng trong từ, ví dụ: *Dù ai nói **ngả** nói **nghiêng*** / *Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân*. (Tố Hữu).

– Kết hợp từ bất bình thường, ví dụ: *Mấy ông bà này rất **tiết kiệm nụ cười và lời nói đùa***. (Quý Thế).

– Chuyển từ loại, ví dụ: *Năm nay, ta lại nhớ bốn câu thơ của Bác Hồ, vừa **rất thơ**, vừa **rất thép***. (Phạm Văn Đồng).

– Thay đổi trật tự từ trong cụm từ, ví dụ: ***Củ một cành** khô lạc mấy dòng*. (Huy Cận).

– Thay đổi trật tự từ trong câu, ví dụ: ***Xiên ngang mặt đất** rêu từng đám / **Đâm toạc chân mây** đá mấy hòn*. (Hồ Xuân Hương).

– Tính lược thành phần chính của câu, ví dụ: *Người con trai đầu của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng kí xin đi đánh Mỹ. **Tháng 4 năm 1965, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam***. (Nguyễn Khải).

– Tách một bộ phận câu thành câu, ví dụ: *Không ai nói gì, người ta dần dần tản đi. **Vì nể cụ bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có***. (Nam Cao).

– Sử dụng câu đặc biệt, ví dụ: ***Chập tối**. Gió ở bến sông Châu thổi quẩn quẩn*. (Sương Nguyệt Minh).



TRÁI TIM ĐAN-KÔ

(Trích Bà lão I-đéc-ghin)

GO-RƠ-KI(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần Kiến thức ngữ văn để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(**)

– Đọc trước văn bản *Trái tim Đan-kô* (Danko), tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Mác-xim Go-rơ-ki (Maksim Gorky) và tác phẩm *Bà lão I-đéc-ghin* (Idecghin).

– Khi đọc truyện *Trái tim Đan-kô*, các em cần chú ý: (***)

+ Nhận biết cốt truyện gồm các nhân vật, sự kiện và mối quan hệ giữa chúng; nhận xét được không gian, thời gian, những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

+ Phân biệt được nhân vật chính, người kể chuyện, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật; sự thay đổi điểm nhìn, chủ đề chính và chủ đề phụ trong một văn bản (nếu có).

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống để hiểu văn bản; thấy được ý nghĩa và tác động của văn bản đối với bản thân.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh truyện *Trái tim Đan-kô*:

Truyện ngắn *Bà lão I-đéc-ghin* gồm ba phần được ghép với nhau một cách khéo léo. Phần đầu là truyện thuyết về đứa con trai đại bàng, tên là Lác-ra (Larra), một kẻ cao ngạo, ích kỉ, tàn bạo nên phải chịu trừng phạt là sống trong sự đơn độc suốt bao ngàn năm giữa thảo nguyên bạt ngàn. Phần thứ hai là hồi ức về tuổi trẻ tự do, phóng túng, cuồng nhiệt của bà lão I-đéc-ghin. Phần ba là truyện thuyết về chàng Đan-kô, một chàng trai dũng cảm và vị tha trong cuộc đương đầu với lòng người yếu hèn và thiên nhiên khắc nghiệt. Ba câu chuyện do bà lão I-đéc-ghin kể đều là những chuyện tuyệt vời về tuổi trẻ, về tự do, về những tâm hồn mạnh mẽ, rực lửa và đầy say mê.



M. Go-rơ-ki
(1868 – 1936)

(*) Mác-xim Go-rơ-ki tên khai sinh là A-lếch-xây Mác-xi-mô-vích Pe-xcốp (Aleksey Maksimovich Peshkov), sinh tại thành phố Ni-giơ-nưi Nốp-gô-rôt (Nizhny Novgorod), Nga.

(**), (***) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 5, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

2) Đọc hiểu

① (*) [...] Trên mặt biển nhô lên một đám mây đen nặng nề, có đường viền gân guốc nhô lên, giống như một chòm núi. Đám mây trườn vào thảo nguyên. Từ chòm mây, có những mảng mây tách ra, bay vượt lên trước và lần lượt che tắt hết ngôi sao này đến ngôi sao khác. Biển động ầm ầm. Cách chúng tôi không xa, dưới những gốc nho, người ta hôn nhau, thì thầm, thở dài. Một con chó sủa rống lên ở một nơi nào xa tít trong thảo nguyên... Không khí đầy một mùi kì lạ, làm ngứa ngáy lỗ mũi, kích thích thần kinh. Bóng mây in xuống mặt đất từng đám dày đặc, trườn đi, trườn đi, biến mất rồi lại xuất hiện... Ở chỗ Mặt Trăng trước kia, chỉ còn lại một vệt trắng đục, đôi khi bị một mảng mây xanh nhạt hoàn toàn che khuất. Xa xa trên thảo nguyên lúc này đã trở nên đen ngòm và đáng sợ, như đang ẩn náu và thu giấu trong mình một cái gì bí ẩn, có những đốm lửa xanh lam bùng lên. Chúng xuất hiện trong giây lát, khi thì chỗ này, khi thì chỗ kia rồi tắt đi, cứ như có mấy người tản mát trong thảo nguyên, ở cách xa nhau, đang tìm kiếm cái gì, xòe diêm lên nhưng lại bị gió thổi tắt ngay. Đây là những lưỡi lửa xanh rất kì dị, gọi nhớ tới một cái gì hoang đường.

Chú ý cách tác giả miêu tả phong cảnh thiên nhiên. (**)

– Anh có thấy những ánh lửa không? – Bà lão I-déc-ghin hỏi tôi.

– Những ánh lửa xanh kia phải không? – Tôi vừa nói vừa trở ra thảo nguyên.

– Ánh lửa xanh hả? Ừ, đúng đấy... Vậy ra những ánh lửa ấy vẫn còn bay lượn!

Lạ thật... Nhưng mắt tôi bây giờ không còn thấy những ánh lửa ấy nữa. Bây giờ có nhiều cái tôi không nhìn thấy được.

Tôi đã được nghe một đôi điều về nguồn gốc những tia lửa này, nhưng tôi muốn nghe bà lão I-déc-ghin kể câu chuyện ấy. [...]

Và bà lão bắt đầu kể.

② “Thuở xưa, trên Trái Đất này, có một đám người sinh sống ở một khu vực nọ, xung quanh khu lều trại của họ ba bề là rừng rậm bao bọc, không thể len qua được, phía kia là thảo nguyên. Đó là những người vui vẻ, khoẻ mạnh và dũng cảm. Nhưng rồi thời buổi khó khăn đã tới: có những bộ lạc khác không hiểu từ đâu xuất hiện, xua đuổi những người vẫn ở đây từ trước vào tít trong rừng sâu. Ở đấy chỉ có đầm lầy và bóng tối vì rừng đã lâu đời lắm rồi, cành lá quăn quýt dày đặc đến nỗi không còn nhìn thấy bầu trời nữa, và những tia sáng Mặt Trời phải khó khăn lắm mới lọt qua đám lá um tùm để soi rọi chút ít xuống đầm lầy. Nhưng khi những tia nắng

Hãy hình dung về tình cảnh của đoàn người.

(*) Ở các văn bản, để học sinh tiện theo dõi, người biên soạn sách thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia phần các văn bản.

(**) Các câu gợi ý bên phải văn bản chỉ để học sinh theo dõi thêm về nội dung, nghệ thuật,... trong khi đọc, không cần trả lời.

chiếu xuống mặt nước đầm lầy thì mùi hôi thối bốc lên đến nỗi họ lăn ra chết, hết người này đến người khác. Đàn bà, trẻ con trong bộ lạc khóc lóc, còn các ông bố thì nghĩ ngợi và buồn rầu. Cần phải ra khỏi khu rừng này, và muốn vậy thì chỉ có hai con đường: Con đường thứ nhất là trở lại phía sau thì có những kẻ thù mạnh và hung dữ, con đường thứ hai là tiến lên phía trước thì ở đó là những cây khổng lồ, cành to khỏe, ôm chặt lấy nhau, rễ ngoằn ngoèo đâm sâu xuống đất bùn dính chắc của đầm lầy. Những thân cây trơ trơ như đá ấy ban ngày đứng sừng sững, im lìm trong ánh sáng mờ mờ, xám xịt, và tối đến, khi đốt lửa lên thì cây cối càng dịch sát lại chung quanh đoàn người. Đêm cũng như ngày, xung quanh đoàn người bao giờ cũng có một vòng bóng tối vững chắc chỉ chực nghiêng bẹp họ, mà họ thì đã quen với thảo nguyên bao la. Khi gió đập các ngọn cây và cả khu rừng gào thét như hăm dọa và hát bài ca đưa đám họ thì cảnh tượng càng ghê rợn hơn nữa. Dù sao họ vẫn là những người dũng cảm, và họ có thể chọi nhau một mất một còn với những kẻ đã có lần đánh bại họ, nhưng họ không thể chết trong chiến đấu được, vì họ còn có những lời di chúc, nếu họ chết thì những lời di chúc sẽ mất theo. Bởi vậy, họ cứ ngồi đấy và suy nghĩ bao đêm ròng, giữa tiếng cây rừng xào xạc, trong hơi thối độc địa của đầm lầy. Họ ngồi đấy và ánh lửa tạo nên những bóng đen chập chờn nhảy nhót xung quanh họ trong một điệu vũ thâm lặng, mọi người đều có cảm giác như đấy không phải là những bóng đen nhảy múa, mà là ma quỷ của rừng và đầm lầy đang hân hoan đắc thắng... Họ vẫn ngồi đấy và nghĩ ngợi. Nhưng không có cái gì lại làm suy mòn thể xác và tâm hồn người ta bằng những ý nghĩ buồn rầu. Người ta suy yếu đi vì lo nghĩ... Nỗi khiếp sợ nảy nở trong bọn họ, làm tê liệt những cánh tay rắn chắc của họ, đàn bà khóc lóc trước tử thi những người chết vì uế khí và khóc than cho số phận những người còn sống nhưng đã mất chí khí vì hoảng sợ, tiếng khóc của họ làm cho đoàn người hoang mang thêm. Trong rừng, người ta bắt đầu nghe thấy những câu nói hèn nhát, lúc đầu còn rụt rè, thì thào, rồi càng về sau càng lớn tiếng hơn... Họ đã định đến nộp mình cho quân thù và dâng tự do của mình cho chúng. Vì kinh hoàng trước cái chết, không ai còn sợ sống nô lệ nữa... Nhưng đúng lúc đó, Đan-kô xuất hiện và một mình anh, anh cứu thoát cả đoàn người.”

3 Rõ ràng là bà cụ vẫn thường kể câu chuyện trái tim cháy của Đan-kô. Cụ nói như hát, và giọng nói xin xít, rề rề của cụ khiến tôi hình dung rõ mồn một tiếng ào ào của khu rừng có những con người bất hạnh, kiệt lực, chết dần vì hơi độc của đầm lầy...

“Đan-kô là một người trong bọn họ, một chàng trai trẻ đẹp. Những người đẹp bao giờ cũng can đảm. Và anh nói với các bạn anh như thế này:

Chú ý ngoại hình, lời nói và hành động của Đan-kô.

– Nghĩ ngợi không thể hất bỏ được tảng đá trên con đường ta đi. Kẻ nào không mó tay vào việc thì chẳng làm nên công chuyện gì. Cứ lo nghĩ làm chi cho hao tâm tổn sức? Hãy đứng lên, chúng ta sẽ đi sâu vào rừng và xuyên qua rừng, bởi vì rừng cũng có chỗ kết thúc, mọi cái trên đời đều có chỗ kết thúc! Ta đi đi! Nào! Tiến bước!...

Họ nhìn anh và thấy rằng anh hơn hẳn tất cả bọn họ, vì trong mắt anh ngời lên bao nhiêu sức mạnh và nhiệt tình sôi nổi.

– Anh dẫn chúng tôi đi! – Họ bảo anh.

Thế là anh dẫn họ đi...”.

Bà lão im lặng và nhìn ra thảo nguyên, ở đó, bóng tối mỗi lúc một dày đặc lại. Những tia lửa toé ra từ trái tim cháy của Đan-kô bắn ra, sáng bừng lên ở một nơi nào phía xa, nom như những bông hoa xanh bay lượn trên không, chỉ nở ra trong giây lát.

“Đan-kô dẫn họ đi. Mọi người nhất loạt đi theo anh, họ tin anh. Đường đi thật khó khăn! Rừng tối om, cứ bước một bước, đầm lầy lại há cái mồm tham lam hôi thối ra nuốt mất người, và cây cối sừng sững chặn đường như một bức thành kiên cố. Cành cây quăn quýt lấy nhau; rễ bò lan khắp nơi như đầu rắn, và cứ mỗi bước đi, họ lại tốn bao nhiêu mồ hôi và máu. Họ đi lâu lắm... Rừng mỗi lúc một dày rậm, sức lực mỗi lúc một suy kiệt! Họ bắt đầu oán trách Đan-kô, trách anh trề người non dạ, đưa họ đi vào chỗ vu vơ. Nhưng anh vẫn dẫn đầu đoàn người, hăng hái và tươi tỉnh.

Con đường mà đoàn người đang đi có đặc điểm gì?

Rồi một hôm, đông bão gầm thét trên rừng, cây cối ào ào ghê rợn. Trong rừng bỗng tối mù tối mịt, tưởng chừng như bao nhiêu đêm tối trên đời kể từ khi có rừng đến nay đều tụ cả lại. Những con người nhỏ bé đi giữa những cây lớn, trong tiếng sấm đáng sợ. Họ đi, còn những cây khổng lồ lắc lư, nghiêng ken két và gào lên bài ca thịnh nộ. Ánh chớp bay trên các ngọn cây, loè ánh lửa xanh lạnh lẽo rọi sáng trong khoảnh khắc và biến mất cũng nhanh như khi xuất hiện, làm mọi người kinh sợ. Cây cối được ánh chớp lạnh lẽo rọi sáng, nom như những vật sống, dang rộng những cánh tay dài ngoằn ngoèo, đan thành một mạng lưới dày xung quanh đoàn người, cố ngăn chặn họ. Từ trong đám cành tối tăm, có cái gì đáng sợ, hắc ám, lạnh lẽo nhìn đám người đang đi. Đường đi gian nan, đoàn người mệt lả, mất tinh thần. Nhưng họ xấu hổ, không dám thú nhận sự yếu hèn của mình, vì thế họ trút căm hờn và giận dữ vào Đan-kô, con người vẫn dẫn đầu họ. Họ trách anh không biết dẫn dắt họ, thế đấy!

Tâm trạng, thái độ của đoàn người diễn biến ra sao?

Họ dừng lại, và giữa tiếng gầm gào đắc thắng của rừng, trong bóng tối run rẩy, những con người mệt mỏi và dữ tợn ấy bắt đầu kết tội Đan-kô.

– Mi là kẻ hèn mọn làm hại chúng tao. – Họ bảo anh – Mi dẫn chúng tao đi và làm chúng tao kiệt lực, vì vậy mi phải chết!

– Các người bảo “Dẫn chúng ta đi!” và tôi dẫn các người đi! – Đan-kô hét lên, hiên ngang đứng trước mặt họ. – Tôi có gan dẫn đường và tôi dẫn các người đi! Còn các người chỉ cầm cổ đi và không biết giữ sức để đi được lâu dài hơn! Các người chỉ mài miết đi như đàn cừu!

Nhưng những lời đó làm họ càng điên tiết hơn.

– Mi phải chết! Mi phải chết! – Họ gầm lên.

Rừng cũng gầm lên, gầm mãi lên, hoà với tiếng hét của họ, và ánh chớp xé toang bóng tối thành từng mảnh. Đan-kô nhìn đám người mà anh đã ra công khó nhọc vì họ, và thấy rằng họ là những con thú. Nhiều người xúm quanh anh, nhưng trên mặt họ, không có chút gì là cao thượng và không thể mong họ tha thứ cho anh. Thế là trong tim anh cũng bùng lên niềm phẫn nộ sục sôi, nhưng lòng thương hại mọi người đã dập tắt ngọn lửa uất giận ấy. Anh yêu họ và nghĩ rằng không có anh, có lẽ họ chết mất. Trong tim anh bùng lên ngọn lửa nhiệt thành thiết tha muốn cứu thoát họ, đưa họ lên con đường dễ dàng, và những tia lửa của niềm mong muốn mãnh liệt ấy loé lên trong mắt anh... Còn họ thấy thế, lại tưởng anh nổi khùng nên mắt mới sáng quắc như vậy, họ liền giữ miếng như những con chó sói, chờ xem anh đánh lại họ, họ tiến sát đến, vây chặt lấy anh để dễ bề bắt và giết anh hơn. Anh đã hiểu ý nghĩ của họ, do đó ngọn lửa trong trái tim anh càng cháy rực hơn nữa, vì ý nghĩ của họ làm anh buồn rầu.

Những chi tiết nào cho thấy ý nghĩ và tình cảm của Đan-kô đối với đoàn người?

Rừng vẫn hát bài ca thê lương, sấm chớp đùng đùng, mưa như trút nước.

– Ta sẽ làm gì cho mọi người đây? – Đan-kô gào to hơn sấm.

Bỗng nhiên, anh đưa hai tay lên xé toang lồng ngực, dứt trái tim ra và giơ cao trên đầu. Trái tim cháy sáng rực như Mặt Trời, sáng hơn Mặt Trời, và cả khu rừng im lặng, sáng lên dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người. Trước ánh sáng của trái tim Đan-kô, bóng tối tan tác và run lẩy bẩy, nhào xuống cái mồm hôi thối của đầm lầy nơi rừng sâu núi thẳm. Đoàn người sững sốt, đứng trơ ra như phỗng.

Chú ý hành động của Đan-kô.



Đan-kô (Tranh: Đmi-tơ-ri Bu-tô-rin)

– Đi thôi! – Đan-kô hét lớn và xông lên phía trước, về chỗ của mình, tay giơ cao trái tim cháy rực, soi đường cho mọi người.

Họ xông lên theo anh, sung sướng mê cuồng. Rừng lại bắt đầu ồn ào, ngạc nhiên lắng lư các ngọn cây, nhưng tiếng ồn ào của rừng bị tiếng chân người rầm rập át đi. Họ chạy nhanh và mạnh bạo, cảnh tượng kì diệu của trái tim cháy lồi cuốn họ. Bây giờ vẫn có người trong bọn họ chết, nhưng họ chết không than vãn và khóc lóc. Còn Đan-kô vẫn luôn luôn đi ở phía trước, và trái tim anh vẫn cháy bùng bùng, sáng rực!

Bỗng nhiên, rừng giãn ra nhường lối cho anh, giãn ra và lùi lại ở phía sau, dày đặc và câm lặng, còn Đan-kô

Nơi mà đoàn người đã đến như thế nào?

và tất cả đám người ấy lập tức chìm vào cái biển ánh sáng Mặt Trời và không khí trong lành được nước mưa gột sạch. Đông bão ở đằng kia, sau lưng họ, trên khu rừng, còn ở đây là Mặt Trời rực rỡ, thảo nguyên thở đều, cỏ ngời sáng vì những giọt mưa chói lọi như kim cương và sông lấp lánh ánh vàng... Trời đã về chiều, và dưới ánh hoàng hôn, sông đỏ như máu nóng hồi phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đan-kô.

Chàng Đan-kô can trường và kiêu hãnh đưa mắt nhìn thảo nguyên bao la trước mặt, sung sướng nhìn khoảng đất tự do và bật lên tiếng cười tự hào. Rồi anh gục xuống và chết.

Đoàn người vui sướng và tràn đầy hi vọng, không nhận thấy Đan-kô đã chết và không thấy trái tim can đảm của anh vẫn cháy bùng bùng cạnh xác anh. Chỉ có một người vốn tính cẩn thận nhận thấy điều đó và sợ xảy ra chuyện gì không hay, liền dẫm chân lên trái tim kiêu hãnh ấy... Trái tim toé ra một loạt tia sáng, rồi tắt ngấm...”.

– Đây, duyên do của những ánh lửa xanh thường xuất hiện trên thảo nguyên vào lúc trước cơn dông là như vậy!

Bây giờ khi bà lão đã kể xong câu chuyện truyền thuyết tuyệt đẹp của mình, thảo nguyên bỗng yên tĩnh lạ thường, như kinh ngạc về sức mạnh của chàng Đan-kô dũng cảm đã đốt cháy trái tim mình soi đường cho mọi người và chết mà không đòi hỏi gì cả.

Bà lão thiu thiu ngủ. Tôi nhìn bà cụ và nghĩ: “Trong trí nhớ của bà lão còn lưu lại bao nhiêu truyện kì diệu và biết bao nhiêu hồi ức nữa?”. Rồi tôi nghĩ về trái tim cháy hùng vĩ của Đan-kô và về trí tưởng tượng của nhân loại đã sáng tạo nên biết bao nhiêu truyền thuyết đẹp đẽ và đầy khí phách.

Nhân vật “tôi” nhận xét gì về câu chuyện mà bà lão I-déc-ghin kể?

Gió thổi tới, làm tung những manh áo rách và phơi trần bộ ngực khô đét của bà lão I-déc-ghin đang thiếp đi mỗi lúc một say. Tôi kéo lại manh áo che cho tấm thân già lão và cũng nằm xuống cạnh bà. Thảo nguyên vắng lặng và tối om. Mây đen vẫn trôi trên trời, chậm chậm, tẻ ngắt... Biển âm ỉ một điệu buồn bã.

1894

(MÁC-XIM GO-RÔ-KI, *Tuyển tập truyện ngắn*, NXB(*) Văn học, Hà Nội, 2012)

?

1. Văn bản *Trái tim Đan-kô* có mấy người kể chuyện? Đó là những ai và họ kể chuyện như thế nào?
2. Hãy tóm tắt câu chuyện về chàng Đan-kô. Bối cảnh (không gian, thời gian) diễn ra các sự kiện trong truyện có đặc điểm gì đáng chú ý?
3. Phân tích tình thế, diễn biến tâm trạng và hành động của đoàn người khi di chuyển trong rừng rậm.

(*) NXB: viết tắt của từ Nhà xuất bản.

4. Phân tích hình tượng nhân vật Đan-kô (Gợi ý: thể hiện qua các chi tiết miêu tả hành động, tâm trạng, lời nói của Đan-kô; xác định đặc điểm tính cách của nhân vật; nêu điểm đặc sắc của nghệ thuật khắc hoạ nhân vật).

5. Có ý kiến cho rằng: văn bản *Trái tim Đan-kô* chứa đựng thông điệp có ý nghĩa triết lí nhân sinh về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Em có đồng tình hay phản đối với quan điểm đó không? Vì sao?

6. Em có cảm nghĩ gì về hình ảnh “trái tim cháy hừng vĩ của Đan-kô”? Hãy ghi lại bằng một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng).



MỘT NGƯỜI HÀ NỘI

NGUYỄN KHẢI

1 Chuẩn bị

– Đọc trước truyện *Một người Hà Nội*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Khải và bối cảnh diễn ra các sự kiện trong truyện.

– Suy nghĩ về vai trò của mỗi cá nhân trong việc gìn giữ, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

– Tìm hiểu thêm về tính cách con người Hà Nội qua báo chí, thơ văn,...



Nguyễn Khải (1930 – 2008),
quê ở Nam Định

2 Đọc hiểu

1 [...] Được sống năm đầu ở Hà Nội vừa giải phóng, với lứa tuổi chúng tôi ngày ấy mới hăm bốn, hăm năm cái xuân xanh, là cực kì khoan khoái. Chín năm xa phố phường, xa ánh điện, không được vào rạp xem chiếu bóng hoặc cải lương, không được vào một cái chợ đông người giữa ban ngày, bây giờ mỗi ngày đều ở Hà Nội, mỗi đêm đều ở Hà Nội, mãi mãi còn ở Hà Nội.

Chúng tôi thì vui thế, tại sao những người vốn sống ở Hà Nội chưa thật vui nhỉ? Họ đang tìm cách thích ứng với chế độ mới, cách sống, cách làm việc, cả cách nói năng nữa. Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã mười bốn, mười lăm tuổi chạy ra mở cửa kêu ầm lên: “Mẹ ơi! Đồng chí Khải đến!”. Cô tôi cau mặt gắt: “Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa?”. Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên: “Tại sao Chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi.”. Cô tôi thở dài, quay người đi. Tôi nói: “Nước được độc lập vui quá cô nhi?”. Cô trả lời: “Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ?”.

Tình cảm của nhân vật “tôi” đối với Hà Nội vừa giải phóng ra sao?

Chú ý sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.

Theo cô, Chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả tiền công sá cho kẻ ăn người ở. Về sau tổ dân phố lại vận động nhau không nên nuôi người ở. Nhà này trước đây có hai người ở, một anh bếp và một chị vú. Chị vú là vợ anh bếp, để được đưa con nào lại đưa về quê cho bà ngoại nuôi.

Sau ngày giải phóng, cô tôi cho anh bếp về quê làm ruộng, còn chị vú vẫn ở lại, vì chủ tớ còn cần dựa vào nhau. Mỗi ngày chị đi chợ, đều có cán bộ bám theo, dò hỏi: “Chị có bị nhà chủ hành hạ không? Tiền công có đưa đều đặn không? Thái độ chính trị của họ là như thế nào?”. Chị vú gắt âm lên: “Nếu họ không tử tế thì tôi đã xéo đi từ lâu rồi không khiến anh phải xui.”. Chị ta kể lại chuyện đó cho cả nhà nghe, bình luận: “Cách mạng gì toàn để ý đến những chuyện lật vạt.”. Bây giờ thì chị vú đã mất rồi, về quê được bốn năm thì mất. Chị trông con cho bà cô tôi từ năm mười chín tuổi, đến năm bốn lăm tuổi mới về quê, tình nghĩa như người trong họ. Anh chồng không lấy vợ khác vì các con đã trưởng thành, anh làm chủ nhiệm một cửa hàng mua bán của xã, ngày giỗ ông chú và ngày Tết đều đem gạo, đậu xanh, miến và rượu, toàn của nhà làm cả, lên biếu cô và các em.

2 Trong lí lịch cán bộ, tôi không ghi tên cô Hiền. Họ thì xa, bắn súng đại bác chưa chắc đã tới, hưởng hồ còn là bà tư sản, dính líu vào thêm phiên. Tôi vẫn đinh ninh cô phải thuộc giai cấp tư sản vì cô có gương mặt đặc biệt là tư sản, càng già lại càng rõ. Tôi hỏi cô:

– Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giàu cũng tài nhỉ?

Cô Hiền cười rất tươi:

– Tao chưa đủ tiêu chuẩn.

Tôi cũng cười:

– Lại còn chưa đủ.

Cô nói thản nhiên:

– Tao có bộ mặt rất tư sản, một cách sống rất tư sản, nhưng lại không bóc lột ai cả thì làm sao thành tư sản được.

Tôi nín lặng vì đó là sự thật. Cửa hàng của cô chỉ bán có một thứ: hoa giấy, các loại hoa giấy và các lăng hoa đan bằng tre, thêm ít bưu ảnh và sổ tay kỉ niệm. Hoa làm rất đẹp, bán rất đắt, nhưng chịu thuế rất nhẹ, chỉ có một mình cô làm, các con thì chạy mua vật liệu, hoặc làm giúp phần cuống lá vào dịp Tết ta và Tết tây.

Nhiều bà bạn cũng tỏ ý ngờ vực: “Trông bà như tư sản mà không bị học tập cũng lạ nhỉ?”. Cô tôi trả lời thật nhẹ nhàng: “Các bà không biết nhưng nhà nước lại rất biết.”. Tất nhiên là cô khôn hơn các bà bạn của cô và cũng thức thời hơn ông chồng. Sau ngày Hà Nội giải phóng, cô vẫn có hai dinh cơ, một nhà đang ở và một nhà ở Hàng Bún cho thuê. Ông làm nghề dạy học, con đông, đủ ăn là may, có tiền dư để tậu nhà là do ông viết sách giáo khoa cấp Tiểu học, được Nhà Học chính công nhận và cho in bán.

Với thời cuộc, nhân vật cô Hiền có thái độ như thế nào?

Năm 1956, cô bán ngôi nhà ở Hàng Bún cho một người bạn mới ở kháng chiến về. Một năm sau, có một cán bộ tới hỏi về nhà cửa và có nhắc tới ngôi nhà ở Hàng Bún. Cô trả lời tỉnh khô: “Xin mời anh tới ngôi nhà anh vừa nói, hỏi thẳng chủ nhà xem họ trả lời ra sao. Nếu còn thắc mắc xin mời anh trở lại.”. Cũng trong năm 1956, ông chú tôi muốn mua một máy in nhỏ để kinh doanh trong ngành in vì chế độ mới không cho phép ông mở trường tư thục. Bà vợ hỏi lại: “Ông có đứng máy được không?”. Ông chồng trả lời: “Không.”, “Ông có sắp chữ được không?”, “Không.”, “Ông sẽ phải thuê thợ chứ gì. Đã có thợ tất có chủ, ông muốn làm một ông chủ dưới chế độ này à?”. Ông chồng tính vốn nhát, rút lui ngay.

Chú ý những chi tiết cho thấy rõ cách suy nghĩ, tính toán và quyết định việc gia đình của nhân vật cô Hiền.

Cô kết luận với tôi: “Chế độ này không thích cá nhân làm giàu, chỉ cần họ đủ ăn, thiếu ăn một chút càng hay, thiếu ăn là vinh chứ không là nhục, nên tao chỉ cần đủ ăn.”. Làm hoa giấy không thể làm giàu được nhưng rất đủ ăn, lại nhàn, lại không phải lo sợ gì. Tôi hỏi lại: “Còn chú, còn các em?”. “Chú tuy chưa già nhưng đành để ngồi chơi, các em sẽ đi làm cán bộ, tao sẽ phải nuôi một lũ ăn bám, dầu họ có đủ tài để không phải sống ăn bám.”.

3 Cô Hiền bên ngoại, chị Đại bên nội là những người đàn bà có đầu óc rất thực tế. Mọi sự mọi việc đều được các bà ấy tính toán trước cả. Và luôn luôn tính đúng vì không có lòng tự ái, sự ganh đua, thói thời thượng chen vô. Không có cả sự lãng mạn hay mộng mơ vớ vẩn. Đã tính là làm, đã làm là không thềm để ý đến những đàm tiếu của thiên hạ. Cô tuyên bố thẳng thừng với tôi: “Một đời tao chưa từng bị ai cảm dỗ, kể cả chế độ.”.

Chú ý thái độ, cách ứng xử của cô Hiền trước những biến động của thời cuộc.

Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ, làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp Tiểu học hiền lành, chăm chỉ, khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng: “Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập được, khỏi phải sống bám vào các anh chị.”. Là thôi hẳn.

Cô bảo tôi: “Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng thì cái gia đình ấy cũng chẳng ra sao.”. Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn, cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi: “Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng.”. Có lần tôi cãi: “Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm.”. Cô ngồi ngẩn ra một lúc, rồi bảo: “Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ, còn sau này muốn ra sao là tùy.”.

Đầu năm 1965, Hà Nội có đợt tuyển quân vào chiến đấu trong Nam, là đợt đầu tiên nên tuyển chọn rất kỹ càng, lứa tuổi từ mười tám đến hai lăm, diễn viên cải lương và kịch nói có, nhạc sĩ có, họa sĩ có, giáo viên trung học rất đông, là những chàng trai ưu tú của Hà Nội. Nghe nói khoảng sáu trăm sáu mươi người. Người con trai đầu của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng kí xin đi đánh Mỹ. Tháng 4 năm 1965, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam.

Họ có dừng lại Hà Nội vài giờ vào lúc tối, nhưng không một ai biết. Tôi hỏi cô: “Cô bằng lòng cho em đi chiến đấu chứ?”. Cô trả lời: “Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng.”. Ba năm cô không nhận được một tin tức gì về đứa con đã ra đi, lại đến thằng em kế làm đơn xin tòng quân, cũng đòi vào chiến trường phía trong để gặp anh, nếu anh đã hi sinh thì nối tiếp chí hướng của anh. Tôi hỏi lại cô: “Cô cũng đồng ý cho nó đi à?”. Cô trả lời buồn bã: “Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó phải chết, cũng là một cách giết chết nó.”. Rồi cô chép miệng: “Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả hoặc chết cả, vui lẽ thì có hay hơn gì.”.

Lòng tự trọng và ý thức trách nhiệm của nhân vật cô Hiền được thể hiện ra sao?

Cũng may chú em tôi học rất giỏi, thi vào đại học với số điểm cao, nên nhà trường giữ lại. Tôi đến chúc mừng cô và em, cô nói: “Hiền tại thi nó may hơn anh nó, nhưng nếu anh nó còn sống thì cũng chưa biết đứa nào may hơn đứa nào.”. Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế. [...]

4 Nhiều năm đã trôi qua. Tôi sống ở Thành phố Hồ Chí Minh thảnh thơi có việc phải ra Hà Nội đều ghé lại thăm cô Hiền. Chú tôi đã mất rồi. Các em đã có gia đình riêng. Chúng nó cũng đã bắt đầu già. Lớp các cụ trong họ chỉ còn vài người, cô Hiền là một. Cô đã yếu nhiều, đã già hẳn, ngoài bảy mươi rồi còn gì, nhưng cô vẫn là người của hôm nay, một người Hà Nội của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn. Nơi tiếp khách của cô sau tấm bình phong cao hơn đầu người bằng gỗ chạm suốt mấy chục năm không hề thay đổi.

Một bộ sa lông gụ “cái khánh”⁽¹⁾, cái sập gụ chân quỳ⁽²⁾ chạm⁽³⁾ rất đẹp nhưng không khảm, cái tủ chùa⁽⁴⁾ một cánh bên trong bày một cái lọ men Thuý hồng⁽⁵⁾, một cái lư hương đời Hán, một cái liễn hấp sâm

Chú ý nội thất và vật dụng trong nhà nhân vật cô Hiền.

(1) Sa lông gụ “cái khánh”: sa lông bằng gỗ gụ, lưng tựa, có chạm khắc hình cái khánh.

(2) Sập gụ chân quỳ: phần làm bằng gỗ gụ, mặt liền với chân, chân phần tạo dáng chân con thú đang quỳ.

(3) Chạm: một kỹ thuật tinh xảo của nghề mộc, nghề kim hoàn, dùng dụng cụ đục trên mặt gỗ hoặc kim loại để tạo đường nét, hình khối.

(4) Tủ chùa: tủ làm bằng gỗ quý, tạo dáng theo hình ngôi chùa.

(5) Men Thuý hồng: tên một loại men Trung Quốc, màu phớt hồng, dùng tráng lên đồ gốm sứ.

Giang Tây, và mấy thứ bình lọ màu men thì thường nhưng có dáng lạ, chả rõ từ đời nào. Cô đang lau đánh một cái bát thủy tiên men đỏ, hai cái đầu rồng gắn nổi bằng đồng, miệng chân cũng đều bít đồng, thật đẹp. Bên ngoài trời rét, mưa rây lả lướt chỉ đủ làm ẩm áo chứ không làm ướt, lại nhìn một bà lão (nếu là một thiếu nữ thì phải hơn) lau đánh cái bát bày thủy tiên thấy Tết quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn lại một cái Tết Hà Nội.

Hình ảnh cái bát thủy tiên men đỏ có ý nghĩa gì?

Năm nay, chắc chưa thể có thủy tiên. Dân Hà Nội nhảy tàu lên Lạng Sơn buôn bán đủ thứ mà không buôn được vài ngàn củ thủy tiên nhỉ? Ví thử có thủy tiên liệu còn có người biết gọt tía thủy tiên? Lại thêm cái cách sống, cái tâm lí sống ồ ạt, xô bồ, vụ lợi của đám người vừa thoát khỏi cái chết cái khổ đã dễ gì có được sự bình tĩnh để thưởng thức vẻ đẹp trang trọng của một dò hoa thủy tiên. Cô Hiền hỏi:

– Anh ra Hà Nội lần này thấy phố xá thế nào, dân tình thế nào?

Tôi vừa cười vừa nói:

– Chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phố xá vui, mặt người vui.

– Nhiều người nói Hà Nội đã sống lại.

Tôi nói:

– Có đúng một phần, phần xác thôi, còn phần hồn thì chưa. Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán, ăn uống, nói năng, cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ.

Nói thế cũng hơi nghiệt. Vì có mấy việc vừa xảy ra làm tôi tức, tức và đau. Tôi đạp xe ở đường Phan Đình Phùng, tôi đạp chậm, vừa đạp vừa nghĩ ngợi. Một ông bạn trẻ đạp xe như gió thúc mạnh bánh xe vào đít xe tôi, may mà gượng kịp. Tôi quay lại nói cũng nhẹ nhàng: “Cậu đi đâu mà vội thế?”. Hắn không trả lời, đạp vượt qua xe tôi, rồi quay mặt lại chửi một câu đến sững sờ: “Tiên sư cái anh già!”.

Lại một buổi sáng tôi đến thăm một người bạn ở quận Đống Đa, đã lâu không đến nên quên đường, lát lát phải hỏi thăm. Có người trả lời, là nói sống hoặc hát cầm, có người cứ giương mắt nhìn mình như nhìn con thú lạ. Tôi có than phiền với vợ chồng bạn về sự thiếu lễ độ của người Hà Nội, cô con gái đang cho con bú góp lời liền: “Ông ăn mặc tằm như thế lại đi xe đạp, họ khinh là phải, thử đội mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, cưỡi con Cúp xem, thừa gửi tử tế ngay.”. Tôi cười nhún nhó: “Lại ra thế!”.

Những sự việc nào khiến nhân vật “tôi” buồn phiền?

Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về Hà Nội. Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hệt một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng tán

cây đề lên hậu cung, một phần bộ rễ bật gốc chổng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự dòi dôi, điềm xấu, là sự ra đi của một thời.

Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho mỗi lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cầu tới đặt bên kia bờ quảng đây tời vào thân cây si rồi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm: “Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được.”.

Chú ý hình ảnh cây si cổ thụ.

Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn dĩ đã rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chẳng, cái tầng vô hình, không thể biết, nhưng phải biết là trên đời này còn có nhiều lí sự không thể biết để khỏi bị bó vào những cái có thể biết. Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kì chói sáng những ánh vàng!

19-1-1990

(Theo *Hà Nội trong mắt tôi*, NXB Hà Nội, 1995)

?

1. Nhân vật trung tâm của truyện là ai? Hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa nhân vật trung tâm này với các nhân vật khác trong truyện.

2. Xác định phẩm chất, tính cách của nhân vật cô Hiền trong truyện *Một người Hà Nội*. Dựa vào những chi tiết nào để có thể khẳng định như thế? Vì sao nhân vật này được người kể chuyện gọi là “một hạt bụi vàng” của Hà Nội?

3. Cách nhìn, quan điểm, thái độ của người kể chuyện xưng “tôi” đối với các nhân vật và sự việc trong truyện được thể hiện như thế nào?

4. Trong truyện *Một người Hà Nội*, lời nhân vật được cá thể hoá sâu sắc và phối hợp hài hòa với lời người kể chuyện. Ý kiến của em về nhận định trên.

5. Chuyện cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh có ý nghĩa và tác dụng ra sao trong việc thể hiện chủ đề của truyện?

6. Từ truyện *Một người Hà Nội*, em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa phẩm chất, tính cách cá nhân với việc nhận thức, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc?



TÀNG HAI

PHONG ĐIỆP^(*)

1 Chuẩn bị

- Đọc trước truyện *Tầng hai* và tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Phong Điệp.
- Liên hệ truyện này với những suy nghĩ, quan niệm của em về một cuộc sống hạnh phúc.

2 Đọc hiểu

1 Những ngày ở Vân Hồ...

Kể từ khi dọn về đây, Phan thường âm thầm dõi theo và ngẫm nghĩ nhiều về cuộc sống đang diễn ra hằng ngày trên tầng hai của ngôi nhà cô đang ở trọ. Thực ra Phan vẫn chưa từng một lần bước chân lên đó, nhưng cô có thể hình dung ra cuộc sống ấy qua những âm thanh vọng xuống căn phòng của cô. [...]

Trên tầng hai có ba người: bà mẹ ngoài sáu mươi tuổi, vốn là cựu thanh niên xung phong, bị bệnh thấp khớp. Anh con trai làm ở xưởng in và chị con dâu là công nhân của một xí nghiệp đóng giày. Họ chỉ mới dành tầng một để cho thuê vì sau khi người cha qua đời, tầng dưới bỏ thừa chẳng để làm gì. Và đây là lí do cô xuất hiện ở ngôi nhà hai tầng màu xanh nước biển, nằm quay lưng ra công viên này – sau một lần tình cờ đọc được mẩu tin rao vặt trên báo. [...]

Hợp đồng thuê nhà được lập một cách chóng vánh và Phan chuyển đến ngay ngày hôm sau.

Một căn phòng 14 mét vuông có cửa riêng, cách biệt, cùng một nhà bếp chừng 8 mét vuông kề với cầu thang ở tầng một được dành cho Phan. Vậy đã là quá đủ xa xỉ cho một cô gái tỉnh lẻ cố bám trụ lại nơi phố thị phồn hoa như cô. [...]

Thực ra, chẳng mấy khi Phan động đến cái bếp ấy. Cô đi suốt ngày và chỉ trở về cái hộp chật hẹp của mình sau khi vô tuyến đã chuyển sang chương trình bản tin thời sự cuối ngày. Cô sẽ tắt máy từ ngoài ngõ rồi mới dám dắt xe vào nhà. Luôn lo lắng rằng mình có thể gây ra cho họ những phiền toái, nhất là vào lúc đêm khuya nên cô thận trọng mở vòi nước, xoè tay đỡ cho dòng nước khỏi tạo nên những âm thanh quá chói gắt.

Chú ý cách tác giả giới thiệu nhân vật.

Hành động, ý nghĩ của nhân vật Phan như thế nào?

(*) Phong Điệp sinh năm 1976, tên khai sinh là Phạm Thị Phong Điệp, quê ở Nam Định.

Khi chậu nước đã lưng lửng, cô xiết cái khoá vòi lại, rửa qua loa mặt mũi rồi nhanh chóng lao vào giường ngủ. Thường là Phan không ngủ được ngay. Cô vẫn vợ nghĩ ngợi lung tung, hoặc là tự rà soát công việc trong ngày, lầm nhảm tính toán số tiền đã tiết kiệm được; hay lên kế hoạch cho ngày hôm sau. Mới về Phòng Tiếp thị – Thị trường chưa lâu, cô đã rất được mọi người chú ý vì sự năng nổ và hoạt bát của mình. Điều ấy khiến cô phấn chấn.

Khi các công việc đã được lập trình một cách rành mạch, Phan quyết định không nghĩ đến chúng nữa mà để cho đầu óc mình được nhàn rỗi. Và đây cũng là lúc Phan bất chợt nảy ra ý định đổi theo cuộc sống của ba con người ở trên tầng hai.

Chú ý các chữ “kế hoạch”, “lập trình”, “rành mạch”.

Vì hai tầng tiếp với nhau bằng cầu thang hờ, không có cửa ngăn cách nên mọi âm thanh vọng xuống phòng cô đều rất rành rọt. Người mẹ nằm ở gian ngoài (kề cầu thang) thường nói chuyện với vào phòng của vợ chồng cậu con trai (thẳng phòng của cô lên). Nhiều lúc, vào giữa đêm khuya, bà ngủ mê – vừa khóc vừa nói, anh con lại huỳnh huỵch chạy từ phòng trong ra, lay gọi mẹ.

Lại có lần, cô trở về nhà khi ngôi nhà đã hoàn toàn yên lặng trong giấc ngủ. Cô với cái khăn ẩm treo trên mắc, lau mặt qua loa rồi định bụng đi nằm luôn. Nhưng cô chợt nghe thấy một tiếng thở dài đang được cô kìm nén lại. Thoạt tiên, Phan tưởng mình nghe nhầm. Cô nhắm mắt, cố dỗ giấc ngủ chóng đến. Sau cả một ngày trời lặn lộn trên đường, Phan cảm thấy cơ thể mình bải hoải như muốn ốm. [...]

Nhân vật Phan lắng nghe được những âm thanh nào lúc đêm khuya?

Giấc ngủ nhập nhoạng kéo đến tê tê mí mắt, Phan lại nghe thấy âm thanh giống như tiếng khóc. Cô mở choàng mắt, nghe ngóng. Đúng là tiếng khóc. Lúc đầu, nó còn âm âm trong lồng ngực, sau vỡ dần ra khoé miệng. Liền sau đấy là tiếng hỉ mũi rất to và những tiếng nấc tức tưởi.

– Mày có ngủ đi không con! – Tiếng người mẹ – Mà cái thằng này nó cũng tệ. Đi đâu phải báo với nhà một tiếng chứ cứ mất mặt như thế, lỡ có chuyện gì. Thôi ngủ đi con ạ. Chắc nó lại ham chơi bạn bè đấy mà. Để mai nó về mẹ cho nó một trận.

– ...

– Đang mang thai mà khóc như thế này là không tốt đâu con ạ. Thôi, chồng nó có gì không nên không phải thì bảo ban lấy nhau mà sống. Ai lại khóc lóc như trẻ con thế. Ngủ đi con!

Tiếng nấc thưa dần. Phan chờ mãi, chờ mãi không thấy ai lên tiếng, chỉ có âm thanh rí rách của cái vòi nước chảy vào bể ngâm nằm dưới chân cầu thang. Cô đành nằm đoán xem cái bể đã đầy đến đâu và có ý đợi đến lúc bể đầy nước. Khi đó cái phao an toàn nổi với van sẽ giật nắp vòi nước lại và âm thanh rí rách đơn điệu kia sẽ tắt hẳn. Nhưng cô không đợi được tới lúc đó vì giấc ngủ đã kéo đến lúc nào không hay.

2 Một lần, Phan trở về nhà từ sớm. Cô bày vẽ ra mấy món ăn rồi ngồi thu lu trong phòng, vừa kê sách lên đũa đọc, vừa ôm lấy bát cơm. Hôm nay, cơ quan cô vừa tổng kết xong đợt hàng tồn, mai chuẩn bị nhập kho sản phẩm mới. Đang dắt xe chuẩn bị ra về, chợt bác tổ trưởng gọi Phan ra một góc rồi dúi vào tay cô cái phong bì, bên trong là ba tờ một trăm nghìn đồng.

– Chỗ này là thưởng thêm cho cháu. Cố mà làm cho tốt nhé.

Số tiền gần bằng nửa tháng lương khiến Phan cảm thấy vui vui. Ăn xong bữa cơm, Phan dọn dẹp giường chiếu, định bụng đi nằm sớm. Cũng là một cách cô tự thưởng công cho mình sau những buổi vừa rong xe trên đường, vừa ngáp ngắn, ngáp dài.

Đúng lúc đó, cuộc trò chuyện sau cánh cửa của đôi vợ chồng trẻ khiến cô chú ý:

– Anh bảo này, anh đi đến sáng mai mới về, em chịu khó qua ngủ với mẹ nhé.

– ?

– Thì có mẹ có con cho vui. Mẹ có đau chân thì bóp đỡ giúp mẹ nhé.

– Được rồi, em hiểu rồi.

– Ừ, thôi anh đi đây. Em lên đi!

Và dường như họ lặng lẽ hôn nhau. Sau đó là tiếng cánh cửa khe khẽ khép lại, tiếng xe máy xa dần. Cô con dâu nhón chân đi lên tầng hai.

– Mẹ ơi, mẹ ngủ chưa?

– Chưa, thằng Thắng nó đi rồi hả con?

– Vâng. Sáng mai, anh ấy về. Con nằm một mình buồn lắm, mẹ cho con ngủ với nhé!

– Con mang gối ra đây.

– Hôm nay, mẹ có thấy người mỏi lắm không? Con xem dự báo thời tiết, lại sắp có đợt rét tăng cường đây.

– Mẹ thấy hơi buồn chân tay. Mà con có đói thì uống thêm cốc sữa. Chịu khó mà ăn cho con nó khỏe. Lúc tối, mẹ thấy mày ăn ít quá, mẹ lại xót. Sắp làm mẹ đến nơi rồi đây, biết không con.

– Mẹ ơi, con không đói mà.

– Kéo chăn về phía ấy, sao cứ dồn cả lại cho mẹ thế này. Ừ, không đói thì thôi. Khuya rồi. Ngủ đi, mai còn đi làm sớm con ạ.

Chỉ một chốc, cô đã nghe thấy tiếng thở nặng nhọc của người mẹ và nhịp thở đều đều của cô con dâu. Phan vội tay tắt đèn, nằm im lìm trong bóng đêm, chạnh nhớ nhà...

Suy nghĩ về lời nói, hành động của những người trong gia đình nhân vật Thắng.

Chú ý tâm trạng của nhân vật Phan.

Cũng có lúc cô muốn về quê lập nghiệp, nhưng ở lại Hà Nội đầu sao còn kiếm được việc nọ việc kia. Về quê, đợi đến bao giờ cho có “chỉ tiêu”⁽¹⁾, đến bao giờ hồ sơ xin việc của cô mới được người ta để mắt tới? Phan không thể ngồi chờ đợi mà chết đói. Cô sẽ phải giàu, thật giàu. Cô đã quá thấm thía nỗi khổ cực do sự nghèo mang lại...

3 Có lần, vào ngày nghỉ, người mẹ về quê ăn cưới, tầng hai chỉ còn đôi vợ chồng trẻ. Sáng sớm, chị vợ lách cách mở khoá cửa, xách làn đi chợ. Tầng trên vẫn im lìm, có lẽ anh chồng còn ngủ ròn.

Một lát sau chị vợ về với đủ thứ linh linh. Mùi xào nấu thơm phức. Nhạc bật lên rộn rã. Tiếng ti vi léo nhéo. (Tự nhiên Phan thấy hơi buồn cười vì cô cũng có thói quen về đến nhà là bật tuốt mọi loại có thể tạo được âm thanh. Tuy nhiên, đã lâu cô dần bỏ được thói quen ấy chỉ vì thời gian ở nhà chẳng có là bao, mà toàn vào buổi tối khuya.).

– Thôi, em tắt đi để cho anh ngủ tí đã.

– Máy giờ rồi anh còn ngủ? Anh đã hứa với em thế nào rồi hả?

– Ừ, nhưng mà anh vẫn buồn ngủ lắm.

Tiếng nhạc, tiếng vô tuyến tiếp tục được vặn to vô-lum. Lần này cộng thêm cả tiếng gõ bát đĩa lanh canh khiến cái tầng hai trở nên hết sức nhộn nhạo. Anh chồng cuối cùng đã bị chị vợ lôi bật ra khỏi giường, miệng la oai oái vì chậu nước rửa mặt chưa pha nước sôi.

Họ nhanh chóng ngồi vào bàn ăn sáng và trêu đùa nhau như trẻ nhỏ.

– Anh sẽ mua một bộ sa lông bọc nhung đặt vào chỗ này nhé. Ti vi và bộ giàn sẽ chuyển sang chỗ kia.

– Còn chỗ này sẽ là chiếc đồng hồ to như cái tủ, có quả lắc dài, cứ ba mươi phút đánh chuông một lần, vỏ sơn màu cánh gián mà hôm trước em bảo anh ấy.

– Để anh khỏi ngủ cố. – Chị vợ rúc rích cười – À, phải mua cho mẹ cái chiếu bằng gỗ pơ mu. Em nghe nói, nằm chiếu ấy chữa được bệnh đau lưng đấy.

– Anh định kê bàn học của con mình ở đâu?

– Đây này. Gần cửa sổ, tha hồ sáng, khỏi bị cận giống như cái cô thuê nhà mình ấy.

Họ vừa câu nhau vừa cười – và hình như đang thăm ra hiệu cho nhau nói nhỏ lại. Phan hơi ngượng vì có vẻ như họ đã biết cô đang nghe trộm cuộc nói chuyện riêng tư ấy. Bữa sáng kết thúc, chị vợ thu dọn bát đĩa, đoạn giục chồng thay quần áo để cùng nhau đi chơi phố.

Họ đi ào qua phòng cô như những cơn gió, để lại ngôi nhà hai tầng và Phan ngồi nghĩ vẩn vơ. [...]

Mùi vị, âm thanh, cử chỉ, lời nói,... trong nhà vào buổi sáng sớm như thế nào?

(1) *Chỉ tiêu*: mức định ra để thực hiện theo kế hoạch. Ở đây là quy định về số lượng, chất lượng nhân sự mà một cơ quan nhà nước định ra để tuyển dụng viên chức theo kế hoạch.

Căn phòng của Phan chỉ kê được một chiếc giường, một tủ quần áo, mấy hòm sách xếp chồng lên nhau và chừa một chỗ cho chiếc Chaly. Đi thì chớ, hễ cứ ở nhà là Phan chỉ biết nằm thượt trên giường đọc sách và ngẫm nghĩ.

Chú ý đồ đạc trong phòng, ý nghĩ, tâm trạng của nhân vật Phan.

Cô ít khi về dưới quê vì chán những cảnh cãi vã như cơm bữa. Cô sống chết cũng phải bám lấy đất này, phải mở mày mở mặt tại đây...

④ Một đêm về sáng, Phan chợt giật mình vì nghe những tiếng động lạ trên tầng hai. Chị vợ hình như chuyển dạ. Anh chồng cuống quýt dắt xe ra, chở vợ đến bệnh viện. Cả tháng nay họ đã mong ngóng giờ phút này.

– Đi cẩn thận, con nhé!

Người mẹ lo âu đứng cạnh cửa, nói với theo.

Năm giờ sáng, anh con trai trở về. Áo mưa rũ soàn soạt:

– Bà nhanh mà vào với cháu đi. Con trai. Ba cần rưỡi. Khóc to lắm.

– Thế vợ mày nó thế nào?

– Nhà con khỏe.

Tiếng xe máy hồi hả lăn ra ngoài ngõ.

Tầng hai có thêm thành viên mới. Bởi vậy, bên cạnh những âm thanh quen thuộc trước đây, bây giờ Phan phải làm quen cả với tiếng trẻ khóc. Kể cả những âm thanh tưởng như đã quen thuộc với cô từ căn phòng trên ấy, bây giờ cũng khác nhiều...

– Tã của con khô chưa anh?

– Ăn cố bát nữa, lấy sữa cho con nó bú đi con.

– Bà xem thằng cún con biết hóng chuyện rồi này. Cái mồm, bà xem, nom chẳng giống ai!

– Cha bố anh, sao lại chả giống ai. Trông nó có khác gì ngày xưa, hồi tôi vừa đẻ anh ra ấy.

Phan định chờ lúc đứa trẻ đầy tháng sẽ lên tầng hai để thăm, nhưng tự nhiên cô tò mò muốn được trông thấy ngay cảnh sống trên ấy, và được nhìn đứa trẻ. Bởi cô chưa biết mặt nó nên không thể tưởng tượng được điều gì mỗi khi nghe: “Cháu bà đang cười này.” hay: “Mặt nhăn lại thế này là sắp đùn rồi.”

Một lần, cô rụt rè đi lên lưng chừng cầu thang rồi lại phân vân trở xuống. Cứ lần khần thế mất mười phút. Hình như lúc đó đứa trẻ đang nô với người mẹ trẻ.

Chú ý các từ ngữ chỉ hành động và tâm trạng của nhân vật Phan.

– Kia cháu. – Bà chủ nhà vồn vã – Lên đây cháu!

Phan nóng bừng mặt, xấu hổ như mình đang làm điều gì khuất tất thì bị bắt quả tang. Đứa trẻ đang toe toét cười với Phan. Khuôn mặt người mẹ có phần mệt mỏi

nhưng niềm hạnh phúc vẫn ánh lên rạng rỡ. Đến lúc ấy Phan mới được tận mắt nhìn ngắm thế giới tầng hai mà lâu nay cô chỉ mặc sức tưởng tượng. Hai gian phòng hẹp đặt hai chiếc đệm. Phòng của đôi vợ chồng trẻ có thêm chiếc ti vi nội địa và cái đài Trung Quốc vỏ đỏ, hai cửa băng. Tủ quần áo của cả nhà kê sát cửa ra vào. Tất cả chỉ có chừng ấy. Vậy mà nó có thể tạo nên những âm thanh mới sống động làm sao. Phan thực sự ngạc nhiên. Hoá ra hạnh phúc giản dị hơn những gì cô tâm niệm⁽¹⁾.

5 Phan vẫn có thói quen nằm yên lặng trong bóng đêm, lắng nghe những âm thanh từ tầng hai vọng xuống, tưởng tượng ra những gương mặt. Những lúc ấy, cô lại chợt nhớ nhà đến cồn cào. Mẹ cô thường dậy sớm quạt bếp lò, nấu ấm nước nóng cho cha cô pha trà rồi làm bữa ăn sáng cho cả nhà. Khuôn mặt mẹ vì vậy mới sớm ra đã lấm tấm mồ hôi. Chị cả thì kéo chân và thổi hơi phù phù vào tai cô, môi chu lại thật đáng ghét. Rồi còn cả cái ngày mẹ cô đi vay nợ cho cô có tiền nộp học, hai mắt mẹ hoe hoe đỏ. Còn nữa...

Chú ý giọng của người kể chuyện.

Nhưng có thể bởi đã lâu, cô không thường mừng rỡ tượng lại gương mặt của những người thân yêu nên những nét buồn vui trên từng gương mặt ấy đã phần nào phai nhạt trong tâm trí cô. Và cô thì cứ mãi mò tìm kiếm những điều tận đâu tận đâu...

(In trong tập truyện ngắn *Kể dự phần*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2008)

?

1. Hãy tóm tắt truyện *Tầng hai*. Từ đó, nhận xét về cốt truyện và bố cục của văn bản.

2. Truyện diễn ra trong bối cảnh (không gian, thời gian) nào? Cách tác giả từng bước mở rộng bối cảnh có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của truyện?

3. Nhân vật “bà mẹ” sống trong căn nhà hai tầng có phẩm chất, tính cách như thế nào? Nêu những chi tiết tiêu biểu trong truyện thể hiện phẩm chất, tính cách của nhân vật này.

4. Ai là người quan sát và bộc lộ cảm nghĩ về gia đình nhân vật Phan và gia đình nhân vật Thắng? Từ đó, nêu các chi tiết trong truyện cho thấy những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai gia đình.

5. Vì sao nhân vật Phan lại ngẫm nghĩ: “Hoá ra hạnh phúc giản dị hơn những gì cô tâm niệm”? Theo em, đây có phải là chủ đề của truyện không? Hãy làm rõ ý kiến của em.

6. Từ truyện ngắn *Tầng hai*, em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người với con người, về quan niệm hạnh phúc trong xã hội hiện đại?

(1) *Tâm niệm*: thường xuyên nghĩ tới và tự nhắc mình để ghi nhớ, làm theo.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Những trường hợp nào dưới đây được xem là hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường về từ?

a) *Ăn ngay ở thật, mọi tật mọi lành.* (Tục ngữ)

b) *Những là đắp nhớ đôi sầu
Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râu.*

(Nguyễn Du)

c) *Trắng rất trắng là trắng của tình duyên.*

(Xuân Diệu)

d) *Càng thấy anh đứng yên, họ càng được ngắm, và càng cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười già!* (Nguyễn Công Hoan)

e) *Có phải duyên nhau thì thăm lại
Đừng xanh như lá, bạc như vôi.*

(Hồ Xuân Hương)

2. Phân tích hiện tượng phá vỡ quy tắc thông thường gây nên tiếng cười bất ngờ trong câu chuyện sau:

Sư cụ xoi thịt cây vừng ở trong phòng. Chủ tiểu biết, hỏi:

– Bạch cụ, cụ xoi gì trong ấy ạ?

Sư cụ đáp:

– Tao ăn đậu phụ.

Lúc ấy, có tiếng chó sủa ầm ĩ ngoài cổng chùa. Sư cụ hỏi:

– Cái gì ngoài cổng thế?

Chủ tiểu đáp:

– Bạch cụ! Đậu phụ làng cắn đậu phụ chùa đấy ạ!

(Truyện cười dân gian)

3. Tìm và phân tích hiện tượng phá vỡ trật tự thông thường của từ trong những câu sau:

a) *Tình thư một bức phong còn kín
Gió nơi đâu gượng mở xem.*

(Nguyễn Trãi)

b) *Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.*

(Bà Huyện Thanh Quan)

c) *Đã hết thời, thứ nghệ thuật khéo léo phần son mà bên trong mực ruộng nghèo nàn.* (Nguyễn Đình Thi)

d) *Trong cái hang tối tăm bản thủ ấy, sống một đời khôn nạn những người gầy gò, rách rưới.* (Thạch Lam)

4. Tìm câu tỉnh lược và câu đặc biệt trong những ngữ liệu sau. Việc sử dụng những kiểu câu đó có tác dụng như thế nào?

a) *Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!* (Nam Cao)

b) *Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả: xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chủ người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chủ lại cả nhà cụ bá. Mà chủ mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngoắt làm sao!* (Nam Cao)

c) *Kéo chân về phía ấy, sao cứ dòn cả lại cho mẹ thế này. Ừ không dón thì thôi. Khuya rồi. Ngủ đi, mai còn đi làm sớm con ạ.* (Phong Điệp)

d) Bà vợ hỏi lại: “Ông có dừng máy được không?”. “Không.”. “Ông có sắp chữ được không?”. “Không.”. (Nguyễn Khải)

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

1 Định hướng

1.1. Nghị luận về một tác phẩm truyện

– Bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện là bài viết trình bày ý kiến phân tích, đánh giá của em về các yếu tố nội dung, hình thức của truyện bằng những ý kiến, lí lẽ và dẫn chứng cụ thể.

– Nghị luận về một tác phẩm truyện có thể yêu cầu phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm nhưng cũng có thể chỉ tập trung phân tích một số yếu tố nội dung hoặc hình thức của truyện. Ví dụ:

- + Vẻ đẹp của nhân vật Đan-kô trong văn bản *Trái tim Đan-kô* của Go-rơ-ki.
- + Phân tích truyện ngắn *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải.
- + Suy nghĩ về triết lí nhân sinh trong truyện *Tầng hai* của Phong Điệp.
- + Tình yêu quê hương trong truyện ngắn *Nắng đẹp miền quê ngoại* của Trang Thế Hy.
- + Phân tích một truyện ngắn mà em đặc biệt ấn tượng hoặc yêu thích.

1.2. Để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện, các em cần chú ý:

- Xác định rõ yêu cầu nghị luận mà đề bài đã nêu (nội dung, hình thức).

- Đọc lại văn bản truyện được nêu ra trong đề bài, tìm đọc các nguồn tài liệu có liên quan đến tác giả, tác phẩm.
- Suy nghĩ và thực hiện theo các bước viết bài văn nghị luận văn học.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập^(*): *Vẻ đẹp của nhân vật Đan-kô trong văn bản “Trái tim Đan-kô” của Go-rơ-ki.*

a) Chuẩn bị

- Đọc kĩ đề bài và suy nghĩ về các vấn đề đặt ra trong đề bài.
- Đọc lại văn bản *Trái tim Đan-kô*, tìm và ghi lại những chi tiết liên quan đến lời nói, hành động, ý nghĩ, tình cảm của Đan-kô.
- Tìm đọc các tài liệu có liên quan đến tác giả Go-rơ-ki và truyện ngắn *Bà lão I-déc-ghin*; ghi lại những ý kiến quan trọng, có thể dùng để trích dẫn hoặc mở rộng bàn luận.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:
 - + Nhân vật Đan-kô xuất hiện khi đoàn người đang trong tình thế nào?
 - + Hành động và tâm trạng của đoàn người khi di chuyển trong rừng rậm ra sao? Qua mỗi chặng đường, Đan-kô đã có những ý nghĩ, lời nói, hành động, tình cảm gì?
 - + Suy nghĩ, hành động nào của Đan-kô gây ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?
 - + Tác giả thể hiện vẻ đẹp của hình tượng Đan-kô qua những yếu tố nghệ thuật nào?
 - + Qua hành động và tình cảm của Đan-kô dành cho đoàn người, tác giả muốn nhắn gửi thông điệp gì? Thông điệp đó có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không? Vì sao?
- Lập dàn ý cho bài viết: Dựa vào các ý đã tìm được và một số gợi ý sau, các em hoàn thành tiếp dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp chúng theo bố cục ba phần.

Mở bài

Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm và trọng tâm cần làm sáng tỏ: vẻ đẹp của nhân vật Đan-kô

Thân bài

- + Phân tích vẻ đẹp về phẩm chất, tính cách của nhân vật Đan-kô. Ví dụ:
 - Phân tích vẻ đẹp của nhân vật Đan-kô qua bối cảnh câu chuyện, ý nghĩ, lời nói, hành động, tình cảm.
 - ...

(*) Trong mục 2. *Thực hành* của các phần *Viết*, *Nói* và *nghe*, các bài tập nêu lên chỉ là những ví dụ.

- + Nêu và phân tích đặc sắc nghệ thuật xây dựng nhân vật Đan-kô. Ví dụ:
 - Tình huống truyện kịch tính, đưa nhân vật vào tình thế phải lựa chọn rõ ràng, quyết liệt.
 - Nghệ thuật trần thuật linh hoạt, sử dụng hai người kể chuyện, xen lẫn các đối thoại, bình luận,...
 - ...

Kết bài

Đánh giá khái quát vẻ đẹp của nhân vật Đan-kô và tài năng của Go-rô-ki.

c) **Viết:** Dựa vào dàn ý đã chuẩn bị để thực hành viết với những yêu cầu khác nhau.

– Viết đoạn mở bài hoặc một đoạn trong phần thân bài.

– Viết bài văn hoàn chỉnh.

d) **Kiểm tra và chỉnh sửa**

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Phân tích tác dụng của hình thức truyện

a) **Cách thức**

– Hình thức truyện gồm nhiều yếu tố như: nhan đề, chi tiết, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện và điểm nhìn, bối cảnh (không gian, thời gian), lời người kể chuyện và lời nhân vật, biểu tượng,...

– Mỗi yếu tố hình thức trong một tác phẩm truyện có tác dụng nghệ thuật riêng. Ví dụ, nhan đề có tác dụng gây tò mò, thu hút người đọc đến với tác phẩm truyện, gợi cho người đọc khả năng phỏng đoán, suy luận về nội dung truyện, giúp họ khắc sâu ấn tượng và ý nghĩa của truyện sau khi đọc xong. Người kể chuyện và điểm nhìn có tác dụng dẫn dắt câu chuyện đi đến kết thúc; đưa ra các ý kiến nhận xét, bình luận về nhân vật và sự việc; giúp người đọc có những manh mối quan trọng để hiểu được phẩm chất, tính cách, số phận của nhân vật, chủ đề và ý nghĩa của một tác phẩm truyện.

– Toàn bộ các yếu tố hình thức của một tác phẩm truyện đều nhằm mục đích biểu đạt nội dung, ý nghĩa của truyện một cách thú vị, hấp dẫn, độc đáo, sâu sắc. Vì thế, tùy theo yêu cầu của đề bài, khi viết bài văn (hoặc đoạn văn) nghị luận phân tích tác dụng của hình thức truyện, cần lưu ý đến tác dụng riêng của từng yếu tố cũng như tác dụng của toàn bộ yếu tố hình thức trong tác phẩm.

b) **Bài tập:** *Đọc đoạn văn sau đây và cho biết người viết đã phân tích yếu tố hình thức nào của truyện “Kép Tư Bền”?*

“Tiếng cười ở đây không giống tiếng cười vỡ lở tung toé, tiếng cười phá ra như kiểu tiểu lâm, mà là tiếng cười ra nước mắt, xuất phát từ một chủ nghĩa nhân đạo

sâu sắc. Tác giả đã khai thác triệt để những mâu thuẫn trong cảnh ngộ bi đát ấy: mâu thuẫn giữa tâm trạng Tư Bền và vai trò anh đóng, mâu thuẫn giữa tiếng cười của khán giả và tiếng khóc thầm của người đóng kịch, mâu thuẫn giữa cảnh tung bừng trong rạp hát và cảnh ông bố chết lặng lẽ ở nhà. Kép Tư Bền buộc phải đóng một vai kịch. Hành động trong truyện càng đi tới thì tình huống càng bi thảm hơn. Người nghệ sĩ chân chính trong xã hội kim tiền không có tự do vì trong xã hội này, tình yêu và nghệ thuật đã biến thành hàng hoá.”

(Theo Trương Chính)

NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

1 Định hướng

a) Giới thiệu một tác phẩm truyện là trình bày rõ ràng bằng lời về một hoặc một số phương diện liên quan đến nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện đặc sắc mà em yêu thích. Trong phần *Viết*, các em đã được hướng dẫn cách làm bài văn nghị luận phân tích, đánh giá hình thức và nội dung của một truyện. Với phần *Nói và nghe*, em có thể chuyển một phần nội dung bài viết thành bài thuyết trình, nghĩa là sử dụng lời nói, giọng điệu và ngôn ngữ cơ thể phù hợp để trình bày nội dung cần thuyết trình, thảo luận trước người nghe. Trong trường hợp lựa chọn tác phẩm khác, em có thể thay đổi nội dung bài thuyết trình cho phù hợp với tác phẩm được chọn.

b) Để giới thiệu một tác phẩm truyện, các em cần lưu ý:

– Đọc kĩ truyện, tìm hiểu, ghi lại các thông tin về tác giả, bối cảnh văn hoá – xã hội của tác phẩm, tóm tắt truyện, nắm vững đặc sắc hình thức và nội dung của truyện.

– Xem lại dàn ý và bài viết đã thực hiện ở phần *Viết*, suy nghĩ kĩ để tìm ý hoặc bổ sung ý mới nhằm tìm ra góc nhìn riêng so với bài đã viết hoặc các tài liệu đã tham khảo, điều chỉnh dàn ý cho mạch lạc, phù hợp.

– Xác định mục đích, bối cảnh, đối tượng nghe thuyết trình để có hình thức trình bày phù hợp.

2 Thực hành

Bài tập: Chọn một trong các vấn đề sau để trình bày trước lớp:

(1) Vẻ đẹp của nhân vật Đan-kô trong văn bản “Trái tim Đan-kô” của Go-rơ-ki.

(2) Giới thiệu truyện ngắn “Một người Hà Nội” của Nguyễn Khải.

(3) Suy nghĩ về triết lí nhân sinh trong truyện “Tầng hai” của Phong Điệp.

- a) Chuẩn bị (với vấn đề 1)
- Đọc lại văn bản *Trái tim Đan-kô* và các tài liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm.
 - Đọc lại dàn ý đã thực hành ở phần *Viết*.
 - Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

- b) Tìm ý và lập dàn ý
- Tìm ý: Xem lại dàn ý đã chuẩn bị ở phần *Viết*.
 - Lập dàn ý: Xem lại dàn ý và bố cục bài viết, cân nhắc yêu cầu mới (nếu có) trong bài nói để tìm ý mới, sắp xếp lại các ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung. Bố cục bài nói tương tự bố cục bài viết, gồm ba phần:

Mở đầu	Nêu lí do giới thiệu về đẹp của nhân vật Đan-kô.
Nội dung chính	Tóm tắt truyện; nêu và phân tích về đẹp về phẩm chất, tính cách của nhân vật Đan-kô; nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.
Kết thúc	Đánh giá khái quát về vẻ đẹp của hình tượng Đan-kô, đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.

- c) Nói và nghe
- Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); nội dung nói và nghe đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

- d) Kiểm tra và chỉnh sửa
- Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Nắng đẹp miền quê ngoại

Lược một đoạn: *Người kể chuyện xưng “tôi”, tên là Trang, kể lại các sự việc diễn ra trong thời kì Nam Bộ bị giặc Pháp chiếm đóng (1945 - 1957). “Tôi” sinh ra trong một gia đình giàu sang ở Sài Gòn. “Tôi” có người mẹ là một phụ nữ quê miền Đồng Tháp, rất xinh đẹp, dịu dàng và nhân hậu nhưng bị ghẻ lạnh và sống lạc lõng trong gia đình nhà chồng. Bà thường hay buồn thương quê nhà, chất chứa tâm sự nhưng con cái còn thơ dại, vô tư, ít hiểu bà. “Tôi” cũng hững hờ, lạnh nhạt với miền quê ngoại. Rồi bà mất, người cha bội bạc bỏ đi*

biệt tích theo người đàn bà khác, “tôi” cáng đáng công việc làm ăn của gia đình. Đoạn dưới đây kể chuyện “tôi” biến thành kẻ cơ hội, đội gót xâm lăng, chiều nịnh dục vọng xấu xa, đê hèn của tên trung uý Pháp, vô tình huỷ hoại cuộc đời cô em họ. Khi trở về thăm quê ngoại, đối mặt với tội lỗi và được người dưỡng rể tha thứ, “tôi” nhận ra sự tầm tối, lảm lác của mình, dứt khoát hướng về điều thiện lành, tốt đẹp.

❶ Sau khi rớt tú tài⁽¹⁾, tôi được người anh rể tốt bụng giao cho quản trị⁽²⁾ cái tiệm buôn vừa chuộc lại. Tôi cưới vợ và cấm cổ làm ăn mong gây lại sự nghiệp của ba tôi. Người cha hư hỏng ấy đã dắt cô Liên tôi đi biệt tích.

Rồi biến cố bốn mươi lăm⁽³⁾ kéo theo mấy năm dài khói lửa. Tôi làm ăn khá giả nhờ biết cách khai thác những thuận cảnh⁽⁴⁾ do chiến tranh đem tới. Học giỏi, nói tiếng Pháp rành rẽ, văn hoa, làm ăn có bề thế, tôi luôn luôn là bạn thân của bất cứ viên chỉ huy quân sự nào đến trấn nhậm⁽⁵⁾ ở quận lỵ.

Lối kinh doanh thiếu trong sạch đó để lại cho lòng tôi nhiều kỉ niệm không mấy đẹp. Đen tối nhất là kỉ niệm sau đây. [...]

❷ Xế chiều hôm ấy, hai tên lưu manh quen mặt dắt từ bến ghe lên chợ một cô gái chừng 18 tuổi, nhan sắc dễ coi, vừa bước vừa vùng vằng, cự nự. Theo sau nàng là một bà lão đang khóc kể kêu ca thảm thiết. Đồng bào quanh chợ cầm hận nhìn cảnh thương tâm. Một tên đồng dục phân bua:

– Nó giấu lựu đạn dưới xuống! Ghê chưa!

Y vừa nói vừa đưa lên một trái lựu đạn “lô can”⁽⁶⁾ cho mọi người coi.

Bà lão meo máo phân trần:

– Trời ơi, là trời! Rõ ràng ổng⁽⁷⁾ xuống xuống rồi móc túi lấy đồ báo hại đó ra, mà phao vu⁽⁸⁾ cho bà cháu tôi. Oan nó lắm! Trời ơi, trời!

Hai tên lưu manh vẫn lạnh lùng kéo xềnh người con gái.

Tôi rẽ chiếc xe hơi đến gần, thắng⁽⁹⁾ lại, mở cửa bước xuống hất hàm hỏi:

– Chuyện gì vậy?

Một tên đáp:

– Con bé này giấu một trái lựu đạn dưới xuống.

Tôi hùng hổ sẵn lại gõ tay hấn:

(1) Tú tài: kì thi để cấp bằng tốt nghiệp trung học thời Pháp thuộc.

(2) Quản trị: quản lí, điều hành công việc sản xuất, kinh doanh.

(3) Biến cố bốn mươi lăm: ở đây chỉ các sự kiện phức tạp diễn ra vào năm 1945.

(4) Thuận cảnh: hoàn cảnh thuận lợi.

(5) Trấn nhậm: đảm nhận chức vụ trông coi một địa phương.

(6) Lô can (tiếng Pháp: local): địa phương. Lựu đạn “lô can” có thể hiểu là loại lựu đạn tự chế của dân quân địa phương.

(7) ổng: ông ấy.

(8) Phao vu: đặt điều xấu mà gán cho người khác.

(9) Thắng: phanh.

– Chuyện đâu còn có đó. Người này bà con với tôi. Tôi vô gặp ngài trung úy bây giờ. Nếu vu oan người ta, hai anh sẽ biết tay trung úy.

Tôi vừa nói, vừa nắm tay cô gái kéo lên ngồi băng trước. Cô ta ngập ngừng, không chịu. Tôi doạ khéo một câu:

– Ở lảng cháng⁽¹⁾ đó bị hại đa⁽²⁾. Đi với tôi một lát, chờ tụi nó bị giam, trở xuống ghe mới yên thân.

Cô ta còn ú ớ, tôi đã kéo xềnh lên xe tổng ga vọt về hướng hành dinh viên trung úy. Bà già lão đảo chạy theo.

Tôi ngoái đầu lại dặn:

– Bà yên lòng ở đó đi, một lát, cô em đây trở ra liền.

Hai tên lưu manh đóng kịch không được khéo. Họ nhìn tôi, nháy mắt, mỉm cười ranh mãnh. Đồng bào trong chợ có lẽ đoán được âm mưu nên không ai vui cười vì hành động “nghĩa hiệp” của tôi.

Tới hành dinh viên trung úy, tôi dẫn cô gái vào buồng riêng của y. Trong lúc chờ đợi, tôi căn dặn:

– Ngài trung úy có hỏi cô nói cô là em bà con của tôi nghe chưa.

Cô ta bỡ ngỡ nhìn quanh quất trong căn phòng sang trọng, trên tường có treo một khẩu tiểu liên bên cạnh nhiều bức ảnh thiếu nữ khoả thân rọi⁽³⁾ lớn. Coi bộ cô ta không yên lòng nhưng cũng nhỏ nhẹ đáp:

– Dạ... Nhưng ông đưa em trở xuống ghe đi, có ông chắc họ không dám... nữa đâu. Bỏ bà nội em chờ nóng ruột tội nghiệp.

Tôi cau mày:

– Đâu được. Ngài trung úy chưa hay để trừng trị thì tụi nó còn làm ẩu nữa... Cô tên gì?

– Dạ, tên Thơm.

Chờ hơn nửa giờ, không thấy viên trung úy tới, tôi nói:

– Cô ngồi đây đi, tôi đi kêu ổng mới được.

Nói xong, tôi bước ra cửa. Cô Thơm đứng dậy dợm⁽⁴⁾ bước theo. Tôi lẹ làng lách mình ra ngoài, đóng cửa mạnh và khoá lại.

Nghe tiếng chìa khoá khua, cô ta đập cửa kêu la thảm thiết:

– Trời ơi! Chết tôi rồi. Ông đành bỏ tôi đây sao? Tội nghiệp tôi lắm. Trời ơi, trời... quân...

(1) *Lảng cháng*: lảng vảng, dừng, ghé lại, sà vào chỗ này chỗ kia, không rõ mục đích.

(2) *Đa*: từ biểu thị ý nhấn mạnh về điều vừa khẳng định nhằm thuyết phục người nghe một cách thâm mật.

(3) *Rọi*: rửa, phóng ảnh từ phim âm bản lên giấy ảnh.

(4) *Dợm*: chuẩn bị sẵn sàng tư thế để làm việc gì đó.

3 Tôi bước lẹ ra ngoài, không dám nghe thêm. Tôi vòng ngã khác về nhà không dám đi ngang chợ.

Về nhà, tôi đóng chặt cửa phòng nằm lẫn lộn mãi không yên trí. Vài ghim bạc thường đối với tôi không quan hệ nhưng tôi nghĩ đến những mối lợi lớn trong việc làm ăn nhờ được lòng viên trung úy Pháp.

Nhưng việc tàn ác này, tôi mới làm lần đầu. Chút lương tri bị nhấn chìm trong sự ham mê vật chất rọ rạy trỗi lên. Tôi hình dung cái cơ thể non tơ của cô gái quê mùa, duyên dáng giãy giụa trong cánh tay lông lá của viên trung úy căng thẳng dục vọng vì men rượu mà xoắn xang, bức rức⁽¹⁾ vô cùng.

[...] Đêm ấy, vừa sụp tối, có tiếng súng đùng đùng. Sáng ra mới biết người con gái quê mùa kia, sau khi biết mình bị gạt không thèm kêu la nữa, cô ta lấy khẩu tiểu liên trên vách, lên cò chờ sẵn.

Viên trung úy vừa bước vào, lãnh liền hai phát đạn. Nhưng có lẽ cô ta mất bình tĩnh hoặc không rành xài vũ khí nên viên trung úy chỉ bị thương nhẹ nơi tay. Y giăng được khẩu súng và tặng lại cho cô nguyên một loạt...

(Lược một đoạn: Hoà bình lập lại, nhân vật "tôi" nhớ quê ngoại và muốn trở về thăm Mỹ Hạnh Đông.)

4 Chỉ có một cách là về thăm Mỹ Hạnh Đông, miền quê ngoại. Tôi viết thư lên Sài Gòn kêu chị tôi. Rồi hai chị em tôi lên đường một buổi sáng còn mờ sương trên một chiếc ghe gắn máy.

Đến nơi vào lúc xế trưa. Chúng tôi bước vào một ngôi nhà nhỏ nhưng cao ráo có cửa sổ đằng hoàng. Hầu hết các ngôi nhà khác cũng kiến trúc hợp vệ sinh như thế.

Vô tình lại đứng ngay nhà của dì ba tôi, sau khi nghe trình bày lai lịch và tuy nhận chị em tôi, người dựng rể ngậm ngùi kể lể những chuyện bi ai đã xảy ra trong mấy năm khói lửa. Dì ba tôi bị máy bay bắn chết giữa lúc đang làm lụng ngoài đồng. Thằng Tý đền nợ nước trên đường lo nghĩa vụ làm trai. Con Sen lấy chồng cách đó vài làng, thỉnh thoảng có về thăm.

Ngừng lại giây lát, dựng ba tôi mỉm cười nói tiếp:

– Mấy năm nay, dựng ở vậy không chấp nối⁽²⁾. Ở một mình nhưng cũng không cô độc. Có một thằng rể hụi lâu lâu lên chơi năm ba bữa mới về mặc dầu nó đã có vợ khác, có con, có cái đằng hoàng.

Thấy chị em tôi ngờ ngợ vì nhớ dì ba tôi không còn người con nào khác ngoài thằng Tý và con Sen, dựng ba tôi nói tiếp:

– Hai chị em bây lấy làm lạ là phải. Hồi hai đứa về chịu tang ông ngoại, con nhỏ đó mới biết bò, dì ba bây không có bỗng lại đám ma.

(1) *Bức rức*: bức rứt, bồn chồn không yên.

(2) *Chấp nối*: chấp nối, ở đây có nghĩa là lấy vợ khác.

Tôi xen vô hỏi:

– Cô em đó bây giờ ở đâu, thưa dưỡng?

– Nó chết rồi. Bởi vậy dưỡng mới nói là có một thằng rể hụt. Nó chết hồi 18 tuổi, lúc đó dưỡng gả nó cho một thanh niên trong làng, còn vài tháng nữa cưới. Hai đứa nó thương nhau trước mà dưỡng với dì ba bây vừa ý thằng đó lắm.

Chị tôi nhăn mặt hỏi:

– Rồi sao mà em nó chết vậy, dưỡng ba?

– Kì đó ruộng⁽¹⁾ lớn. Nó thức dậy hồi khuya bơi xuống đưa bà nội nó về nhà gần ngoài lộ Đông Dương. Sau khi bà ngoại chết rồi, dưỡng và dì ba bây về đây ở luôn để gần mồ mả, thành ra lâu lâu bà nội nó vô thăm. Nửa đường hai bà cháu bị kẹt giữa trận ruộng, túng thế mới tản cư ngược ra lộ. Ra ngoài⁽²⁾, nó bị thiên hạ lập mưu bán đứng nó cho một tên quan hai Pháp.

Chị tôi kêu trời một tiếng lớn. Tôi tháo mồ hôi hột, xanh mặt nhưng còn hỏi ngược:

– Em nó tên chi vậy, dưỡng ba?

– Nó tên con Thơm. Con nhỏ dễ thương lắm. Tựa tựa như con Sen mà ngộ hơn. Ờ! gương mặt nó buồn buồn giống như chị Hai, bà già bây vậy.

Tôi ngã vật xuống bộ vật tre ôm mặt khóc nức nở.

Người dưỡng rể đau khổ kia cũng ứa nước mắt. Khóc cho con nhiều rồi, có lẽ ông cảm vì tình thương ruột rà còn sâu đậm giữa hai anh em bạn dì, vì hoàn cảnh ở xa không biết mặt nhau nhưng chưa quên tình máu mủ khi nghe nhắc lại. Ông làm sao biết được chính thằng anh ôm mặt khóc đây đã tổ chức bán đứng đứa em mấy năm về trước.

Có lẽ muốn làm dịu lại cái đau thương của chị em tôi, dưỡng ba tôi nói thêm:

– Đỡ một cái là con nhỏ chết mà không bị ô danh, xú tiết, nghe đồng bào ngoài lộ nói lại nó giành cây mi⁽³⁾ với thằng quan hai rồi bị bắn chết, thằng kia chưa hãm hiếp được. Mấy bữa sau, ông nội nó liều mạng ra xin xác về chôn.

Tôi sụp xuống lạy người dưỡng rể đang chùi nước mắt và nhìn tôi sững sờ. Chị tôi cũng hết sức ngạc nhiên. Tôi nức nở qua tiếng khóc:

– Dưỡng ba ơi! Cái thằng đội gót xâm lăng đã bán đứng em Thơm năm nọ cho quân cướp nước là thằng anh khốn nạn này đây. Dưỡng phanh thây nó ra cũng chưa đáng tội...

Dưỡng ba tôi chụp mạnh hai vai tôi, dựng đứng tôi dậy mà nhìn trôn trời. Chưa bao giờ tôi thấy một cặp mắt hung ác dữ dằn như cặp mắt của người nông dân đau

(1) *Ruộng*: càn.

(2) *Ngoài*: ngoài.

(3) *Cây mi*: khẩu súng.

khổ ấy. Quai hàm dưới của dựng hình như cử động muốn ăn tươi nuốt sống thẳng cháu vợ vô lương.

Nhiều phút trôi qua như vậy. Cái nhìn giận dữ hung hăng lần lần dịu lại rồi lệ nóng rịn ra nơi khoé mắt đã lờ mờ vì tuổi tác. Cuối cùng, dựng thở ra rồi buông hai vai tôi, lặng im không nói một lời nào. [...]

5 Chiều nay, tôi đứng trước mộ của em Thơm bên bờ kinh Xáng. Biển cỏ bao la xanh rờn rợn trải rộng đến chân trời. Dòng kinh thẳng băng giống như một tấm lụa dài vô tận màu xanh gợn gợn theo nhịp chèo của cô thôn nữ uốn éo tấm thân tơ trên chiếc xuồng con lắc lẻo trôi xuôi. Nắng chiều phủ lên cảnh vật một lớp men vàng lấp lánh. Chưa bao giờ tôi gặp được ở đâu một ánh nắng đẹp như chiều nay. Trên đọt dãi lau thưa, vài con chim non riu rít gọi đàn.

Em Thơm ơi! Có những kẻ muốn tàn phá hết, sát phạt hết, không muốn chừa lại một chút gì tươi đẹp trên dải nước non này. Nhưng cái đẹp vẫn muôn đời tồn tại: biển cỏ đẹp, dòng kinh đẹp, màu nước đẹp, cô gái chèo ghe đẹp, tiếng hót con chim đẹp và tấm lòng bao dung tha thứ của người cha rộng lượng của em cũng đẹp để vô cùng.

Đến như cái tâm tư đen tối của anh mà cũng chói lên được vài tia sáng đẹp dưới ánh nắng miền quê ngoại.

Anh không đổ thừa chiến tranh để mong em tha thứ như người cha thân mến của em đã vịn vào đó mà xá tội cho anh. Cũng thời sống trong chiến tranh, sao có những kẻ không để cho lòng dạ bị u mê, ám chướng vì tham vọng đê hèn? Cứ lấy đời em mà thí dụ.

Anh chỉ muốn hứa với em rằng tâm tư u tối của anh từ đây sẽ trong sáng lần lần nhờ sự soi rọi của nắng đẹp miền quê ngoại.

(TRANG THẾ HY, *Nhân loại* bộ mới, số 82 từ 29-11 đến 5-12-1957,

in trong *Nhìn lại một chặng đường văn học*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2000)

1. Trong truyện này, ai là nhân vật chính?

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| A. Nhân vật “tôi” | B. Nhân vật Thơm |
| C. Nhân vật “dựng rể” | D. Nhân vật “tên lưu manh” |

2. Giọng điệu của người kể chuyện như thế nào?

- | | |
|---------------------|------------------------|
| A. Bình dị, từ tốn | B. Bông lớn, châm biếm |
| C. HÀi hước, dí dỏm | D. Trầm lặng, buồn bã |

3. Thủ đoạn mà nhân vật “tôi” đã làm đối với cô Thơm là gì?

- | | |
|---------------------|----------------------|
| A. Áp bức, dọa nạt | B. Đặt điều vu khống |
| C. Gài bẫy, lừa bịp | D. Lập mưu bán đứng |

4. Hành động, lời nói, thái độ của cô Thơm thể hiện phẩm chất, tính cách gì?
 - A. Hiền lành, thận trọng
 - B. Nghĩa tình, hào hiệp
 - C. Trong sáng, can đảm
 - D. Xảo trá, tàn ác
5. Diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật “dượng rể” cho thấy nhân vật này là người có tính cách như thế nào?
 - A. Hời hợt, nông nổi
 - B. Khoan dung, nghĩa tình
 - C. Nhỏ mọn, thấp hèn
 - D. Trong sáng, cao thượng
6. Hãy tóm tắt truyện bằng cách sắp xếp các sự kiện chính theo trật tự thời gian. Từ đó, nêu nhận xét của em về cốt truyện.
7. Câu chuyện diễn ra trong bối cảnh xã hội như thế nào? Bối cảnh ấy giúp em hiểu rõ hơn điều gì về nội dung và ý nghĩa của truyện?
8. Tâm trạng của nhân vật “tôi” khi về thăm quê ngoại diễn biến ra sao?
9. Em có nhận xét gì về sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản truyện này?
10. Thiên nhiên và con người “miền quê ngoại” như thế nào? Hãy ghi lại bằng một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Đọc sách báo hoặc truy cập Internet để tìm hiểu và thu thập các thông tin cần thiết liên quan đến bài học: Mác-xim Go-rơ-ki và truyện ngắn *Bà lão I-déc-ghin*, Nguyễn Khải và truyện ngắn *Một người Hà Nội*, Phong Điệp và truyện ngắn *Tầng hai*, Trang Thế Hy và truyện ngắn *Nắng đẹp miền quê ngoại*; các bài giới thiệu, điểm sách, phê bình văn học có liên quan đến các tác giả, tác phẩm nêu trên.

2. Tìm đọc thêm:

Đọc toàn truyện *Bà lão I-déc-ghin* của Go-rơ-ki, *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải, *Nắng đẹp miền quê ngoại* của Trang Thế Hy.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ; giá trị thẩm mĩ của các yếu tố cấu tứ, ngôn từ; tình cảm, cảm xúc chủ đạo của người viết.
- ▶ Nhận diện, phân tích được tác dụng một số biện pháp tu từ.
- ▶ Biết viết bài văn nghị luận và thuyết trình, giới thiệu một tác phẩm thơ theo lựa chọn cá nhân.
- ▶ Biết tri nhận và trân trọng những vẻ đẹp sâu kín, vô hình của tạo vật và thế giới.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Cấu tứ: cách triển khai, tổ chức hình ảnh, mạch cảm xúc của bài thơ. Một số cách tổ chức cấu tứ thường gặp: tương đồng, tương phản, tăng cấp, chuyển hoá hoặc thống nhất các mặt đối lập (động / tĩnh, không gian / thời gian, cảnh / tình,...). Ví dụ: bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (Bài 43) của Nguyễn Trãi là sự vận động từ cảm xúc của người nghệ sĩ trước vẻ đẹp của thiên nhiên (6 câu đầu) sang cảm xúc của người luôn gắn buồn vui của mình với cuộc sống của trăm họ (2 câu kết).

2. Thơ có yếu tố tượng trưng: thơ có những hình ảnh có tính biểu tượng, gợi cho người đọc những ý niệm, hoặc gợi lên một liên tưởng sâu xa).

– Trong thơ cổ điển, các hình ảnh: *tùng, cúc, trúc, mai* tượng trưng cho người quân tử (với tâm hồn thanh cao). Trong ca dao, cặp hình ảnh *thuyền – bến* tượng trưng cho người con trai / người ra đi (*thuyền*) và người con gái / người ở lại (*bến*). Những hình ảnh tượng trưng này có tính công thức, gắn với truyền thống văn hoá của một cộng đồng.

– Hệ thống biểu tượng trong thơ hiện đại gắn với phong cách và cái nhìn nghệ thuật của từng nhà thơ, thường được xây dựng thông qua cách sử dụng *nhạc điệu*,

những kết hợp từ bất thường, các phép so sánh và đặc biệt là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác nhằm biểu đạt, những rung động, thức nhận sâu xa, những tồn tại vô hình. Ý nghĩa của yếu tố tượng trưng trong thơ vì thế thường mơ hồ, không xác định nhưng lại ẩn chứa những phát hiện, liên tưởng độc đáo. Ví dụ:

Chiều mộng hoà thơ trên nhánh duyên

Cây me ríu rít cặp chim chuyền

Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá

Thu đến nơi nơi động tiếng huyền.

(*Thơ duyên*, Xuân Diệu)

Mặc dù bức tranh thơ vẫn dựa trên những chất liệu trong đời sống hiện thực (thời gian: *buổi chiều*; các sự vật: *cây me, chim, lá,...*) nhưng cái mà tác giả hướng tới là trạng thái vô hình ẩn giấu bên trong của tạo vật. Vì thế, chiều thành *chiều mộng*, nhánh cây thành *nhánh duyên*. Đây là những kết hợp từ bất thường gợi lên một trạng thái mơ mộng, xao xuyến của vũ trụ. Một biểu hiện khác của yếu tố tượng trưng trong khổ thơ trên là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “động tiếng huyền”. Từ *động* có thể hiểu là “vang động” (cảm nhận bằng thính giác) nhưng cũng có thể được hiểu là “chuyển động” (cảm nhận bằng thị giác). Theo cách hiểu thứ hai, âm thanh (vô hình) được hữu hình hoá, như cửa mình, thức dậy. Khổ thơ dày đặc những yếu tố tượng trưng và vì thế là một phát hiện mẫu nhiệm về sự bí ẩn sâu xa của trời đất trong thời khắc thu về.

3. Ôn tập các biện pháp tu từ tiếng Việt

Trong sách *Ngữ văn 11*, hai biện pháp tu từ được học mới là lập cấu trúc và đối. Các biện pháp tu từ đã được học trước đó là: *so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá* (nhóm các biện pháp tu từ dựa trên quan hệ liên tưởng) và *điệp ngữ, đảo ngữ, liệt kê, chêm xen, nói quá, nói giảm – nói tránh* (nhóm các biện pháp tu từ dựa trên quan hệ kết hợp). Việc ôn tập các biện pháp tu từ giúp các em vừa củng cố được hệ thống kiến thức đã học, vừa rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và tạo lập văn bản nói chung, văn bản thơ nói riêng một cách hiệu quả hơn.



ĐÂY MÙA THU TỚI

(Tặng Nhất Linh)⁽¹⁾

XUÂN DIỆU^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc bài thơ *Đây mùa thu tới*.^(**)

– Khi đọc các bài thơ có yếu tố tượng trưng, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu về đọc thơ nói chung, các em cần chú ý:^(***)

+ Cách xây dựng tứ thơ, những yếu tố tượng trưng trong bài thơ, cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp tu từ, cách tổ chức câu thơ,... của bài thơ có gì đặc sắc?

+ Các yếu tố tượng trưng trong bài thơ có tác dụng ra sao trong việc bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm,... của tác giả?

– Đọc trước bài thơ *Đây mùa thu tới* và tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Xuân Diệu. Lựa chọn và ghi chép lại một số thông tin giúp em đọc hiểu bài thơ này.

– Em biết những bài thơ nào viết về đề tài mùa thu? Ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ,... mà những bài thơ đó gợi ra cho em là gì?



Xuân Diệu (1916 – 1985),
quê ở Hà Tĩnh

2 Đọc hiểu

- Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng:
Đây mùa thu tới – mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

Chú ý sự lặp lại của tên bài thơ trong dòng thơ thứ 3.

- Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh;

Chú ý cách sử dụng từ khác lạ trong dòng thơ thứ 5 (“hơn một”).

(*) Họ tên đầy đủ của nhà thơ là Ngô Xuân Diệu.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản khác trong Bài 6, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

(1) Nhất Linh (1906 – 1963), tên khai sinh là Nguyễn Tường Tam, nhà viết tiểu thuyết đồng thời là thủ lĩnh của Tự lực văn đoàn (Xuân Diệu là một thành viên của tổ chức đó).



Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

9. Thỉnh thoảng nàng trắng tự ngần ngơ...
Non xa khỏi sự nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vắng người sang những chuyến đò...
13. Mây vẫn từng không, chim bay đi.
Khí trời u uất hận chia li.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì.

Cách chấm câu trong khổ thơ thứ 3 có giá trị biểu đạt gì?

(*Thơ thơ*, NXB Đời nay, Hà Nội, 1938)

?

- Hãy nêu một yếu tố tượng trưng trong bài thơ và đưa ra lí do cho sự lựa chọn của em.
- Bức tranh thiên nhiên ở khổ thơ thứ nhất được khắc họa qua những chi tiết nào? Nêu nhận xét của em về mối quan hệ giữa các chi tiết đó.
- Trật tự *hoa – lá – cành* ở khổ thơ thứ hai có ý nghĩa gì?
- Sự khác biệt của không gian thơ ở khổ 2 trong sự so sánh với khổ 3 là gì? Chỉ ra ý nghĩa nghệ thuật của sự khác biệt này.
- Em hiểu thế nào về tâm trạng “buồn không nói” – “tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi” của “ít nhiều thiếu nữ” trong hai câu kết của bài thơ? Qua đó, chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ.
- Nêu và lí giải một số điểm khác nhau về nội dung và nghệ thuật giữa bài *Đây mùa thu tới* của Xuân Diệu với *Thu hứng* của Đỗ Phủ hoặc *Thu điếu* của Nguyễn Khuyến.



SÔNG ĐÁY

NGUYỄN QUANG THIỀU^(*)

1 Chuẩn bị

- Đọc trước bài thơ *Sông Đáy* và tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Nguyễn Quang Thiều.
- Tìm hiểu và ghi chép lại các thông tin liên quan đến hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của bài thơ *Sông Đáy* và các thông tin cần thiết khác giúp đọc hiểu bài thơ này.
- Em biết những bài thơ, bài hát nào viết về con sông quê hương? Ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ,... mà những bài thơ, bài hát đó gợi ra cho em là gì?

2 Đọc hiểu

1. Sông Đáy chảy vào đời tôi

Như mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi
chiều đi làm về vất vả
Tôi dụi mặt vào lưng người đầm mồ hôi mát
một mảnh sông đêm
Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt

Chú ý mối quan hệ giữa hình ảnh “lưng mẹ” và hình ảnh “mảnh sông đêm”.

5. Con mơ vang lên tiếng cá quẫy tuột câu như một tiếng nấc Âm thầm vỡ trong tôi, âm thầm vỡ cuối nguồn Toả mát xuống cơn đau tôi là tóc mẹ bến mòn đứng đợi Một cây ngô cuối vụ khô gầy Suốt đời buồn trong tiếng lá reo.

10. Những chiều xa quê tôi mong dòng sông dâng lên ngang trời cho tôi được nhìn thấy Cho đôi mắt nhớ thương của tôi như hai hốc đất ven bờ, nơi những chú bóng đến làm tổ được giàn giụa nước mưa sông.

Hình ảnh “giàn giụa nước mưa sông” trong quan hệ với “đôi mắt nhớ thương” gợi cho em liên tưởng gì?

Sông Đáy ơi! Chiều nay tôi trở lại
Những cánh buồm cổ tích đã bay xa về một niềm tức tưởi
Em đã mang đôi môi màu dâu chín sang dò một ngày sông vắng nước [...]

(*) Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều sinh năm 1957, quê ở Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).

15. Sông Đáy ơi, sông Đáy ơi... chiều nay tôi trở lại
Mẹ tôi đã già như cát bên bờ
Ôi mùi cát khô, mùi tóc mẹ tôi
Tôi quỳ xuống vốc cát ấp vào mặt
Tôi khóc.

Lời gọi “Sông Đáy ơi” trong khổ này và khổ thơ trước đó cho thấy mối quan hệ gì giữa nhân vật trữ tình và sông Đáy?

20. Cát từ mặt tôi chảy xuống ròng ròng.

Sông Đáy, 1991

Chú ý về không gian và thời gian sáng tác của bài thơ.

(*Sự mất ngủ của lửa*, NXB Lao động, Hà Nội, 1992)

?

1. Bài thơ *Sông Đáy* được viết theo thể thơ nào? Việc lựa chọn thể thơ này cùng với cách chấm câu trong bài thơ có tác dụng gì đối với việc thể hiện cảm xúc của chủ thể trữ tình?

2. Hình ảnh sông Đáy hiện lên qua những mốc thời gian nào trong cuộc đời của nhân vật trữ tình? Các mốc thời gian được sắp xếp theo trình tự nào? Ý nghĩa của trình tự này là gì?

3. Hình tượng “mẹ” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Ý nghĩa của hình tượng đó là gì?

4. Hình tượng “em” mang lại những cảm xúc gì về sông Đáy trong tâm hồn của nhân vật trữ tình? Vì sao?

5. Nhận diện một yếu tố tượng trưng trong bài thơ và chỉ ra vai trò của yếu tố đó đối với việc thể hiện nội dung.

6. Từ nội dung bài thơ và những hiểu biết về văn hoá dân tộc, hãy lí giải vì sao tình cảm gắn bó, yêu thương với quê hương của người Việt đặc biệt sâu nặng. Tình cảm này liệu có thay đổi trong đời sống hiện nay?

Thực hành đọc hiểu



ĐÂY THÔN VĨ DẠ

HÀN MẶC TỬ

1 Chuẩn bị

– Đọc trước bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ*; tìm hiểu, ghi chép thêm thông tin về nhà thơ Hàn Mặc Tử.

– Tìm hiểu địa danh thôn Vĩ Dạ, cảnh vật, con người xứ Huế và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.



Hàn Mặc Tử (1912 – 1940),
quê ở Quảng Bình

2) Đọc hiểu

Sao anh không về chơi thôn Vĩ⁽¹⁾?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền⁽²⁾.

Chú ý hình ảnh so sánh
“xanh như ngọc” ở
đòng thơ thứ 3.

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

Chú ý về tính nghịch lí,
khác thường trong quan
hệ của “gió” và “mây”.

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh⁽³⁾
Ai biết tình ai có đậm đà?

Hình ảnh khách đường
xa liên quan đến nhân
vật trữ tình nào trong
bài thơ?

(Đau thương, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995)

?

1. Bức tranh thôn Vĩ (khổ 1) có đặc điểm gì? Bức tranh đó được nhìn từ con mắt của ai? Qua đó, ta thấy được tâm trạng gì của nhân vật trữ tình?
2. Nhận diện một yếu tố tượng trưng trong bài thơ và chỉ ra vai trò của yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung.
3. Bức tranh thiên nhiên ở khổ 2 có điểm nào khác với khổ 1? Sự khác biệt đó cho biết điều gì về tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình.
4. Qua ba câu hỏi trong ba khổ thơ, hãy nêu nhận xét của em về cách cấu tứ của bài thơ.
5. Trong bài *Nhớ thương*, Hàn Mặc Tử khắc họa tâm trạng của người cung nữ thông qua hình ảnh đối lập giữa “ngoài kia” và “trong đây”:

*Ngoài kia xuân đã thắm duyên chưa
Trời ở trong đây chẳng có mùa*

(1) *Thôn Vĩ*: thôn Vĩ Dạ (có bản chép là *Vĩ Giã*, từ gốc là *Vĩ Dã*, vĩ: lau, dã: cánh đồng) xưa nằm ở ngoại vi thành phố Huế, có phong cảnh vườn tược rất xinh xắn, nên thơ.

(2) *Mặt chữ điền*: mặt vuông chữ *điền*, một kiểu khuôn mặt phúc hậu (theo quan niệm tướng mạo thời xưa).

(3) *Nhân ảnh*: hình người, bóng người.

Không có niềm trăng và ý nhạc
Có người cung nữ nhớ thương vua

Theo em, sự đối lập không gian được thể hiện thế nào trong *Đây thôn Vĩ Dạ*? Ý nghĩa của sự đối lập này là gì?

6. Hình ảnh con người ở bên lề của cuộc sống trong *Đây thôn Vĩ Dạ* đem lại cho em cảm xúc gì? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) trình bày cảm xúc đó của em.



TÌNH CA BAN MAI

CHẾ LAN VIÊN



Chế Lan Viên (1920 – 1989),
quê ở Quảng Trị

1 Chuẩn bị

– Đọc trước bài thơ *Tình ca ban mai*, tìm hiểu, ghi chép những thông tin về nhà thơ Chế Lan Viên.

– Tìm đọc các bài thơ viết về tình yêu của Chế Lan Viên. Em có ấn tượng gì về những bài thơ ấy?

2 Đọc hiểu

1. Em đi, như chiều đi
Gọi chim vườn bay hết
Em về, tựa mai về
Rừng non xanh lộc biếc
5. Em ở, trời trưa ở
Nắng sáng màu xanh che
Tình em như sao khuya
Rải hạt vàng chi chít
9. Sợ gì chim bay đi
Mang bóng chiều bay hết
Tình ta như lộc biếc
Gọi ban mai lại về
13. Dù nắng trưa không ở
Ta vẫn còn sao khuya

Chú ý cách tổ chức khổ thơ.

Chú ý các từ chỉ thời gian: “chiều” – “mai” – “trưa” – “khuya”.



Hạnh phúc trên đầu ta
Mọc sao vàng chi chít

17. Mai, hoa em lại về...

Chú ý sự lặp lại hình ảnh trong dòng thơ số 8 và 16.

(Chế Lan Viên Toàn tập, VŨ THỊ THƯỜNG sưu tầm và biên soạn, NXB Văn học, Hà Nội, 2002)



1. Bài thơ có thể chia làm mấy phần? Vì sao?
2. Nhận diện một yếu tố tượng trưng trong bài thơ và chỉ ra vai trò của yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung.
3. Đặc điểm nổi bật của cách khắc hoạ hình tượng “em” trong bốn khổ thơ đầu là gì? Ý nghĩa của cách khắc hoạ này?
4. Hình ảnh thơ ở các khổ 2 và 4, 6 và 8 có sự lặp lại và thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi này?
5. Khổ thơ cuối có khác biệt gì với các khổ thơ trước đó? Ý nghĩa của sự khác biệt này?
6. Em thấy thích nhất hình ảnh / dòng thơ / khổ thơ nào trong bài thơ? Vì sao?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ thể hiện trong những từ ngữ in đậm ở khổ thơ dưới đây:

Thình thoảng nàng trắng tự ngẩn ngơ

Non xa khỏi sự nhạt sương mờ.

Đã nghe rét mướt luôn trong gió

Đã vắng người sang những chuyến đò.

(Xuân Diệu)

2. Tìm các biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ dưới đây. Những biện pháp tu từ ấy có tác dụng biểu đạt như thế nào trong một bài thơ có yếu tố tượng trưng?

Sông Đáy chảy vào đời tôi

Như mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả

Tôi dụi mặt vào lưng người đắm mồ hôi mát một mảnh sông đêm

Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt

Con mơ vang lên tiếng cá quẫy tuột câu như một tiếng nấc

Âm thầm vỡ trong tôi, âm thầm vỡ cuối nguồn

[...]

Sông Đáy ơi, sông Đáy ơi... chiều nay tôi trở lại

Mẹ tôi đã già như cát bên bờ

(Nguyễn Quang Thiều)

3. Phân tích tác dụng của các câu hỏi tu từ trong bài thơ *Đáy thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử.

4. Phân tích tác dụng của các biện pháp so sánh tu từ và lặp câu trúc trong bài thơ *Tình ca ban mai* của Chế Lan Viên.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ

1 Định hướng

1.1. Nghị luận về một tác phẩm thơ

Kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ các em đã được làm quen ở lớp 10. Ở chương trình lớp 11, bên cạnh các thao tác và kỹ năng đã được giới thiệu ở lớp 10, các em cần lưu ý:

– Bài thơ là một cấu trúc mang tính chỉnh thể (các yếu tố nghệ thuật trong tác phẩm có sự gắn kết, tương tác làm nên một thể thống nhất để đem lại những thông điệp độc đáo, hàm súc). Bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ đòi hỏi phải biết phân tích một cách tổng thể những yếu tố hình thức để qua đó, nhận biết một cách toàn diện những thông điệp, những tầng ý nghĩa của tác phẩm.

Ngoài ra, bài thơ hay luôn gắn với một cái nhìn, một cách cảm thụ độc đáo về thế giới của tác giả. Vì thế, khi nghị luận về một tác phẩm thơ nên đặt bài thơ trong sự so sánh với những bài khác của tác giả để làm rõ hơn nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm cần nghị luận.

– Nghị luận về một tác phẩm thơ có thể yêu cầu phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm nhưng cũng có thể chỉ tập trung phân tích một số yếu tố nội dung hoặc hình thức của tác phẩm. Ví dụ:

+ Phân tích bài thơ *Đây mùa thu tới* của Xuân Diệu.

+ Vẻ đẹp của những yếu tố tượng trưng trong bài thơ *Tình ca ban mai* của Chế Lan Viên.

+ Phân tích một bài thơ mà em đặc biệt yêu thích.

1.2. Để viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá bài thơ, đoạn thơ, các em cần lưu ý:

– Đọc kĩ bài thơ, đoạn thơ, chú ý xác định các yếu tố hình thức (tên bài thơ, thể thơ, vần, nhịp, nhân vật trữ tình, phép điệp, đối, hình ảnh, các biện pháp tu từ, tứ thơ,...), từ đó, phân tích để chỉ ra giá trị của chúng trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của bài thơ, đoạn thơ.

– Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn các dẫn chứng từ bài thơ cho mỗi luận điểm.

– Liên hệ, so sánh với các tác giả, tác phẩm có cùng đề tài, chủ đề để nhận xét điểm gặp gỡ và sáng tạo riêng của tác giả trong bài thơ, đoạn thơ.

– Biết cách sử dụng các từ ngữ để diễn tả chính xác, truyền cảm những cảm nhận và rung động của mình với các chi tiết, hình ảnh,... đặc sắc trong bài thơ.

– Suy nghĩ về giá trị, sự tác động của bài thơ, đoạn thơ đối với người đọc và với chính bản thân.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Phân tích để làm sáng tỏ sự độc đáo của bài thơ “Đây mùa thu tới” (Xuân Diệu).*

a) Chuẩn bị

– Tìm hiểu bài thơ để biết các thông tin chính trước khi viết:

+ Trọng tâm cần làm rõ: sự độc đáo của phong cách thơ Xuân Diệu được thể hiện trong bài thơ *Đây mùa thu tới*.

+ Kiểu văn bản chính: phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

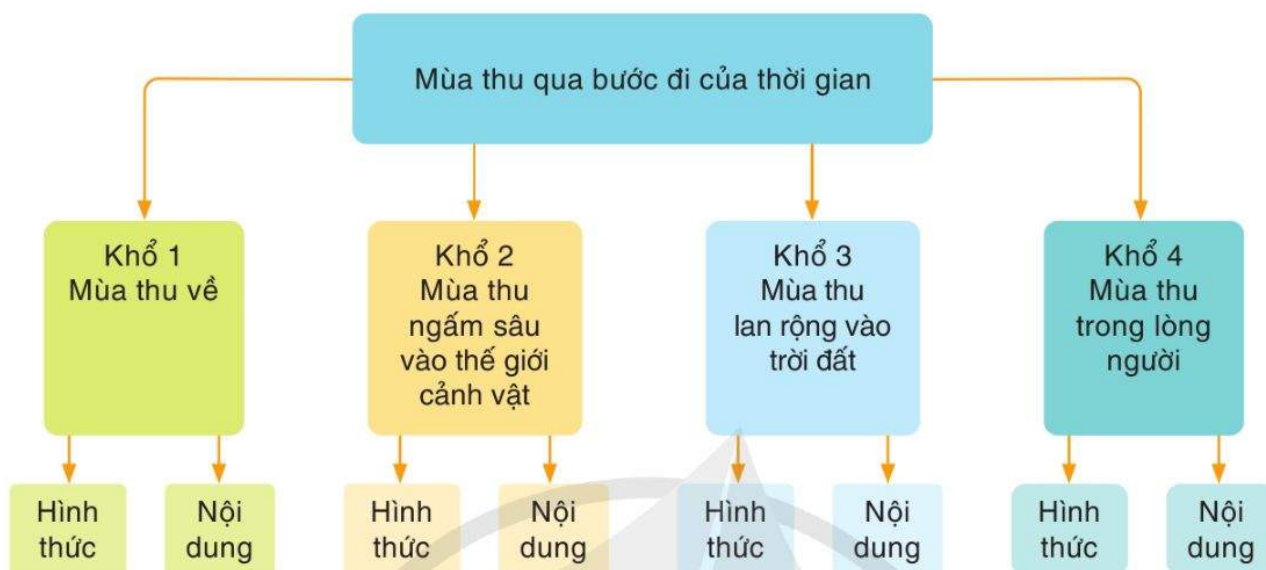
+ Phạm vi dẫn chứng: văn bản *Đây mùa thu tới* và các bài thơ có cùng đề tài (đặc biệt là những bài thơ về mùa thu trong văn học trung đại của Nguyễn Khuyến, Đỗ Phủ).

– Đọc kĩ các nội dung nêu lên ở mục 1. *Định hướng* viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.

– Tìm các tư liệu liên quan đến các nội dung đã xác định trong phần tìm hiểu đề.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết theo cách suy luận từ khái quát đến cụ thể theo sơ đồ sau:



– Lập dàn ý cho bài viết: Dựa vào các ý đã tìm được và một số gợi ý sau, em hãy hoàn thành dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp chúng theo bố cục ba phần.

Mở bài	Nêu vấn đề bằng một trong các cách: phản đề, so sánh, đặt câu hỏi,...
Thân bài	Giải quyết vấn đề, ví dụ: + Phân tích khổ 1: Mùa thu về • Vẻ đẹp tang tóc: Tiễn đưa mùa hạ. • Vẻ đẹp kiêu sa của một giai nhân: Mùa thu với sắc vàng mơ kiều diễm (so sánh với sắc xanh của mùa thu truyền thống trong thơ Nguyễn Khuyến). • ... + Phân tích khổ 2: Mùa thu ngắm sâu vào thế giới cảnh vật. + Phân tích khổ 3: Mùa thu lan rộng vào trời đất. + Phân tích khổ 4: Mùa thu trong lòng người.
Kết bài	Tổng hợp vấn đề bằng một trong các cách: tóm lược, phát triển, vận dụng, liên tưởng,...

c) Viết

Dựa vào dàn ý đã chuẩn bị để thực hành viết với những yêu cầu khác nhau:

– Viết đoạn mở bài, kết bài hoặc một số đoạn trong phần thân bài (chọn viết về một hoặc một số ý mà em thấy hứng thú và tâm đắc).

+ Có thể viết mở bài theo nhiều cách (trực tiếp hay gián tiếp, phản đề hay so sánh, dẫn dắt,...). Tuy nhiên, theo cách nào cũng cần nêu được đặc điểm của phong cách thơ Xuân Diệu (nhà thơ của những bước đi thời gian) mà bài thơ *Đây mùa thu tới* là một minh chứng tiêu biểu.

+ Đối với phần thân bài: Xác định rõ nội dung đoạn cần viết là gì? Các dẫn chứng nào cần đưa ra; những lí lẽ, lập luận nào cần triển khai. Vì viết về ý mà em tâm đắc, hứng thú nên cần tập trung làm nổi bật được nét riêng trong cảm thụ và phân tích của mình. Ở đây, thao tác so sánh, liên tưởng là rất cần thiết. Dù chỉ viết về một ý nhưng các em cũng nên lưu ý về mối quan hệ của ý đó với các ý trước và sau nó.

– Viết bài văn hoàn chỉnh.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Phân tích tác dụng của hình thức thơ

a) Cách thức

– Bài văn phân tích tác dụng của hình thức thơ là bài nghị luận về tác dụng của một hoặc toàn bộ yếu tố hình thức của tác phẩm thơ như: nhan đề, thể loại, tứ thơ, nhân vật trữ tình, giọng điệu, bối cảnh (không gian, thời gian), hình tượng, bút pháp,...

– Mỗi yếu tố hình thức trong một bài thơ có tác dụng nghệ thuật riêng. Ví dụ: nhan đề có tác dụng gợi dẫn về chủ đề của bài thơ, tạo cảm xúc hay đánh thức trường liên tưởng cho người đọc, cũng có khi chỉ là đề gây tò mò, thu hút người đọc đến với bài thơ; tứ thơ giúp cho người đọc nhận thấy được sự vận động và biến đổi trong mạch cảm xúc của bài thơ; nhân vật trữ tình và giọng điệu có tác dụng đem đến một cách nhìn, một cách cảm thụ về thế giới, qua đó bộc lộ chủ đề và ý nghĩa của bài thơ.

Cần lưu ý là các yếu tố hình thức thơ không tồn tại biệt lập mà luôn tương tác, gắn bó với nhau để làm thành một chỉnh thể. Vì thế, khi phân tích, cần chú ý sự hô ứng, thống nhất của các yếu tố hình thức trong việc biểu đạt ý nghĩa, chủ đề của tác phẩm.

– Để viết được bài văn (hoặc đoạn văn) phân tích tác dụng của hình thức thơ, các em cần xác định rõ yếu tố hình thức đó là gì? (Biểu hiện như thế nào? Có mối quan hệ gì với các yếu tố hình thức khác? Vai trò của yếu tố đó trong việc thể hiện chủ đề, ý nghĩa của bài thơ?). Hình thức thơ đó đem lại ấn tượng gì, gợi ra những liên tưởng và so sánh gì cho người đọc? Một điều đặc biệt quan trọng là phải chọn đúng được yếu tố hình thức độc đáo, có giá trị thẩm mĩ.

b) Bài tập: Trong các đoạn văn dưới đây, người viết đã tập trung phân tích yếu tố hình thức nào trong bài “Vội vàng” của Xuân Diệu? (Chu Văn Sơn, “*Thơ, điệu hồn và cấu trúc*”, NXB Giáo dục, 2007).

– Đoạn 1: “Cái động thái bộc lộ đầy đủ nhất thần thái Xuân Diệu có lẽ là vội vàng. Ngay từ hồi viết *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã thấy Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt. Cho nên, đặt cho

bài thơ rất đặc trưng của mình cái tựa đề *Vội vàng*, hẳn đó phải là một cách tự bạch, tự hoạ của Xuân Diệu. Nó cho thấy thi sĩ rất hiểu mình.”.

– Đoạn 2:

“*Ta muốn thu trong một cái hôn nhiều*
Và non nước, và cây, và cỏ rạng

Có thể nói, câu thơ *Và non nước, và cây, và cỏ rạng* là không thể có đối với thi pháp trung đại vốn coi trọng những *chữ đúc*. Thậm chí, đối với người xưa, đó sẽ là câu thơ vụng. Tại sao lại thừa thãi liên từ *và* đến thế? Vậy mà, đó lại là sáng tạo của nhà thơ hiện đại Xuân Diệu. Những chữ *và* hiện diện cần cho sự thể hiện nguyên trạng cái giọng nói, cái khẩu khí của thi sĩ. Nó thể hiện đậm nét sắc thái riêng của cái tôi Xuân Diệu. Nghĩa là thể hiện một cách trực tiếp, tươi sống cái cảm xúc ham hố, tham lam đang trào lên mãnh liệt trong lồng ngực yêu đời của thi sĩ!”.

– Đoạn 3: “Là người đã tiếp thu ở mức nhuần nhuyễn phép *tương giao* (correspondence) của lối thơ tượng trưng, Xuân Diệu đã phát huy triệt để sự tương giao về cảm giác để cảm nhận và mô tả thế giới [...]. Có những câu thơ mà cảm giác được liên tục chuyển qua các kênh khác nhau. Thời gian được cảm nhận bằng khứu giác: *Mùi tháng năm* – thời gian của Xuân Diệu được làm bằng hương – chẳng thể mà thi sĩ cứ muốn *buộc gió lại* ư – hương bay đi là thời gian trôi mất, là phai nhạt phôi pha! Một chữ *róm* cho thấy khứu giác đã chuyển thành thị giác. Nó nhắc ta nhớ đến hình ảnh giọt lệ. Chữ *vị* liền đó lại cho thấy cảm giác thơ đã chuyển qua vị giác. Và đây là một thứ vị hoàn toàn phi vật chất: *vị chia phôi*! Thì ra chữ *róm* và chữ *vị* đều từ một hình ảnh ẩn hiện trong cả câu thơ là giọt lệ chia phôi đó.”.

NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM THƠ

1 Định hướng

a) Giới thiệu một tác phẩm thơ là trình bày trước người nghe sự độc đáo về nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, tư tưởng,...) và nghệ thuật (cấu tứ, cách xây dựng hình ảnh thơ, cách sử dụng ngôn từ,...) của bài thơ; đồng thời, cho thấy phong cách độc đáo của tác giả thể hiện qua bài thơ đó.

b) Để giới thiệu, đánh giá một tác phẩm thơ, các em cần lưu ý:

– Lựa chọn được bài thơ có giá trị độc đáo về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của tác giả.

– Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

– Xác định thời lượng và người nghe bài giới thiệu để có cách trình bày phù hợp.

2 Thực hành

Bài tập: *Hãy giới thiệu một bài thơ có yếu tố tượng trưng mà em thấy tâm đắc.*

a) Chuẩn bị

- Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề.
- Lựa chọn bài thơ (có yếu tố tượng trưng) mà em tâm đắc để giới thiệu với mọi người. Ví dụ: bài *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu), *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử),... hoặc một bài thơ tự chọn.

– Văn bản bài thơ được trình bày trên giấy hoặc trên trang trình chiếu của máy tính (slide), hình ảnh, sơ đồ (nếu cần thiết); các phương tiện hỗ trợ (bức tranh, bài hát,...) phù hợp với bài thơ.

– Tìm hiểu những bài thơ có cùng chủ đề, so sánh để nhận ra nét độc đáo của bài thơ cần giới thiệu.

– Tập đọc diễn cảm bài thơ.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho bài giới thiệu bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi sau:
 - + Hoàn cảnh ra đời của bài thơ có gì đặc biệt?
 - + Những đặc sắc về nội dung của bài thơ là gì? Bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc gì của tác giả?
 - + Hình thức của bài thơ có gì độc đáo? Tác dụng của các yếu tố hình thức này? (Đặc sắc trong cấu tứ, chi tiết nghệ thuật, cách sử dụng ngôn từ độc đáo,...).
 - + Yếu tố (nội dung hay hình thức) nào để lại trong em ấn tượng sâu đậm nhất? Vì sao?
 - + Những chi tiết nào có thể liên tưởng, so sánh với các bài thơ khác để làm nổi bật sự độc đáo của bài thơ?
- Lập dàn ý cho bài giới thiệu bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

Mở đầu

Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, đề tài của bài thơ, lí do mà em lựa chọn để giới thiệu bài thơ.

Nội dung chính

Lần lượt giới thiệu bài thơ theo trình tự phù hợp, ví dụ: giới thiệu hoàn cảnh ra đời, nêu những đặc sắc về nội dung và hình thức của bài thơ,...

Kết thúc

Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

c) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); nội dung nói và nghe đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Tràng giang

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

H.C.

Tặng Trần Khánh Giu⁽¹⁾

1. Sóng gợn tràng giang⁽²⁾ buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.
2. Lơ thơ cồn⁽³⁾ nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều⁽⁴⁾.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu⁽⁵⁾.
3. Bèo dạt về đâu hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật.
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

(1) Trần Khánh Giu (1896 – 1947), tên khai sinh của nhà văn Khái Hưng, một trong những cây bút trụ cột của Tự lực văn đoàn.

(2) *Tràng giang* (*tràng* hay *trường*: dài, *giang*: sông): sông dài, cũng là sông lớn.

(3) *Cồn*: gò đất hoặc cát nổi cao ở giữa sông.

(4) *Vãn chợ chiều*: (*vãn*: về cuối) cuối buổi chợ chiều, người không còn mấy.

(5) *Cô liêu*: trơ trọi, vắng vẻ.

4. Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa⁽¹⁾.
Lòng quê dợn dợn vời con nước⁽²⁾,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà⁽³⁾.

(HUY CẬN, *Lửa thiêng*, NXB Đời nay, Hà Nội, 1940)

1. Phương án nào thể hiện đúng ý và đầy đủ nhất nghĩa của nhan đề “Tràng giang”?

- A. Tên riêng của con sông
- B. Sông dài
- C. Sông rộng lớn
- D. Sông dài và rộng lớn

2. Phương án nào sau đây diễn tả đúng ý nghĩa của các cụm từ “không một chuyến đò ngang”, “không cầu” ở khổ thơ thứ ba?

- A. Diễn tả mối giao cảm của nhân vật trữ tình với thế giới bên ngoài.
- B. Diễn tả sự lạc lõng, bị cô lập của nhân vật trữ tình với thế giới bên ngoài.
- C. Diễn tả vẻ đẹp của dòng sông với những chuyến đò và cây cầu.
- D. Diễn tả sự giãn nở liên tục, không cùng của bầu trời và dòng sông.

3. Mối quan hệ giữa các hình ảnh trong dòng thơ nào dưới đây của bài *Tràng giang* có sự tương đồng với dòng thơ “Gió theo lối gió, mây đường mây” trong *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử?

- A. Mênh mông không một chuyến đò ngang
- B. Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả
- C. Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
- D. Lớp lớp mây cao đùn núi bạc

4. Câu thơ “Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà” trong bài *Tràng giang* của Huy Cận được gợi ý từ tác phẩm nào dưới đây?

- A. *Thu hứng* – Đỗ Phủ
- B. *Chiều hôm nhớ nhà* – Bà Huyện Thanh Quan
- C. *Hoàng Hạc lâu* – Thôi Hiệu
- D. *Bảo kính cảnh giới* – Nguyễn Trãi

(1) *Bóng chiều sa* (sa: rơi xuống): bóng chiều buông xuống.

(2) *Con nước*: (mức) nước sông hay biển dâng lên hay rút xuống mỗi ngày.

(3) Dòng thơ này được gợi từ hai câu thơ trong bài *Lầu Hoàng Hạc* (Hoàng Hạc lâu) của nhà thơ Thôi Hiệu thời Đường (Trung Quốc): “Nhật mộ hương quan hà xứ thị? / Yên ba giang thượng sử nhân sầu”. (Tản Đà dịch: *Quê hương khuất bóng hoàng hôn / Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?*).

5. Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ trong bài thơ đem lại cho em nhiều rung động nhất.
6. Nỗi “buồn điệp điệp” ngấm sâu vào thế giới hình ảnh trong khổ 1. Vì sao?
7. Dòng thơ “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều” có thể có mấy cách hiểu? Cách hiểu của em là gì? Vì sao?
8. Trong sự so sánh với các khổ thơ khác, cách chấm câu ở khổ thơ thứ ba có gì đặc biệt? Phân tích ý nghĩa của cách chấm câu này.
9. Sự xuất hiện của tâm trạng “nhớ nhà” trong dòng kết của bài thơ có phù hợp với sự vận động của tứ thơ không?
10. Nhà phê bình Đỗ Lai Thuý có nhận xét: Nếu thơ Xuân Diệu là “nỗi ám ảnh thời gian” thì thơ Huy Cận là “sự khắc khoải không gian”. Ý kiến của em về nhận định trên như thế nào?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm một số bài thơ hay về đề tài mùa thu trong văn học Việt Nam.
2. Sưu tầm thêm một số bài phê bình về các văn bản thơ đã học trong Bài 6; đọc và ghi chép lại những đoạn văn mà em thấy hứng thú (chú ý cách sử dụng từ ngữ và các kĩ năng phân tích trong đoạn văn đó).

BÀI 7

TUỖ BÚT, TẢN VĂN, TRUYỆN KÍ

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn, giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí; đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết qua văn bản; phát hiện được giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- ▶ Biết cách giải thích nghĩa của từ trong văn bản; trình bày được tài liệu tham khảo trong một báo cáo nghiên cứu.
- ▶ Viết và trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.
- ▶ Yêu quý phong cảnh thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam; trân trọng những giá trị văn hoá, nhân văn đậm đà bản sắc dân tộc.

Kiến thức ngữ văn

1. Tùy bút, tản văn

– Tùy bút là văn xuôi trữ tình thuộc thể kí – một loại tác phẩm tự sự phi hư cấu. Tùy bút ghi chép một cách tự do những suy nghĩ, cảm xúc mang màu sắc cá nhân của người viết về con người và sự việc. Vì thế, bài tùy bút thường thể hiện rất rõ cái “tôi” độc đáo, cũng như tâm hồn, tình cảm sâu đậm của tác giả. Ngôn ngữ của tùy bút thường rất giàu chất thơ.

– Tản văn thuộc thể kí – một dạng tác phẩm gần với tùy bút, là thể văn xuôi phi hư cấu, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. Nội dung bài tản văn thường nêu lên các hiện tượng chân thực, gần gũi với cuộc sống nhưng giàu ý nghĩa xã hội. Thông qua nội dung ấy, người viết bộc lộ trực tiếp tình cảm, suy nghĩ mang đậm cá tính của mình.

– Sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút và tản văn

Với nhiệm vụ ghi chép sự thật của đời sống, từ đó bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết; cả tùy bút và tản văn đều cần có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. Tự sự là kể lại sự việc (bối cảnh, nhân vật, quá trình, kết quả,...); trữ tình là sự thể hiện trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người viết trước

con người và sự việc được nói tới. Tùy vào đề tài và mục đích bài viết mà người viết kết hợp các yếu tố tự sự và trữ tình đậm nhạt khác nhau. Nhưng nhìn chung, tùy bút sử dụng nhiều yếu tố trữ tình, còn tản văn dùng nhiều yếu tố tự sự.

2. Truyện kí

– Là thể loại giao thoa giữa văn xuôi có cốt truyện (hư cấu) và kí (phi hư cấu), truyện kí luôn xuất phát từ hiện tượng có thật trong đời sống. Từ những con người và sự việc có thật (nghe kể lại hoặc chứng kiến), nhà văn lựa chọn, sắp xếp và tổ chức thành câu chuyện hấp dẫn, làm nổi bật đối tượng được phản ánh bằng ngôn ngữ văn học. Truyện kí phát triển mạnh trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, do yêu cầu cổ vũ động viên, ca ngợi người thật, việc thật,... Những tác phẩm như *Sống như anh* (Trần Đình Vân viết về anh hùng Nguyễn Văn Trỗi), *Người mẹ cầm súng* (Nguyễn Thi viết về cuộc đời chị Út Tịch),... là những truyện kí tiêu biểu của thời kì chống Mỹ cứu nước.

– Sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu: Truyện kí vừa sử dụng hư cấu với các chi tiết, tâm lí nhân vật, sự việc,... do nhà văn tưởng tượng ra; vừa chú trọng tính xác thực về con người và sự kiện,... khiến câu chuyện hiện lên vừa chân thực, khách quan, vừa sinh động theo cách nhìn độc đáo của tác giả. Ví dụ: Truyện kí *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi dựa trên câu chuyện có thật về người phụ nữ Nam Bộ anh hùng trong kháng chiến chống Mỹ là cho chị Út Tịch. Trên cơ sở sự việc và con người có thật ấy, để câu chuyện sinh động, hấp dẫn hơn, Nguyễn Thi có những sáng tạo trong việc lựa chọn chi tiết, sắp xếp sự việc, tình huống, sử dụng lời kể, miêu tả tâm lí nhân vật,... Truyện kí *Vào chùa gặp lại* của Minh Chuyên cũng có sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu như vậy.

3. Cách giải thích nghĩa của từ

Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, hiện tượng, khái niệm, cảm xúc,...) mà từ biểu thị. Một từ có thể có một nghĩa hoặc nhiều nghĩa. Nghĩa của từ nhiều nghĩa gồm nghĩa gốc (nghĩa cơ sở) và nghĩa chuyển (nghĩa phái sinh). Để xác định nghĩa cụ thể của một từ nhiều nghĩa trong văn bản, ta cần dựa vào ngữ cảnh (hoàn cảnh giao tiếp và các từ ngữ xung quanh từ ấy).

Có những cách giải thích nghĩa của từ như sau:

– Giải thích bằng cách nêu khái niệm mà từ biểu thị. Ví dụ: Cách giải thích các thuật ngữ *tùy bút*, *tản văn* ở phần *Kiến thức ngữ văn* này.

– Giải thích trực quan. Chẳng hạn, giải thích nghĩa của từ *đàn tía* bằng cách cho xem cây đàn thật hoặc hình ảnh cây đàn; giải thích nghĩa của từ *cây* bằng tranh, ảnh, video.

– Giải thích bằng cách đặt từ cần giải thích vào trong một câu cụ thể nhằm xác lập ngữ cảnh sử dụng. Chẳng hạn, nghĩa của từ *ngon* trong hai ngữ cảnh sau đây sẽ khác nhau: *Món này ngon lắm!* và *Xe này ngon lắm!*.

– Giải thích bằng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa. Ví dụ: *phi trường*: “sân bay”; *thất bại*: trái với “thành công”.

– Giải thích bằng cách giải nghĩa các thành tố tạo nên từ đó. Chẳng hạn, *xe ngựa* là “xe do ngựa kéo”; *yếu điểm* là “điểm quan trọng, điểm chính” (*yếu* có nghĩa là “quan trọng”).

4. Cách trình bày tài liệu tham khảo trong một báo cáo nghiên cứu

Để nghiên cứu một vấn đề, người viết thường phải tham khảo các tài liệu (sách, bài báo, phim ảnh,...) liên quan đến vấn đề đó. Khi trình bày kết quả nghiên cứu (thành báo cáo, bài viết hoặc sách,...), người viết cần thông tin đầy đủ về những tài liệu mà mình đã tham khảo để bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ của tác giả những tài liệu đó, đồng thời giúp cho nội dung báo cáo thêm thuyết phục. Tài liệu tham khảo thường được lập thành danh sách (danh mục), đặt ở cuối bài viết hoặc cuối chương, cuối sách.

Tài liệu tham khảo phải là tài liệu đã đọc, đã được trích dẫn hoặc sử dụng; thường được sắp xếp theo thứ tự chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Đối với tác giả nước ngoài thì xếp thứ tự theo họ tác giả (kể cả các tài liệu dịch ra tiếng Việt); đối với tác giả là người Việt Nam thì xếp thứ tự theo tên tác giả. Thông tin về mỗi tài liệu tham khảo gồm có: tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, nhà xuất bản, địa điểm xuất bản. Nếu tài liệu tham khảo là bài báo thì cần nêu thêm tên tạp chí và số của các trang có bài báo. Trong trường hợp tài liệu tham khảo là báo cáo nghiên cứu được trình bày ở hội thảo nhưng chưa xuất bản thì ngoài thông tin về tác giả, năm công bố, tên tài liệu, cần nêu tên hội thảo và địa điểm tổ chức hội thảo. Ví dụ:

Đào Duy Anh phiên chú (1976), *Quốc âm thi tập*, trong “Nguyễn Trãi toàn tập”, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Cao Xuân Hạo (2000), *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần Đình Sử (1987), “Ai đã đặt tên cho dòng sông – Bút kí sử thi Hoàng Phủ Ngọc Tường”, *Tạp chí Văn nghệ*, số 7.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



THƯƠNG NHỚ MÙA XUÂN^(*)

(Trích *Thương nhớ mười hai*)

VŨ BĂNG

1 Chuẩn bị

– Nhớ lại những văn bản tùy bút, tản văn mà em đã học và đã đọc ở lớp 7, từ đó đối chiếu với khái niệm *tùy bút* trong phần *Kiến thức ngữ văn* để hiểu rõ hơn và vận dụng vào đọc hiểu văn bản *Thương nhớ mùa xuân*.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

- Khi đọc văn bản tùy bút, các em cần chú ý: (*)
- + Văn bản viết về đề tài gì? Cái “tôi” trữ tình thể hiện tình cảm, cảm xúc như thế nào?
- + Kết cấu của văn bản được tổ chức theo lô gích nào? Những chi tiết nào của văn bản gây ấn tượng đối với người đọc?
- + Ngôn ngữ giàu chất thơ của văn bản được thể hiện như thế nào?
- + Văn bản đề cập giá trị văn hoá nào? Điều ấy có liên quan thế nào đến cuộc sống hiện nay và với bản thân em?
- Đọc trước văn bản *Thương nhớ mùa xuân* và tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Vũ Bằng.



Vũ Bằng (1913 – 1984),
quê ở Hải Dương

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh của đoạn trích:

Thương nhớ mười hai (1971) ra đời trong bối cảnh tác giả phải sống xa quê hương vì chiến tranh chia cắt đất nước. Tác phẩm là những trang văn về thiên nhiên, con người, phong tục của người Việt ở Bắc Bộ qua mười hai tháng trong một năm, mỗi tháng đều mang đặc trưng riêng.

Đoạn trích dưới đây viết về tháng Giêng, thuộc chương một của tác phẩm.

2 Đọc hiểu

① Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non⁽¹⁾ đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son⁽²⁾ nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Ồi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà người thiếu phụ⁽³⁾ nọ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải vì đây là mùa xanh nên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

Chú ý cách tác giả giới thiệu về tháng Giêng và mùa xuân.

(*) Khi đọc hiểu văn bản tùy bút, tản văn trong Bài 7, học sinh cần vận dụng những gợi ý ở đây.

(1) Non: núi.

(2) Còn son: còn trẻ.

(3) Thiếu phụ: người phụ nữ đã có chồng nhưng còn trẻ.

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mày ai như trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

2 Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt⁽¹⁾, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu⁽²⁾, gió lạnh lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh⁽³⁾, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình⁽⁴⁾ của cô gái đẹp như thơ mộng...

Cảnh sắc và con người Hà Nội vào mùa xuân có đặc điểm gì?

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang⁽⁵⁾ như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu⁽⁶⁾ mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ⁽⁷⁾ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống!

Anh có thể đập cỏ trên Hồ Gươm⁽⁸⁾, đợi đến sâm sẫm tối ra ngồi ở Thuỷ Tạ⁽⁹⁾ nhìn các cô gái đẹp như tiên mặc áo nhung, áo len trăm màu ngàn sắc, in bóng hình xuống đáy nước lung linh; anh có thể vào một nhà hát thưởng vài khẩu trống⁽¹⁰⁾, “mở quả mứt” phong bao cho các chị em, rồi uống với mỗi em một li rượu “lấy may”; anh có thể đi vào một ngôi chùa khói nhang nghi ngút, đưa mắt nhìn xem có cô nào thực xinh thì quỳ ngay xuống bên cạnh cầu Trời khấn Phật cho cô càng ngày càng đẹp và trong năm lấy được một người chồng xứng ý như... anh vậy.

Ấy đây, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc⁽¹¹⁾ của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương⁽¹²⁾ đứng cạnh.

Cảm xúc của nhân vật “tôi” trước mùa xuân thế nào?

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, dường sá không còn lầy lội nữa mà cái rét ngọt ngào, chứ không còn tê buốt căm căm nữa.

(1) *Bắc Việt*: miền Bắc Việt Nam.

(2) *Mưa riêu riêu*: mưa xuân, hạt mưa nhỏ li ti, đều và kéo dài.

(3) *Đêm xanh*: đêm có trăng và bầu trời trong sáng.

(4) *Huê tình*: tình yêu trai gái ngoài khuôn phép.

(5) *Mang mang*: rộng lớn, bao phủ khắp nơi.

(6) *Ống điếu*: tẩu hút thuốc lá.

(7) *Giang hồ*: ý nói cách sống nay đây mai đó một cách tự do, phóng túng.

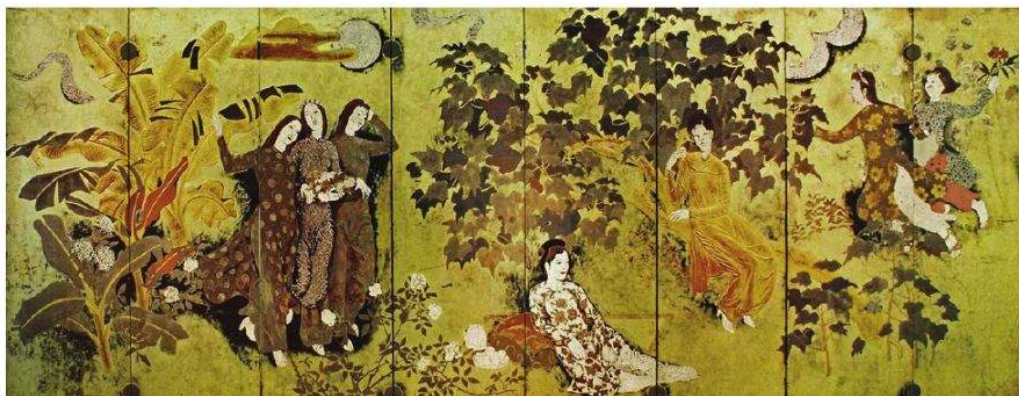
(8) *Hồ Gươm*: hồ Hoàn Kiếm – trái tim của Hà Nội.

(9) *Thuỷ Tạ*: nhà hàng nổi tiếng bên hồ Hoàn Kiếm.

(10) *Khẩu trống*: ở đây chỉ nghệ thuật gõ trống trong nghi thức hát ca trù – thường thức ca nhạc của giới trí thức trước đây.

(11) *Lộc*: sừng non mới nhú ra.

(12) *Uyên ương*: ý nói cặp vợ chồng đẹp đôi, gắn bó.



Thiếu nữ trong vườn (Tranh sơn mài của Nguyễn Gia Trí)

Y như những con vật nằm thu mình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thêm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ thánh, bàn thờ tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng⁽¹⁾ mở hội liên hoan.

3 Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng Giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong⁽²⁾, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mát.

Ở phần **3**, tác giả đã bày tỏ cảm xúc gì về mùa xuân Hà Nội?

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm⁽³⁾, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đục đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rức một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều⁽⁴⁾ treo ở đầu bàn thờ ông vải⁽⁵⁾ đã hạ xuống từ

(1) *Bướm ra ràng*: bướm non mới ra khỏi ổ kén. Câu này ý nói được ở trong không khí đoàn tụ ấm áp của gia đình, lòng người vui sướng, hân hoan.

(2) *Nhụy vẫn còn phong*: nhụy hoa vẫn còn chụm lại, chưa tách nở ra.

(3) *Nồm*: trạng thái thời tiết vào dịp đầu mùa xuân ở miền Bắc, thường ẩm và ẩm ướt.

(4) *Điều*: màu đỏ tươi (tấm màn bằng vải đỏ tươi che trước bàn thờ).

(5) *Ông vải*: tổ tiên.

hôm “hoá vàng” và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

Các con lại đi học cả rồi. Dưới nhà người làm ngời nhắc lại chuyện Tết với nhau “tiền mở hàng được tất cả mười hai đồng” và “đánh tam cúc thua mất ba đồng một”. Một cảnh thanh bình thú vị diễn ra thấp thoáng ở ngoài vườn, sân gác.

Bảo là nóng ư? Không. Bảo là rét ư? Không. Thời tiết lúc đó kì lạ lắm: Rét vẫn còn vương trên ngọn xoan đào, nhưng đất ở ngoài vườn khô ráo, sạch bong, mịn màng như thể đất rừng Đà Lạt sau một đêm sương và qua những kẽ lá chòm cây, có những bông hoa nắng rung rinh trong bể nước.

Thời tiết đặc trưng của Hà Nội sau rằm tháng Giêng như thế nào?

Đêm xanh biêng biếc, tuy chưa có mưa dây, nhưng nhìn lên thấy rõ từng cánh sếu bay. Về khuya, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ: mặc dầu vẫn phải đắp chăn bông, nhưng ban ngày không cần phải mặc áo ấm như hồi cuối Chạp⁽¹⁾. [...]

4 Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.

Cái trăng tháng Giêng, non như người con gái mơn mớn đào tơ, hình như cũng đẹp hơn các tháng khác trong năm thì phải: sáng nhưng không sáng lộng lẫy như trăng sáng mùa thu, đẹp nhưng không đẹp một cách úa héo như trăng tháng Một⁽²⁾. Cái đẹp của trăng tháng Giêng là cái đẹp của nàng trinh nữ then thùng, vén màn hoa ở lầu cao nhìn xuống để xem ai là tri kỉ, mặc dầu không có ai thấy để đoán biết tâm sự mình, nhưng cứ then bâng khuâng, then với chính mình. Ánh trăng lúc ấy không vàng mà trắng như sữa, trong như nước ôn tuyên⁽³⁾. Đi vào giữa ánh sáng mơ hồ ấy, mình cảm như thấy mình bay trong không gian vô bờ bến.

Nằm ở trên cái giường tre ngoài vườn kê dưới một gốc lan tây⁽⁴⁾ thơm phức, mình nghe rõ ràng có tiếng trăng thủ thi thì thầm. Ở nhà ngoài, vọng vào câu chuyện của mấy cô hàng xóm. Không, vào tháng Giêng, người Bắc Việt ít có giải trí nghèo nàn trong rạp hát, nhà xi nê⁽⁵⁾ hay tiệm nhảy: một bà nói chuyện mới đi lễ chùa Trầm về, xin được một cây sâm “thượng thượng”⁽⁶⁾; một cô khác trịnh trọng đưa biếu người chị em thân một gói quà Thiết Quan Âm⁽⁷⁾ của ông bác vừa ở Trùng Khánh về ăn Tết; một bà khác nữa giở hộp trầu ra, vừa nhai vừa cuốn theo lối “sâu kèn” những điều thuốc lá ta ướp hoa ngâu.

(1) Chạp: tháng Mười hai âm lịch.

(2) Tháng Một: tháng Mười một âm lịch.

(3) Nước ôn tuyên: nước suối nóng.

(4) Lan tây: còn gọi là hoàng lan, một loài cây thân gỗ có hoa đẹp và mùi thơm đặc trưng.

(5) Xi nê: phiên âm của từ “cinema” (rạp chiếu phim) trong tiếng Anh.

(6) Cây sâm “thượng thượng”: tương tự như rút được thẻ (quẻ) may mắn đầu năm.

(7) Thiết Quan Âm: tên một loại trà ngon nổi tiếng.

Vào khoảng nửa đêm, thành phố im lặng vắng. Có mấy hạt mưa xuân bắt đầu. Người chồng đóng cửa lại, vào nhà. Không khí lại càng thân mật thêm lên. Chắt chiu trong mười mấy năm trời, kể từ lúc còn hai bữa cơm đèn⁽¹⁾ cho đến bây giờ có đồng ra đồng vào, người vợ đêm xuân cảm thấy con tim có cánh, rót hai li rượu nhỏ màu trắng cùng đôi ẩm với người chồng lấy nhau từ lúc hầy còn nghèo túng. Nay, trầu vàng, vỏ tía ngon đáo để, hay là ta ăn một miếng, rồi bói một quẻ Kiều⁽²⁾ đầu năm xem xấu tốt ra sao hầy đi ngủ, hờ mình?

[...] Người khách xa nhà nằm ngửa mặt lên trần, mơ lại những ngày xuân đã mất và cảm như tất cả những cái vui đẹp, say sưa đó thuộc vào một tiền kiếp xa xôi.

(*Thương nhớ mười hai*, NXB Văn học,
Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh, 1989)

?

1. Đề tài của văn bản *Thương nhớ mùa xuân* là gì? Dựa vào đâu để em biết được điều đó?
2. Xác định nội dung chính của mỗi phần trong văn bản *Thương nhớ mùa xuân*. Theo em, mạch lô gích chính gắn kết các phần của văn bản là gì?
3. Cái “tôi” trữ tình trong văn bản thể hiện tình cảm, cảm xúc gì? Hãy dẫn ra một số câu văn thể hiện rõ tình cảm, cảm xúc ấy.
4. Phân tích sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình của thể loại tùy bút qua một vài biểu hiện cụ thể của văn bản *Thương nhớ mùa xuân* (ngôn ngữ, chi tiết, sự việc,...).
5. Chi tiết nào về thiên nhiên (hoặc phong tục, con người) Hà Nội trong văn bản để lại ấn tượng đặc biệt đối với em? Vì sao?
6. Em hiểu thêm được những gì về giá trị văn hoá dân tộc thông qua văn bản *Thương nhớ mùa xuân*?



VÀO CHÙA GẶP LẠI

MINH CHUYỀN^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại khái niệm truyện kí ở phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

(*) Họ tên đầy đủ của nhà văn là Nguyễn Minh Chuyền.

(1) *Kể từ lúc còn hai bữa cơm đèn*: ý nói kể từ lúc còn vất vả, khó khăn.

(2) *Bói một quẻ Kiều*: một nét văn hoá tâm linh của người Việt; dựa vào những câu thơ trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) để dự đoán những điều sắp diễn ra trong tương lai.

- Khi đọc truyện kí, các em cần chú ý:
- + Tóm tắt được văn bản (viết về ai, sự kiện gì,...).
- + Xác định được chi tiết liên quan đến “người thật, việc thật” và chi tiết hư cấu, sáng tạo. Chi tiết nào của văn bản để lại ấn tượng đặc biệt đối với người đọc?
- + Văn bản thể hiện triết lí nhân sinh gì? Điều ấy có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống hôm nay?
- + Liên hệ, kết nối với kiến thức và kinh nghiệm sống của bản thân để hiểu thêm câu chuyện.



Minh Chuyên, sinh năm 1948,
quê ở Thái Bình

– Đọc trước văn bản *Vào chùa gặp lại*, tìm hiểu thêm những hi sinh, mất mát của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và thông tin về tác giả Minh Chuyên.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây:

Vào chùa gặp lại là những trang viết về người thật, việc thật: Sư thầy Đàm Thân vốn là Lương Thị Thân – một cô gái xinh đẹp quê Thái Bình tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trở thành một nữ quân y đường dây 559 Trường Sơn và từng bị thương, bị phơi nhiễm chất độc da cam. Sau chiến tranh, trở về quê hương, Thân vào chùa tu hành và làm việc nghĩa vì không muốn để lại gánh nặng và nỗi đau cho gia đình, xã hội.

Văn bản dưới đây có lược một vài đoạn.

2) Đọc hiểu

1 [...] Qua gần chục ngôi chùa, tôi dừng lại một ngày để đến chùa Đông Am, xã Quang Bình, huyện Kiến Xương. Ngôi chùa có sư Đàm Thân. Tôi thật không ngờ, Thân vừa tu hành, vừa nhận nuôi dưỡng năm đứa trẻ tàn tật, con của những người đồng đội bị nhiễm chất độc da cam, bố mẹ đều đã chết. Người y sĩ tôi gặp ở bệnh trạm 31 hơn hai mươi năm trước, giờ đây gặp lại đã trở thành vị “bồ tát”⁽¹⁾ nhân từ đang ngồi trước mặt chúng tôi.

Chú ý các thông tin cụ thể về người thật, việc thật được nêu ở phần **1**.

Đàm Thân vừa đi giám định nâng loại thương tật về. Cùng đến thăm chùa, tôi mời cả chị Vũ Thị Bích, người đã có một thời sống với nhà sư ở chiến trường.

Tôi nghĩ, dẫu mình là chỗ quen biết Đàm Thân, nhưng hỏi chuyện đời của nhà sư thật quả rất khó. Vì hầu như những người đã đến cửa chùa, họ không muốn mọi người biết thân phận quá khứ của họ. Có chị Bích, người bạn cũ, lại là phụ nữ, họ dễ thông cảm, dễ tâm sự với nhau hơn.

Sau những phút niềm nở gặp nhau, ôn lại chuyện xưa, thăm hỏi gia đình, Bích gọi chuyện:

(1) *Bồ tát*: người có tấm lòng từ bi, sẵn sàng hi sinh để cứu độ người khác.

– Cứ tưởng ngày đó ra miền Bắc, Thân đi học bác sĩ. Gần đây mới biết tin Thân đi chùa. Không ngờ sư thầy Đàm Thân lại chính là bạn.

Bích ngập ngừng rồi hỏi:

– Vì sao Thân lại vào đây?

Thân bảo:

– Sau khi xa cậu, mình không ra Bắc mà chuyển về Lao Bảo. Từ đó, mọi ý nghĩ của mình đều thay đổi. “Sự cố” cuộc đời đã dắt mình vào nơi cửa Phật. Với lại vào đây, có lí do riêng của mình.

Lí do “sự cố” và con đường hành đạo nơi cửa thiền của chuẩn úy Lương Thị Thân là điều lấp khuất, bí ẩn. Song rất may nhờ Vũ Thị Bích, chúng tôi đã am hiểu được đôi điều lấp khuất, bí ẩn ấy.

2 Đàm Thân ngồi trầm lặng, ngược nhìn lên, vẻ mặt xa xăm, mắt chớp chớp hồi nhớ một thời đã qua. Thân kể: Từ binh trạm 31 của đoàn 559, Thân chuyển về làm bệnh xá phó của trung đoàn 8. Ít lâu sau được cử ra miền Bắc học tập, nhưng Thân đã tình nguyện ở lại phục vụ hết chiến dịch mới ra. Giữa những ngày ấy, Thân nhận được tin do một người bạn từ Tây Ninh ra cho biết: Nguyễn Hồng Quân, người yêu của Thân đã hi sinh. Chết chóc ở chiến trường là chuyện thường tình, nhưng tin Quân tử trận vẫn làm Thân bàng hoàng đau đớn. Bởi với Thân, anh là một nửa sự sống của cô. Những ngày hăm hở lao vào phục vụ chiến đấu nơi mặt trận cũng một phần vì anh. Thân hi vọng khi đất nước thống nhất, Thân và anh sẽ trở về mãi mãi sống hạnh phúc bên nhau. Vậy mà Quân không còn. Anh hi sinh, Thân đau xót cảm như một nửa đời mình “đã chết”. Nhưng rồi chiến trường chẳng cho ai buồn lâu, nhớ lâu. Nhiệm vụ dồn dập đến, Thân theo đoàn xe chở bộ đội về Lao Bảo – Quảng Trị. Ngày 12 tháng 2 năm 1975, cái ngày tiến quân ào ào như cơn lốc ấy, Thân bảo: Suýt nữa đời cô đã đi vào cõi vĩnh hằng. Hôm đó, đoàn xe vừa lên tới đỉnh dốc Chu Linh thì máy bay địch ập đến bắn phá. Khói bom và đất đỏ tung bay mịt trời. Đoàn xe trúng bom khủng khiếp, nhiều chiếc bốc cháy, xô đổ, lao xuống vực sâu. Thân bị ba vết thương ở đầu, ở gối chân và ở cột sống, bất tỉnh. Cô được đưa tới một đội điều trị dã chiến sơ tán trong dân. Khi tỉnh lại, biết mình sống được là nhờ hai chiến sĩ cùng đơn vị khiêng đi cấp cứu và hiến máu tình nguyện để cứu cô. Khi quay về, hai chiến sĩ ấy đã hi sinh vì trúng pháo bầy của địch, nên Thân cứ nằm thương khóc hoài. Cơ sở Thân nằm điều trị là một gia đình Phật tử, thờ Phật tại gia. Thân bảo ngày ngày đều đặn cô được nghe gia chủ thỉnh kinh gõ mõ. Lời kinh Phật nhân từ, sâu lắng làm tâm hồn cứ lâng lâng du mộng, sau này, Thân mới hiểu đó là Báo ân chân kinh và kinh Pháp hoa⁽¹⁾. [...]

Sư Đàm Thân đã kể lại chuyện gì về “một thời đã qua” ở chiến trường?

Thân bảo: “Thế là từ đó đạo Phật cứ ngấm dần, ngấm dần rồi chuyển hoá tôi. Tôi bắt đầu học chữ Nho, học ngay khi đang nằm điều trị. [...]

(1) Báo ân, Pháp hoa: những bộ kinh chân chính của đạo Phật, răn dạy những điều lương thiện cho con người.

Khi lành vết thương, cũng là lúc tiếng súng trên chiến trường miền Nam im hẳn. Cuộc chiến kết thúc, với 62% thương tật, Lương Thị Thân trở về Nam Cường – Tiền Hải hưởng chế độ thương binh 2/4. Về quê, xanh xao những con sốt rét rừng Trường Sơn đã “biến mất”, sức khoẻ dần dần hồi phục. Nét đẹp duyên dáng của người con gái làng biển lại thức dậy trên đôi má trắng tròn và mái tóc dài óng mượt của Thân. Trai làng có người để ý. Nhưng từ lâu Thân đã áp ủ nguyện ước phó thác cuộc đời nơi Tam bảo. Phần thì để giữ trọn mối tình đầu thủy chung với Hồng Quân, người là nửa sự sống của đời cô. Phần vì giấc mơ ngày ở chiến trường luôn luôn linh ứng ám ảnh. Thân muốn được cầu nguyện cho ân nhân của mình, cho những người đồng đội, cho cả anh Quân nữa để vong linh họ siêu thoát, thi thể họ nguyên lành. Thân bảo đi chùa:

Câu chuyện ở chiến trường hơn 20 năm trước của nữ quân y Lương Thị Thân có gì đặc biệt?

“Đâu vì thân độ đáng thân

Mà mong đồng đội trăm luân vẹn toàn”.

3 Những ngày đầu, bố mẹ Thân ngăn cấm không cho xuất gia⁽¹⁾. Cô phải trốn đi. Thương con, bố Thân lặn lội lên rừng, xuống biển hơn tháng trời mới tìm thấy cô ở động Hương Tích. Ông bắt Thân về “xuất giá tòng phu”⁽²⁾. Về nhà Thân vẫn quyết chí hướng tới cửa Phật, kiên trì thuyết phục xin cha mẹ cho được đi tu.

Chú ý phân biệt lời của nhân vật (sư Đàm Thân) và lời người kể chuyện “tôi” trong phần **3**

Thấy chí con không đổi, cuối cùng thầy mẹ cô đành chấp nhận.[...]

Những ai mơ tưởng vào nơi cửa Phật là trút bỏ mọi nhọc nhằn của kiếp người trăm luân, là những mong “đắc đạo hoá toan phận mình”⁽³⁾ thì không phải. Với Lương Thị Thân, những ngày bước vào cửa thiền là những ngày đầy khổ ải, vất vả, gian nan.

Ngôi chùa đầu tiên mở cửa đón Thân là chùa Đông Trú, Kiến Xương. Nhiệm vụ của Thân vừa làm công việc của một chú tiểu, vừa lo săn sóc, nuôi dưỡng sư bác Trần Diệu Tánh bị tàn tật do di chứng nhiễm chất độc da cam, chân tay co quắp, liệt toàn thân. Thân bảo:

– Để hoàng dương⁽⁴⁾ cho mình và mọi người, tôi xác định: “Trước hết mình hãy chăm sóc và hoàng dương cho sư bác bớt nỗi bất hạnh mà người đang phải gánh chịu”. Từ đó, ngày ngày Thân làm việc cần mẫn từ sáng sớm tinh mơ đến tận sao khuya. Vừa quét dọn chùa, chuẩn bị nhang đèn, sắm sửa lễ ngãi, vừa trồng cây, chăn nuôi tự túc lương ăn, vừa giặt giũ, tắm rửa, thuốc men chăm sóc sư bác Trần Diệu Tánh. Dù bận mãi tối ngày, Thân vẫn tranh thủ học chữ Nho, đọc kinh, tu luyện nhân tâm.

(1) *Xuất gia*: từ bỏ cuộc sống trần tục vào chùa tu.

(2) *Xuất giá tòng phu*: ý nói con gái lấy chồng phải theo chồng.

(3) *Đắc đạo hoá toan phận mình*: ý nói giác ngộ đạo chỉ vì bản thân mình.

(4) *Hoàng dương*: (tương tự “hoảng dương”) mang giáo lý đạo Phật đến với mọi người.

Đều đặn, gần năm năm khổ công thử thách và hành đạo, chú tiểu Lương Thị Thân được lên sư bác và mấy năm sau nữa được phong là sư thầy. Sư thầy Đàm Thân được Giáo hội Phật giáo điều về trụ trì chùa Đông Am, xã Quang Bình này.

Vào chốn linh thiêng, tâm hồn được thanh thản, thể xác được an nhàn. Có người nghĩ thế. Đàm Thân bảo: đó chỉ là ảo vọng và cho rằng ở chốn linh tiên con người tu luyện không chỉ bằng tâm thể⁽¹⁾ mà còn phải bằng hành thể.⁽²⁾ Nghĩa là ngoài đọc kinh, hành đạo còn phải “xắn tay” xóc vác những công việc của người đời.

Đàm Thân bảo:

– Ba giờ sáng dậy làm vệ sinh. Bốn giờ lên thỉnh một hồi chuông, sau đó vào tụng kinh đến sáu giờ. Ban ngày tăng gia sản xuất. Chín giờ tối đến một giờ đêm lại tĩnh tâm niệm Phật. Sáng chiều⁽³⁾, tối mộ⁽⁴⁾, là bốn phận của nhà chùa.

Nghe thời gian làm việc sít sịt ngày và đêm. Quả là ở chốn linh tiên, con người tu luyện cũng phải có nghị lực rất lớn.

④ Lên bậc sư thầy, Thân vẫn chẳng nề hà việc chi. Đi đâu, tới chùa nào Thân cũng được mọi người mến mộ, kính nể. Ở chùa Đông Am, vừa lễ Phật, cầu kinh, sư thầy Đàm Thân vừa xóc vác cùng mọi người tu sửa, cải tạo, mở mang, biến ngôi chùa này, một di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng, vốn hoang tàn, thành ngôi chùa cảnh sạch cỏ, đồ nhang. Từ ngày Đàm Thân về trụ trì, chùa Đông Am liên tục đoạt danh hiệu chùa bốn gương mẫu. Khi trao đổi với Ủy ban Mặt trận huyện Kiến Xương tôi mới hay: Sở dĩ Đông Am là chùa gương mẫu vì sư thầy Đàm Thân không để các tạp giáo⁽⁵⁾, bá đạo⁽⁶⁾ len lỏi vào chùa. Không lợi thế của Phật để làm những điều nhảm nhí, mê tín, đồng bóng, xóc thẻ, yểm bùa, đốt mã, gọi hồn,...

Đặt cuốn kinh Phật đã quăn góc lên bàn, Đàm Thân nói:

– Người chính thống theo đạo Phật thì suốt đời chỉ tâm niệm với chính đạo mà thôi. Cuốn kinh Pháp hoa này răn dạy người đời nhiều điều từ tâm, linh nghiệm lắm.

Rồi Đàm Thân nói về thuyết luân hồi, nói về những điều linh ứng của kinh Pháp hoa và bảo: “Ai đọc được ba vạn tám ngàn lần kinh Pháp hoa, người ấy sẽ nhìn thấy được hoa của lòng người”. Tôi chưa hình dung nổi hoa của lòng người ra sao, Thân giải thích:

– Hoa của lòng người như mặt điện từ trường⁽⁷⁾ trong dòng điện, người thường không ai nhìn thấy mà vẫn rọi sáng cả thế gian.



Những việc làm tốt đời, đẹp đạo của sư Đàm Thân là gì?

(1) *Tâm thể*: suy nghĩ.

(2) *Hành thể*: thực hành.

(3), (4) *Chiều, mộ*: sớm, chiều.

(5) *Tạp giáo*: ý nói sự pha tạp, tiêu cực, không phải là tôn giáo chân chính.

(6) *Bá đạo*: ý nói mưu mô, gian xảo.

(7) *Mặt điện từ trường*: ý nói ánh sáng nhỏ.

Thân nói tiếp:

– Hoa của lòng người bay đến nơi đâu, nơi ấy có đầy đủ nhân, nghĩa, tín, lễ, trí⁽¹⁾,...

Đang trò chuyện bỗng một chú tiểu rất trẻ, mắt sáng, đầu chít khăn nâu bước vào, người hơi cúi xuống, khẽ thưa:

– Dạ thưa thầy, có đệ tử vào dâng hương ạ.

Đàm Thân xin lỗi khách đi lên chùa Phật, chừng một lát lại xuống phòng tiếp chúng tôi. [...]

5 Trò chuyện với Lương Thị Thân, Vũ Thị Bích, tôi cảm thấy như khoảng cách nhà sư dần được thay bằng tình cảm của đôi bạn. Tình cảm của hai cô gái từng chung sống trong một cái lán dưới rừng Trường Sơn hơn hai mươi năm trước. Và họ đắm thắm thổ lộ tâm tình cùng nhau. Bích hỏi:

– Thân vẫn đẹp như ngày xưa. Ở chùa, có người nào đến quấy quả không?

Nhìn Thân thoáng buồn, người thừ ra, im lặng. Bích tiếp:

– Ở chùa cảnh tĩnh lại trăng thanh gió mát, Thân đẹp thế, sao mà tránh khỏi phải không?

– Mô Phật. Không. – Thân lắc đầu. – Chỉ có một đêm... – Thân nói rồi im lặng.

Bích hiểu ở nơi xa rời phạm tục, chắc là có một đêm không bình thường. Thân nhìn Bích rồi khẽ khàng kể lại cái đêm ấy.

Thân đang ngồi xếp bằng, một tay gõ mõ, một tay gõ chuông, lòng tĩnh tâm, miệng đọc kinh niệm Phật. Đêm khuya thanh vắng, tiếng chuông càng ngân vang. Bỗng lòng dạ bồn chồn như có người mong đợi. Cố đọc hết hai quyển kinh Di Đà và kinh Phổ môn, gấp lại, tay xách cây đèn bão, Thân lững thững bước ra. Thoáng ánh đèn, bất chợt thấy khuôn mặt một người đàn ông đứng bên gốc cây đại, sát mái hiên chùa. Thân bàng hoàng nhận ra khuôn mặt ấy rất giống Hồng Quân – người yêu của cô. Đứng lặng người trong trạng thái như vừa mê, vừa tỉnh. Thân chợt nghĩ, trong những năm tháng cầu nguyện cho Quân, bây giờ vong linh anh ấy đã hiện hình.

– Mô Phật. – Thân từ từ nâng một bàn tay lên chấp trước mặt, miệng lầm bầm mô Phật. Cầu mong cho anh mau chóng siêu thoát, sống khôn chết thiêng, phù hộ cho mẹ cha và Thân mạnh khỏe.

Người đàn ông nghe Thân lầm bầm, từ gốc cây đại khẽ khàng bước ra, miệng nói:

– Không! Anh là Quân đây. Anh còn sống. Anh mới về, Thân không nhận ra sao?

Chi tiết nào cho thấy đây là câu chuyện có thực?

Góc khuất tình cảm riêng tư của sư Đàm Thân đã hiện ra qua cuộc nói chuyện với ai? Nội dung chính của câu chuyện là gì?

(1) Nhân, nghĩa, tín, lễ, trí: năm phép ứng xử luân lý, đạo đức của đạo làm người theo quan niệm Nho giáo.

Thân mơ hồ rồi bừng tỉnh. Một tay giơ cây đèn, một tay chìa lên phía trước run run, mắt chăm chăm nhìn, miệng nói líu lại:

- Anh là ... Quân thật ư?
- Thật. Anh là Quân đây mà.
- Trời ơi! Anh còn sống. Vậy mà...

Các chú tiểu người đốt nến, thắp hương, người lấy nước tiếp khách và họ được chứng kiến cảnh tượng gặp lại người thân của sư thầy thật éo le. Khi còn hai người ngồi đối diện nhau qua cái bàn gỗ lim của nhà chùa, Hồng Quân đã kể lại vì sao hi sinh mà “thân chết” lại tha anh.

Hôm ấy, đơn vị Quân tập kích một đại đội lính nguy bên sườn núi Bà Đen⁽¹⁾. Bị lộ, địch gọi máy bay tới bắn phá huỷ diệt lực lượng của ta. Nhiều chiến sĩ trúng bom thân hình tan nát. Quân bị trọng thương và sức gió của trái bom nổ gần hất tung vào một khe đá, bất tỉnh. Sau đêm đó, đơn vị đã tổ chức lễ truy điệu cho cả trung đội, trong đó có Hồng Quân. Nằm chờ chết trong khe đá đến ngày thứ tư, mùi vết thương bay ra làm những người đi rừng dừng lại tìm kiếm. Lần theo, họ vạch lùm cây bên tảng đá, thấy Quân đang thoi thóp. Họ khiêng Quân về bản Tà Keo, chạy chữa thuốc men rồi giao lại cho một đội điều trị gần đấy. Quân sống sót là nhờ dân bản. Khi tỉnh táo, Quân nhận được tin Thân đã hi sinh ở chiến trường Lao Bảo. Anh nói:

Nhân vật Hồng Quân đã kể lại chuyện gì?

– Vì thế khi giải phóng miền Nam, phần thì phải ở lại chờ phẫu thuật vết thương tái phát, phần thì nghĩ về quê Thân có còn đâu.

Hồng Quân tiếp:

– Đến khi sang bên này thăm thầy mẹ, mới hay là Thân còn sống và đang ở chùa.

Quân cảm động nói tiếp:

– Người ta bảo Thân đi chùa là vì tôi. Xin cảm ơn Thân nhiều. Nay biết Thân tu ở chùa này, tôi đến đón Thân về đây.

Đường đột gặp lại người thương và nghe Quân kể chuyện từ cõi chết trở về, Thân vừa mừng vừa thương. Mừng vì anh còn sống, thương vì cô không thể chăm lo phần đời còn lại của Quân được nữa. Thân nói, lòng nghẹn ngào:

Hình dung về tình cảm và thái độ của nhân vật Thân sau khi nghe Quân kể.

– Anh Quân ơi! Nếu em chưa phát nguyện tu hành thì nhất định em sẽ về với anh. Nhưng bây giờ em đã theo đạo Phật rồi, anh thông cảm cho em nhé anh.

(1) Núi Bà Đen: ngọn núi thuộc tỉnh Tây Ninh.

Nhìn Thân vẫn khuôn mặt vàng trắng, và đôi mắt đẹp thơ mộng như ngày xưa, vẫn nước da trắng mịn và lời nói dịu dàng, Quân bảo:

– Tu nơi cửa Phật, nhiều người vẫn phá giới về với cõi đời. Thân về với tôi đi. Tôi sẽ xin cho Thân hoàn tục.

– Mô Phật! Không. Em đã hoàng dương rồi. Nhà Phật không cho người hoàng dương về đâu.

Chối từ mãi, Quân vẫn van vãn, tha thiết khuyên Thân xa rời cõi hư vô về với tổ ấm gia đình. Thân đành phải nói rõ thân phận của mình, nói cái điều mà cô chưa hề thổ lộ cùng ai. Đó là do hậu quả di chứng chất độc da cam và vết thương cột sống. Nó thường xuyên làm nửa người phía dưới của Thân tê dại. Bác sĩ đã kết luận Thân không còn khả năng... Thân không thể đem lại tương lai và hạnh phúc cho Quân được. Chỉ có ở nơi hư vô cửa Phật, lòng Thân mới bớt nỗi sầu đau.

Vi sao Thân từ chối lời cầu khẩn của Quân?

Nghe Thân giải bày, Quân đau đớn ngồi im, thương quá mà lực bất tòng tâm. Những ngày yêu nhau trong đạn bom, hai người thầm mong ước, bao giờ hết giặc, họ sẽ về mãi mãi sống bên nhau. Vậy mà hết chiến tranh rồi, tiếng bom vẫn âm thầm nổ trong “lòng họ”. Chiến tranh đã cướp mất tình yêu.

Thân lau nước mắt, khẽ nói chỉ đủ hai người nghe rõ:

– Ở nơi cửa thiền, em sẽ cầu nguyện cho anh có cuộc sống mới luôn luôn tốt lành và hạnh phúc!

Rồi đêm đó hai người chia tay nhau.

Thân quay sang Bích và bảo:

– Cái đêm hôm ấy là thế đấy.

Bích nắm bàn tay bạn, thở dài:

– Vậy mà mình cứ ngỡ... thì ra anh Quân vẫn còn sống và vẫn nhớ tới Thân.

Bích tiếp:

– Bây giờ anh Quân ở đâu? Lâu nay Thân có gặp lại anh ấy không?

– Có! – Thân nói – Vừa qua, tôi đi lễ Phật Đản bên chùa Bình Dương. Vừa tới cửa Tam Quan, bỗng giật mình khi gặp một người đàn ông đầu trọc, chít vành khăn nâu, vận quần áo nhà chùa. Thấy tôi, người ấy lúng túng về muốn tránh mặt. Tôi nhận ra và thốt lên: “Anh Quân. Anh đi chùa sao không cho Thân biết?”. Lúc đó, anh ấy chẳng nói gì.

Hành động nào của Quân khiến người đọc bất ngờ?

Nghe Thân kể, Vũ Thị Bích từng được chứng kiến bao cảnh đời éo le, vẫn không ngờ Quân lại tìm vào nơi cửa Phật, Bích hỏi:

– Thân có biết vì sao anh Quân lại đi tu?

Thân ngượng ngùng, nói:

– Anh Quân bảo, anh bị nhiễm chất độc đi-ô-xin⁽¹⁾ ngày còn ở núi Bà Đen. Khi về quê nhìn thấy cảnh “tật nguyên quái dị” của những người đồng đội cùng bị nhiễm độc như anh, anh Quân sợ làm khổ đời Thân sau này, nên có ý định muốn xa Thân. Nhưng khi gặp nhau, anh ấy bảo, tình yêu đã át hết, nên mới nài nỉ khuyên Thân “phá giới” rời chùa.

Thân nói tiếp:

– Khi Thân từ chối, ra về, anh ấy quyết không xây dựng tổ ấm gia đình nữa, vì biết mình cũng sẽ gây đau khổ cho vợ con như bạn mình. Anh ấy bảo, nghe chuyện Thân vào chùa vẫn làm được nhiều việc hữu ích, vì thế anh ấy đã quyết định đi chùa.

Bích nói:

– Anh Quân đi tu, theo mình, còn một lí do nữa.

Im lặng, vẻ mặt hơi ngượng ngùng, Thân hỏi Bích:

– Lí do gì?

Bích khẽ mỉm cười:

– Chung thủy với mối tình xưa, đúng không?

Bích nói tiếp như để an ủi bạn mình:

– Gặp được một người như anh Quân, dù phải cách xa nhau, cũng là mãn nguyện Thân ạ.

6 Thân khẽ gật đầu. Bỗng cửa chùa có khách vào dâng lễ. Mô Phật, sư thầy Đàm Thân đứng dậy, vẫn cái dáng đi hơi lệch, tập tễnh trong bộ quần áo nâu sẫm, tay cầm quyển kinh Pháp hoa, thư thả bước lên chùa. Nhìn bóng Đàm Thân khuất sau cánh cửa Tam Bảo, tôi chợt nhớ lời nhà sư nói về sự linh ứng của kinh Pháp hoa, và cứ mừng tượng như thể mình đã nhìn thấy hoa của lòng người.

Chú ý chi tiết về cảm nghĩ của nhân vật “tôi” sau cuộc gặp gỡ với sư Đàm Thân.

(Người lang thang không cô đơn, Truyện kí, in lần thứ 4, NXB Văn học, Hà Nội, 2018)

(1) *Đi-ô-xin*: chất độc hoá học mà quân đội Mỹ phun rải xuống các cánh rừng, thôn ấp nhằm triệt hạ nguồn sinh sống của nhân dân Việt Nam, ngăn chặn bước tiến của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam.



1. Văn bản trên có những nhân vật nào? Nhân vật chính là ai?
2. Nhân vật “tôi” gặp lại người nữ quân y trong tình huống nào? Ý nghĩa của tình huống ấy là gì?
3. Thái độ, tình cảm của tác giả đối với nhân vật chính được thể hiện trong văn bản như thế nào? Dẫn ra một số câu văn chứng tỏ điều đó.
4. Chỉ ra một số chi tiết cho thấy sự kết hợp giữa yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản *Vào chùa gặp lại*. Theo em, sự kết hợp này có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện?
5. Chi tiết nào trong văn bản để lại ấn tượng đặc biệt đối với em? Vì sao?
6. Theo em, câu chuyện muốn truyền đạt tới người đọc thông điệp nhân sinh gì? Điều đó còn có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống hôm nay?

Thực hành đọc hiểu



AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông*?. Tìm hiểu thêm những thông tin về tác phẩm và tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường từ các nguồn khác nhau (sách, báo, Internet,...); lựa chọn và ghi chép lại một số thông tin cần thiết cho việc đọc hiểu văn bản.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây:

+ *Ai đã đặt tên cho dòng sông*? được Hoàng Phủ Ngọc Tường viết tại Huế vào tháng 1-1981, rút từ tập kí cùng tên. Bài kí này đậm chất tùy bút.

+ Tác phẩm gồm ba phần, văn bản dưới đây trích phần thứ nhất.



Hoàng Phủ Ngọc Tường
sinh năm 1937, quê ở Quảng Trị

2) Đọc hiểu

① [...] Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan⁽¹⁾ phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lí giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở. Nếu chỉ mãi mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu một cách đầy đủ bản chất của sông Hương với cuộc hành trình gian truân mà nó đã vượt qua, không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khoá trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng.

Phần ① miêu tả sông Hương ở đâu?

② Phải nhiều thế kỉ qua đi, người tình mong đợi mới đến đánh thức người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại. Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng giữa khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó. Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản, để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả. Giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những

Nhà văn đã hình dung về sông Hương như thế nào trước khi sông Hương chảy qua thành phố Huế?

(1) *Di-gan*: chỉ vẻ đẹp hoang dã, phóng khoáng, tự do, khoẻ khoắn – nét đặc trưng của bộ lạc Di-gan, sống rải rác ở nhiều quốc gia Đông Âu.

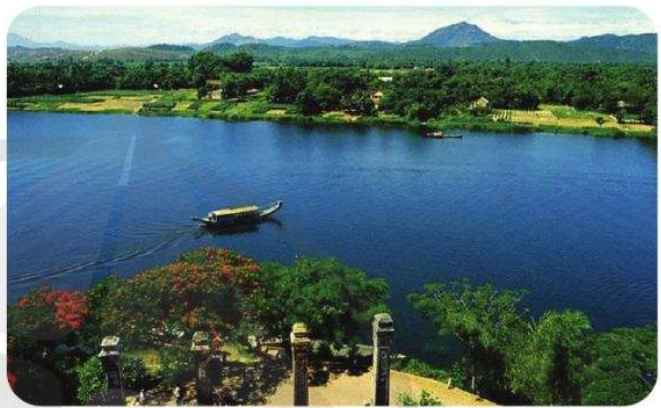
rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ toả lan khắp cả một vùng thượng lưu “Bồn bề núi phủ mây phong – Mảnh trăng thiên cổ, bóng tùng Vạn Niên”. Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương, như triết lí, như cổ thi, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà...

③ Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biên bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam – đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó

đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non. Giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu. Và như vậy, giống như sông Xen của Pa-ri, sông Đa-nuýp của

Bu-đa-pét, sông Hương nằm ngay giữa lòng thành phố yêu quý của mình; Huế trong tổng thể vẫn giữ nguyên dạng một đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông. Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương toả đi khắp phố thị, với những cây đa, cây cừa⁽¹⁾ cổ thụ toả vàng lá u sẫm xuống những xóm thuyền xúm xít; từ những nơi ấy, vẫn lập loè trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê⁽²⁾ xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được. Những chi lưu ấy, cùng với hai hòn đảo nhỏ trên sông đã làm giảm hẳn lưu tốc của dòng nước, khiến cho sông Hương khi qua thành phố đã trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh. Tôi đã đến Lê-nin-grát⁽³⁾, có lúc đứng nhìn sông Nê-va cuốn trôi những đám băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của Mặt Trời mùa xuân; mỗi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với chiếc thuyền xinh đẹp của chúng; và đoàn tàu tốc hành lạ lùng ấy với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt qua trước cung điện Pê-téc-bua cũ để ra bể Ban-tích. Tôi vừa từ trong khói lửa miền Nam đến đây, lâu năm xa Huế, và chính Lê-nin-grát đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ

Đặc điểm của sông Hương khi chảy trong lòng thành phố Huế là gì?



Sông Hương (Ảnh: dulichkhampha24.com)

Chú ý các chi tiết thể hiện cảm xúc, tình cảm của nhân vật “tôi”.

(1) *Cây cừa*: một loại cây thân gỗ, mọc ven sông, giống cây si nhưng lá to và dày hơn.

(2) *Linh hồn mô tê*: linh hồn mộc mạc, dân dã nào đó.

(3) *Lê-nin-grát*: thành phố của nước Nga, nay được đổi thành Xanh Pê-téc-bua.

lộng lẫy của tuổi đại; ôi, tôi muốn hoá làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thuỷ tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vỗ tay, nhưng sông Nê-va đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo. Hai nghìn năm trước, có một người Hy Lạp tên là Hê-ra-clít, đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh⁽¹⁾, thế vậy! Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điệu chảy lặng lẽ của nó khi ngang qua thành phố... Đây là điệu *slow*⁽²⁾ tình cảm dành riêng cho Huế, có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những ván vương của một nỗi lòng.

Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày, hoặc trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm⁽³⁾ của những mái chèo khuya. Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này, với một *phiến trăng sầu*. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều. Tôi đã chứng kiến một người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỉ, một buổi tối ngồi nghe con gái đọc *Kiều*: “Trong như tiếng hạc bay qua – Đục như tiếng suối mới sa nửa vời”... Đến câu ấy, người nghệ nhân chợt nhòm dậy vỗ đùi, chỉ vào trang sách Nguyễn Du mà thốt lên: “Đó chính là Tứ đại cảnh!”⁽⁴⁾

Rời khỏi kinh thành, sông Hương chếch về hướng chính bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ. Và rồi, như sự nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ. Đối với Huế, nơi đây chính là chỗ chia tay đôi xa ngoài mười dặm trường đình⁽⁵⁾. Riêng với sông Hương, vốn đang xuôi chảy giữa cánh đồng phù sa êm ái của nó, khúc quanh này thực bất ngờ biết bao. Có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hoá nó lên, tôi gọi đây là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình tự,

Nét độc đáo của sông Hương sau khi rời khỏi Kinh thành Huế là gì?

(1) Câu nói của nhà triết học Hy Lạp cổ đại Hê-ra-clít: “Không ai có thể tắm hai lần trên một dòng sông”, ý nói “vạn vật biến chuyển”, không lặp lại.

(2) *Điệu slow*: giai điệu nhẹ nhàng, chậm rãi.

(3) *Tiếng nước rơi bán âm*: chỉ tiếng nước rơi trầm đục theo cách cảm nhận âm nhạc.

(4) *Tứ đại cảnh*: tên một bản nhạc cổ Huế, tương truyền do vua Tự Đức sáng tác.

(5) *Trường đình*: trạm (nhà, quán) đặt dọc đường đi ở Trung Hoa thời xưa để khách bộ hành nghỉ chân, cứ 10 dặm lại có một trạm.

ở ngã rẽ sông này, sông Hương đã chí tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả: “Còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ...”. Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian; ấy là tấm lòng người dân nơi Châu Hoá xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở.

4 [...] Hiển nhiên là sông Hương đã sống những thế kỉ quang vinh với nhiệm vụ lịch sử của nó, từ thuở nó còn là một dòng sông biên thủy xa xôi của đất nước các vua Hùng. Trong sách địa dư của Nguyễn Trãi, nó mang tên là Linh Giang, dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỉ trung đại. Thế kỉ mười tám, nó về vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ; nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ mười chín với máu của những cuộc khởi nghĩa, và từ đây sông Hương đã đi vào thời đại Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển. Cùng với niềm cổ vũ nồng nhiệt dành cho nó trong mùa xuân Mậu Thân, Huế đã nhận được những lời chia buồn sâu sắc nhất của thế giới về sự tàn phá mà đế quốc Mỹ đã chụp lên những di sản văn hoá của nó. “Các trung tâm lớn của chúng ta về lịch sử, văn hoá, học thuật và về chính quyền rất nhiều. Phải hiểu rằng Huế là một thành phố kết hợp tất cả những cái đó, giống như các thành phố Luân Đôn, Pa-ri và Béc-lin,... Một số trong các di sản đó đã bị phá huỷ lúc Thành Nội Huế bị ném bom. Không thể so sánh sự mất mát này với sự mất mát của một viện bảo tàng hay một thư viện ở Mỹ. Sự phá huỷ những di sản này cũng có tính chất giống như sự mất mát xảy ra đối với nền văn minh châu Âu khi một số công trình của nền văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại bị đổ nát vì các nhà thờ bị phá hoại”. Đó là sự đánh giá đầy phần nộ của chính người Mỹ, Ra-pha-en Li-tao-ơ, Noóc-man U-phốp và nhóm giáo sư Đại học Coóc-nen, trong một tác phẩm khoa học đầy mùi thuốc nổ và hoá chất độc mang tên *Cuộc chiến tranh không quân ở Đông Dương*. Tháng trước, tôi được dịp có mặt trong cuộc tiếp đón ở Thành uỷ Huế chào mừng đoàn đại biểu của Hội nghị tổng kết chiến tranh, tại thành phố. Thay mặt Quân uỷ Trung ương, đồng chí Đại tướng⁽¹⁾ phát biểu: “Lịch sử Đảng đã ghi bằng nét son tên của thành phố Huế, thành phố tuy nhỏ nhưng đã cống hiến rất xứng đáng cho Tổ quốc”... Đồng chí nói, đầu cúi xuống ngực, hai bàn tay chấp lại trong cử chỉ kính cẩn của người già mắt gần lẹ; và người nghe, tất cả đều lặng đi trong cảm xúc đột ngột của một lời thề.

Sông Hương là vậy, là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiến đời mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước. Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem ra phơi,

Sông Hương hiện lên qua các thời kì lịch sử thế nào?

Chú ý biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng để khắc hoạ sông Hương.

(1) *Đại tướng*: ở đây là Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

một sắc áo cười của Huế ngày xưa, rất xưa: màu áo điều lục với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thuở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng⁽¹⁾. Đây cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của thiên nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông...

5 Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. Mỗi nhà thơ đều có một khám phá riêng về nó: từ xanh biếc thường ngày, nó bỗng thay màu thực bất ngờ, “Dòng sông trắng – lá cây xanh” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà; từ tha thướt mơ màng nó chột nhiên hùng tráng lên “như kiếm dựng trời xanh” trong khí phách của Cao Bá Quát; từ nỗi quan hoài vạn cổ với bóng chiều bàng lảng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan, nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn, trong thơ Tố Hữu. Và ở đây, một lần nữa, sông Hương quả thực là Kiều, rất Kiều, trong cái nhìn thẩm thiết tình người của tác giả *Từ ấy*.

Ở đoạn cuối này, sông Hương đã được nhìn nhận từ khía cạnh nào?

Có một nhà thơ từ Hà Nội đã đến đây, tóc bạc trắng, lặng ngắm dòng sông, [...] hỏi với trời, với đất, một câu thật băng khuôn:

– Ai đã đặt tên cho dòng sông?

(*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, NXB Thuận Hoá, Huế, 2002)

?

1. Đề tài của văn bản trên là gì? Dựa vào đâu để xác định điều đó?
2. Hãy khái quát đặc điểm hình tượng sông Hương trong văn bản trên theo bảng hướng dẫn sau:

Góc nhìn		Đặc điểm
Địa lí	Sông Hương ở thượng nguồn	
	Sông Hương trước khi chảy qua thành phố Huế	
	Sông Hương giữa lòng thành phố Huế	
Lịch sử		
Thơ ca		

(1) *Tiết sương giáng*: tên gọi một trong 24 ngày tiết trong năm theo lịch cổ truyền của Trung Quốc, ứng với ngày 23 hoặc 24 tháng 10 dương lịch, là thời điểm sương mù xuất hiện.

3. Cái “tôi” trữ tình trong văn bản thể hiện tình cảm, cảm xúc gì? Hãy dẫn ra một số câu văn thể hiện rõ tình cảm, cảm xúc ấy.

4. Hãy chỉ ra tác dụng của sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong việc khắc họa hình tượng sông Hương và thể hiện cảm xúc của nhân vật “tôi” qua một đoạn tiêu biểu trong văn bản.

5. Em học hỏi được điều gì về cách diễn đạt giàu hình ảnh và chất thơ của ngôn ngữ văn xuôi qua văn bản trên? Hãy dẫn ra một số câu hoặc đoạn văn mà em tâm đắc.

6. Văn bản đem lại cho em suy nghĩ gì trong việc nhìn nhận vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên quê hương mình? Hãy viết về một cảnh đẹp của quê hương em bằng một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Từ “già” trong các ngữ cảnh sau mang nghĩa gì? Hãy giải thích nghĩa của từ “già” theo những cách khác nhau mà em biết.

a) *Tôi đã chứng kiến một người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỉ, một buổi tối ngồi nghe con gái đọc Kiều.* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)

b) *Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn.* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)

c) *Càng thấy anh đứng yên, họ càng được ngắm, và càng cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười già!* (Nguyễn Công Hoan)

2. Hãy giải thích nghĩa của từ *say* (hoặc yếu tố *say* trong từ phức) trong các câu sau và cho biết trong mỗi trường hợp, từ được sử dụng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển.

a) *Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu, mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống!* (Vũ Bằng)

b) *Ngoài đường, người ta cũng không còn bị choá mắt hay say lòng vì những áo nhung trơn mượt, những giấy kính xoè cánh phượng bay hay những dải khăn “san” khéo biết lựa màu bay đùa trước gió như thể tơ trời vậy.* (Vũ Bằng)

c) *Cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng.* (Hoàng Phủ Ngọc Tường)

d) *Đàn bà không có men như rượu nhưng cũng làm người say. Và hẳn say thị lắm.* (Nam Cao)

3. Hãy trình bày và sắp xếp lại các tài liệu tham khảo dưới đây cho đúng.

Trần Đình Sử, *Ai đã đặt tên cho dòng sông – Bút kí sử thi Hoàng Phủ Ngọc Tường*, *Tạp chí Văn nghệ*, số 7, năm 1987.

Mai Văn Hoan (2010), *Hoàng Phủ Ngọc Tường với sông Hương*, báo *Đà Nẵng*, số ngày 21 tháng 03.

Phạm Xuân Dũng, *Phái đẹp trong thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường*, báo *Quảng Trị*, số ngày 7 tháng 11, năm 2009.

Trần Thuỳ Mai (2002), *Kí văn hoá của Hoàng Phủ Ngọc Tường*, *Tạp chí Sông Hương*, số 161 tháng 7.

Nguyễn Đăng Mạnh (2001), *Nhà văn, tư tưởng và phong cách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hồ Thế Hà, *Thông điệp thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường*, *Tạp chí Sông Hương*, số 161, tháng 7, năm 2002.

4. Tìm và sắp xếp 5 – 10 tài liệu tham khảo (bài viết, sách nghiên cứu,...) phục vụ cho báo cáo nghiên cứu về nội dung và nghệ thuật *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

VIẾT

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

1 Định hướng

1.1. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội là ghi lại những kết quả đã nghiên cứu được về một đề tài thuộc lĩnh vực tự nhiên (vật lí, hoá học, sinh học,...) hoặc xã hội (văn học, lịch sử, chính trị, văn hoá,...) mà em quan tâm.

Đọc dàn ý sau và tìm hiểu cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu qua các câu hỏi bên dưới:

Thực trạng học tập trực tuyến của học sinh phổ thông Việt Nam trong bối cảnh COVID-19

TÓM TẮT:

Do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, hầu hết các tỉnh, thành ở Việt Nam đều phải tổ chức dạy học trực tuyến cho học sinh phổ thông với quy mô và mức độ khác nhau. Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá tình hình học tập trực tuyến của học sinh Việt Nam để từ

đó, đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng học tập. Có đến 341 830 học sinh phổ thông ở các cấp học, vùng miền tại 63 tỉnh / thành phố đã tham gia trả lời phiếu hỏi liên quan đến những trải nghiệm học tập trực tuyến, bao gồm điều kiện, các hoạt động, hiệu quả học tập cũng như những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình học. Dữ liệu được xử lý, phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS V26. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, học sinh Việt Nam có điều kiện cơ bản đảm bảo học tập, hiệu quả học tập trực tuyến được học sinh đánh giá tích cực. Tuy nhiên, khoảng cách vùng miền với những khó khăn về thiết bị học trực tuyến, đường truyền Internet và sức khỏe, tâm lí là điều cần phải đặc biệt chú ý cải thiện để đảm bảo công bằng và nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Nội dung nghiên cứu

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

- a. Về điều kiện học tập trực tuyến
- b. Về các hoạt động học tập của học sinh trong thời gian học trực tuyến
- c. Về hiệu quả của hoạt động trực tuyến

1.2. Phương pháp nghiên cứu

- a. Câu hỏi nghiên cứu
- b. Công cụ nghiên cứu
- c. Mẫu nghiên cứu
- d. Phân tích và xử lý kết quả nghiên cứu

1.3. Kết quả nghiên cứu

1.3.1. Điều kiện đảm bảo học tập trực tuyến của học sinh

a. Thiết bị học tập trực tuyến và đường truyền Internet



Biểu đồ 1. Tỷ lệ học sinh sử dụng thiết bị để học trực tuyến

b. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và kỹ năng học tập trực tuyến học sinh



Biểu đồ 2. Tỷ lệ học sinh được hướng dẫn các kỹ năng học trực tuyến

1.3.2. Thực trạng học tập trực tuyến

a. Thời lượng học

b. Các môn học trực tuyến

c. Hoạt động học trực tuyến của học sinh

1.3.3. Khó khăn gặp phải trong quá trình học tập trực tuyến

1.3.4. Hiệu quả học tập trực tuyến

2. Kết luận và đề xuất

Tài liệu tham khảo

[...]

Theo Lê Anh Vinh và nhóm nghiên cứu,

Thực trạng học tập trực tuyến của học sinh phổ thông Việt Nam

trong bối cảnh COVID-19, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 18, số 03 năm 2022

Câu hỏi:

- Đoạn tóm tắt cho biết nội dung chính của báo cáo là gì?
- Nội dung nghiên cứu gồm những gì?
- Kết quả nghiên cứu được thể hiện qua các đề mục nào?
- Việc đưa vào các biểu đồ nhằm mục đích gì?

1.2. Để viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, các em cần lưu ý:

– Tiến hành tự nghiên cứu (hoặc lập nhóm nghiên cứu) theo quy trình: Xác định đề tài nghiên cứu (ở đây là một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội mà em quan tâm hoặc thích tìm hiểu); tổng quan vấn đề nghiên cứu; mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; thu thập, lựa chọn và đọc các tài liệu tham khảo có liên quan; tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi hoặc trực tiếp phỏng vấn về thực trạng của vấn đề (nếu cần); phân tích, xử lý số liệu; thu thập, phân tích, nhận xét thông tin để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra; tổng hợp kết quả nghiên cứu.

– Xây dựng dàn ý (đề cương) của báo cáo nghiên cứu.

– Viết báo cáo nghiên cứu dựa trên dàn ý (đề cương) đã lập.

– Ngoài dàn ý và cách trình bày báo cáo như trường hợp đã nêu ở mục 1.1, có thể trình bày theo các cách khác, nhưng cần nhấn mạnh những kết quả nghiên cứu mới về vấn đề; trích dẫn các nguồn tư liệu một cách đầy đủ, đúng quy định. Phần cuối báo cáo nêu rõ các tài liệu tham khảo.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Em hãy thay mặt nhóm để viết báo cáo kết quả nghiên cứu về vấn đề tác động của mạng xã hội đến tình hình học tập của học sinh trường em.*

a) Chuẩn bị

- Đọc kĩ đề bài, xác định vấn đề cần nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu.
- Tiến hành nghiên cứu theo quy trình đã nêu ở ý 1.2, mục 1. *Định hướng*.
- Xác định bố cục của báo cáo nghiên cứu cần viết.
- Tập hợp các nội dung chính đã nghiên cứu (kết quả nghiên cứu).
- Chuẩn bị các ngữ liệu (các trích dẫn, tài liệu tham khảo, tranh, ảnh, biểu đồ,...) minh hoạ cho báo cáo.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Dựa vào những gợi ý đã nêu ở ý 1.2, mục 1. *Định hướng* và kết quả theo ý

a) *Chuẩn bị* trên đây, tiến hành tìm ý cho nội dung nghiên cứu bằng cách suy luận từ khái quát đến cụ thể theo sơ đồ sau:



- Lập dàn ý cho bài nghiên cứu bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần. Tham khảo cách trình bày dưới đây:

Phần mở đầu

- + Lí do chọn đề tài nghiên cứu.
- + Lịch sử nghiên cứu.
- + Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.
- + Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.
- + Phương pháp nghiên cứu.

Phần nội dung nghiên cứu

- + Khái quát về mạng xã hội.
- + Thực trạng sử dụng mạng xã hội của học sinh trường em.
- + Những tác động của mạng xã hội đến tình hình học tập của học sinh trường em.
- + Giải pháp đối với những tác động của mạng xã hội đến tình hình học tập của học sinh trường em.

Phần kết luận và khuyến nghị

- + Ý nghĩa của việc nghiên cứu về tác động của mạng xã hội đến tình hình học tập của học sinh trường em.
- + Khuyến nghị.

c) Viết

- Viết báo cáo nghiên cứu theo dàn ý đã lập; chú ý giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra; trình bày kết quả một cách cụ thể, rõ ràng.
- Trong khi viết, kết hợp sử dụng chữ viết với các phương tiện khác như tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu, đường dẫn tới các trang web,... để trình bày kết quả nghiên cứu.
- Lập danh mục tài liệu tham khảo và trích dẫn thông tin từ các nguồn tài liệu tham khảo đúng quy cách như đã nêu trong mục 1. *Định hướng*.
- Dùng từ ngữ chính xác và viết đúng chính tả, ngữ pháp,...

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng: Cách trích dẫn trong bài viết

a) Cách thức

Trong một bài viết (bài văn nghị luận hoặc báo cáo nghiên cứu), người viết không chỉ nêu ý kiến, lí lẽ của mình mà còn phải dẫn ra ý kiến của người khác hoặc tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, nhằm làm tăng tính khách quan và làm cho nội dung của bài viết có sức thuyết phục cao hơn. Có hai cách trích dẫn:

- Dẫn trực tiếp: nhắc lại nguyên văn ý kiến hoặc tư liệu và đặt những thông tin đó trong dấu ngoặc kép. Ghi rõ nguồn trích dẫn (để ở trong ngoặc đơn hoặc nêu ở cước chú).
- Dẫn gián tiếp: thuật lại ý kiến hoặc tư liệu nhưng có điều chỉnh cho phù hợp và không đặt trong dấu ngoặc kép. Ghi rõ nguồn trích dẫn (nếu có) như cách dẫn trực tiếp.

b) Bài tập

Bài tập 1: *Chỉ ra cách trích dẫn trong đoạn trích sau:*

“Tại Việt Nam, hình thức học tập trực tuyến đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, triển khai ngay từ những ngày đầu ứng phó với dịch bệnh với phương châm “Tạm dừng đến trường nhưng không dừng học”. Việt Nam đã thúc đẩy nhiều biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả dạy học trực tuyến cho học sinh như: gửi công văn hướng dẫn dạy học qua Internet, qua truyền hình, điều chỉnh về nội dung dạy học và ban hành khung pháp lý đảm bảo cho dạy học trực tuyến [3], [4], [5],...”

(Theo Lê Anh Vinh và nhóm nghiên cứu,

Tạp chí *Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 18, số 03 năm 2022)

Bài tập 2: *Hãy viết một đoạn văn trong phần “Khái quát về mạng xã hội” theo sơ đồ đã nêu ở mục “Thực hành (2.1.)”, trong đó có ít nhất một trích dẫn cụ thể.*

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

1 Định hướng

a) Bài này tập trung vào yêu cầu trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đáng quan tâm. Tuy nhiên, người trình bày không đọc lại toàn bộ báo cáo mà chỉ tóm tắt báo cáo ấy, trọng tâm là nêu kết quả của những nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra.

b) Khi trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội đáng quan tâm, các em cần chú ý:

- Lựa chọn vấn đề nghiên cứu như đã gợi ý trong phần *Viết* ở trên.
- Tóm tắt báo cáo nghiên cứu.
- Xác định rõ người nghe báo cáo để có cách trình bày phù hợp.
- Xác định thời lượng trình bày báo cáo.
- Chuẩn bị dàn ý cho phần trình bày ý kiến của bản thân, tránh viết thành văn để đọc; nên sử dụng các phần mềm trình chiếu để làm tăng sức hấp dẫn và hiệu quả của bài báo cáo.
- Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).
- Dự kiến trước những câu hỏi hoặc đề nghị của người nghe báo cáo.

– Người nghe cần nắm được nội dung của bài báo cáo; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách trình bày của người nói; đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ. Người nói và người nghe cần tương tác một cách hiệu quả và có văn hoá.

2 Thực hành

Bài tập: Chọn một trong hai vấn đề sau để viết báo cáo nghiên cứu, trong đó có lập danh mục tài liệu tham khảo và các trích dẫn cụ thể.

(1) Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một giải pháp nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương em.

(2) Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một giải pháp nhằm nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông của học sinh trường em.

a) Chuẩn bị

- Trao đổi, phối hợp với bạn trong nhóm nghiên cứu (nếu có) về những việc cần làm.
- Thực hiện việc chuẩn bị như hướng dẫn ở mục 1. *Định hướng*.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem xét dàn ý đã nêu ở phần *Viết* và bổ sung một số ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo.

c) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); nội dung nói và nghe đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Bánh mì Sài Gòn^(*)

1 [...] Bánh mì là món ăn chính của phương Tây, thậm chí được đồng nhất với thánh thể của Chúa Ki-tô (Kito)⁽¹⁾: bánh mì là bí nhiệm⁽²⁾ nhỏ, rượu vang là bí nhiệm lớn. Có lẽ, bánh mì đã xuất hiện ở xứ ta trước cái mốc 1859, nhưng ắt hẳn được biết đến nhiều là sau khi đội quân viễn chinh chiếm thành Gia Định.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) *Chúa Ki-tô*: Chúa Giê-su (Jesus).

(2) *Bí nhiệm*: tương tự “màu nhiệm”, ý nói như có phép lạ, bí mật, không thể hiểu được bằng lẽ thường.

Ngoài người Pháp, cách làm bánh mì đầu tiên được người Hoa tiếp thu, sản xuất bán ra thị trường và trong số khách hàng mua bánh mì thời kì đó có cả người Việt. Đám bồi bàn, thông ngôn, thầy lí có lẽ là những người nếm bánh mì đầu tiên, kể đó là công chức tân trào, rồi đến tầng lớp Tây học, thị dân và dần dần toả rộng ra dân chúng, phổ biến cả thành thị lẫn nông thôn.

Loại thức ăn này tồn tại trong cái nhìn của dân ta là *bánh* – hiểu là món ăn chơi, không phải là thực phẩm thường xuyên như cơm, thế nhưng dần dà đã trở thành “*cơm tay cầm*”, tức là “cơm” ăn bằng cách cầm tay chứ không ăn bằng chén⁽¹⁾ đĩa. Ngoài ra, việc ăn bánh mì thay cơm còn được định danh theo kiểu nói lóng là “*thổi kèn*” (vì trông na ná như đang thổi một chiếc hác-mô-ni ca (harmonica)), hàm nghĩa là bữa ăn tùy tiện qua bữa, không đầy đủ đáng hoàng như bữa cơm thường lệ. Thế mà đến nay, bánh mì đã phát triển thành đủ mặt: từ bánh mì ba ghết (baguette), bánh mì xăng uých (sandwich) đến bánh mì rế, bánh mì cóc,... và việc ăn bánh mì cũng trở nên biến tấu đa dạng.

Bánh mì ăn theo kiểu Tây thì dùng với xúp (soup), bíp tết (beefsteak), ốp la (oeuf sur plat), ốp lết (omelette: trứng rán)... Có thể kể thêm cách ăn bánh mì với pa tê (pâté) giăm bông (jambon), xúc xích (saucisse), bơ, mít. Loại hăm-bơ-gơ (hamburgers), hót-đót (hot dogs) mới phổ biến sau này.

Nhưng còn bánh mì ăn theo kiểu Việt thì lại khác. Người Việt chúng ta ưa ăn bánh mì theo kiểu mổ đôi ổ bánh và dồn các thứ khác vào trong (thịt nguội, giò lụa, xá xíu, thịt nướng,...). Kiểu bánh mì kẹp thịt tổng hợp là kiểu bánh mì đặc sắc của xứ ta: phết bơ hoặc may-don-ne (mayonnaise), pa tê, rồi nhét vào đó thịt heo⁽²⁾ xá xíu, chả lụa, giăm bông, dưa chuột, cà chua, hành, ngò, ớt, tương ớt, rưới xì dầu, rắc muối tiêu,... Người mua và người bán đều gọi loại này là bánh mì (kẹp) đủ thứ – hiểu theo nghĩa “thập cẩm” của người Hoa.

Trong khi đó, bánh mì xíu mại, bánh mì xá xíu, bánh mì phết tương đen, kẹp lạp xưởng,... lại là cuộc hôn phối Tây – Tàu. Không biết xứ ta có phải là nơi sinh đẻ của chúng không?

Cũng còn có món bánh mì cà ri, là cuộc hôn nhân Tây – Ấn, đến nay, coi ra cũng đáng gọi là “bách niên giai lão”.

Về bánh mì chả lụa, là tổng hợp phẩm Tây – Ta, rất đáng được coi là thanh nhã vì chỉ cần gia vị chút muối tiêu và hành, ngò,... là thơm ngon chán.

Ngoài ra, còn có món bánh mì bò kho, coi ra có gốc Tây vì kiểu cách nấu hầm gần với ra-gu (ragu)⁽³⁾, bò nấu xốt vang, nhưng bò kho lại có tương hợp Tàu nên có

(1) *Chén*: bát.

(2) *Thịt heo*: thịt lợn.

(3) *Ra-gu*: món hầm được nấu bằng thịt, có thể cho thêm rau, củ.

hương vị riêng. Việc dùng bánh mì để ăn với các món nước coi ra cũng có phần tùy tiện rồi: bánh mì ăn thêm với tô hủ tiếu, tô bún bò Huế là chuyện ăn độn bánh mì cho no bụng theo phương châm ngon – bổ – rẻ, chủ yếu là rẻ.

Nói chung, giờ đây bánh mì đã là một thành tố quan trọng trong cái mà thế nhân đời nay gọi là “văn hoá ẩm thực”. Ấy thế mà, như trên đã nói, có lúc nó được coi là thứ không nên đụng đến, không thuộc hệ chuẩn giá trị truyền thống của “đạo nhà”⁽¹⁾.

2 Nhìn lại bối cảnh lịch sử văn hoá của việc hội nhập bánh mì vào xứ ta, chúng ta thấy rằng đó là một quá trình tiêu biểu cho cuộc đụng đầu lịch sử: tập trung những xung đột và giao lưu, những áp đặt và giải trừ, những áp bức và đấu tranh, những thất bại đau thương và những thắng lợi hào hùng, những thách thức của tình trạng thế giới hoá và những nỗ lực bảo tồn phong hoá⁽²⁾.

Ở đây, Sài Gòn tự nó đã là một thành phố ngã ba đường vì nó đã nối được những luồng thông thương chủ yếu cùng thế giới rộng lớn hơn bên ngoài với sự giao lưu không ngừng của những con người, những tư tưởng, những luồng tư bản, những hàng hoá,... Chính vì vậy, nơi đây, thông qua những xung đột và mâu thuẫn đã trở thành phòng thí nghiệm của sự tiến bộ và chịu gánh lấy những thách thức của tình trạng thế giới hoá nên đã sản sinh các “cục bấu vắn xã” mà thoát nhìn có phần lai tạp, kì quái trong mọi lĩnh vực, trong nhiều dạng thức, loại hình văn hoá. Tuy nhiên, trong thực tế, các cục bấu này về sau lại được lồng ghép vào đời sống dân tộc và không ít trường hợp đã thành công (được minh định lẫn mặc định) bởi vì chúng đã đáp ứng được nhu cầu ích dụng của cuộc sống đời thường và xu thế phát triển.

Qua trường hợp điển hình này (ở bánh mì) chúng ta thấy rằng con đường phát triển của văn hoá tưởng như luôn tuân thủ “quy luật của cuộc sống”. Đã đành văn hoá không thoát li được lịch sử của chính bản thân tư tưởng về văn hoá (chủ trương về văn hoá), nhưng văn hoá không độc lập với các điều kiện khách quan của chính trị, kinh tế, xã hội,... Do đó, việc nhìn lại các quá trình văn hoá rất cần thiết là phải tính đến những biến số khác của thực tại khách quan. Nói cách khác, văn hoá phát triển đồng thời trên cả hai con đường tự giác và tự phát, trong từng thời đoạn cụ thể, mỗi con đường mạnh yếu khác nhau, nhưng chúng luôn tương tác để tạo nên sự cân bằng của chính thể văn hoá.

6-2006

(HUỲNH NGỌC TRẮNG, *Sài Gòn tản văn: Ngon vì nhớ*, NXB Hội Nhà văn và Công ty sách Phương Nam, 2011)

1. Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ nhất cách phản ánh đời sống mang tính chấm phá của thể loại tản văn được thể hiện trong văn bản?

(1) “Đạo nhà”: ý thơ của Nguyễn Đình Chiểu, ý nói bảo vệ văn hoá truyền thống dân tộc.

(2) *Phong hoá*: tương tự như văn hoá.

- A. Lựa chọn một hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội: bánh mì
- B. Lựa chọn một món ăn nổi tiếng của thế giới: bánh mì
- C. Lựa chọn một món ăn ngon được nhiều người yêu thích: bánh mì
- D. Lựa chọn một món ăn có nguồn gốc từ Việt Nam: bánh mì
- 2.** Việc nêu lên nhiều kiểu ăn bánh mì trong văn bản giúp em nhận thấy điều gì ở tác giả?
- A. Bánh mì có nhiều kiểu ăn nhất trong các loại thức ăn
- B. Sự hiểu biết rất đa dạng, phong phú của tác giả về bánh mì
- C. Bánh mì rất quan trọng trong đời sống con người
- D. Ăn bánh mì thể hiện sự giàu có của mỗi dân tộc trên thế giới
- 3.** Vì sao bánh mì được du nhập vào nước ta, sớm nhất ở Sài Gòn?
- A. Vì đó là thành phố có rất nhiều người thích ăn bánh mì
- B. Vì đó là thành phố ngã ba, nơi giao lưu của nhiều cách sống
- C. Vì đó là thành phố có nhiều người “Tây” và “Tàu” cùng sinh sống
- D. Vì ở đó có nhiều đầu bếp nổi tiếng đến sinh sống và làm việc
- 4.** Câu văn nào sau đây cho biết đánh giá của tác giả về vai trò của bánh mì trong đời sống hiện nay?
- A. Ấy thế mà, như trên đã nói, có lúc nó được coi là thứ không nên đụng đến, không thuộc hệ chuẩn giá trị truyền thống của “đạo nhà”.
- B. Loại thức ăn này tồn tại trong cái nhìn của dân ta là *bánh* – hiểu là món ăn chơi, không phải là thực phẩm thường xuyên như cơm,...
- C. Nói chung, giờ đây bánh mì đã là một thành tố quan trọng trong cái mà thế nhân đời nay gọi là “văn hoá ẩm thực”.
- D. Có lẽ, bánh mì đã xuất hiện ở xứ ta trước cái mốc 1859, nhưng ắt hẳn được biết đến nhiều là sau khi đội quân viễn chinh chiếm thành Gia Định.
- 5.** Phương án nào dưới đây nêu đúng và đầy đủ nhất lô gích kết cấu của văn bản *Bánh mì Sài Gòn*?
- A. Giới thiệu bánh mì được du nhập vào Việt Nam; ban đầu chỉ là món ăn chơi, dần biến tấu đa dạng, trở thành quen thuộc; từ đó, khái quát về quy luật phát triển của văn hoá dân tộc.
- B. Giới thiệu món bánh mì được du nhập vào Việt Nam; từ đó, khái quát về quy luật phát triển văn hoá của dân tộc.
- C. Giới thiệu quy luật phát triển văn hoá của dân tộc, từ đó, lí giải cụ thể về món bánh mì của Việt Nam.
- D. Giới thiệu quy luật phát triển văn hoá của dân tộc, từ đó, lí giải về món bánh mì xuất hiện ở Việt Nam, ban đầu bị chối bỏ và dần dần được yêu thích.

6. Từ trường hợp ổ bánh mì, tác giả văn bản đã mở rộng bàn luận về vấn đề gì?
7. Hãy làm rõ sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản trên qua một số biểu hiện cụ thể, đồng thời, nhận xét về tác dụng của sự kết hợp ấy.
8. Tác giả văn bản thể hiện quan điểm như thế nào về vấn đề phát triển văn hoá? Em có đồng tình với quan điểm của tác giả không? Tại sao?
9. Từ văn bản, hãy nêu suy nghĩ của em về một thái độ cần có của thế hệ trẻ ngày nay đối với việc tiếp nhận các yếu tố văn hoá nước ngoài.
10. Hãy giới thiệu (khoảng 12 – 15 dòng) về lịch sử bánh mì hoặc một loại thức ăn / đồ uống mà em yêu thích. Trong đó, có trích dẫn đầy đủ, chi tiết các nguồn tài liệu mà em tham khảo được.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc các văn bản tùy bút, tản văn, truyện kí trong sách, báo hoặc Internet. Khi đọc, cần lưu ý: tóm tắt nội dung văn bản, ghi lại những cảm xúc, điều tâm đắc, thích thú hoặc băn khoăn, chưa hiểu,... của bản thân về những văn bản đó.
2. Hoàn thành bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.

BÀI 8

BI KỊCH

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Phân tích, đánh giá chủ đề, tư tưởng, thông điệp chính của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ.
- ▶ Phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mỹ của cái bi thông qua các phương tiện nghệ thuật: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc.
- ▶ Nhận diện và phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết trong các văn bản kịch, truyện và nghị luận.
- ▶ Viết được bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (bộ phim, vở kịch, bài hát, bức tranh, pho tượng,...).
- ▶ Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.
- ▶ Có khả năng thanh lọc tâm hồn để tri nhận và hướng tới những giá trị cao cả, hướng tới sự cân bằng của những giá trị nền tảng.

Kiến thức ngữ văn

Bi kịch là một thể loại kịch, mang đầy đủ những đặc điểm của thể loại này về cốt truyện, ngôn ngữ, hành động kịch nhưng có những điểm khác biệt sau:

– Nhân vật trong bi kịch thường là nhân vật có những phẩm chất, năng lực vượt trội, có khát vọng và lí tưởng đẹp đẽ nhưng phải đối đầu với những mâu thuẫn, xung đột không thể hoá giải, vì thế phải chấp nhận thất bại hoặc cái chết bi thảm như một tất yếu.

– Xung đột trong bi kịch có hai kiểu chính:

+ Xung đột giữa những khát vọng đẹp đẽ của nhân vật với tình trạng không thể thực hiện được điều đó trong thực tiễn. Ở đây, cần lưu ý là nhân vật ý thức được tình trạng này nhưng không khuất phục, không thoả hiệp trước nó cho dù phải trả giá bằng chính mạng sống của mình.

+ Xung đột nằm trong chính nhân vật. Trong trường hợp này, vẻ đẹp khát vọng, những giá trị tích cực của nhân vật đối đầu với phần bóng tối, với những sai lạc ngay trong nội tâm nhân vật. Điều đó khiến nhân vật phải trả giá bằng sự thất bại hoặc cái chết bi thảm.

Trong thực tế, có thể cả hai kiểu xung đột trên đồng thời hiện diện ngay trong số phận, tính cách của một nhân vật. Tuy nhiên, vẫn có một kiểu xung đột nào đó giữ vai trò chủ đạo. Về cơ bản, *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* và *Hồn Trương Ba da hàng thịt* thuộc kiểu xung đột thứ nhất; *Vũ Như Tô* và *Trương Chi* thuộc kiểu xung đột thứ hai.

– Hiệu ứng thanh lọc (catharsis): Thông qua việc nếm trải những xúc cảm sợ hãi, thương cảm, xót xa được đẩy đến cao độ khi chứng kiến cái chết bi thảm của nhân vật, người đọc, người xem nhận thức được những giá trị tốt đẹp, cảm phục và ngưỡng mộ những điều cao cả, từ đó hoàn thiện nhân cách của mình.

ĐỌC

Đọc hiểu văn bản



VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

(Trích *Vũ Như Tô*)

NGUYỄN HUY TƯỜNG

1 Chuẩn bị

– Xem phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc văn bản này. (*)

– Khi đọc một văn bản bi kịch, các em cần chú ý: (**)

+ Nắm được cốt truyện của văn bản kịch.

+ Xác định được nhân vật trung tâm trong mối quan hệ với các nhân vật khác trong văn bản kịch.

+ Xác định được mâu thuẫn bên trong của nhân vật (những mâu thuẫn không thể hoá giải). Mâu thuẫn này được thể hiện qua ngôn ngữ, hành động, tâm trạng, ... của nhân vật như thế nào?

+ Quan tâm đến các chỉ dẫn từ lời tác giả để hiểu rõ hơn về bối cảnh, hành động và tâm trạng của nhân vật.



Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960),
quê ở Hà Nội

(*), (**) Khi đọc hiểu văn bản bi kịch khác trong Bài 8, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

– Đọc trước đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Huy Tưởng, hoàn cảnh sáng tác vở kịch *Vũ Như Tô* qua các nguồn tư liệu khác nhau; lựa chọn và ghi ghép lại các thông tin có ý nghĩa giúp đọc hiểu văn bản.

– Đọc phần tóm tắt tác phẩm *Vũ Như Tô* sau đây và cho biết có những xung đột nào được triển khai trong vở kịch.

Vũ Như Tô, một kiến trúc sư thiên tài luôn khao khát được thi thố tài năng của mình, bị hôn quân⁽¹⁾ Lê Tương Dực bắt giải về kinh thành, ép phải dựng Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, vui chơi với các cung nữ. Vốn là một nghệ sĩ chân chính, gắn bó với nhân dân, mặc cho Lê Tương Dực dọa giết, dù đã dày công phác thảo bản vẽ Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vẫn ngang nhiên chửi mắng tên hôn quân và kiên quyết từ chối xây đài.

Đan Thiềm, một cung nữ đã thuyết phục Vũ Như Tô chấp nhận yêu cầu của Lê Tương Dực, lợi dụng quyền thế và tiền bạc của hần, trổ hết tài năng để xây dựng cho đất nước một toà lầu đài vĩ đại “bền như trăng sao”, có thể “tranh tình xảo với hoá công”⁽²⁾ để cho dân ta nghìn thu còn hãnh diện. Theo lời khuyên, Vũ Như Tô đã thay đổi thái độ, chấp nhận xây Cửu Trùng Đài với điều kiện phải có “toàn quyền làm việc, kẻ nào trái lệnh chém đầu” (hồi I).



Vũ Như Tô cùng các trợ thủ xem hoạ đồ Cửu Trùng Đài
(Nhà hát Tuổi trẻ Việt Nam dàn dựng;
Nghệ sĩ Nhân dân Anh Tú thể hiện vai Vũ Như Tô)

Từ đó, Vũ Như Tô dồn hết tâm trí và bằng mọi giá xây dựng toà đài sao cho thật hùng vĩ, tráng lệ. Để xây dựng Cửu Trùng Đài, triều đình ra lệnh tăng thêm sưu thuế, bắt thêm thợ giỏi, tróc nã, trừng phạt những người chống đối. Dân căm phẫn vua làm cho dân cùng, nước kiệt; thợ oán Vũ Như Tô bởi nhiều người chết vì tai nạn, bởi ông cho chém những người bỏ trốn. Công cuộc xây dựng càng gần kề thành công thì mâu thuẫn giữa tập đoàn thống trị sống xa hoa, trụy lạc với tầng lớp nhân dân nghèo khổ, giữa Vũ Như Tô với những người thợ lành nghề và người dân lao động mà ông hằng yêu mến, gắn bó càng căng thẳng, gay gắt (hồi II, III, IV). Lợi dụng tình hình rối ren và mâu thuẫn ấy, Quận công Trịnh Duy Sản – người cầm đầu phe đối lập trong triều đình – đã dấy binh nổi loạn, lôi kéo thợ làm phản, giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm. Cửu Trùng Đài bị chính những người thợ nổi loạn đập phá, thiêu huỷ (hồi V).

Đoạn trích dưới đây nằm ở hồi V của văn bản kịch.

(1) *Hôn quân*: ông vua tối tăm, ngu dốt.

(2) *Tranh tình xảo với hoá công*: tranh tài với trời đất, tự nhiên.

Lớp I

Vũ Như Tô – Đan Thiềm

Vũ Như Tô: Có việc gì mà bà chạy hót hơ hót hải? Mặt bà cắt không còn hột máu.

Đan Thiềm (*thở hổn hển*): Nguy đến nơi rồi... Ông Cả!

Vũ Như Tô: Lạ chưa, nguy làm sao? Đài Cửu Trùng chia năm đã được một phần.

Đan Thiềm: Ông trốn đi, mau lên không thì không kịp.

Vũ Như Tô: Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?

Đan Thiềm: Ông nghe tôi! Ông trốn đi! Ông nghe tôi! Ông phải trốn đi mới được!

Vũ Như Tô: Làm sao tôi cần phải trốn? Bà nói rõ cho là vì sao? Khi trước tôi nhờ bà mách đường chạy trốn, bà khuyên không nên, bây giờ bà bảo tôi đi trốn, thế là nghĩa gì?

Đan Thiềm: Có nghĩa lắm. Tôi không làm một việc gì vô lí cả. Khi trước trốn đi thì ông nguy, bây giờ trốn đi thì ông thoát chết.

Vũ Như Tô: Sao thế?

Đan Thiềm: Loạn đến nơi rồi. Dân gian đói kém nổi lên tứ tung. Giặc Trần Cao⁽¹⁾ trước đã bị quan quân đuổi đánh, nay lại về đóng ở Bồ Đề, thanh thế rất mạnh. Trong triều, Nguyên Quận công Trịnh Duy Sản vì can vua mà bị đánh, nay mưu với mấy tên đồng chí, giả mượn tiếng đi dẹp giặc rồi quay binh về làm loạn.

Vũ Như Tô: Tôi làm gì nên tội?

Đan Thiềm: Vậy mà ai ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khổ hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di⁽²⁾ oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông. Cửu Trùng Đài, họ có cần đâu? Họ dấy nghĩa cốt giết ông, phá Cửu Trùng Đài.

Vũ Như Tô: Phá Cửu Trùng Đài? Không đời nào! Mà tôi thì không làm gì nên tội. Họ hiểu nhầm.

Đan Thiềm: Ông phải trốn đi. (*Có tiếng quân ầm ầm, tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng tù và, tiếng ngựa hí*). Ông phải trốn đi (*lời có vẻ van lơn*). Trong lúc biến cố này, ông hãy tạm lánh đi. Khi dân nổi lên, họ nông nổi vô cùng. Họ không phân biệt

Chú ý việc Vũ Như Tô hoàn toàn sống với Cửu Trùng Đài và không biết gì về thế cuộc.

(1) *Trần Cao* (tên thật là Trần Cảo, sử gia nhà Nguyễn vì kị húy nên đổi là Cao): một thủ lĩnh nghĩa quân thời Lê Tương Dực và Lê Chiêu Tông.

(2) *Man di*: ở đây chỉ Chiêm Thành, nước phải cống nạp nhiều vật liệu để Lê Tương Dực xây Cửu Trùng Đài.

phải trái. Ông trốn đi. Tài kia không nên để uống. Ông mà có mệnh hệ⁽¹⁾ nào thì nước ta không còn ai tô điểm nữa.

Vũ Như Tô: Bà không nên lo cho tôi. Tôi không trốn đâu. Người quân tử không bao giờ sợ chết. Mà vạn nhất có chết, thì cũng phải để cho mọi người biết rằng công việc mình làm chính đại quang minh⁽²⁾. Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với Cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước. Hồn tôi để cả đây, thì tôi chạy đi đâu?

Đan Thiềm: Ông Cả! Ông nghe tôi. Trốn đi để chờ cơ hội khác. Đại sự hỏng rồi.

Vũ Như Tô: Đa tạ bà. Tấm lòng của bà, chỉ có lòng cha mẹ tôi mới sánh kịp. Nhưng tôi đã quyết, không chịu rời Cửu Trùng Đài một bước. Tôi quyết ở đây.

Đan Thiềm (thất vọng): Ông Cả ơi!

(Lược ba lớp: Lớp II: Nguyễn Vũ xuất hiện thông báo Duy Sản làm phản; Đan Thiềm tiếp tục giục Vũ Như Tô bỏ trốn. Lớp III: Lê Trung Mai xuất hiện báo tin Hoàng thượng đã bị Duy Sản giết. Nguyễn Vũ tiếc thương Hoàng thượng, rút dao tự sát. Lớp IV: Bọn nội giám vào báo tin Trịnh Duy Sản lập vua mới, Phùng Mai phản đối, bị giết ở nhà Nghị sự. An Hoà hầu Nguyễn Hoàng Dụ kéo quân về đốt phá kinh thành).

Những cái chết ở đây có phải là cái chết của nhân vật bị kịch không?

Lớp V

Vũ Như Tô – Đan Thiềm

Đan Thiềm: Ông Cả! Ông chạy đi! Ông có nghe tiếng gì không? Quân giặc đang tìm ông đây: trốn đi!

Vũ Như Tô: Họ tìm tôi, nhưng có lí gì họ giết tôi. Tôi có gây oán gây thù gì với ai?

Đan Thiềm: Ông đừng mơ mộng nữa. Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông. Tránh đi! Trốn đi! Đợi thời là thượng sách. Đừng để phí tài trời. Trốn đi!

Vũ Như Tô: Còn bà?

Đan Thiềm: Tôi ở đây. (Có tiếng quân reo dữ dội: “Giết chết Vũ Như Tô, giết chết lũ cung nữ”).

Vũ Như Tô (thản nhiên): Bà ở đây. Vậy tôi cũng ở đây, nguy hiểm ta cùng chịu.

Đan Thiềm: Không được! Tôi chết đi không thiệt hại cho đời. Còn ông, ông phải đi đi mới được. (Có tiếng nhà đổ, tiếng cửa đổ). Ông đi đi không thì không kịp. (Nàng chấp tay lay) Tôi xin ông, ông nghe tôi trốn đi.

Có tiếng giày dép nhón nháo. Bọn cung nữ hét hoảng đi vào.

(1) Mệnh hệ: chết, nguy hiểm đến tính mạng.

(2) Chính đại quang minh: đúng đắn, công khai.

Lớp VI

Những người trên – Kim Phụng – Cung nữ

Kim Phụng (*khóc lóc*): Làm thế nào bây giờ? Cửa điện bị chúng phá rồi! Chúng đứng đầy ngoài sân. (*hỏi Đan Thiềm*) Đây có cửa ra đằng sau không?

Đan Thiềm: Đến đây là đường cùng rồi! Đây là tử địa!

Cung nữ: Trời ơi!

Đan Thiềm (*bảo Vũ Như Tô*): Ông Cả ơi! Có trốn cũng không được nữa. Ông nguy mất (*nàng khóc*).

Quân khởi loạn kéo vào, gương giáo sáng loè.

Lớp VII

Những người trên, thêm Ngô Hạch⁽¹⁾ và quân khởi loạn

Quân khởi loạn: Đây rồi! Vũ Như Tô! Lũ cung nữ!

Ngô Hạch: Quân bay, vào bắt lũ cung nữ trước.

Cung nữ (*quỳ xuống*): Trăm lạy tướng quân, trăm lạy tướng quân.

Ngô Hạch: Ta vâng tướng lệnh vào bắt các người.

Kim Phụng (*quỳ xuống*): Chị em chúng tôi không có tội gì. Xin tướng quân sinh phúc. (*Đan Thiềm bấu môi thở dài*) Kẻ hay xúc xiêm vua là ả kia (*chỉ Đan Thiềm*). Chính nó mê hoặc vua. Chính nó dan díu với Vũ Như Tô, làm uestap nơi cung cấm, chính nó là thủ phạm.

Cung nữ: Chính nó là thủ phạm.

Đan Thiềm: Lũ yêu quái không được đặt để nên nhời, tướng quân nên thấu cho. Tôi không sợ chết, nguyện xin được chết. Nhưng tôi không phải là con người bất chính, tôi nói thế không hổ với quỷ thần hai vai, không hổ với thanh thiên bạch nhật.

Cung nữ: Chính con Đan Thiềm là thủ phạm. (*Nhìn lảng lơ, bọn quân sĩ như bị quấy rối*).

Ngô Hạch: Ta đã biết! Quân bay, vào bắt lấy gian phu dâm phụ.

Đan Thiềm: Tướng quân không nên nói thế.

Vũ Như Tô: Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan.

Đan Thiềm: Tướng quân nghe tôi. Bao nhiêu tội tôi xin chịu hết. Nhưng xin tướng quân tha cho ông Cả. Ông ấy là một người tài...

Quân khởi loạn (*cười ầm*): Thế mà còn mở mồm cãi. Mày chết để chồng mày sống à?

Đan Thiềm: Các người chỉ nghĩ những điều quá quắt.

Tại sao trong mắt quân khởi loạn thì Vũ Như Tô bị xếp cùng hạng với những cung nữ?

(1) *Ngô Hạch*: võ sĩ của Trịnh Duy Sản, quận công cầm đầu phe nổi loạn giết Lê Tương Dực.

Quân khởi loạn: Chúng ông chỉ có thể, con đĩ già câm miệng.

Ngô Hạch: Trói cổ nó lại.

Đan Thiềm (*quỳ xuống*): Tướng quân tha cho ông Cả. Nước ta còn cần nhiều thợ tài để tô điểm.

Ngô Hạch (*cười ha hả*): Cần thợ tài để tô điểm. Để hao hụt công khổ, để dân gian lâm than.

Vũ Như Tô: Đan Thiềm, bà đứng dậy. Sao bà lẩn thần thế, lạy cả một đũa tiểu nhân?

Đan Thiềm (*đứng dậy*): Tướng quân hãy nghe tôi, đừng phạm vào tội ác. Đừng giết ông Cả. Kéo tướng quân mang hận về muôn đời! Tha cho ông Cả. Tôi xin chịu chết.

Ngô Hạch (*truyền*): Trói cổ con đĩ già lại.

Đan Thiềm: Tướng quân tha...

Quân khởi loạn (*xúm vào trói nàng*): Đừng nói nữa vô ích, con dâm phụ.

Đan Thiềm: ... Tha cho ông Cả.

Ngô Hạch (*thấy Như Tô chạy lại*): Trói thẳng Vũ Như Tô lại. (*quân sĩ xông vào trói chàng có vẻ đắc ý*)

Đan Thiềm (*thất vọng*): Chỉ tại ông không nghe tôi, dùng dằng mãi. Bây giờ... (*nói với Ngô Hạch*). Xin tướng quân...

Ngô Hạch: Dẫn nó đi, không cho nó nói nhảm nữa, rờm tai. (*quân sĩ dẫn nàng ra*)

Đan Thiềm: Ông Cả! Đài lớn tan tành! Ông Cả ơi! Xin cùng ông vĩnh biệt! (*Họ kéo nàng ra tàn nhẫn*)

LỚP VIII

Những người trên, trừ Đan Thiềm

Vũ Như Tô: Xin đa tạ tấm lòng tri kỉ. Đan Thiềm, xin cùng bà vĩnh biệt! (*Buồn rầu, trấn tĩnh ngay*) Đời ta chưa tận, mệnh ta chưa cùng. Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỉ.

Ngô Hạch (*chỉ bọn cung nữ bảo mấy tên quân*): Dẫn họ về dinh ta đợi lệnh.

Mấy tên quân: Xin vâng lệnh (*dẫn cung nữ ra*).

Vũ Như Tô (*khinh bỉ*): Mi thực là một tên bỉ ổi. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường!

Ngô Hạch: Dẫn thẳng này về trình chủ tướng.

Vũ Như Tô (*đầy hi vọng*): Dẫn ta ra mắt An Hoà Hầu, để ta phân trần, để ta giảng giải, cho người đời biết rõ nguyện vọng của ta. Ta tội gì. Không, ta chỉ có một hoài bão là tô điểm đất nước, đem hết tài ra xây cho nòi giống một toà đài hoa lệ, thách cả những công trình sau trước, tranh tình xảo với hoá công. Vậy thì ta có tội gì? Ta xây

Chú ý hình ảnh của Đan Thiềm trong mắt của quân khởi loạn và Ngô Hạch.

Lúc này, có phải Vũ Như Tô hoàn toàn cô độc?

Cửu Trùng Đài có phải đâu để hại nước? Không, không, Nguyễn Hoàng Dụ sẽ biết cho ta, ta không có tội và chủ tướng các người sẽ cời trời cho ta để ta xây nốt Cửu Trùng Đài, dựng một kì công muôn thuở...

Quân sĩ (*cười ầm*): Câm ngay đi. Quân điên rồi, câm ngay đi không chúng ông vả vỡ miệng bây giờ. Mày không biết mấy nghìn người chết vì Cửu Trùng Đài, mẹ mất con, vợ mất chồng vì mày đó ư? Người ta oán mày hơn oán quỷ. Câm ngay đi.

Vũ Như Tô: ... Vài năm nữa, đài Cửu Trùng hoàn thành, cao cả, huy hoàng, giữa cõi trần lao碌, có một cảnh Bồng Lai...

Quân sĩ: Câm mồm!

Vũ Như Tô: ... Xuất hiện...

Quân sĩ: Câm mồm! (*Họ xúm vào vả miệng Vũ Như Tô*).

Vũ Như Tô: Ta có thù oán gì với các người?

Ngô Hạch: Dẫn nó ra pháp trường. Không để nó nói nhảm trước mặt chủ tướng mất thì giờ.

Quân sĩ: Ra pháp trường!

Vũ Như Tô: Không, dẫn ta ra mắt chủ tướng. Ta muốn nói chuyện với An Hoà Hầu. Các người không hiểu được ta. (*Có tiếng ầm ầm như long trời lở đất*).

Mọi người: Cái chi nghe kinh người?

Một lũ quân vào.

LỚP IX

Những người trên. Thêm một lũ quân

Ngô Hạch: Chúng bay đi đâu?

Lũ quân: Bẩm tướng quân! Kinh thành phát hoả!

Ngô Hạch: Ai ra lệnh ấy?

Một tên quân: Chính An Hoà Hầu!

Vũ Như Tô: Chính An Hoà Hầu! Thế Cửu Trùng Đài?

Lũ quân: Cửu Trùng Đài ư? Đã trảng xe cát! Cửu Trùng Đài sắp là một đồng tro tàn!

Vũ Như Tô: Vô lí! Vô lí.

Ngô Hạch: Rõ quân ngu muội! Đến đâu mày chả chắc, nói chi đến Cửu Trùng Đài mà còn tin tưởng.

Vũ Như Tô: Đòi ta không quý bằng Cửu Trùng Đài.

Quân sĩ: Giống vật không biết nhục.

Ngô Hạch: Dẫn nó đi. (*Chợt có ánh lửa sáng rực, cả tàn than, bụi khói bay vào*).

Vũ Như Tô (*nhìn ra, rú lên*): Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng ác! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phũ cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài! (*Có tiếng hô vui vẻ: “Cửu Trùng Đài đã cháy!”*)

Quân sĩ: Thực đáng ăn mừng.

Vũ Như Tô (*chưa chết*): Thôi thế là hết. Dẫn ta đến pháp trường!

Màn hạ nhanh.

Câu nói cuối cùng của Vũ Như Tô thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

Mùa hạ năm 1941

(Theo *Tuyển tập Nguyễn Huy Tưởng*, tập I, NXB Văn học, Hà Nội, 1984)

?

1. Tìm những ví dụ tiêu biểu cho thấy các chỉ dẫn sân khấu của tác giả có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ bối cảnh, hành động, tâm trạng nhân vật, xung đột trong lời thoại của nhân vật.

2. Thống kê các nhân vật xuất hiện ở từng lớp kịch theo hướng dẫn trong bảng sau:

Lớp	Diễn biến chính	Nhân vật
I	M Đan Thiềm báo tin Trịnh Duy Sản đưa quân về triều làm phản và đang đi tìm Vũ Như Tô để giết. Đan Thiềm khuyên Vũ Như Tô bỏ trốn nhưng ông từ chối.	M Đan Thiềm + Vũ Như Tô
V		
VI		
VII		
VIII		
IX		

Em có nhận xét gì về sự xuất hiện của các nhân vật trong các lớp kịch?

3. Trong đoạn trích, sự xung đột trong quan điểm của Ngô Hạch và quân sĩ với quan điểm của Vũ Như Tô về Cửu Trùng Đài được thể hiện như thế nào? Vì sao có sự khác biệt này?

4. Phân tích những phản ứng của Vũ Như Tô trước các sự kiện dồn dập xảy ra. Từ đây, em hiểu gì về bi kịch của Vũ Như Tô?

5. Theo em, có thể nói tới những chủ đề nào trong văn bản kịch *Vũ Như Tô* và đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*?

6. Theo Giáo sư Trần Đình Hượu, một đặc điểm trong văn hoá của người Việt là: “Không háo hức cái tráng lệ, huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ”⁽¹⁾. Từ những trải nghiệm khi đọc *Vũ Như Tô* và đoạn trích *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, em có suy nghĩ gì về nhận định trên?

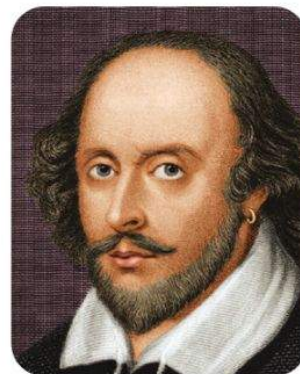
(1) Trần Đình Hượu, *Đến hiện đại từ truyền thống*, NXB Văn hoá, 1996, Hà Nội.

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Thề nguyện và vĩnh biệt*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Uy-li-am Sếch-xpia (William Shakespeare), hoàn cảnh sáng tác *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* qua các nguồn tư liệu khác nhau; lựa chọn và ghi ghép lại các thông tin có ý nghĩa giúp đọc hiểu đoạn trích này.

– Đọc phần tóm tắt sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

Thời Trung cổ, ở thành Vê-rô-na của nước Ý, giữa hai họ Môn-ta-ghiu (Montague) và Ca-piu-lét (Capulet) có mối thù lâu đời. Trong một buổi dạ yến, Rô-mê-ô (con trai tộc trưởng họ Môn-ta-ghiu) bất ngờ gặp Giu-li-ét (con gái của tộc trưởng họ Ca-piu-lét). Cả hai ngay lập tức cảm mến nhau (Hồi một). Hai người, bất chấp lễ giáo, đã cùng nhau thề nguyện dưới trăng (xem đoạn trích Hồi hai, cảnh II). Chiều hôm sau, tại nhà thờ, dưới sự chứng kiến của tu sĩ Lâu-rân, (Laurent) họ đã cùng nhau đính hôn (Hồi hai).



U. Sếch-xpia
(1564 – 1616), Anh.

Cũng trong buổi chiều đó, Ti-bân (Tybalt) – anh họ của Giu-li-ét trong một cuộc xô xát, đã sát hại Mơ-kiu-ti-ô (Murcutio) – người bạn tâm giao của Rô-mê-ô. Để trả thù cho bạn, Rô-mê-ô đã giao đấu và đâm tử thương Ti-bân. Sau khi xét xử, vương chủ đày Rô-mê-ô đi biệt xứ tại Man-tua (Mantua), nếu không sẽ bị xử tội chết (xem đoạn trích Hồi ba, cảnh V). Được sự giúp đỡ của nhũ mẫu, đêm đó, Rô-mê-ô và Giu-li-ét gặp nhau tại phòng của Giu-li-ét để chia tay.

Cũng thời điểm đó, cha mẹ của Giu-li-ét quyết định gả nàng cho Bá tước Pa-rít (Paris) (Hết hồi ba). Tuyệt vọng, Giu-li-ét đến cầu cứu tu sĩ Lâu-rân. Theo lời khuyên của tu sĩ, Giu-li-ét quyết định giả chết: nàng uống một lọ thuốc ngủ do tu sĩ chế khiến thân thể lạnh cứng như đá chết và chỉ tỉnh dậy sau 42 tiếng. Gia đình tưởng nàng đã chết bèn đưa thi thể nàng vào hầm mộ của dòng họ Ca-piu-lét. Trong thời gian đó, tu sĩ cho người đến báo tin cho Rô-mê-ô để chàng trở về, chờ khi nàng tỉnh dậy, hai người sẽ cùng nhau bỏ trốn (Hồi bốn).

Ở nơi lưu đày, Rô-mê-ô đã không nhận được tin báo của tu sĩ, mà lại nhận được tin về cái chết của Giu-li-ét, nên đã mua một lọ thuốc độc rồi lập tức trong đêm tìm đến hầm mộ của dòng họ Ca-piu-lét. Tại đây, Rô-mê-ô uống thuốc độc, hôn Giu-li-ét và chết. Giu-li-ét tỉnh dậy, thấy người yêu đã chết. Quá đau đớn, nàng hôn Rô-mê-ô rồi dùng con dao của chàng để tự sát. Chứng kiến cái chết của đôi tình nhân và nghe lời thuật lại của tu sĩ Lâu-rân, hai dòng họ đã xóa bỏ hận thù (Hồi năm).

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

HỒI HAI, CẢNH II

Vườn nhà Ca-piu-lét

Rô-mê-ô ra

Rô-mê-ô: Kẻ chưa từng bị thương thì há sợ gì sẹo!

Giu-li-ét xuất hiện trên cửa sổ

Ấy nhẹ nhẹ chứ nào! Ánh sáng nào vừa loé trên cửa sổ kia? Đó, phương đông đó, và nàng Giu-li-ét là Mặt Trời. Vườn đông đẹp tươi ơi, hãy hiện ra đi, hãy giết chết ả Hằng Nga đồ kị, héo hon và nhợt nhạt vì đau buồn khi thấy kẻ hầu ⁽¹⁾ của ả lại đẹp hơn ả. ả ghen với em thế thì em theo ả làm gì? Bộ cánh đồng cốt của ả xanh xao nhợt nhạt, chỉ hợp với những đồ ngu xuẩn ⁽²⁾, em hãy vứt nó đi... Ôi người mà ta sùng kính, người mà ta yêu đương! Ôi, giá nàng biết nhỉ!... Nàng đang nói... Không, nàng im lặng... Gì kia? Đôi mắt nàng như lên tiếng, và ta nóng lòng muốn đáp lại ánh mắt nàng... Ta liệu quá, nàng có nói với ta đâu. Nguyên là hai ngôi sao đẹp nhất bầu trời có việc phải đi vắng, đã tha thiết nhờ mắt nàng lấp lánh chờ đến lúc sao về. Ừ, nếu mắt nàng lên thay cho sao, và sao xuống nằm dưới đôi mày kia thì sao nhỉ? Vẻ rực rỡ của đôi gò má nàng sẽ làm cho các vì tinh tú nọ phải hổ ngươi, như vầng dương làm ánh đèn phải thẹn thùng; còn cặp mắt kia trên bầu trời sẽ rọi khắp khoảng không một làn ánh sáng tung bừng đến nỗi chim chóc sẽ lên tiếng hót vang vì tưởng là đêm đã tàn. Kia nàng tì má lên tay! Ước gì ta là chiếc bao tay nhỉ, để được mơn trớn má đào!

Chú ý cách hình dung của Rô-mê-ô về Giu-li-ét.

Giu-li-ét: Ôi chào!

Rô-mê-ô: Kia, nàng vừa lên tiếng! Hỡi nàng tiên lộng lẫy hãy nói nữa đi! Đêm nay trên đầu ta, nàng toả ánh hào quang như một sứ giả nhà trời có đôi cánh, đang cười những áng mây lười nhẹ lướt trên không trung, khiến kẻ trần tục phải cố ngược đôi mắt thịt mà chiêm ngưỡng.

Giu-li-ét: Ôi Rô-mê-ô, hỡi Rô-mê-ô! Sao chàng lại mang tên đó nhỉ?

Chàng hãy từ bỏ thân phụ đi, từ bỏ tên họ đi; hoặc không thì chàng hãy thề là chàng yêu em đi, em sẽ không còn là con cháu nhà Ca-piu-lét nữa.

Rô-mê-ô (nói một mình): Ta cứ đứng nghe thêm nữa, hay nên lên tiếng nhỉ?

Giu-li-ét: Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi. Nhưng nếu chẳng phải là người họ Môn-ta-ghiu thì chàng cũng vẫn là chàng. Chàng ơi! Hãy mang tên họ nào khác đi! Thế nào là họ Môn-ta-ghiu nhỉ? Cái tên đó

Tại sao Giu-li-ét lại nói: "Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi"?

(1) *Kẻ hầu:* ở đây chỉ những nàng trinh nữ được coi là thị nữ của nữ thần Mặt Trăng.

(2) *Đồ ngu xuẩn:* ở đây chỉ những cô gái không chịu đi lấy chồng.

đâu có phải là bàn tay, bàn chân, cánh tay, bộ mặt, một bộ phận nào của thân thể con người... Cái tên nào có nghĩa gì? Bông hồng kia, giá gọi bằng một tên khác, thì hương thơm cũng vẫn ngát ngào. Vậy nếu chàng Rô-mê-ô chẳng mang tên Rô-mê-ô nữa, thì mười phen chàng cũng vẫn vẹn mười... Rô-mê-ô chàng ơi, chàng hãy từ bỏ tên họ đi. Cái tên kia đâu có phải xương thịt của chàng, chàng hãy đổi nó lấy cả tấm thân em.

Rô-mê-ô: Đúng là từ miệng nàng nói ra nhé! Chỉ cần được nàng gọi là người yêu là tôi xin tức thì nhận tên thánh mới; từ nay trở đi, tôi không muốn bao giờ là Rô-mê-ô nữa.

Giu-li-ét: Người là ai, mà nhờ đêm tối, chợt biết được điều tôi ấp ủ trong lòng vậy?

Rô-mê-ô: Tôi không biết xưng danh cùng nàng thế nào. Nàng tiên yêu quý của tôi ơi, tôi thù ghét cái tên của tôi, vì nó là kẻ thù của nàng. Nếu chính tay tôi đã viết tên đó, thì tôi xin xé nát nó ra.

Giu-li-ét: Tai nghe chưa trọn một trăm chữ từ miệng đó nói ra mà đã nhận ra tiếng ai rồi. Chẳng phải chàng Rô-mê-ô, họ nhà Môn-ta-ghiu đó ư?

Rô-mê-ô: Hỡi nàng tiên kiều diễm, nếu nàng chẳng ưa tên họ đó, thì tôi chẳng phải Rô-mê-ô mà cũng chẳng thuộc họ Môn-ta-ghiu.

Giu-li-ét: Chàng làm thế nào mà tới được chốn này? Và chàng tới làm gì? Tường vườn này cao, vượt qua thật khó. Và chàng thử nghĩ lại xem mình là ai? Nếu bị họ hàng nhà em bắt gặp nơi đây thì chàng khó lòng thoát chết.



Một cảnh trong phim *Rô-mê-ô và Giu-li-ét*
(Ảnh: fondazionefrancozeffirelli.com)

Rô-mê-ô: Tôi vượt được tường này là nhờ đôi cánh của tình yêu; mấy bức tường đá ngăn sao được ái tình. Mà cái gì tình yêu dám làm là làm được. Người nhà nàng ngăn sao nổi tôi.

Chú ý sự nguy hiểm mà Rô-mê-ô phải đối mặt để được gặp Giu-li-ét.

Giu-li-ét: Họ mà bắt gặp chàng thì họ giết chàng mất.

Rô-mê-ô: Nàng ơi, ánh mắt kia còn nguy hiểm cho tôi hơn hai chục lưỡi kiếm của họ. Nàng hãy nhìn tôi với khoé mắt yêu thương là tôi chẳng ngại gì hăn thù của họ nữa.

Giu-li-ét: Em cầu mong cho họ đừng bắt gặp chàng nơi đây.

Rô-mê-ô: Đã có áo choàng của nàng Đêm che cho tôi khỏi bị họ nom thấy. Và chẳng, nếu chẳng được nàng đoái hoài thì thà cứ để họ bắt gặp. Thà để cho lòng căm thù của họ chấm dứt đời tôi còn hơn kéo dài kiếp sống mà thiếu tình nàng.

Giu-li-ét: Ai đưa lời cho chàng tới đây?

Rô-mê-ô: Ái tình, ái tình đã xui tôi tìm kiếm. Ái tình đã cho tôi lời khuyên, và tôi đã cho ái tình đôi mắt. Tôi chẳng phải là tay thủy thủ, nhưng giá nàng có ở nơi bờ biển xa xăm nhất, thì tôi cũng sẵn sàng liều mình vì báu vật.

Giu-li-ét: Nếu chẳng có màn đêm che phủ thì chàng đã thấy má em ửng đỏ vì những lời em nói cùng chàng đêm nay. Chàng ơi, em muốn chẳng vượt vòng lễ giáo, em muốn... em muốn chối những lời vừa nói... Nhưng thôi, khách sáo làm gì? Chàng có yêu em không? Em biết là chàng sẽ trả lời “có”, và em sẽ tin chàng ngay. Nhưng xin chàng đừng thề thốt, chắc đâu chàng giữ được lời thề: những chuyện tình nhân bội ước chẳng đã khiến Thượng đế tức cười sao... Chàng Rô-mê-ô phong nhã hời, nếu chàng yêu em thì xin cứ thẳng thắn nói lên; và nếu chàng cho em là dễ xiêu lòng quá, thì em sẽ cau mày, em sẽ làm cao, em sẽ nói “không” để chàng phải sớm khuya theo đuổi; nhưng nếu chàng chẳng nghĩ vậy thì em cũng chẳng khi nào làm thế... Thật vậy, chàng Môn-ta-ghiu tuần tú ơi, em yêu chàng say đắm; có lẽ chàng sẽ cho em là gái lẳng lơ, nhưng hãy tin em hỡi người quân tử, em sẽ giàu lòng chung thủy hơn những kẻ giả bộ kiêu kì, và em cũng xin thú thật là nếu chàng chẳng bắt gặp em đương thổ lộ mối tình tha thiết thì em cũng đã dè dặt hơn cùng chàng. Vậy em xin chàng hãy tha thứ cho em và đừng vì nỗi lòng yếu đuối bị bắt chợt trong đêm tối mà ngờ em là kẻ trắng hoa.

Rô-mê-ô: Thừa tiểu thư, tôi xin thề có mảnh trăng thiêng liêng kia đương dát bạc trên những ngọn cây trấu quả...

Giu-li-ét: Em xin chàng đừng lấy trăng kia thề thốt, vầng trăng nghiêng ngả mà mỗi tháng lại thay đổi đường đi lối về. Em sợ tình chàng cũng sẽ như trăng kia thay đổi.

Rô-mê-ô: Vậy tôi phải lấy gì mà thề?

Giu-li-ét: Em xin chàng đừng thề nguyên chi cả; hay nếu chàng muốn thì chàng hãy đem tấm thân tuần nhã kia ra mà thề; đó là vị thần mà em thờ phụng, và em sẽ tin chàng.

Rô-mê-ô: Nếu tình yêu tha thiết của trái tim tôi...

Giu-li-ét: Nhưng thôi chàng ôi, đừng thề thốt nữa. Mặc dầu em sung sướng được gặp chàng, nhưng đêm nay lời thề của chàng cũng chẳng mang lại niềm vui cho em đâu. Sự việc xảy ra nhanh chóng quá, bất ngờ quá, tình linh quá, như ánh chớp kia vội tắt trước khi ta kịp nói: “Kìa chớp loè!”... Bạn yêu quý hỡi, xin chào bạn nhé! Được hơi thở của mùa hạ ve vuốt, có thể lần sau gặp nhau, nụ ái tình này đã nở thành một đoá hoa lộng lẫy... Em xin chào chàng!... Em cầu cho sự thanh thản êm đềm của lòng em cũng sẽ đến với trái tim chàng.

Rô-mê-ô: Ôi! Nàng chẳng cho tôi được thoả nguyện sao?

Giu-li-ét: Chàng muốn thoả ước nguyện gì đêm nay?

Rô-mê-ô: Tôi ước ao được cùng nàng trao lời thề chung thủy.

Giu-li-ét: Em đã gửi chàng lời thề trước khi chàng hỏi. Vậy mà em ước gì còn giữ lại chưa trao.

Rô-mê-ô: Nàng muốn lấy lại lời thề chẳng? Để làm gì vậy, hỡi người yêu quý?

Giu-li-ét: Em chỉ muốn được rộng lòng hào phóng, và tặng chàng lần nữa. Thật ra thì điều em ước, em đã có rồi: lòng em mênh mông, tình em thăm thẳm như biển cả. Em càng tặng chàng thì em lại càng có nhiều, vì cả hai đều là vô tận. [...]

HỒI BA, CẢNH V

Phòng Giu-li-ét

Rô-mê-ô và Giu-li-ét đứng bên cửa sổ trông xuống vườn

Giu-li-ét: Anh đi ư? Trời còn lâu mới sáng. Tiếng chim đã làm anh hoảng hốt là tiếng hoạ mi đấy, không phải tiếng sơn ca đâu. Đêm nào nó cũng hót trên cây lựu đằng kia. Anh ơi, cứ tin lời em nói, đúng là tiếng hoạ mi.

Chú ý cảm nhận của Giu-li-ét về âm thanh tiếng chim.

Rô-mê-ô: Sơn ca, sứ giả của bình minh đấy! Không phải hoạ mi đâu. Em yêu quý, hãy nhìn kia, ánh hồng ghen với chúng ta đã viền sáng những đám mây đang phải rời nhau ngoài phương Đông. Những ngọn bạch lạp trên trời đêm đã tắt, và bình minh tươi vui đang kiểng chân rón rén trên đỉnh núi xa mờ. Anh phải ra đi để sống, hoặc ở lại mà chết.

Giu-li-ét: Vệt sáng kia không phải ánh bình minh, em biết! Đó là một ngôi sao băng Mặt Trời vừa phun ra để làm ngọn đuốc đưa anh tới Man-tua. Anh hãy ở lại, chưa đến lúc anh phải ra đi.

Rô-mê-ô: Được, cứ để họ bắt, cứ để họ giết! Anh sẽ vui lòng, vì đó là ý muốn của em. Vệt sáng mờ kia đâu phải ánh mắt của bình minh, đó chỉ là tia phản chiếu của vùng trán ả Hằng. Tiếng hót vang bầu trời trên đầu chúng ta cũng chẳng phải tiếng sơn ca. Anh thiết tha muốn ở lại nơi đây, chẳng còn lòng nào cất bước. Tử thần hỡi, cứ lại đây, ta vui lòng chờ mi, vì nàng Giu-li-ét muốn như vậy... Hỡi tâm hồn của anh, chúng ta đang nói gì nhỉ? Chúng ta hãy tiếp tục chuyện trò đi, trời đã sáng đâu.

Giu-li-ét: Trời sáng rồi, trời sáng rồi! Anh ơi, đi đi, đi ngay đi. Đúng là con sơn ca đang cất tiếng hót lạc điệu; giọng nó mới chỏi tai làm sao! Người ta bảo tiếng sơn ca êm ái, thánh thót, bởi nó khéo phân chia cung bậc, nhưng chẳng phải vậy đâu, bởi nó chỉ chia lìa anh và em thôi. Người ta bảo sơn ca xưa đã đổi mắt với giống cóc nhái; sao chúng chẳng đổi cả giọng cho nhau, vì tiếng hót hôm nay chỉ bắt chúng ta phải kinh hoảng rời nhau; nó như tiếng kèn phùng sẵn đuổi bắt anh rời khỏi nơi đây. Anh ơi, anh đi đi. Trời mỗi lúc một sáng.

Rô-mê-ô: Mỗi lúc một sáng ư? Nỗi đau thương của chúng ta mỗi lúc một chìm thêm vào tăm tối.

Chú ý sự tương phản giữa ánh sáng và tăm tối trong câu thoại này của Rô-mê-ô.

Nhũ mầu ra

Nhũ mẫu: Thừa tiêu thư!

Giu-li-ét: Gì đấy, nhũ mẫu?

Nhũ mẫu: Phu nhân sắp tới phòng tiêu thư. Trời sắp sáng. Tiêu thư hãy nên cẩn trọng.

Nhũ mẫu vào

Giu-li-ét: Thôi cửa ới, hãy cho ánh sáng lọt vào, và để đời sống đi ra.

Rô-mê-ô: Thôi vĩnh biệt! Em cho anh một cái hôn trước khi anh trèo xuống.

Xuống

Giu-li-ét: Anh đi rồi đấy ư? Ông hoàng của em, chồng của em, người yêu của em, bạn của em! Một giờ có bao nhiêu ngày thì em phải có tin anh chừng ấy lần, vì mỗi phút đã có bao ngày trong đó. Anh ới, cứ tính như thế thì khi gặp lại Rô-mê-ô của em, em sẽ chẳng còn xuân sắc nữa.

Rô-mê-ô: Vĩnh biệt. Hỡi em yêu quý, anh sẽ không bỏ lỡ dịp nào để gửi tin đến cho em.

Giu-li-ét: Anh ới, có bao giờ chúng ta lại được gặp nhau nữa không?

Rô-mê-ô: Nhất định là sẽ có. Một ngày kia chúng ta sẽ ngồi bên nhau băng khuâng ôn lại những nỗi ngậm ngùi hôm nay.

Giu-li-ét: Trời ới, sao em linh cảm có chuyện chẳng lành! Em nhìn anh đứng dưới ấy như thầy ma nằm dưới mồ. Mắt em hoa làm sao mà thấy anh nhợt nhạt quá!

Rô-mê-ô: Em ới, mắt anh nhìn cũng thấy em nhợt nhạt làm sao! Sầu thương đã uống hết máu chúng ta. Thôi, vĩnh biệt!

Cách cảm nhận của Rô-mê-ô và Giu-li-ét về nhau có gì cần lưu ý?

Rô-mê-ô vào

(*Tuyển tập tác phẩm William Shakespeare*, ĐẶNG THẾ BÌNH dịch, NXB Sân khấu và Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005)

?

1. Đoạn trích xoay quanh cuộc đối thoại của những nhân vật nào? Mối quan hệ của họ là gì?

2. Cảnh tình tự, gặp gỡ của Rô-mê-ô và Giu-li-ét luôn phải diễn ra trong khoảng thời gian và không gian nào? Vì sao?

3. Tìm và phân tích những lời đối thoại cho thấy:

a) Tình yêu giữa Rô-mê-ô và Giu-li-ét như thế nào?

b) Những rào cản, khó khăn ngáng trở mối tình say đắm của họ?

4. Hãy chỉ ra sự thay đổi trong âm hưởng chính của tình yêu từ Cảnh II, Hồi hai sang Cảnh V, Hồi ba? Sự thay đổi này góp phần thể hiện chủ đề của văn bản như thế nào?

5. Lời thoại nào trong đoạn trích khiến em cảm thấy thú vị nhất? Vì sao?

6. Cảnh thể nguyên của Rô-mê-ô và Giu-li-ét (Cảnh II, Hồi hai) khiến em liên tưởng đến tác phẩm nào trong văn học Việt Nam? Sự liên tưởng đó đem đến cho em những cảm xúc và suy nghĩ gì?

Thực hành đọc hiểu



TÔI MUỐN ĐƯỢC LÀ TÔI TOÀN VỆ^(*)

(Trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*)

LƯU QUANG VŨ

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Tôi muốn được là tôi toàn vệ*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Lưu Quang Vũ, tác phẩm *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* qua các nguồn tư liệu khác nhau; lựa chọn và ghi ghép lại các thông tin có ý nghĩa giúp đọc hiểu văn bản.

– Tìm đọc truyện cổ tích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* và cho biết điểm khác biệt quan trọng nhất giữa tác phẩm kịch của Lưu Quang Vũ và truyện cổ tích.

– Đọc phần tóm tắt vở kịch sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

Trương Ba (hơn 50 tuổi) là một người làm vườn chất phác, nhân hậu, đặc biệt rất cao cò. Trong một lần đánh cò, Trương Ba kết bạn với Đế Thích (tiên cò trên Thiên Đình). Mến tài Trương Ba, Đế Thích cho Trương Ba một thẻ hương dận rằng nếu có gì bất trắc thì thả một nén, Đế Thích sẽ xuống trần giúp đỡ; nếu thả ba nén thì sẽ được lên trời.

Do tặc trách, Nam Tào gạch bừa tên Trương Ba, khiến ông phải chết oan. Vợ Trương Ba lấy ba nén hương (của Đế Thích) thả cho chồng vì thế mà lên được Thiên Đình, gặp Đế Thích và kiện về chuyện Trương Ba. Theo gợi ý của Đế Thích, để sửa sai, Nam Tào cho hồn Trương Ba nhập vào thể xác người hàng thịt ở làng bên vừa mới chết, ngoài 30 tuổi, để được sống lại.



Lưu Quang Vũ (1948 – 1988),
quê ở Đà Nẵng

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

Trú nhờ thể xác hàng thịt, Hồn Trương Ba bị lí trưởng nhân đó sách nhiễu vùi tiền; con trai Trương Ba ngày càng dắc ý, lẩn lút, coi thường bố. Đặc biệt, sau một thời gian, Hồn Trương Ba dần dà tiêm nhiễm một số những thói quen sinh hoạt và cả thói xấu của anh hàng thịt. Những thay đổi đó khiến Hồn Trương Ba dần trở nên xa lạ với bạn bè và người thân, ngày càng tự thâm thía nỗi đau khổ, sự xấu đi không thể cưỡng lại do tình trạng “bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo” của mình.



Một cảnh trong vở kịch
Hồn Trương Ba, da hàng thịt
(Nhà hát Kịch Việt Nam dàn dựng;
Nghệ sĩ Nhân dân Trọng Khôi thể hiện
vai Hồn Trương Ba)

Hồn Trương Ba vô cùng đau khổ và quyết định lựa chọn cái chết, trả lại thân xác cho anh hàng thịt.

2 Đọc hiểu

VII

Nhà Trương Ba

(Lược các lớp: *Trường Hoạt (bạn tâm giao của Trương Ba) phê phán Trương Ba “thay tâm đổi tính”, trở thành người “buôn rẻ bán đắt, cân đui, cân sai, bắt chẹt khách hàng”, nước cờ cũng trở nên “vụn vặt, tẩn mẩn, thô phũ” rồi “lạnh nhạt” bỏ ra về.*

Lí trưởng và anh con trai Trương Ba công khai nói về những lạc thú đồi bại. Lí trưởng triết lí với Hồn Trương Ba về chuyện “hồn nọ xác kia” và “thời buổi này chẳng ai sống bằng thân mình được”. Trương Ba rất khó chịu, sẵn giọng với lí trưởng nhưng anh con trai lại khuyên ông phải biết nín nhịn rồi đưa lí trưởng về đình.).

Hồn Trương Ba: (*ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy*) Không! Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi! (*nhìn chân tay, thân thể*). Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi! Cái thân thể kèn cồng thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta chỉ muốn rời xa mi tức khắc! Nếu cái hồn của ta có hình thù riêng nhỉ, để nó được tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ một lát!

(*Tới đây, bắt đầu lớp kịch “Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác”. Trên sân khấu, Hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện hình lơ mơ trong dáng nhân vật Trương Ba thật. Thân xác vẫn ngồi nguyên trên chõng và lúc này chỉ còn là thân xác.*)

Xác Hàng Thịt: (*lắc đầu*) Vô ích, cái linh hồn mờ nhạt của ông Trương Ba khôn khổ kia ơi, ông không tách ra khỏi tôi được đâu, dù tôi chỉ là thân xác...

Hồn Trương Ba: A, mày cũng biết nói kia à? Vô lí, mày không thể biết nói! Mày không có tiếng nói, mà chỉ là xác thịt âm u đui mù...

Xác Hàng Thịt: Có đấy! Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!

Hồn Trương Ba: Nói láo! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc!

Xác Hàng Thịt: Có thật thế không?

Hồn Trương Ba: Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được: Thèm ăn ngon, thèm rượu thịt...

Xác Hàng Thịt: Tất nhiên, tất nhiên. Sao ông không kể tiếp: Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại... Đêm hôm đó, suýt nữa thì...

Hồn Trương Ba: Im đi! Đây là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày...

Xác Hàng Thịt: Thì tôi có ghen đâu! Ai lại ghen với chính thân thể mình nhỉ! Tôi chỉ trách là sao đêm ấy ông lại tự dưng bỏ chạy, hoài của!... Này, nhưng ta nên thành thật với nhau một chút: Chẳng lẽ ông không xao xuyến chút gì? Hà hà, cái món tiết canh, cổ hũ, khấu đuôi, và đủ các thứ thú vị khác không làm hồn ông lâng lâng cảm xúc sao? Để thoả mãn tôi, chẳng lẽ ông không tham dự vào chút đỉnh gì? Nào, hãy thành thật trả lời!

Hồn Trương Ba: Ta... ta... đã bảo mày im đi!

Xác Hàng Thịt: Rõ là ông không dám trả lời. Giấu ai chứ không thể giấu tôi được! Hai ta đã hoà với nhau làm một rồi!

Hồn Trương Ba: Không! Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn...

Xác Hàng Thịt: Nực cười thật! Khi ông phải tồn tại nhờ tôi, chiều theo những đòi hỏi của tôi, mà còn nhận là nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn!

Hồn Trương Ba: *(bịt tai lại)* Ta không muốn nghe mày nữa!

Xác Hàng Thịt: *(lắc đầu)* Ông cứ việc bịt tai lại! Chẳng có cách nào chối bỏ tôi được đâu! Mà đáng lẽ ông phải cảm ơn tôi. Tôi đã cho ông sức mạnh. Ông có nhớ hôm ông tát thẳng con ông toé máu mồm máu mũi không? Con giận của ông lại có thêm sức mạnh của tôi... Ha ha!

Hồn Trương Ba: Ta cần gì đến cái sức mạnh làm ta trở thành tàn bạo.

Xác Hàng Thịt: Nhưng tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy phục! Đâu phải lỗi tại tôi... *(buồn rầu)* Sao ông có vẻ khinh thường tôi thế nhỉ? Tôi cũng đáng được quý trọng chứ! Tôi là cái bình để chứa đựng linh hồn. Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xơi. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, những người thân... Nhờ có đôi

Chú ý những phản ứng của Hồn Trương Ba trước lời nói của Xác Hàng Thịt (ở lời thoại này và trong những lời thoại tiếp theo với Xác Hàng Thịt).

Chú ý sắc thái giọng điệu này của Xác Hàng Thịt.

mắt của tôi, ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi... Khi muốn hành hạ tâm hồn con người, người ta xúc phạm thể xác... Những vị lắm chữ nhiều sách như các ông là hay vịn vào có tâm hồn là quý, khuyên con người ta sống vì phần hồn, để rồi bỏ bê cho thân xác họ mãi khổ sở, nhếch nhác... Mỗi bữa tôi đòi ăn tám, chín bát cơm, tôi thêm ăn thịt, hỏi có gì là tội lỗi nào? Lỗi là ở chỗ không có đủ tám, chín bát cơm cho tôi ăn chứ!

Hồn Trương Ba: Nhưng... Nhưng...

Xác Hàng Thịt: Hãy công bằng hơn, ông Trương Ba ạ! Từ nãy tới giờ chỉ có ông nặng lời với tôi, chứ tôi thì vẫn nhã nhặn với ông đấy chứ. *(thì thảm)* Tôi rất biết cách chiều chuộng linh hồn...

Hồn Trương Ba: Chiều chuộng?

Xác Hàng Thịt: Chứ sao? Tôi thông cảm với những “trò chơi tâm hồn của ông”. Nghĩa là: Những lúc một mình một bóng, ông cứ việc nghĩ rằng ông có một tâm hồn bên trong cao khiết, chẳng qua vì hoàn cảnh, vì để sống mà ông phải nhân nhượng tôi. Làm xong điều xấu gì ông cứ việc đổ tội cho tôi, để ông được thanh thản. Tôi biết: Cần phải để cho tính tự ái của ông được ve vuốt. Tâm hồn là thứ lắm sĩ diện! Hà hà, miễn là... ông vẫn làm đủ mọi việc để thoả mãn những thèm khát của tôi!

Hồn Trương Ba: Lí lẽ của anh thật ti tiện!

Xác Hàng Thịt: Ấy đấy, ông bắt đầu gọi tôi là anh rồi đấy! Có phải lí lẽ của tôi đâu, tôi chỉ nhắc lại những điều ông vẫn tự nói với mình và với người khác đấy chứ! Đã bảo chúng ta tuy hai mà một!

Hồn Trương Ba: *(như tuyệt vọng)* Trời!

Xác Hàng Thịt: *(an ủi)* Ông đừng nên tự dằn vặt làm gì! Tôi đâu muốn làm khổ ông, bởi tôi cũng rất cần đến ông. Thôi, đừng cãi cọ nhau nữa! Chẳng còn cách nào khác đâu! Phải sống hoà thuận với nhau thôi! Cái hồn vía ương bướng của tôi ơi, hãy về với tôi này!

(Hồn Trương Ba bản thân nhập lại vào Xác Hàng Thịt. Trên sân khấu, nhân vật Trương Ba biến đi. Chỉ còn lại Xác Hàng Thịt mang Hồn Trương Ba ngồi lặng lẽ bên chõng...).

(Lược một đoạn: Hồn Trương Ba nói chuyện với vợ, cái Gái (cháu nội) và con dâu. Vợ Trương Ba báo tin cụ Tị ốm nặng, đau khổ về nỗi Trương Ba không còn là ông Trương Ba ngày xưa và muốn bỏ nhà đi cấy thuê, làm mướn để Trương Ba có thể “được thanh thoi... với cô vợ người hàng thịt”. (Cái Gái một mực phủ nhận Trương Ba là ông nội mình). Trong mắt cái Gái, Trương Ba chỉ là “lão đồ tể”, vừa xấu, vừa ác, “thô lỗ” và “phũ phàng”. Cô con dâu, người luôn thông cảm với Trương Ba giờ đây cũng thừa nhận: “mỗi ngày thấy một đổi khác dần, mất mát dần”, không còn là con người “hiền hậu, vui vẻ, tốt lành” xưa kia. Hồn Trương Ba đau khổ, nhưng cảm ơn con dâu vì “đã nói thật” và đề nghị con dâu ra ngoài để ông yên tĩnh...).

Hồn Trương Ba: *(một mình)* Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ, mày đã tìm được đủ mọi cách để lấn át ta... *(sau một lát)* Nhưng lẽ nào ta lại

chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình? “Chẳng còn cách nào khác”! Mày nói như thế hả? Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!

(Đứng dậy, lập cập nhưng quả quyết, đến bên cột nhà, lấy một nén hương châm lửa, thắp lên. Đế Thích xuất hiện.)

Đế Thích: Ông Trương Ba! *(thấy vẻ nhột nhạt của Hồn Trương Ba)* Ông có ốm đau gì không? Một tuần nay tôi bị canh giữ chặt quá, không xuống đánh cờ với ông được, nhưng ông đốt hương gọi, đoán là ông có chuyện khẩn, tôi liều mạng xuống ngay. Có việc gì thế?

Hồn Trương Ba: *(sau một lát)* Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được!

Đế Thích: Sao thế? Có gì không ổn đâu!

Hồn Trương Ba: Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

Đế Thích: Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư? Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người lắm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rã trong bùn đất, còn chút hình thù gì của ông đâu!

Lập luận này của Đế Thích có ý nghĩa gì trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?

Hồn Trương Ba: Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!

Đế Thích: *(không hiểu)* Nhưng mà ông muốn gì?

Hồn Trương Ba: Ông từng nói: Nếu thân thể người chết còn nguyên vẹn, ông có thể làm cho hồn người đó trở về. Thì đây, *(chỉ vào người mình)* thân thể anh hàng thịt còn lành lặn nguyên xi đây, tôi trả lại cho anh ta. Ông hãy làm cho hồn anh ta được sống lại với thân xác này.

Đế Thích: Sao lại có thể đổi tâm hồn đáng quý của bác lấy chỗ cho cái phần hồn tầm thường của anh hàng thịt?

Hồn Trương Ba: Tầm thường, nhưng đúng là của anh ta, sẽ sống hoà thuận được với thân anh ta, chúng sinh ra là để sống với nhau. Và lại, còn... còn chị vợ anh ta nữa... chị ta thật đáng thương!

Đế Thích: Nhưng thế hồn ông muốn trú vào đâu?

Hồn Trương Ba: Ở đâu cũng được, chứ không ở đây nữa. Nếu ông không giúp, tôi sẽ... tôi sẽ... nhảy xuống sông hay đâm một nhát dao vào cổ, lúc đó thì hồn tôi chẳng còn, xác anh hàng thịt cũng mất...

Đế Thích: Sao ông lại tính nước ấy! Rắc rối thật! Tôi đã phạm phép trời một lần. Trên thiên đình người ta còn đang treo tội tôi đấy để chờ xét xử. Tôi chẳng sợ, họ dọa thế chứ chưa chắc đã làm gì được tôi. Trị tội hết tiên hết thần thì lấy gì cho dân chúng họ thờ? Cái khó nghĩ bây giờ là sắp xếp cho hồn ông nhập vào đâu đây? (*đi lại, suy nghĩ, bỗng lắng nghe*) Có tiếng khóc ran lên từ đâu ấy nhỉ? Từ nhà ai?

Hồn Trương Ba: (*cũng nhìn ra ngoài*) Từ phía nhà chị Lua mẹ cu Tị. Thằng cu Tị đang ốm nặng... Trời, hay là...

(*Cái Gái chạy vào nhà, nước mắt đầm đìa.*)

Cái Gái: (*gọi thất thanh*) Mẹ ơi, mẹ ơi! Cu Tị... cu Tị... chết rồi!

(*Oà khóc, rồi chạy đi, chị con dâu chạy theo.*)

Đế Thích: (*nhìn ra ngoài*) Cái nhà sau rặng cau kia phải không? Tôi vừa thấy hồn thằng bé bay vụt lên khỏi mái nhà, tan mờ ra như một làn sương mỏng... Cu Tị là đứa trẻ như thế nào?

Hồn Trương Ba: Con trai độc nhất của chị Lua. Nó là bạn thân của cái Gái nhà tôi. Thằng bé ngoan lắm, khôn lắm. Tôi rất quý nó mà nó cũng rất thân với tôi. Dĩ nhiên, đây là trước kia... Nhưng tại sao nó lại phải chết?

Đế Thích: Kiếp này, chắc lại do hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu tặc trách gạch tên bừa, hoặc cũng do bà Vương Hầu⁽¹⁾ ép, bà ấy không ưa trẻ con. Lệnh của bà ấy thì chẳng ai cưỡng được! (*bản thân nghĩ ngợi*) A, hay quá, tôi nghĩ ra rồi! Ông Trương Ba! Tôi sẽ giúp ông một lần nữa! Ngay bây giờ đây, ông sẽ trả cái thân thể này cho anh hàng thịt, tôi sẽ làm cho hồn ông nhập vào xác cu Tị. Như vậy là anh hàng thịt được sống, hồn ông vẫn có chỗ trú, mà cái thân thể bé nhỏ của cu Tị sẽ không bị mất đi. Ông thấy được không?

Cách hành xử của những nhân vật trên Thiên Đình đưa lại cho em suy nghĩ gì?

Hồn Trương Ba: Nhập vào xác cu Tị? Tôi?

Đế Thích: Chứ sao! Ông với anh hàng thịt là hai người xa lạ, còn ông với thằng cu Tị đã từng quần quýt quý mến nhau, ông sống trong thân thể thằng bé chắc sẽ ổn...

Hồn Trương Ba: Ông cho tôi suy nghĩ một lát đã... Việc này bất ngờ quá! (*ngồi xuống, nghĩ ngợi*) Nhập vào cu Tị... (*lẩm bẩm*) Tôi, một ông già gần 60, cu Tị thì còn chưa bắt đầu cuộc đời, còn đang tuổi ăn, tuổi lớn, chạy nhảy vô tư... có ổn không nhỉ? (*nhắm mắt lại*) Thử hình dung xem nào... sẽ phải giải thích cho chị Lua: Tôi không phải là con chị, chị ấy sẽ không nguôi thương nhớ con... Có khi tôi còn phải sang nhà chị Lua ở... Rồi còn hàng xóm, lí trưởng, trương tuần... Bao nhiêu sự rắc rối. Bà vợ tôi, các con tôi sẽ nghĩ ngợi, xử sự thế nào, khi chồng mình, bố mình mang thân một thằng bé lên 10? Làm trẻ con không phải dễ! Mà cái Gái nhà tôi, nó sẽ nghĩ thế nào nhỉ?

Đế Thích: Chắc nó sẽ thích. Nó thân với cu Tị mà.

(1) *Vương Hầu*: vị nữ thần trong Đạo giáo, còn gọi là Tây Vương Mẫu, Dao Trì Vương Mẫu.

Hồn Trương Ba: (*lắc đầu*) Sợ chỉ càng oái oăm rắc rối hơn. Trẻ con phải ra trẻ con, người lớn phải ra người lớn. Thằng cu Tị bỗng thành ông nội, con bé đời nào chịu. Tôi đã lường trước thấy bao sự không ổn, ông Đế Thích ạ.

Đế Thích: Trong thân một đứa bé, ông sẽ có cả cuộc đời trước mặt.

Hồn Trương Ba: Để rồi, chẳng bao lâu nữa, bà nhà tôi, bạn bè cùng lứa với tôi như bác Trưởng Hoạt lần lượt nằm xuống, mình tôi vẫn phải sống suốt bao năm tháng dằng dặc. Mình tôi giữa đám người hậu sinh. Những gì chúng thích thì tôi ghét, những gì tôi thích chúng chẳng ưa. Tôi sẽ như ông khách ngồi dai ở nhà người ta, mọi khách khứa đã về cả rồi, mình vẫn dầm dề nán lại. Tôi sẽ bơ vơ lạc lõng, hoặc sẽ trở nên thảm hại đáng ghét như kẻ tham lam, một kẻ lí ra phải chết từ lâu mà vẫn cứ sống, cứ trẻ khỏe, cứ ngang nhiên hưởng thụ mọi thứ lộc trời! Vô lí lắm! Không!

Tôi không thể cướp cái thân thể non nớt của cu Tị. (*nhìn ra ngoài*) Tiếng chị Lua gào khóc nghe đứt ruột! Mất đứa con, chị ấy làm sao sống được? (*đột ngột*) Ông Đế Thích, hồn cu Tị bây giờ ở đâu?

Đế Thích: Tôi đã nói với ông rồi: ra khỏi thân xác, hồn chẳng còn là gì nữa!

Hồn Trương Ba: Ông hãy đưa hồn cu Tị về nhập lại vào xác nó, cho nó được sống lại!

Đế Thích: Không được! Việc cu Tị... chắc chắn đã có lệnh của bà Tây Vương Mẫu.

Hồn Trương Ba: Ông hãy cứu nó! Ông phải cứu nó! Ông có biết đứa con đối với người mẹ là thế nào không? Còn to lớn hơn cả ý muốn bà Tây Vương Mẫu nhà ông. Ông Đế Thích, vì con trẻ ông ạ, vì con trẻ! Ông hãy giúp tôi lần cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ làm phiền ông nữa, không đòi ông điều gì nữa! (*lấy bó hương ra*) Đây! (*bẻ gãy cả bó*)

Đế Thích: Ông Trương Ba... (*dần đo rất lâu rồi quyết định*) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ làm cu Tị sống lại, dù có bị phạt nặng... Nhưng còn ông... rốt cuộc ông muốn nhập vào thân thể ai?

Hồn Trương Ba (*sau một hồi lâu*): Tôi đã nghĩ kĩ... (*nói chậm và khẽ*) Tôi không nhập vào hình thù ai nữa! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn!

Đế Thích: Không thể được! Việc ông phải chết chỉ là một lần lẩn của quan thiên đình. Cái sai ấy đã được sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống.

Hồn Trương Ba: Có những cái sai không thể sửa được. Chấp vạ gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa, hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác. Việc đúng còn làm kịp bây giờ là làm cu Tị sống lại. Còn tôi, cứ để tôi chết hẳn...

Đế Thích: Không! Ông phải sống, dù với bất cứ giá nào...

Hồn Trương Ba: Không thể sống với bất cứ giá nào được, ông Đế Thích ạ! Có những cái giá đắt quá, không thể trả được... Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...

Đế Thích: Ông có biết ông quyết định điều gì không? Ông sẽ không còn lại một chút gì nữa, không được tham dự vào bất cứ nỗi vui buồn gì! Rồi đây, ngay cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa.

Hồn Trương Ba: Tôi hiểu. Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ! Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi! Còn lấy lý lẽ gì khuyên thằng con tôi đi vào con đường ngay thẳng được? Cuộc sống giả tạo này có lợi cho ai? Hoạ chăng chỉ có lão lý trưởng và đám trương tuần hỉ hủ thu lợi lộc! Đúng, chỉ bọn khốn kiếp là lợi lộc.

Đế Thích: Tôi không phải là kẻ khốn kiếp... Tôi quý mến ông... Tôi sẽ chẳng bao giờ được đánh cờ với ông nữa ư? Nhờ ông đánh cờ với tôi, người trên trời, dưới đất mới biết tôi cao cờ như thế nào? Ngoài ông ra, không ai dám đọ cờ với tôi. Ông chính là lẽ tồn tại của tôi.

Hồn Trương Ba: Vì để chứng minh ông tồn tại mà tôi cứ phải tiếp tục cuộc sống không phải là tôi ư? Không, ông phải tồn tại lấy chứ!

Đế Thích: Nhưng không đánh cờ, Đế Thích sẽ không còn là Đế Thích.

Hồn Trương Ba: Người ta đánh cờ là để rèn luyện tâm trí, để sảng khoái mình miễn hơn mà sống! Còn ông đánh cờ chỉ để chứng tỏ mình là tiên cờ! Nói thật với ông: Nếu còn tiếp tục sống, tôi cũng chẳng thích đánh cờ với ông nữa! Đánh cờ với ông chán lắm! Không có gì chán bằng đánh cờ với tiên!

Đế Thích: (*suy nghĩ*) Con người dưới hạ giới các ông thật kì lạ.

Hồn Trương Ba: Ông hãy trả lời đi! Ông có giúp tôi không? Nếu ông từ chối, tôi sẽ... Tôi đã nhất quyết! Ông phải giúp tôi!

Đế Thích: Trả thân xác này cho anh hàng thịt... và thế là...

Hồn Trương Ba: Không còn cái vật quái gở mang tên “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” nữa.

(Lược một đoạn: Nam Tào và Bắc Đẩu hiện ra báo cho Đế Thích biết Ngọc Hoàng đã tha cho Đế Thích tội nhập Hồn Trương Ba vào Xác Hàng Thịt và cho phép Hồn Trương Ba được tiếp tục sống trong Xác Hàng Thịt. Hồn Trương Ba không chấp nhận sống trong thân xác người khác, yêu cầu mọi người sang nhà chị Lua báo tin cụ Tị được sống lại, còn mình quyết chết để trả xác cho anh hàng thịt. Trước khi lìa đời, Hồn Trương Ba dặn dò, an ủi, vĩnh biệt vợ con).

(Tuyển tập kịch Lưu Quang Vũ, NXB Sân khấu, Hà Nội, 1994)

?

1. Tìm những ví dụ tiêu biểu cho thấy các chỉ dẫn sân khấu có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ bối cảnh, hành động, tâm trạng nhân vật, sự biến đổi và vận động của xung đột kịch.

2. Cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Xác Hàng Thịt cho thấy xung đột nào trong Hồn Trương Ba? Em có nhận xét gì về sự thay đổi trong thái độ của Hồn Trương Ba trong cuộc đối thoại với Xác Hàng Thịt? Ý nghĩa của sự thay đổi này là gì?

3. Sự khác biệt đến mức đối lập về quan điểm giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích được thể hiện qua những lời thoại tiêu biểu nào? Sự khác biệt này có vai trò gì trong việc xây dựng xung đột kịch?

4. Điều gì đã khiến Hồn Trương Ba cương quyết lựa chọn cái chết cho mình? Theo em, cái chết này cho thấy đặc điểm nào của nhân vật trong thể loại bi kịch?

5. Trong truyện cổ tích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Đế Thích cho hồn Trương Ba nhập vào anh hàng thịt để sống lại. Vợ anh hàng thịt kiện lên quan, quan xử cho vợ Trương Ba thắng kiện vì người mới sống dậy rất giỏi đánh cờ, không biết mỗ lộn. Theo em, vì sao Lưu Quang Vũ đã không lựa chọn cách kết thúc như truyện cổ tích cho vở kịch của mình?

6. Em tâm đắc nhất với triết lí nhân sinh nào trong trích đoạn *Tôi muốn được là tôi toàn vẹn*? Triết lí ấy còn có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống hôm nay?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ nói được thể hiện trong một đoạn kịch *Tôi muốn được là tôi toàn vẹn* (từ “**Hồn Trương Ba**: Ta... ta đã bảo mày im đi!” đến “**Hồn Trương Ba**: (như tuyệt vọng) Trời!”).

2. Nhận xét về những đặc điểm của ngôn ngữ viết trong các đoạn văn sau:

a) Trong mười năm ấy, thơ mới đã tranh đấu gắt gao với thơ cũ, một bên giành quyền sống, một bên giữ quyền sống. Cuộc tranh đấu kéo dài cho đến ngày thơ mới toàn thắng. Trong sự thắng lợi ấy, cũng có công những người tả xung hữu đột nơi chiến trường, nhưng trước hết là công những nhà thơ mới. Tôi không so sánh các nhà thơ mới với Nguyễn Du để xem ai hơn ai kém. Đời xưa có thể có những bậc kì tài đời này không sánh kịp. Đừng lấy một người sánh với một người. Hãy sánh thời đại cùng thời đại. Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên,... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu. (Hoài Thanh)

b) Những nhà văn có phong cách đều tạo ra cho mình một thế giới nhân vật riêng. Thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân, nói chung, gồm hai loại người đối lập nhau: loại người tài hoa nghệ sĩ, có nhân cách, có “thiên lương”, tự đặt mình lên trên hạng người thứ hai gồm những kẻ tiểu nhân phàm tục, bằng thái độ ngạo đời, khinh bạc. Loại người thứ nhất, theo Nguyễn Tuân, thường là những linh hồn đẹp còn sót lại của một thời đã qua, nay chỉ còn “vang bóng”. Loại người ấy cố nhiên là hiếm hoi. Còn kẻ tiểu nhân phàm tục thì đầy rẫy trong thiên hạ. (Nguyễn Đăng Mạnh)

c) Việc Nguyễn Du sử dụng tiếng mẹ đẻ để viết Truyện Kiều được hậu thế đánh giá rất cao. Như con ong hút nhụy của muôn loài hoa để làm mật, nghệ sĩ Tố Như đã kết hợp nhuần nhuyễn vốn ngôn ngữ dân gian và vốn ngôn ngữ bác học để tạo nên ngôn ngữ Truyện Kiều “như làm bằng ánh sáng vậy” (Nguyễn Đình Thi), “là một viên ngọc quý cơ hồ không có vết, là một tiếng đàn lạ không bao giờ lờ nhịp, ngưng cung” (Hoài Thanh). (Hoàng Hữu Yên)

3. Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ viết hoặc ngôn ngữ nói thể hiện ở lời của người kể và của các nhân vật.

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu chửi trời, có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: Đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “Chắc nó trù mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ô thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào để ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này! A ha! Phải đây, hắn cứ thế mà chửi, hắn chửi đứa chết mẹ nào để ra thân hắn, để ra cái thằng Chí Phèo. Mà có trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.

4. Dựa vào nội dung truyện ngắn Chí Phèo (Nam Cao), hãy viết một màn kịch hoặc một đoạn đối thoại giữa các nhân vật thể hiện được những đặc điểm của ngôn ngữ nói.

VIẾT

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM KỊCH

1 Định hướng

1.1. Nghị luận về một tác phẩm kịch (kịch bản văn học) cũng thuộc kiểu bài nghị luận về một tác phẩm văn học (xem Bài 5: *Nghị luận về một tác phẩm thơ* và Bài 6: *Nghị luận về một tác phẩm truyện*). Tuy nhiên, bên cạnh những điểm chung của nghị luận văn học, nghị luận về một tác phẩm kịch cần đáp ứng những yêu cầu riêng.

1.2. Để viết một bài nghị luận về một tác phẩm kịch, các em cần lưu ý: Phải nắm được tổng thể tác phẩm. Vì thế, cần đọc kỹ phần tóm tắt trong sách giáo khoa và đọc toàn bộ vở kịch để hiểu được tính chỉnh thể của tác phẩm, trong đó đặc biệt quan tâm đến hệ thống nhân vật (có thể tóm tắt thành sơ đồ), xung đột kịch.

- Xác định được tiêu loại kịch: bi kịch, hài kịch hay chính kịch.
- Khi nghị luận về tác phẩm kịch cần quan tâm đến những vấn đề sau:

- + Việc phân chia hồi kịch thành các lớp (cảnh) nhỏ hơn, sự xuất hiện và tương tác của các nhân vật trong từng lớp (cảnh).
- + Sự vận động của hành động kịch và xung đột kịch.
- + Lời thoại của các nhân vật.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết qua các bước

Đề bài: *Phân tích đoạn trích “Tôi muốn được là tôi toàn vẹn” của Lưu Quang Vũ.*

a) Chuẩn bị

- Tìm hiểu đề văn để biết các thông tin chính trước khi viết:
 - + Trọng tâm cần làm rõ: xung đột không thể hoá giải trong nội tâm và sự lựa chọn cái chết của Hồn Trương Ba.
 - + Kiểu văn bản chính: phân tích, đánh giá một tác phẩm kịch.
 - + Phạm vi dẫn chứng: đoạn trích trong sách giáo khoa và các chi tiết, sự kiện của vở kịch liên quan đến đoạn trích; truyện cổ tích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* và những văn bản phục vụ cho việc liên tưởng so sánh để làm nổi bật giá trị độc đáo của đoạn trích.
 - Đọc kĩ các yêu cầu, lưu ý khi viết bài văn nghị luận về một tác phẩm kịch ở mục 1. *Định hướng*.
 - Tìm các tư liệu liên quan đến các nội dung đã xác định trong phần tìm hiểu đề.
- #### b) Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý theo suy luận từ khái quát đến cụ thể như sơ đồ sau:



- Lập dàn ý cho bài viết: Dựa vào các ý đã tìm được, các em hoàn thành tiếp dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp chúng theo bố cục ba phần:

Mở bài

Nêu vấn đề bằng một trong các cách (phản đề, so sánh, đặt câu hỏi,...).

Thân bài

Lần lượt phân tích tác phẩm theo trình tự phù hợp. Ví dụ:

+ Ý 1: Cuộc đối thoại giữa “hồn” và “xác”

• ...

+ Ý 2: Cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích

• ...

Kết bài

Tổng hợp vấn đề bằng một trong các cách (tóm lược, phát triển, vận dụng, liên tưởng,...).

c) Viết

Viết bài văn gồm ba phần lớn theo dàn ý trên; trong khi viết cần chú ý một số điểm đã lưu ý trong mục 1. *Định hướng.*

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Cách biểu cảm và hệ thống các từ lập luận trong văn bản nghị luận

a) Cách thức

Văn nghị luận hướng tới tranh biện, thuyết phục người đọc về một vấn đề nào đó (văn học hoặc xã hội). Chính vì thế, sự mạch lạc của hệ thống lập luận đóng vai trò hết sức quan trọng. Việc sử dụng chính xác các từ lập luận trong văn bản nghị luận (*đó là lý do, bởi vì, có lẽ, nhưng, tuy nhiên, tuy... nhưng, vì thế, cho nên, không những... mà còn, càng... càng, phải chăng, chẳng lẽ, như vậy, suy ra,...*) giúp người viết đưa ra, kết nối những phân tích, suy luận của mình một cách thuyết phục, lô gích. Bên cạnh đó, vì trực tiếp thể hiện thái độ, tình cảm của người viết khi tranh biện, đánh giá về một vấn đề của đời sống xã hội hay nghệ thuật nên văn bản nghị luận cũng có tính biểu cảm rất cao. Tính biểu cảm của văn bản nghị luận có thể được thể hiện trực tiếp qua các từ / cụm từ / câu cảm thán (*ôi, than ôi, hỡi ôi,...*); qua cách sử dụng các từ khẳng định (*cần phải, nhất định, không thể không,...*) hoặc từ phủ định (*không thể, không nên,...*); qua các từ ngữ như đang tranh luận, đối thoại trực tiếp với người đọc (*vâng, chẳng lẽ, đúng thế, không, điều ấy đã rõ,...*); qua các từ ngữ thể hiện sự đánh giá về mức độ, tính chất. Ngoài ra, tính biểu cảm cũng có thể được thể hiện hàm ẩn qua cấu trúc câu (trùng điệp, song hành, câu đặc biệt,...) để tạo ra nhịp điệu, những “con sóng” cảm xúc trong lời văn.

b) Bài tập:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Có những cái không thể sửa được, chấp vạ gượng ép chỉ làm sai thêm” – Hồn Trương Ba nói với Đế Thích, ông tiên đã sửa sai một cách vụng về hấp tấp cho hai quan nhà trời Nam Tào – Bắc Đẩu (kịch bản âm thị: những sai lầm và những sửa sai tệ hại như thế là nhiều vô kể trên thiên đình!). “Không thể sống với bất cứ giá nào. Có những giá đắt quá, không thể trả được” – với những kết luận chát đắng như thế, Hồn Trương Ba tự nguyện rút vào cõi hư vô. Vào hư vô, chứ không phải vào bất tử. Nếu các nhân vật *Nguồn sáng trong đời* không cần đến sự bất tử, vì họ toại nguyện với cuộc sống tuyệt đẹp mà họ tin, như ngọn đuốc sáng sẽ được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thì nhân vật *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* chối từ trước sự bất tử, vì nhận ra nó còn tồi tệ hơn cuộc sống hữu tử. Cùng với Hồn Trương Ba, Đế Thích cũng chối bỏ thiên đường, tự nguyện nhận lấy thân phận con người phải chết và xem ra ông ta có lí: đối với những sinh linh bất toàn như ông – mà trong vở kịch ta đang phân tích, những tiên thánh trên thiên đình đều đầy rẫy tội lỗi, không khác gì loài người nơi hạ giới – thì bất tử là hình phạt còn nặng nề và đáng sợ hơn cái chết. [...] Không còn cõi vĩnh hằng loài người ngàn đời mơ ước, không còn sự giải cứu cho những linh hồn tội lỗi và sự đền thưởng cho những linh hồn chân thiện. Từ thế giới này, nơi những con người hướng thiện khổ đau, cô độc và thất bại, họ chỉ có thể trở về nơi hư vô tịch diệt. Cái duy nhất mà họ có thể làm được như Trương Ba của Lưu Quang Vũ làm là trung thành đến cùng với bản chất của mình, giữ gìn cho bằng được, bằng giá của ngay sự sống, cái phẩm giá con người của mình. [...] Trong vở kịch xuất sắc của mình, Lưu Quang Vũ không đi đến chủ nghĩa bi quan cực đoan – hình ảnh Trương Ba, người làm vườn, người vun trồng sự sống đẹp tươi, vẫn sống trong tâm tưởng của vợ ông, con dâu ông, cháu gái ông. Nhưng họ yếu đuối làm sao và bất lực làm sao trước xã hội, nơi những chủ nhân thật sự là anh đồ tể sống lại trong thân xác phù hợp với hắn, là anh con trai của Trương Ba thẩm nhuần phép tồn tại ở đời này, là lũ quan chức tham nhũng vô liêm sỉ. Những con người ấy sẽ bất hạnh trong những thành đạt của họ, họ sẽ giận dữ đập tan những giá trị hôm qua họ mới dựng lên, để chạy theo những giá trị mới mà không bao giờ mãn nguyện. Vở kịch của Lưu Quang Vũ sở dĩ thu phục được nhiều khán giả nước ngoài, có lẽ bởi vì nó ứng hợp với tâm trạng phổ biến trong xã hội hiện đại – xã hội đã đánh mất niềm tin cũ vào những giá trị siêu nhân loại và chưa tìm được cái gì thay thế nó.”

(Phạm Vĩnh Cư, *Thể loại bi kịch trong văn học Việt Nam*,
in trong sách *Sáng tạo và giao lưu*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2004)

- Xác định hệ thống các từ lập luận trong đoạn trích.
- Xác định các phương thức đem lại tính biểu cảm trong đoạn trích.

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM KỊCH

1 Định hướng

a) Giới thiệu một tác phẩm kịch (kịch bản văn học) là trình bày trước người nghe sự độc đáo về nội dung và nghệ thuật (cốt truyện, xung đột kịch, lời thoại, khả năng thanh lọc,...) của tác phẩm kịch; những thành công khi công diễn trên sân khấu. Bên cạnh đó, người giới thiệu cũng bộc lộ thái độ, sự đánh giá, những trải nghiệm của cá nhân về vở kịch.

b) Để giới thiệu một tác phẩm kịch theo lựa chọn cá nhân, các em cần lưu ý:

- Lựa chọn được tác phẩm kịch có giá trị độc đáo về nội dung và nghệ thuật; đó cũng là vở kịch mà các em có những trải nghiệm riêng, đem lại cho các em những xúc cảm, ấn tượng mạnh mẽ.
- Chuẩn bị các tư liệu, tranh, ảnh, thiết bị âm thanh hỗ trợ để tạo không khí, cảm xúc cho sự tiếp nhận của người nghe.
- Xác định thời lượng và người nghe bài giới thiệu để có cách trình bày phù hợp.
- Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói.

2 Thực hành

Bài tập: *Hãy giới thiệu một tác phẩm kịch mà em thấy tâm đắc.*

a) Chuẩn bị

- Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề.
- Lựa chọn một vở kịch mà em tâm đắc để giới thiệu với mọi người (Ví dụ: *Vũ Như Tô* (Nguyễn Huy Tưởng), *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ), *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (Sếch-xpia),...).

- Tóm tắt vở kịch (lựa chọn những đoạn và chi tiết tiêu biểu,...).
- Tìm hiểu nét đặc sắc (nội dung và hình thức) của tác phẩm kịch.

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho bài giới thiệu bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi sau:
 - + Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm kịch có gì đặc biệt?
 - + Những đặc sắc về nội dung tác phẩm kịch (đề tài, chủ đề, thông điệp chính của vở kịch xung đột trung tâm, hệ thống nhân vật và biến cố chính,...).
 - + Những đặc sắc về hình thức kịch bản (lời thoại, các chỉ dẫn sân khấu về bối cảnh, trang phục, hành động của nhân vật,...; tác dụng của các chỉ dẫn này).
- Lập dàn ý cho bài giới thiệu: Dựa vào các ý đã tìm được, các em hoàn thành tiếp dàn ý cho bài nói theo bố cục sau:

+ Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu tên vở kịch, tên tác giả, lí do mình lựa chọn đề giới thiệu vở kịch.

+ Nội dung chính: Lần lượt giới thiệu tác phẩm kịch theo trình tự phù hợp. Ví dụ:

• ...

+ Kết thúc: Khẳng định lại giá trị của tác phẩm kịch.

c) Giới thiệu tác phẩm kịch

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); nội dung nói và nghe đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Trương Chi

(Lược một đoạn: *Mị Nương trên lầu cao, bên sông, chờ đợi tiếng hát của Trương Chi – tiếng hát đã khiến nàng xao xuyến, khắc khoải. Nàng tự hỏi: “Anh là ai vậy... Không biết rồi ta sẽ ra làm sao đây”. Mị Nương thấy mình chẳng “khác gì con chim trong chiếc lồng son”, chỉ có tiếng hát của Trương Chi bay được đến với nàng*).

Mị Nương: Anh ấy là ai? U nghe người ta nói thế nào? Anh Trương Chi... Anh ấy có đôi mắt dịu dàng...

Bà vú: À, anh ấy là anh thuyền chài...

Mị Nương: Anh ấy có nụ cười hiền hậu...

Bà vú: Anh ấy mồ côi cha mẹ từ nhỏ.

Mị Nương: Gương mặt ấy sáng láng, thông minh, ít thấy được ở đời. Anh ấy đẹp lắm!

Bà vú: Tôi chưa giáp mặt anh ấy, nhưng mà tôi e rằng...

Mị Nương: Tiếng hát anh ấy như thế, những câu hát của anh ấy như thế, u ạ, anh ấy đẹp lắm! U già ơi, u làm thế nào cho anh ấy đến đây.

Bà vú: Ấy chết! Không được đâu, cô ơi!

Mị Nương: Sao lại không được! Tối mai, u đưa anh ấy vào đây, có khó gì!

Bà vú: (*Cười, trêu đùa*) Vâng. Đã đành, anh ấy đi với tôi, thì mấy cậu lính canh cũng chỉ cho là đi vào bán cá thôi. Nhưng mà chắc gì anh ấy đã thuận gập cô. Lỡ anh ấy sợ! Lỡ anh ấy không bằng lòng!

Mị Nường: Anh ấy không sợ. Anh ấy bằng lòng. U cứ nói rằng có cô gái đang yêu anh ấy đến nỗi ốm mòn ốm mõi, héo hắt ruột gan, u cứ nói, anh ấy sẽ bằng lòng.

Bà vú: Chuyện này lỡ đến tai ông bà lớn...

Mị Nường: Đến thế nào được! Chỉ có u với tôi biết thôi. Mà có đến tai cha mẹ tôi, thì tôi cũng liêu vạy.

Bà vú: Cô nói dễ quá. Ông bà lớn đã nhắm cho cô có chỗ rồi. Chỗ cao lắm, rồi cô biết! Có phải chuyện trẻ con đâu!

Mị Nường: Tất cả là chuyện trẻ con hết! Chỉ có chuyện này là chuyện hệ trọng nghiêm trang... U già ơi, u không hiểu hay sao? Không gặp được anh Trương Chi thì tôi chỉ héo đi dần mà chết! U không thương tôi ư? U nhìn xem, tôi có thiết gì nữa! Tôi muốn chết thì ai mà giữ được! U đi tìm anh Trương Chi, đưa anh ấy vào đây, cho tôi được trông thấy anh ấy. Chẳng lẽ u muốn tôi chết hay sao! U thương bé Mị với! U già!

Bà vú: Thế này thì u cũng đến chết thôi!...

(Lược một đoạn: Tối hôm sau, bà vú đưa Trương Chi đến gặp Mị Nường).

Ánh đèn từ trên lầu xuống dưới nhà. Mị Nường đi cùng bà vú ra vườn, đứng lại, cách một quãng trong bóng tối mờ.

Bà vú: Anh Trương Chi đâu?... Cô ấy ra tận đây đón anh đấy. Anh đi lên, nói chuyện với cô ấy. Anh cứ vững tâm, đã có tôi ở ngoài này.

Trương Chi: Cô Mị Nường...

Mị Nường: Anh đấy ư?

Trương Chi: Vâng, tôi đây... Cô cho tìm tôi thật đấy ư?

Mị Nường: Anh Trương Chi... Đúng là tiếng nói anh... tiếng nói lạ lùng như tiếng hát em vẫn nghe... Đúng là bóng người anh, đã bao lần em nhìn thấy trên con thuyền nhỏ...

Trương Chi: Mị Nường!...

Mị Nường: Anh Trương Chi đấy ư? Thế là em gặp được anh rồi! Thế chứ! Anh có cười em không?

Trương Chi: Mị Nường!... Tôi biết nói thế nào! Có phải cô Mị Nường đang ở đây!...

Mị Nường: Suốt bao nhiêu ngày, lúc nào em cũng nghe văng vẳng tiếng hát của anh, cứ nhắm mắt lại là em thấy bóng anh với con thuyền nhỏ trên sông. Vậy mà anh đây thật rồi, anh đến đây rồi.

Trương Chi: ... Tôi có bao giờ nghĩ được là có người để ý đến tôi...

Mị Nường: Anh nói nữa đi, cho em được nghe tiếng nói dịu dàng, chỉ có một trên đời này!

Trương Chi: Sao lại có người thương đến tôi... mà người ấy lại là cô Mị Nường!...

Mị Nường: Sao anh cứ gọi em là cô mãi! Sao anh vẫn xa cách thế! Hay là anh chê em!

Trương Chi: Chết nỗi, thân tôi như manh chiếu rách giữa đường thế này!

Mị Nương: Em đã nghe câu anh hát, em hiểu tất cả! Anh Trương Chi, anh không chê em, thì em sẽ theo anh, em không như cô gái trong câu hát, sợ anh nghèo đâu. Những nơi vàng son này đối với em nào có nghĩa gì! Em chỉ sợ anh không yêu em!

Trương Chi: Mị Nương! Không phải như vậy đâu.

Mị Nương: Thế thì anh nói với em một lời. Anh nói cho em nghe tiếng anh. Anh nói với em một lời là anh yêu em, anh nói đi.

Im lặng

Trương Chi: ... Em Mị...

Mị Nương: (Khóc) Anh ơi, thật không?

Trương Chi: Thật, em ạ.

Mị Nương: Anh ơi, anh đợi em một tí nhé, em vào nhà lấy bó hương, chúng ta làm lễ trước trời, đất, trăng sao, sống cùng sống với nhau, chết cùng chết với nhau.

Trương Chi: Cũng không cần, em ạ. Một lời em nói với anh, một giọt nước mắt em nhỏ xuống, là như vậy mãi mãi rồi... Anh muốn xin em một điều.

Mị Nương: Dạ.

Trương Chi: Em đến đây bên anh...

Mị Nương: ... Anh...

Một lát.

Trương Chi: Mị Nương... Bây giờ anh xin về... Anh sẽ không bao giờ trở lại đây nữa.

Mị Nương: Anh nói thế nào! Thế là thế nào?

Trương Chi: Anh sẽ không gặp lại em nữa.

Mị Nương: Thế thì em bỏ tất cả, đi ngay với anh bây giờ. Anh đưa em xuống thuyền, anh chèo đi ngay đêm nay thật xa, cho không ai biết đâu mà tìm được. Đi, anh đưa em đi.

Trương Chi: Anh muốn đưa em đi với anh... nhưng mà không được.

Mị Nương: Có gì mà không được! Hay anh sợ điều gì?

Trương Chi: Anh chẳng sợ gì, nhưng mà... ở với anh, rồi em khổ.

Mị Nương: Em không khổ. Đói, rét, sương sùng gì em cũng chịu. Em chỉ cần được có anh thôi.

Trương Chi: Không phải vậy. Nhưng mà... ở với anh, rồi em khổ. Được thế này là được cả rồi.

[...]

Mị Nương: Em không cần! Hay là có chuyện gì anh giấu em. Hay là anh có ai rồi!

Trương Chi: Anh còn có ai được! Người ta chê anh, còn ai dòm ngó tới anh! Em Mị, anh không giống như em tưởng đâu. Em thấy anh tầm thường, xấu xí, rồi em khổ.

Mị Nương: Anh không xấu! Em biết chứ. Mà em cần gì ai thấy anh thế nào! Em biết chứ, em đã nhìn thấy anh từ lâu rồi, từ hôm nghe thấy tiếng hát của anh lần đầu em đã nhìn thấy anh rồi. Anh đẹp lắm, không ai bằng anh được!

Trương Chi: Ủ, thôi anh cũng chẳng muốn em yêu anh như yêu một cái bóng mờ... Em Mị, em đứng đây, đợi anh.

Trương Chi đi vào trong nhà.

Mị Nương: Sao anh ấy nói gì lạ lùng!

Trương Chi từ trong nhà cầm cây đèn đi ra.

Trương Chi: (Cầm cây đèn) Đây, em nhìn rõ anh đi.

Mị Nương: Anh... (Bỗng quay đi) Giời ơi!...

Trương Chi: Em Mị, anh đây.

Mị Nương: Anh! (Quay lại nhìn sững rồi lại quay đi che mặt)

Trương Chi: Thôi, em ở lại, anh đi.

Mị Nương: Không! Anh Trương Chi! (Vòng đến bên Trương Chi, muốn ôm rồi lại quay đi, bưng mặt, khóc nức nở) Tôi... Tôi không thể nào... tôi xin lỗi... xin lỗi...

Trương Chi: Anh như vậy, em Mị ạ.

Trương Chi đặt cây đèn xuống, và đi nhanh. Bà vú chạy lại.

Bà vú: Cô làm sao vậy, cô Mị Nương! Rõ khổ!

Mị Nương: Tôi chỉ muốn chết thôi! Tôi chỉ muốn chết thôi!...

Bà vú: Cô Mị Nương! U em đây mà, u đây mà!

Mị Nương: Anh Trương Chi của tôi đâu? Anh Trương Chi...

(Lược ba cảnh: Mị Nương ốm nặng nhiều ngày. Trương Chi bỏ khúc sông, chèo thuyền đi nơi khác).

Mị Nương tỉnh lại. Có tiếng hát Trương Chi vẳng đến từ xa. Trời nổi sấm chớp mưa gió. Sáng hôm sau, bà vú báo tin cho Mị Nương biết Trương Chi đã tự vẫn. Mị Nương rất đau khổ. Nàng thấy gặp Trương Chi nàng “đã thành một con người khác, không phải là con bé Mị Nương ngày trước kia nữa”.

Một tối, Mị Nương ngồi thêu, bà vú bưng vào chiếc khay có chiếc chén gỗ làm từ cây bạch dương, nơi chôn cất Trương Chi. Mị Nương sai bà vú đặt chén lên chiếc đĩa ngọc.

Bà vú đem chiếc đĩa ngọc đến, đặt chiếc chén lên.

Bà vú: Vừa vặn. Chén trắng, đĩa xanh, hợp quá!

Mị Nương: Thôi, u để đấy cho tôi.

Bà vú: Dạ. (Đi ra)

Mị Nương trải chiếc khăn thêu lên bàn, đặt lư hương cùng đĩa và chén.

Mị Nương: Không ngờ anh còn về đây với tôi... (đốt hương quỳ xuống) Anh Trương Chi, xin anh hiện về cho tôi được cúi đầu mà xin lỗi anh một lần nữa. (Đứng dậy cầm bình nước). Chao ôi, hai mắt tôi đã cạn hết nước mắt rồi! Trong lòng tôi như một cõi chết, từ ngày hôm ấy. Lẽ ra, chiếc chén này hôm nay phải đầy nước mắt tôi,

cho anh hiện về, để tôi được tạ từ một lần cuối cùng. Nhưng mà hai con mắt tôi vẫn khô cạn. Xin anh tha cho tôi.

Mị Nương rót nước vào chén. Bóng thuyền Trương Chi hiện lên. Im lặng một giây. Bỗng văng vẳng tiếng hát.

Tiếng hát:

*Mặt nước chân mây
Sông dài sóng cả
Em ơi anh đi tìm
Tìm em như thể tìm chim...*

Mị Nương: Anh còn hát cho tôi nghe được đấy ư!

Tiếng hát:

*Lác đác hạt mưa
Lất phất hạt mưa
Hạt mưa bay đến
Mắt ai lệ mờ
Nước biếc lặng tờ...*

Mị Nương: Anh Trương Chi, anh còn thương em đến thế kia ư! (*Khóc, nước mắt ròng ròng*) Anh tha lỗi cho em rồi, phải không? Em đã như cái cây khô, mà hôm nay, anh lại còn làm cho sống lại. Anh Trương Chi!...

Mị Nương cầm chiếc chén lên nhìn, vẫn khóc, im lặng. Những giọt nước mắt rơi vào trong chén.

Trương Chi hiện ra mờ ảo.

Trương Chi: Mị Nương... Bây giờ anh xin về... anh sẽ không bao giờ trở lại đây nữa.

Mị Nương: Anh tha lỗi cho em rồi phải không?

Trương Chi: Một lời em nói với anh, một giọt nước mắt em nhỏ xuống, là như vậy mãi mãi rồi...

Bóng con thuyền xa dần, rồi biến đi.

Mị Nương: Vâng, mãi mãi như vậy rồi, không gì khác đi được nữa...

(NGUYỄN ĐÌNH THI, *Tuyển tập tác phẩm văn học*,

Tập II: Kịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

1. Sắp xếp các sự kiện sau theo trật tự thời gian của cốt truyện:

- (1) Mị Nương nghe tiếng hát của Trương Chi và muốn gặp chàng
- (2) Mị Nương rót nước vào chén, bóng thuyền của Trương Chi hiện lên
- (3) Trương Chi tự vẫn và được chôn dưới gốc cây bạch đàn
- (4) Trương Chi và Mị Nương gặp nhau, Mị Nương nhìn thấy gương mặt thật của Trương Chi

- A. 1 – 2 – 3 – 4
B. 1 – 2 – 4 – 3
C. 1 – 3 – 2 – 4
D. 1 – 4 – 3 – 2
2. Phương án nào dưới đây nêu đúng địa điểm Mị Nương và Trương Chi gặp gỡ?
A. Vườn nhà Mị Nương
B. Bến sông
C. Trên lầu của Mị Nương
D. Dưới gốc cây bạch đàn
3. Những thông tin nào dưới đây **không** đúng với hình ảnh thực của Trương Chi được nói tới trong tác phẩm:
A. Trên người chỉ có manh áo vá, mảnh quần xơ
B. Mặt mũi đen cháy, hai bàn tay cộm những chai
C. Có giọng hát hay
D. Gương mặt sáng láng, ít được thấy ở trên đời
4. Thái độ của Mị Nương khi chứng kiến chân dung thật của Trương Chi là gì?
A. Bình thản, điềm tĩnh
B. Sững sờ, thất vọng
C. Dửng dưng, lạnh nhạt
D. Hờ hững, chua chát
5. Tìm những ví dụ tiêu biểu cho thấy các chỉ dẫn sân khấu có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ bối cảnh, hành động, tâm trạng nhân vật, xung đột trong lời thoại của nhân vật.
6. Lời thoại của Mị Nương và bà vú về Trương Chi ở đầu văn bản kịch (cảnh 1) cho thấy hình ảnh của Trương Chi như thế nào trong cảm nhận của Mị Nương?
7. Xung đột không thể hoá giải trong tâm hồn Mị Nương là gì? Dựa vào đâu có thể khẳng định điều đó?
8. Suy nghĩ của em về câu nói của Trương Chi với Mị Nương: “Ừ, thôi anh cũng chẳng muốn em yêu anh như yêu một cái bóng mờ...”?
9. Theo em, nhân vật Trương Chi hay Mị Nương mới là nhân vật bi kịch? Vì sao?
10. Theo em, thông điệp tư tưởng mà vở kịch *Trương Chi* muốn gửi đến người đọc là gì? Thông điệp đó còn có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống hôm nay?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc các văn bản kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (Sếch-xpia), *Vũ Như Tô* (Nguyễn Huy Tưởng), *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ),... Ghi lại những ấn tượng, cảm xúc, băn khoăn,... của em khi đọc các văn bản này.
2. Đọc sách, báo hoặc truy cập Internet để tìm hiểu và thu thập những thông tin cần thiết liên quan đến thể loại bi kịch (nhân vật, xung đột,...).

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Phân tích được nội dung, mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, độc đáo; nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận; xác định được mục đích, quan điểm của người viết và thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung của văn bản.
- ▶ Nhận biết, phân tích và sửa được các lỗi về thành phần câu, từ đó, có ý thức viết câu đúng ngữ pháp.
- ▶ Viết được văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống, có hệ thống luận điểm rõ ràng, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, cấu trúc chặt chẽ.
- ▶ Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội; nêu và phân tích đánh giá các ý kiến trái ngược; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung thuyết trình và đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.
- ▶ Trân trọng, bảo vệ, tôn vinh những phẩm chất, giá trị nhân văn tốt đẹp: lòng nhân ái, sự bình đẳng, quyền con người, tiếng mẹ đẻ.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Luận điểm, lí lẽ tiêu biểu, độc đáo là ý đúng, ý sâu, ý mới của người viết, khiến người đọc cảm thấy thích thú, tâm đắc. Dẫn chứng tiêu biểu là những dẫn chứng điển hình, có tác dụng soi sáng luận điểm hoặc lí lẽ. Trong văn bản nghị luận, các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự được sử dụng kết hợp với yếu tố nghị luận để tăng cường tính thuyết phục cho luận đề, luận điểm. Nhờ các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, miêu tả, tự sự mà lí lẽ và dẫn chứng (số liệu, sự vật, hiện tượng, sự việc, con người,...) trở nên cụ thể và sinh động, giúp cho văn bản nghị luận vừa giàu chất trí tuệ, vừa gợi hình, gợi cảm.

2. Đặc điểm ngôn ngữ văn học

– Tính thẩm mỹ là đặc điểm bao trùm, xuyên suốt của ngôn ngữ văn học. Xuất phát từ ngôn ngữ đời thường, lại được “gia công” thêm bởi sự sáng tạo của những nghệ sĩ ngôn từ, ngôn ngữ văn học trở nên đặc sắc hơn và thể hiện rõ hơn giá trị thẩm mỹ. Sự hoà phối giữa âm và nghĩa, sự hài hoà trong cấu trúc của từng câu, đoạn, văn bản; sự chính xác và gợi hình, gợi cảm trong việc thể hiện đúng, trúng những biểu hiện của tạo vật, hành vi, thái độ của con người,... đã khiến ngôn ngữ văn học được nâng lên trình độ nghệ thuật. Đặc biệt, ngôn ngữ văn học có khả năng tác động lớn lao vào nhận thức và tình cảm của con người, giúp người đọc phân biệt cái đẹp và cái xấu, cái hùng và cái bi, cao thượng và thấp hèn,... từ đó, hình thành thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh. Tất nhiên, những tác động ấy không tách rời những hình tượng thẩm mỹ, cụ thể và sống động do chính ngôn ngữ tạo nên.

– Tính hình tượng được coi là đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ văn học bởi ngôn ngữ là chất liệu để xây dựng nên các hình tượng nghệ thuật. Nhờ khả năng gợi âm thanh, hình ảnh của ngôn ngữ mà người đọc có thể hình dung một cách cụ thể, sống động về những cảnh tượng tự nhiên, xã hội và con người, qua đó, khám phá ý nghĩa, tư tưởng của tác giả. Chẳng hạn, cảnh thôn Vĩ buổi sớm mai với những hình ảnh cụ thể về “nắng”, “hàng cau”, “vườn tược”, “lá trúc”,...:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

(*Đây thôn Vĩ Dạ*, Hàn Mặc Tử)

Hay cảnh cho chữ như một thước phim quay chậm trong truyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân: “Một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bụng chậu mực.”.

– Tính đa nghĩa: Khác với ngôn ngữ khoa học, hành chính, ngôn ngữ văn học rất giàu sắc thái ý nghĩa. Từ ngữ, câu, đoạn văn,... trong tác phẩm văn chương có thể mở ra nhiều lớp nghĩa, tầng nghĩa khác nhau. Hai câu thơ của Xuân Diệu “Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang / Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng” (*Đây mùa thu tới*) không chỉ mang nghĩa tả thực – miêu tả những cây liễu “đìu hiu” ở ven hồ mà còn mang nghĩa ẩn dụ – gợi ra hình ảnh của người thiếu nữ đang buồn đau khôn xiết (“đứng chịu tang”,

“lệ ngàn hàng”). Câu nói của nhân vật Hồn Trương Ba: “Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được.” (*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Lưu Quang Vũ) vừa thể hiện ý nghĩa cụ thể về cuộc đấu tranh giữa Hồn Trương Ba – bên trong và xác hàng thịt – bên ngoài, vừa gợi mở ý nghĩa khái quát, có tính triết lí về sự cần thiết phải thống nhất, hài hoà giữa nội dung và hình thức.

– Tính biểu cảm: Sáng tác văn học trước hết là sự giải toả, giải bày những suy nghĩ, thái độ, tình cảm, cảm xúc của người viết. Vùng tác động chính của văn học là trái tim, đời sống tinh thần, thế giới tâm hồn của con người. Là công cụ để đáp ứng yêu cầu sáng tạo và tiếp nhận trên, ngôn ngữ văn học không chỉ biểu lộ tâm tư của người viết mà còn gợi sự giao cảm, thấu cảm ở người đọc. Ngôn ngữ văn học giúp tác giả bộc bạch trực tiếp nỗi niềm của mình, đồng thời cũng gợi sự đồng cảm của những người tri âm: “Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa / Người đời ai khóc Tố Như chăng” (*Độc “Tiểu Thanh kí”*, Nguyễn Du). Có lúc, ngôn ngữ văn học diễn tả trực tiếp tình cảm, cảm xúc nhưng lại có khi gợi vui, buồn cho người đọc một cách gián tiếp qua những hình tượng mà nó dựng nên:

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

(*Tràng giang*, Huy Cận)

3. Lỗi về thành phần câu và cách sửa (tiếp theo)

Ngoài các lỗi về cấu tạo câu như thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ, thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ, ta cũng thường gặp những lỗi về thành phần câu do thiết lập quan hệ ngữ nghĩa không phù hợp giữa chủ ngữ và trạng ngữ hoặc ngắt câu sai; cụ thể như sau:

– Thiết lập quan hệ ngữ nghĩa không phù hợp giữa chủ ngữ và trạng ngữ, ví dụ: *Vừa đi học về, con Vện đã chạy ra vẫy đuôi mừng rối rít*. Câu này có thể được sửa theo một trong hai cách sau: (1) *Vừa đi học về, em đã thấy con Vện chạy ra vẫy đuôi mừng rối rít*. (Để chủ thể của hoạt động nêu ở trạng ngữ thống nhất với chủ thể của hoạt động nêu ở chủ ngữ); (2) *Em vừa đi học về, con Vện đã chạy ra vẫy đuôi mừng rối rít*. (Để phân biệt hai chủ thể của hoạt động).

– Ngắt câu sai, ví dụ: *Khác với cà phê, chủ yếu chỉ phơi khô, xát vỏ đem bán như ở nước ta. Ca cao muốn bán được giá và dễ bán, phải lên men*. (Dẫn theo sách *Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục* – Cao Xuân Hạo). Để sửa câu này, ta chỉ cần thay dấu chấm trước từ *ca cao* bằng dấu phẩy.



TÔI CÓ MỘT GIẤC MƠ

KINH^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)

– Khi đọc văn bản *Tôi có một giấc mơ*, các em cần chú ý:^(***)

+ Mục đích của văn bản là gì?

+ Mối quan hệ của luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng được thể hiện thế nào?

+ Vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc biểu cảm, tự sự trong văn bản.

– Đọc các thông tin sau và đoán xem tác giả đã “mơ” về điều gì? Vì sao tác giả lại “mơ” điều đó?



Mác-tin Lu-thơ Kinh
(1929 – 1968)

Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King) là nhà hoạt động nhân quyền người Mỹ gốc Phi, người đoạt Giải Nô-ben (Nobel) Hoà bình năm 1964. Ông là một trong những nhà lãnh đạo có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ cũng như lịch sử đương đại của phong trào chống phân biệt chủng tộc. Kinh được nhiều người trên khắp thế giới ngưỡng mộ như một người kiến tạo hoà bình, nhà hùng biện nổi tiếng. Ngày 28-8-1963, Mác-tin Lu-thơ Kinh đọc bài diễn văn nổi tiếng “I Have a Dream” (*Tôi có một giấc mơ*) tại Đài Tưởng niệm Lin-côn (Lincoln) tại Oa-sinh-ton (Washington, D.C.), trước khoảng 250 000 người. Đây là một trong những bài diễn văn được yêu thích nhất và trích dẫn nhiều nhất trong lịch sử Hoa Kỳ.

– Đọc toàn bộ văn bản và ghi lại những cảm nhận hoặc ấn tượng đầu tiên của em.

2 Đọc hiểu

1 Tôi vui mừng được tham gia cùng các bạn ngày hôm nay, trong một sự kiện sẽ đi vào lịch sử như cuộc tuần hành vĩ đại nhất vì hoà bình trong lịch sử nước Mỹ.

(*) Mác-tin Lu-thơ Kinh, sinh tại Át-lan-ta (Atlanta), Gioóc-gi-a (Georgia), Hoa Kỳ.

(**), (***) Khi đọc hiểu các văn bản nghị luận trong Bài 9, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

Một trăm năm trước đây, một người Mỹ vĩ đại, người mà tư tưởng của ông, chúng ta vẫn đang tiếp nối, đã kí *Tuyên ngôn Giải phóng con người*. Sự ra đời của sắc lệnh quan trọng này như ánh lửa hiệu cho hi vọng của hàng triệu nô lệ da đen, những người đang bị thiêu đốt trên ngọn lửa của sự bất công đáng khinh miệt. Nó ra đời như bình minh rộn rã chấm dứt đêm trường nô lệ.

Hãy tìm hiểu *Tuyên ngôn Giải phóng con người* mà tác giả nhắc đến.

Nhưng một trăm năm sau, những người da đen vẫn không được tự do. Một trăm năm sau, cuộc sống của những người da đen vẫn chìm trong khổ cực bởi sự kìm hãm của tình trạng chia cắt cũng như của xiềng xích phân biệt chủng tộc. Một trăm năm sau, những người da đen vẫn phải sống trên hòn đảo đơn độc của sự đói nghèo ngay giữa đại dương rộng lớn của sự thịnh vượng về vật chất. Một trăm năm sau, những người da đen vẫn mòn mỏi chờ đợi trong góc tối của xã hội Mỹ và nhận thấy mình đang bị lưu đày trên chính mảnh đất quê hương mình. Và vì thế, ngày hôm nay, chúng ta tập hợp ở đây để phơi bày về tình trạng đáng xấu hổ đó. [...]



Quang cảnh Đài Tưởng niệm Lin-côn tại Oa-sinh-ton khi Mác-tin Lu-thơ Kinh diễn thuyết



Mác-tin Lu-thơ Kinh diễn thuyết

② Nhưng có điều tôi phải nói với các bạn, những người đang đứng trên ngưỡng cửa dẫn đến lâu đài của công lí. Trong quá trình giành lại vị trí xứng đáng của chúng ta trong xã hội, chúng ta không được phép gây ra những hành động sai trái. Chúng ta không được phép cố gắng làm dịu cơn khát tự do của mình bằng cách uống nước từ chiếc cốc của sự đắng cay và lòng thù hận. Chúng ta phải luôn luôn tiến hành cuộc đấu tranh dựa trên phẩm giá và tính kỉ luật. Chúng ta không cho phép sự kháng nghị sáng tạo của chúng ta thoái hoá thành hành động bạo lực thô bạo. Không ngừng nghỉ, chúng ta phải hướng tới đỉnh cao huy hoàng của hành động lấy sức mạnh tinh thần chống lại vũ lực.

Kinh muốn thuyết phục những người tham gia tuần hành không làm điều gì?

Tinh thần chiến đấu thái quá, điều đã nhấn chìm xã hội của người da đen, không được phép dẫn chúng ta đến hành động ngờ vực tất cả những người da trắng, vì nhiều

người anh em da trắng, mình chứng bằng sự hiện diện của họ ngày hôm nay, đến đây để thừa nhận rằng tự do của họ luôn gắn liền với tự do của chúng ta. Và chúng ta không hề bước đi đơn độc.

Và khi chúng ta bước đi, chúng ta phải cam kết rằng chúng ta luôn luôn tiến về phía trước. Chúng ta không được phép quay lại. Có những người hỏi chúng ta, những người đấu tranh vì quyền con người, “Khi nào các anh mới thoả mãn?”. Chúng ta không bao giờ thoả mãn khi người da đen vẫn là nạn nhân của sự sợ hãi trong im lặng trước hành vi tàn bạo của cảnh sát. Chúng ta không bao giờ thoả mãn khi mà cơ thể chúng ta mệt mỏi sau chặng đường dài, không thể thuê một căn phòng trong các nhà nghỉ dọc đường cao tốc hay các khách sạn trong thành phố. Chúng ta không bao giờ thoả mãn khi người da đen chỉ có thể chuyển từ ngôi nhà ổ chuột nhỏ hơn sang ngôi nhà ổ chuột lớn hơn. Chúng ta không bao giờ thoả mãn khi những đứa trẻ của chúng ta còn bị tước đoạt cá tính và bị đánh cắp nhân phẩm bởi kí hiệu tuyên bố “Chỉ dành cho người da trắng”. Chúng ta không bao giờ thoả mãn khi mà vẫn còn người da đen ở Mi-xi-xi-pi (Mississippi) không được đi bầu cử và bất kì người da đen nào ở Niu Oóc (New York) cũng nghĩ rằng anh ta chẳng có gì để bầu cử. Không, không, chúng ta không thoả mãn, và chúng ta sẽ không thoả mãn cho tới khi công lí chảy cuộn cuộn như dòng nước, và sự công bằng giống như một dòng suối mạnh mẽ. [...]

Hãy chú ý những từ, cụm từ, cấu trúc câu được lặp đi lặp lại trong đoạn này và suy nghĩ về tác dụng của chúng.

3 Tôi có một giấc mơ rằng một ngày nào đó, đất nước này sẽ trỗi dậy và sống theo ý nghĩa thật trong tín ngưỡng của chính mình: “Chúng ta tin những chân lí đó là hiển nhiên, rằng mọi người sinh ra có quyền bình đẳng.”.

Sau mỗi điệp khúc “Tôi có một giấc mơ” là một ước mong nào của tác giả?

Tôi có một giấc mơ rằng một ngày nào đó, trên những ngọn đồi đỏ ở Gioóc-gi-a, con cháu của những người nô lệ cũ và con cháu của những người chủ nô cũ sẽ có thể ngồi lại với nhau quanh chiếc bàn của tình bằng hữu.

Tôi có một giấc mơ rằng một ngày nào đó, thậm chí bang Mi-xi-xi-pi, một bang đang bức bối với sức nóng của sự bất công, bức bối với sức nóng của sự đàn áp, sẽ trở thành ốc đảo của tự do và công bằng.

Tôi có một giấc mơ rằng một ngày nào đó, bốn đứa con nhỏ của tôi sẽ được sống trong một đất nước, nơi mà chúng không bị đối xử vì màu da của mình, mà dựa trên bản chất và phẩm giá của chúng.

Ngày hôm nay, tôi có một giấc mơ!

Tôi có một giấc mơ rằng một ngày nào đó, ở A-la-ba-ma (Alabama), nơi có những kẻ phân biệt chủng tộc xấu xa, nơi nhà cầm quyền luôn tuôn ra những từ ngữ như “thuyết phản đối” hay “sự vô hiệu hoá” – một ngày nào đó ngay tại A-la-ba-ma, những đứa trẻ da đen sẽ có thể tay trong tay với những đứa trẻ da trắng như anh chị em.

Ngày hôm nay, tôi có một giấc mơ!

Tôi có một giấc mơ rằng một ngày nào đó, mọi thung lũng sẽ được nâng cao, và mọi ngọn đồi sẽ được hạ thấp, chỗ gồ ghề sẽ được san phẳng, và chỗ quanh co, khúc khuỷu sẽ được nắn thẳng; cũng như sự vinh hiển của Chúa sẽ hiển lộ và được tất cả con người xác thịt cùng nhau chiêm ngưỡng.

Đó là hi vọng của chúng ta, và đó cũng là niềm tin mà tôi sẽ mang theo khi quay lại miền Nam.

Với niềm tin này, chúng ta có thể đào hòn đá hi vọng khỏi ngọn núi tuyệt vọng. Với niềm tin này, chúng ta có thể biến sự bất hoà inh ỏi trong đất nước này thành một bản nhạc giao hưởng du dương của tình bằng hữu. Với niềm tin này, chúng ta có thể làm việc cùng nhau, cầu nguyện cùng nhau, đấu tranh cùng nhau, bị nhốt vào nhà tù cùng nhau, đứng lên vì tự do cùng nhau, vì chúng ta biết rằng một ngày nào đó, chúng ta sẽ được tự do. [...]

Chú ý cách diễn đạt giàu hình ảnh trong phần ③.

(Tổng thống Mỹ – những bài diễn văn nổi tiếng, Alpha Book tuyển chọn, NXB Thế giới, Hà Nội, 2015)

?

1. Luận đề của bài viết *Tôi có một giấc mơ* là gì? Luận đề ấy đã được triển khai qua các phần thế nào?

2. Ở phần ①, Kinh đã thuyết phục mọi người về sự tham gia của mình trong hoạt động tuần hành bằng cách nào?

3. Trong phần ②, để làm rõ luận điểm “chúng ta không thoả mãn...” trong cuộc “đấu tranh vì quyền con người”, tác giả đã đưa ra những lí lẽ nào? Vì sao người viết không đưa ra những dẫn chứng cụ thể?

4. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng nhiều lần trong văn bản? Hãy phân tích tác dụng của biện pháp này trong việc thể hiện mục đích, thái độ của người diễn thuyết.

5. Chọn một trong hai luận điểm sau và dùng lí lẽ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ:

- “Giấc mơ” của Kinh đến nay **đã** trở thành hiện thực.
- “Giấc mơ” của Kinh đến nay **chưa** trở thành hiện thực.

6. Với tiêu đề “Giấc mơ của tôi”, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 dòng) hoặc vẽ một bức tranh thể hiện mong muốn về sự chấm dứt một tình trạng xấu / tiêu cực nào đó đang xảy ra với nhân loại hoặc đất nước mình.

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích văn bản *Một thời đại trong thi ca*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Hoài Thanh.

– Em biết gì về phong trào Thơ mới lãng mạn 1932 – 1945? Hãy nêu tên một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của phong trào thi ca này.



Hoài Thanh (1909 – 1982),
quê ở Nghệ An

2 Đọc hiểu

1 Một thời đại vừa chẵn mười năm.

Trong mười năm ấy, thơ mới đã tranh đấu gắt gao với thơ cũ, một bên giành quyền sống, một bên giữ quyền sống. Cuộc tranh đấu kéo dài cho đến ngày thơ mới toàn thắng. Trong sự thắng lợi ấy, cũng có công những người tả xung hữu đột nơi chiến trường, nhưng trước hết là công những nhà thơ mới. Tôi không so sánh các nhà thơ mới với Nguyễn Du để xem ai hơn ai kém. Đời xưa có thể có những bậc kỳ tài đời này không sánh kịp. Đừng lấy một người sánh với một người. Hãy sánh thời đại cùng thời đại. Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên,... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu. [...]

Tác giả đưa ra tiêu chí nào để so sánh giữa thơ cũ và thơ mới?

2 Bây giờ hãy đi tìm cái điều ta cho là quan trọng hơn: tinh thần thơ mới.

Giá các nhà thơ mới cứ viết những câu như hai câu vừa trích trên này⁽¹⁾ thì tiện cho ta biết mấy. Nhưng chính Xuân Diệu còn viết:

Người giai nhân: bến đợi dưới cây già;

Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.

(*) Hoài Thanh tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên.

(1) Tức là hai câu thơ của Xuân Diệu:

*Hôm nay tôi đã chết trong người
Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi.*

Và một nhà thơ cũ⁽¹⁾ tả cảnh thu lại có những câu nhí nhảnh và lả lơi:

Ô hay! Cảnh cũng ưa người nhí!

Ai thấy ai mà chẳng ngẩn ngơ?

Giá trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ, những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết mấy. Khốn nỗi, cái tầm thường, cái lố lăng chẳng phải của riêng một thời nào và muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy.

Ấu là ta đành phải nhận rằng trời đất không phải dựng lên cùng một lần với thể hệ chúng ta. Hôm nay đã phôi thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ. Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau và muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể.

Câu văn nào cho thấy luận điểm khái quát của Hoài Thanh?

Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa – hay thơ cũ – và thời nay – hay thơ mới – có thể gồm lại trong hai chữ *tôi* và *ta*. Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ *tôi* vẫn giống chữ *ta*. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau.

Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ *tôi* xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bậc kỳ tài xuất đầu lộ diện. Thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thảng hoặc trong văn thơ, họ cũng dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với người khác. Song dầu tảo bạo đến đâu, họ cũng không một lần nào dám dùng chữ *tôi* để nói chuyện với mình, hay – thì cũng thế – với tất cả mọi người. Mỗi khi nhìn vào tâm hồn họ hay đứng trước loài người mênh mông, hoặc họ không tự xưng⁽²⁾, hoặc họ ẩn mình sau chữ *ta*, một chữ có thể chỉ chung nhiều người. Họ phải cầu cứu đoàn thể để trốn cô đơn. Chẳng trách gì tác phẩm họ vừa ra đời, đoàn thể đã dành làm của chung, lắm khi cũng chẳng thèm ghi tên của họ. Ở phương Tây, nhất là từ khi có đạo Thiên Chúa, không bao giờ cá nhân lại bị rẻ rúng đến thế.

Vì sao khi xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, chữ *tôi* lại “bỡ ngỡ” và “như lạc loài”?

Bởi vậy cho nên, khi chữ *tôi*, với *cái nghĩa tuyệt đối của nó*, xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu. Nó cứ luôn luôn đi theo những chữ *anh*, chữ *bác*, chữ *ông* đã thấy chường. Huống bây giờ, nó đến một mình!

(1) Có sách nói là của Bà Huyện Thanh Quan, có sách nói là của Hồ Xuân Hương (chú thích của Hoài Thanh).

(2) Suốt trong “khúc tự tình” của Cao Bá Nhạ dài 538 câu, chữ *tôi* không có đã đành, mà cũng không có lấy một chữ *ta* (chú thích của Hoài Thanh).

Nhưng, ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bề ngoài. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá!

Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ *ta* với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ *tôi*. Đừng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lý Thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ. Đến chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn, họ cũng không có nữa:

*Nỗi đời cay cực đang giờ vuốt,
Cơm áo không đùa với khách thơ*

Không biết trong khi rên rỉ như thế, Xuân Diệu có nghĩ đến Nguyễn Công Trứ, một người đồng quận, chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui⁽¹⁾.

Nhưng ta trách gì Xuân Diệu! Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thầy chúng ta.

Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ *tôi*. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.

Đoạn văn cho biết điều gì về đặc điểm hồn thơ của các nhà thơ mới?

3 Cả trời thực, trời mộng vẫn nao nao theo hồn ta.

Thực chưa bao giờ thơ Việt Nam buồn và nhất là xôn xao như thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất luôn cả cái bình yên thời trước.

Thời trước, dầu bị oan khuất như Cao Bá Nhạ, dầu bị khinh bỏ như cô phụ⁽²⁾ trên bến Tầm Dương, vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch. Ngày nay, lớp thành kiến phủ trên linh hồn đã tiêu tan cùng lớp hoa hòe phủ trên thi tứ. Phương Tây đã giao trả hồn ta lại cho ta. Nhưng ta bàng hoàng vì nhìn vào đó, ta thấy thiếu một điều, một điều cần hơn trăm nghìn điều khác: một lòng tin đầy đủ.

Đó, tất cả cái bi kịch đương diễn ngấm ngấm, dưới những phù hiệu dễ dãi, trong hồn người thanh niên.

Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch⁽³⁾ chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.

Các nhà thơ lãng mạn đã giải tỏa bi kịch đời mình bằng cách nào?

(1) Nguyễn Công Trứ viết trong *Nhà nho vui cảnh nghèo* (Hàn nho phong vị phú): Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no / Đêm năm canh an giấc ngáy kho kho, đời thái bình cửa thường bỏ ngõ.

(2) Ý nói người ca nữ trong *Tì bà hành* của Bạch Cư Dị.

(3) *Hồn bạch*: tấm lụa hay vải được kết lại thành hình người có đầu, có chân tay đắp vào người sắp chết. Hồn bạch được coi như linh hồn người chết, đưa lên bàn thờ và rước theo quan tài khi đưa ma.

(Thi nhân Việt Nam, Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Hà Nội, 1943)



Đoạn văn trên giúp em có thêm những hiểu biết gì về:

- Đặc điểm ngôn ngữ trong văn bản nghị luận văn học (phê bình văn học) của Hoài Thanh?
- Phong trào Thơ mới lãng mạn 1932 – 1945?

Thực hành đọc hiểu



LẠI ĐỌC CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ CỦA NGUYỄN TUÂN

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Lại đọc “Chữ người tử tù”* của Nguyễn Tuân và tìm hiểu thêm thông tin về nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh.

– Liên hệ với những hiểu biết về truyện *Chữ người tử tù* đã học ở Bài 3 để hiểu văn bản nghị luận này.



Nguyễn Đăng Mạnh (1930 – 2018),
quê ở Hà Nội

2 Đọc hiểu

1 Những nhà văn có phong cách đều tạo ra cho mình một thế giới nhân vật riêng. Thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân, nói chung, gồm hai loại người đối lập nhau: Loại người tài hoa nghệ sĩ, có nhân cách, có “thiên lương”, tự đặt mình lên trên hạng người thứ hai gồm những kẻ tiểu nhân phàm tục, bằng thái độ ngạo đời, khinh bạc. Loại người thứ nhất, theo Nguyễn Tuân, thường là những linh hồn đẹp còn sót lại của một thời đã qua, nay chỉ còn “vang bóng”. Loại người ấy cố nhiên là hiếm hoi. Còn kẻ tiểu nhân phàm tục thì đầy rẫy trong thiên hạ.

2 *Chữ người tử tù* dựng lên một thế giới tăm tối, tù ngục, trong đó kẻ tiểu nhân, bọn độc ác bất lương làm chủ. Trên cái tăm tối ấy, hiện lên ba đốm sáng lẻ loi, cô đơn: Huân Cao, người quản ngục và viên thơ lại – những con người có tài và biết trọng tài, có nghĩa khí và biết trọng nghĩa khí. Họ tình cờ gặp nhau trong một tình thế oái oăm, từ chỗ ngờ vực nhau, đối địch nhau, dần dần đi đến hiểu nhau và trở thành tri kỉ.

Ba đốm sáng cô đơn ấy cuối cùng tụ lại, tạo thành ngọn lửa ngùn ngụt rực sáng giữa chốn ngục tù – “một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”. Cái đẹp, cái tài, sự

Người viết đã nêu vấn đề gì và bày tỏ nhận định của mình về vấn đề đó như thế nào?

trong sạch của tâm hồn đã tập hợp họ lại giữa cái nơi xưa nay chỉ có gian ác, thô bỉ và hôi hám: “ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ”.

Đây là sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem nhuốc tục tằn, của thiên lương đối với tội ác.

Vì sao tác giả lại cho rằng *Chữ người tử tù* là sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối?

Lâu nay, nói về những nhân cách cao thượng, người ta thường nhấn mạnh đến tinh thần gang thép, đến cái “vô úy”, cái không biết sợ trước những lực lượng thù địch. Thiên hướng ấy thực ra cũng dễ hiểu đối với một dân tộc luôn phải đương đầu với những bọn xâm lược, với bạo lực hung hăng nhất.

Tác giả đã nhắc đến những biểu hiện nào của các nhân vật để chứng tỏ họ là những người “vô úy”?

Nhân vật Huân Cao, quản ngục và viên thơ lại đều có cái “vô úy” ấy. Ở Huân Cao, con người “chọc trời khuấy nước”, đến “chết chém ông còn chẳng sợ”, ta không cần nói cũng rõ. Nhưng người quản ngục và viên thơ lại cũng gan góc ngang tàng lắm chứ! Đó là những con người dám thách thức với những đòn trừng phạt ghê gớm có thể giáng xuống đầu, nếu “âm mưu” của họ – bí mật biệt đãi “tên phiến loạn nguy hiểm” – bị cáo giác.

Nhưng thử nghĩ mà xem, con người không biết sợ cái gì trên đời này cả, liệu có phải là con người không? Cái gì cũng “vô úy”, cũng tỏ thái độ sắt thép, nghĩa là không biết mềm lòng trước bất cứ một cái gì, đây là loài quỷ sứ chứ đâu phải là người! *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân dạy cho người ta hiểu rằng, muốn nên người, phải biết kính sợ ba điều này: cái tài, cái đẹp và cái thiên tính tốt của con người (thiên lương). Vậy, kẻ nào không biết sợ cái gì hết, đó là loài quỷ sứ. Loại người này, thực ra rất hiếm hoi, hay nói đúng hơn, không thể có được. Nhưng loại người sau đây thì chắc không ít: sợ rất nhiều thứ, nhất là quyền thế và đồng tiền, nhưng đối với cái tài, cái đẹp, cái thiên lương thì lại không biết sợ, thậm chí sẵn sàng lãng mạ, giày xéo. Đây là hạng người hèn hạ nhất, thô bỉ nhất, đồi bại nhất.

Người viết đã phân tích, làm rõ thêm khía cạnh gì ở các nhân vật trong *Chữ người tử tù*?

Phân tích *Chữ người tử tù*, không những cần đề cao cái thái độ không biết sợ của Huân Cao, người quản ngục và viên thơ lại, mà còn phải biết ngợi ca cái biết sợ của những nhân vật này nữa.

Khi ông Huân còn coi viên quản ngục chỉ là viên quản ngục, ông đã tỏ thái độ khinh bạc đến mức tàn nhẫn: “Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng bước chân vào đây.”. Nhưng khi hiểu rằng, quản ngục chỉ là một cái áo khoác, đấy thực chất là một tấm lòng biết quý cái tài, cái đẹp, biết trọng cái tốt lành trong sạch, thì ông Huân đâu có cứng rắn, lạnh lùng nữa: “Ta cảm cái tấm lòng biệt nhõn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản

đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ.”.

Còn viên quản ngục? Cái cử chỉ đẹp nhất, cảm động nhất của nhân vật này chính là cái cử chỉ khúm núm trước người tử tù ở cái đêm Huân Cao cho chữ trong nhà ngục. Sau khi cúi đầu nghe mấy lời khuyên răn của người tù: “Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh.””.

3 Có những cái cúi đầu làm cho con người trở nên hèn hạ, có những cái lạy làm cho con người dễ tiện. Nhưng cũng có những cái cúi đầu làm cho con người bỗng trở nên cao cả hơn, lớn lao hơn,凛冽 hơn, sang trọng hơn. Đây là cái cúi đầu trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương.

Phần **3** khẳng định vẻ đẹp nào của nhân vật, qua đó, cho thấy quan điểm của người viết ra sao?

Chính Cao Chu Thần, nguyên mẫu của nhân vật Huân Cao trong *Chữ người tử tù*, có một câu thơ thật đẹp, thật sang:

Nhất sinh đề thủ bái mai hoa

(Một đời chỉ biết cúi đầu vái lạy hoa mai)

Cái cúi đầu của thầy quản ngục vái lạy Huân Cao chính là cái cúi đầu của Cao Bá Quát trước hoa mai vậy.

(*Những bài giảng về tác gia văn học*, tập I, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1999)

?

1. Văn bản trên cho thấy người viết muốn làm sáng tỏ điểm đặc sắc nào về nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn *Chữ người tử tù*?

2. Trong phần **2**, người viết đã lập luận như thế nào để làm nổi bật vẻ đẹp của các nhân vật trong truyện *Chữ người tử tù*, nhất là việc “biết sợ” “cái tài, cái đẹp và... thiên lương” của họ?

3. Em hãy chỉ ra ý kiến, giọng điệu của người viết trong đoạn văn sau:

“Nhưng thử nghĩ mà xem, con người không biết sợ cái gì trên đời này cả, liệu có phải là con người không? Cái gì cũng “vô úy”, cũng tỏ thái độ sắt thép, nghĩa là không biết mềm lòng trước bất cứ một cái gì, đấy là loài quỷ sứ chứ đâu phải là người! *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân dạy cho người ta hiểu rằng, muốn nên người, phải biết kính sợ ba điều này: cái tài, cái đẹp và cái thiên tính tốt của con người (thiên lương). Vậy, kẻ nào không biết sợ cái gì hết, đó là loài quỷ sứ.”.

4. Ngôn ngữ nghị luận ở phần **3** có đặc điểm gì đáng chú ý?

5. Em có đồng ý với ý kiến sau đây của người viết không? Vì sao?

“Có những cái cúi đầu làm cho con người trở nên hèn hạ, có những cái lạy làm cho con người đê tiện. Nhưng cũng có những cái cúi đầu làm cho con người bỗng trở nên cao cả hơn, lớn lao hơn, liêm liệt hơn, sang trọng hơn.”.

6. Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) bình luận về một bài học mà em rút ra được sau khi học truyện *Chữ người tử tù*.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Dưới đây là một số lỗi trên báo chí được liệt kê trong sách *Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục*^(*). Em hãy phân tích và sửa những lỗi đó.

a) Là một người con của vùng Kinh Bắc, âm nhạc của ông luôn thể hiện những giai điệu đậm đà của dân ca quan họ.

b) Là họa sĩ chuyên về sơn mài, tranh của ông mang cốt cách trang trọng nhưng cũng thật duyên dáng.

c) Đồng trái cây vừa được chuyển đi hết lại được chở ùn ùn từ trong rẫy ra.

d) Trong đội hình có ba cầu thủ người Hàn Quốc vốn là một cường quốc bóng đá ở châu Á.

2. Hãy phân tích và sửa những lỗi dưới đây:

a) Nhìn lên những câu đối treo trang trọng, được viết theo kiểu thư pháp. Mọi người lại nhớ đến bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên.

b) Toà soạn đang phối hợp vận động nhiều nguồn tài trợ khác. Để tiếp tục hỗ trợ cho các chương trình từ thiện của Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo thành phố.

c) Mặc dù Nhà nước đã có chính sách về kinh tế trang trại, tương như mọi “rào chắn” đã được tháo dỡ. Thế nhưng bà con vẫn gặp rất nhiều khó khăn.

d) Chăm lo cho trẻ đến trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Song không thể phủ nhận vai trò chính của người thầy trong việc tạo cho trẻ niềm vui thích, sự hứng thú trong học tập. Xây dựng môi trường học thân thiện cho học sinh nhằm giúp các em phát huy tiềm năng trong học tập cũng như sinh hoạt, giao tiếp. (Cao Xuân Hạo)

(Dẫn theo sách *Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục*)

3. Lỗi chung của các câu dưới đây là gì? Nêu cách sửa những lỗi đó.

a) Trong tai nạn giao thông này đã cho ta thấy rõ tác hại của rượu bia.

b) Mới đây, qua điều tra chiều cao của học sinh trung học phổ thông cho thấy: nam cao 1,63 – 1,67m; nữ cao: 1,53 – 1,55m.

(*) Cao Xuân Hạo, *Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2009.

c) Qua bài viết “Tôi có một giấc mơ” của Kinh đã góp thêm một tiếng nói về quyền bình đẳng của các dân tộc trên thế giới.

d) Nhìn căn phòng ước chưa đầy 16 m² nhưng được chia làm ba phần, nơi tôi đang ngồi có hai chiếc bàn dài dùng làm nơi nghỉ của giáo viên trong giờ ra chơi.
(Cao Xuân Hạo)

4. Tìm và sửa các lỗi về thành phần câu trong đoạn văn dưới đây:

Chí Phèo, một hình tượng mang tính bi kịch. Qua nhân vật Chí Phèo cho ta thấy một hình tượng không chỉ là bi kịch thuần túy mà còn là bi kịch tăng tiến điển hình. Chí Phèo, ngay từ khi mới lọt lòng, không những là một đứa trẻ vô thừa nhận, không cha không mẹ. Hình ảnh cái “lò gạch cũ” có một vị trí trong tác phẩm và gây ấn tượng mạnh cho người đọc. Vì Chí Phèo đã ra đời ở đây, đã trở thành đứa con rơi theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Và kết thúc tác phẩm, sau cái chết của Chí Phèo. Thị Nở nhìn xuống bụng đã nghĩ đến hình ảnh một cái “lò gạch cũ” nằm trong dự định của tác giả về một vòng đời luẩn quẩn của những nạn nhân xấu số của xã hội.

VIẾT

VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1 Định hướng

1.1. Thế nào là vấn đề xã hội và bài nghị luận về một hiện tượng đời sống?

a) Xem lại văn bản *Tôi có một giấc mơ* và cho biết:

- Hiện tượng đời sống được đặt ra trong bài viết đó là gì?
- Vì sao tác giả lại viết về hiện tượng đó?
- Mục đích của văn bản đó là gì?

b) Viết bài nghị luận về một hiện tượng đời sống là viết bài văn trình bày ý kiến phân tích, trao đổi, bàn luận về một hiện tượng của đời sống nhân sinh (chính trị, kinh tế, văn hoá, nghệ thuật, đạo đức, khoa học công nghệ, giáo dục, môi trường,...) mà người viết quan tâm.

1.2. Để viết bài nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống, các em cần chú ý các yêu cầu sau đây:

- Xác định đối tượng chính mà bài viết muốn hướng tới (Viết cho ai?).
- Xác định mục đích của bài viết (Viết để làm gì?).
- Xác định nội dung cụ thể cần viết (Viết cái gì?).

– Xác định cách thức viết, bao gồm: phương thức và các thao tác nghị luận; các phương thức hỗ trợ khác (miêu tả, tự sự, biểu cảm, thuyết minh); cấu trúc bài viết; tranh, ảnh, bảng biểu, số liệu đi kèm,... (Viết như thế nào?).

– Thu thập các tư liệu liên quan đến hiện tượng đời sống được bàn luận trong bài viết.

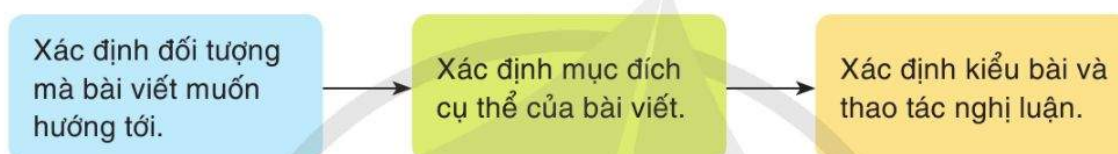
2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Viết bài văn nghị luận nêu ý kiến của em về hiện tượng sinh dùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp hằng ngày của giới trẻ Việt Nam hiện nay.*

a) Chuẩn bị

Tiến hành việc chuẩn bị theo các gợi ý sau:



b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Hiện tượng sinh dùng tiếng nước ngoài trong giao tiếp là hiện tượng gì?

+ Hiện tượng sinh dùng tiếng nước ngoài này có những biểu hiện nào?

+ Vì sao giới trẻ lại sinh dùng tiếng nước ngoài?

+ Hiện tượng này nên hay không nên? Vì sao?

+ Có giải pháp / biện pháp nào để việc sử dụng tiếng nước ngoài trở nên hợp lí?

– Lập dàn ý cho bài viết: Dựa vào các ý đã tìm được, các em hoàn thành tiếp dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn và sắp xếp chúng theo bố cục ba phần.

Mở bài	Nêu vấn đề: hiện tượng sinh dùng tiếng nước ngoài.
Thân bài	Lần lượt giới thiệu tác phẩm kịch theo trình tự phù hợp. Ví dụ: + Giải thích hiện tượng sinh dùng tiếng nước ngoài. + ...
Kết bài	+ Khẳng định lại quan điểm cá nhân. + Nêu bài học nhận thức và hành động.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập viết.

– Lưu ý:

+ Mỗi luận điểm có thể triển khai thành một hoặc một số đoạn văn.

+ Các thao tác phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận cần được vận dụng một cách linh hoạt.

+ Cần thể hiện một cách tự nhiên quan điểm riêng của bản thân, miễn là hợp lí, thuyết phục.

+ Dẫn chứng cần xác thực, tiêu biểu cho hiện tượng sinh động tiếng nước ngoài trong giao tiếp.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 28); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Phân tích dẫn chứng và thao tác lập luận bác bỏ

a) Cách thức

– Phân tích dẫn chứng là thao tác chia nhỏ, diễn giải, nhận xét về dẫn chứng đã nêu để người đọc hiểu rõ về nội dung của dẫn chứng và ý nghĩa của chúng trong việc soi sáng cho lí lẽ, luận điểm mà người viết đang muốn thuyết phục.

Thông thường, có thể nêu dẫn chứng trước rồi phân tích sau. Ví dụ:

“Một trăm năm trước đây, một người Mỹ vĩ đại, người mà tư tưởng của ông, chúng ta vẫn đang tiếp nối, đã kí *Tuyên ngôn Giải phóng con người*. Sự ra đời của sắc lệnh quan trọng này như ánh lửa hiệu cho hi vọng của hàng triệu nô lệ da đen, những người đang bị thiêu đốt trên ngọn lửa của sự bất công đáng khinh miệt. Nó ra đời như bình minh rộn rã chấm dứt đêm trường nô lệ.”

Nêu dẫn chứng

Phân tích
dẫn chứng

(*Tôi có một giấc mơ* – Martin Luther King)

Cũng có khi việc nêu và phân tích dẫn chứng lồng vào nhau. Ví dụ:

“Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc thái thường để đãi yến nguy sứ mà không biết căm. Hoặc lấy việc chơi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển; hoặc vui thú vườn ruộng, hoặc quyến luyến vợ con; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước, hoặc ham săn bắn mà quên việc binh; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mào cò bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dầu rằng ruộng lắm vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc, vả lại vợ bìu con dú, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khoẻ khôn đuổi được quân thù; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai.”

(*Hịch tướng sĩ* – Trần Quốc Tuấn)

– Bác bỏ là dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người khác từ bỏ những ý kiến, quan điểm sai lệch, từ đó, có nhận thức và hành động đúng. Nội dung bác bỏ

là những luận điểm hoặc luận cứ hay cách thức lập luận của đối tượng. Cách thức bác bỏ là dùng thực tế hoặc phép suy luận,... để chỉ ra, phân tích cái sai hoặc điểm tồn tại, hạn chế của luận điểm, luận cứ hoặc lập luận. Khi bác bỏ, cần có thái độ khách quan, đúng mực, lịch sự, cần cân nhắc từng khía cạnh, tránh vội vàng bác bỏ, phủ nhận tất cả. Không nên đưa ra ý kiến bác bỏ một cách chung chung, tránh nói quá hoặc nói chưa tới.

b) Bài tập

Bài tập 1: Hoàn thành những chỗ trống ? trong đoạn văn phân tích dẫn chứng sau đây để làm sáng tỏ luận điểm: “Hiện tượng sinh dùng tiếng nước ngoài của giới trẻ hiện nay có nhiều biểu hiện phức tạp, cho thấy sự tùy tiện, thiếu ý thức của một bộ phận thanh thiếu niên.”.

Thật vậy, giới trẻ thường sử dụng tiếng lai căng, pha giữa ? và tiếng Việt. Họ không ngần ngại nói với tất cả các đối tượng tham gia hội thoại bằng các dạng cấu trúc như: “ok thầy”, ?, ? (1); hay “trông con bé kute quá”; “anh ấy ? thật!”, “mình là ? của anh ấy”, “nhóm ấy toàn các anh chuẩn ?”; “các superstar thích xài mobile loại xịn”, “Idol của tao kìa” (2); thậm chí, “con nghiện (điện thoại) lại viêm dạ dày (sắp hết tiền) rồi làm sao gọi cho honey đây” (3). Nếu các trường hợp thuộc dạng (1) là kiểu kết hợp từ giữa tiếng Anh với từ ? khá phổ biến hiện nay, kể cả trong giao tiếp dạng nói cũng như dạng viết thì các ví dụ thuộc nhóm (2) cho thấy những cấu trúc phức hợp hơn với nhiều yếu tố tham gia để tạo câu, trong đó, giới trẻ có xu hướng chọn một yếu tố nước ngoài được cho là trọng điểm thông báo để chen vào cấu trúc ? tiếng Việt. Còn kiểu thứ (3) là sự pha tạp giữa ngoại ngữ và ? trong cấu trúc lời thoại. Chưa hết, việc sinh dùng từ ngữ ngoại lai còn khiến nhiều bạn trẻ thay vì nói “tạm biệt” sẽ là “bye” hoặc “bye bye”; lời ? là “sorry nha!”; cảm ơn là “thanks”;... Kiểu sử dụng tiếng nước ngoài một cách vô thức thể này dường như đã làm cho nhiều đối tượng “quen” đến mức quên mất cả từ ? tương ứng,... Đây rõ ràng là một số “biến chứng” của song ngữ Anh – Việt, tạo ra những cấu trúc kì quái, làm mất đi tính chất đặc trưng và sự trong sáng của các ngôn ngữ.

Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau và cho biết: Người viết đã bác bỏ những luận điểm hoặc luận cứ gì? Bác bỏ bằng cách nào? (Gợi ý: dùng thực tế hay phép suy luận,...).

“Thậm chí sùng bái *Truyện Kiều* mà nói rằng: “*Truyện Kiều* là quốc hoa, là quốc hồn, là quốc túy của Việt Nam.” – Không biết có còn quốc gì không? – Xưng tụng ông Nguyễn Du mà nói rằng: “Nguyễn Du đổ máu làm mực, làm vè vang cho giống nòi.”. Ông Nguyễn Du dịch *Kiều* từ đời Gia Long; thế thì từ Gia Long về trước, chưa có *Truyện Kiều*, thì nước ta không quốc – hoa, không quốc – túy, không quốc – hồn; thế thì cái văn trí vũ công mấy trào Đinh, Lý, Trần, Lê, sáng chói rực rỡ đó, đều là ở đây đem đến cho bọn “học thuê viết mướn” ấy mà thôi; thế thì những bậc đại hào kiệt, đại huân nghiệp, cứu dân giúp nước, tái tạo giang sơn, mở mang bờ cõi cho

nước ta ngày xưa, không ai làm được vẻ vang cho nòi giống, không ai đáng kỉ niệm cả; mà chỉ ông văn sĩ làm sách “trăm năm trong cõi” là làm vẻ vang giống nòi, là đáng kỉ niệm mà thôi? Giống nòi ta vẻ vang ra thế nào?!...”

(Trích *Luận về chánh học cùng tà thuyết* – Ngô Đức Kế)

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1 Định hướng

a) Trình bày ý kiến đánh giá và bình luận về một hiện tượng đời sống là đưa ra các quan điểm, nhận xét, trao đổi về một hiện tượng nào đó trong đời sống, có liên quan đến nhiều người.

b) Để trình bày ý kiến một cách thuyết phục, hiệu quả, các em cần lưu ý:

– Xác định đúng vấn đề cần đánh giá, bình luận (tính thời sự, ý nghĩa đối với nhóm người, giới hoặc cộng đồng,...).

– Vấn đề cần phù hợp với đối tượng người nghe.

– Người trình bày cần có thái độ văn hoá, lịch sự.

– Ngôn ngữ phải phù hợp với đối tượng, nội dung trình bày.

Tham khảo bài diễn thuyết nổi tiếng *Tôi có một giấc mơ*, chú ý các từ biểu thị cảm xúc (*vui mừng*), các từ mà Kinh gọi người nghe (*các bạn*), các từ ngữ cho thấy quan hệ của người nói với người nghe (*cùng các bạn, nói với các bạn, chúng ta,...*) và giọng điệu của Kinh khi muốn truyền đi các thông điệp của mình.

c) Khi tham gia thảo luận, trao đổi về một hiện tượng đời sống, cần tập trung vào nội dung của cuộc thảo luận, lắng nghe ý kiến, nhận xét, giọng điệu riêng của những người tham gia, chú ý quan sát thái độ, điệu bộ, cử chỉ của người nói để hiểu đúng và đầy đủ suy nghĩ, quan điểm của họ, từ đó, có những phản hồi, trao đổi phù hợp.

2 Thực hành

Bài tập: *Hãy trình bày ý kiến của em về hiện tượng sinh dục sớm ngoài trong giao tiếp hằng ngày của giới trẻ Việt Nam hiện nay.*

Gợi ý:

a) Chuẩn bị

– Tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình:

+ Tham khảo phần *Viết*, bổ sung, điều chỉnh nội dung cho phù hợp với yêu cầu bài nói.

- + Ghi ra những mong muốn, băn khoăn, thắc mắc muốn được trình bày, trao đổi.
- Chuẩn bị các phương tiện cần thiết để bài nói trở nên sinh động và hấp dẫn hơn.

b) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 31); nội dung nói và nghe đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

c) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 32); nội dung kiểm tra đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Thế hệ trẻ cần có quyết tâm lớn và phải biết hành động

[...] Tôi muốn trao đổi ý kiến với các em xem Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ, để cùng mọi người dân có tâm huyết với đất nước suy ngẫm, tự xét và thấy được trách nhiệm của mình đối với vận mệnh của Tổ quốc.

Hãy nhắc lại lịch sử Việt Nam không xa, trong thế kỉ XX vừa qua. Trước năm 1945, đất nước ta chìm đắm trong đêm dài của chủ nghĩa thực dân và phong kiến. Nước ta chia cắt làm ba miền có chế độ chính trị khác nhau: Cochinchine – Nam Kỳ, Annam – Trung Kỳ và Tonkin – Bắc Kỳ. Trên bản đồ thế giới, không có tên Việt Nam mà cùng với Lào, Cam-pu-chia, chúng ta là Indochine Francaise (Đông Dương thuộc Pháp) có 95% dân số mù chữ, nhà tù nhiều hơn trường học. Thay vì chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, thực dân Pháp ép dân ta phải tiêu thụ rượu và thuốc phiện,... Số người Pháp (dân sự và quân sự) không đông nhưng họ đã cai trị, bóc lột, đàn áp chúng ta trong tám mươi năm. Thời kì đó, Việt Nam thật là nhỏ bé.

Nhiều cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp đã nổ ra nhưng đều thất bại. Đến năm 1945, cuộc Cách mạng tháng Tám đã khơi dậy tinh thần yêu nước của cả dân tộc, đông viên nhân dân ta đứng lên bằng vũ khí thô sơ nhưng với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, giành lấy chính quyền trong cả nước và thành lập Nhà nước Cách mạng đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Sau đó, nhân dân ta phải kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược và kết thúc bằng Chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng, làm lung lay cả hệ thống thực dân thế giới. Việt Nam trở thành ngọn cờ của phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức. Đến cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ cứu nước kéo dài trong 21 năm

và kết thúc với thắng lợi vĩ đại 30-4-1975, cả thế giới biết đến Việt Nam. Báo *New York Times* (của Mỹ) tổng kết rằng từ năm 1960 đến năm 1970, trong 10 năm liền, vấn đề Việt Nam luôn chiếm cột thứ nhất của tờ báo. Nhà văn Sa-ra Lít-men (Sara Lidman) (Thụy Điển) đã nói: “Việt Nam là lương tri của nhân loại.”. Nhà văn Vét-cút (Vercous) (Pháp) đã mong: “Ước gì ngủ một đêm dậy, tôi là người Việt Nam.”... Phong trào nhân dân thế giới ủng hộ, đoàn kết với Việt Nam chống quân xâm lược Mỹ là phong trào quốc tế rộng lớn, mạnh mẽ và kéo dài chưa từng thấy trong lịch sử thế giới. Nhân dân ta đã hi sinh rất nhiều. Điều đó, nhân dân ta không hề mong muốn, chúng ta bị bắt buộc phải chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh xâm lược và đã giành lại được quyền cơ bản quý giá của dân tộc – độc lập, quyền tự quyết, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Thời kì 1945 – 1975 là thời kì Việt Nam thật sự là không nhỏ.

Còn ngày nay vị trí của Việt Nam chúng ta đang ở đâu?

Sau 20 năm đổi mới, chúng ta đã giành được những thành tựu hết sức quan trọng về kinh tế và xã hội. Đã qua rồi thời kì đói kém, phải chạy gạo, phải nhập những hàng hoá thiết yếu nhất cho cuộc sống hằng ngày. Đến nay, chúng ta đã xuất khẩu được gạo và nhiều hàng hoá ra thế giới,... Kinh tế nước ta tăng trưởng với nhịp độ khá. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn là nước rất nghèo, tụt hậu so với nhiều nước xung quanh (Việt Nam thu nhập 600 USD / đầu người / năm. Thái Lan: 2 000 USD / đầu người / năm, Ma-lai-xi-a: 5 000 USD / đầu người / năm, Hàn Quốc năm 1950 mới 100 USD / đầu người / năm đến nay đã lên đến trên 19 000 USD / đầu người / năm,...). Trong khi đó, lại có nhiều tệ nạn xã hội, nhất là tham nhũng và lãng phí.

Nhìn ra thế giới, quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra sôi động, mạnh mẽ, nhanh chóng. Các nước cạnh tranh nhau quyết liệt về kinh tế, khoa học, công nghệ, văn hoá,... Trước tình hình này, Việt Nam không co mình lại, không né tránh mà chấp nhận cuộc đấu tranh, hội nhập quốc tế tham gia WTO,... Phải nhận thức đây là cuộc đấu tranh khó khăn và phức tạp đối với các dân tộc, nhất là các nước còn nghèo như Việt Nam của chúng ta, là một cuộc đấu tranh quyết liệt, tuy không có tiếng súng.

Dân tộc Việt Nam một lần nữa đứng trước những thử thách to lớn.

Sứ mệnh lịch sử này đến nay ở trong tay thế hệ trẻ các em.

Các em muốn Việt Nam nhỏ hay không nhỏ? Muốn là công dân của một nước tiên tiến, sánh vai cùng với các nước năm châu hay lụn bại trong những tư duy lạc hậu, lỗi thời, trong những toan tính cá nhân vị kỉ? Chắc nhiều em đã từng suy nghĩ trước những nhiệm vụ nặng nề của đất nước?

Theo tôi, bài học xuyên suốt trước hết là phải biết giữ vững và phát huy tinh thần yêu nước. Đó là sức mạnh, là truyền thống của dân tộc ta. Khi tất cả đặt lợi ích của

Tổ quốc lên trên hết, đoàn kết lại thành một khối, chúng ta có sức mạnh vô địch. Chúng ta cần có một vũ khí có tính quyết định nữa, đó là trí thức. Phải có sức mạnh của trí tuệ, chúng ta mới có thể khắc phục những yếu kém, nhược điểm để có thể cạnh tranh với các nước, tiến về phía trước. Và nếu ta chậm rãi từng bước thì chúng ta sẽ mãi mãi tụt hậu. Cho nên, truyền thống yêu nước của Việt Nam phải đi đôi với trí thức, trí thông minh và sự khôn ngoan của con người Việt Nam.

Ta còn nhiều khó khăn nhưng mọi người đều thấy hiện nay ta có vận hội lớn, có những điều kiện cơ bản để bứt lên. Nhưng vấn đề là mọi người và trước hết là thế hệ trẻ cần có quyết tâm lớn và phải biết hành động, mọi người phải hành động cùng một mục tiêu. Học sinh, sinh viên, trí thức trẻ phải biết cách học để trở thành những công nhân, chuyên viên giỏi, những kĩ sư, bác sĩ, cán bộ giảng dạy xuất sắc, cung cấp cho Nhà nước những cán bộ lãnh đạo, quản lí liêm khiết có trình độ cao, có tầm nhìn xa. Bản thân học sinh và sinh viên phải tự mình khắc phục những suy nghĩ lệch lạc, những tiêu cực của mình cũng như những tệ nạn xã hội đang diễn ra trên đất nước làm cho mọi người, kể cả thanh niên hết sức bất bình, căm giận. Thái độ đúng đắn của mỗi thanh niên là phải biết đấu tranh và vượt qua những yếu kém và tiêu cực đó bằng những hành động tích cực và bản lĩnh của người chủ xứng đáng của đất nước. Đó là trách nhiệm và sứ mạng của giới trẻ.

(NGUYỄN THỊ BÌNH, *Nước Việt Nam nhỏ hay không nhỏ*,
NXB Thông tấn, Hà Nội, 2007)

1. Mục đích của bài viết là gì?

- A. Thuyết phục mọi người dân phải có quyết tâm và hành động vì mục tiêu phát triển đất nước hùng cường
- B. Thuyết phục các bạn trẻ phải có quyết tâm và hành động xứng đáng để xây dựng đất nước hùng mạnh
- C. Khẳng định truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân ta trong lịch sử chống giặc ngoại xâm
- D. Khẳng định những cơ hội và thách thức lớn đối với đất nước ta trong thời kì hội nhập quốc tế

2. Đối tượng chính mà bài viết muốn hướng tới là ai?

- A. Công nhân, chuyên viên giỏi
- B. Kĩ sư, bác sĩ, giảng viên
- C. Cán bộ lãnh đạo, quản lí
- D. Học sinh, sinh viên, trí thức trẻ

3. Theo tác giả, Việt Nam chỉ nhỏ bé ở giai đoạn lịch sử nào?

- A. Trước thế kỉ XX
- B. Từ đầu thế kỉ XX đến trước năm 1945

C. Từ năm 1945 đến trước đổi mới (1986)

D. Từ năm 1986 đến năm 2006 (20 năm đổi mới)

4. Để khẳng định Việt Nam không phải là nước nhỏ bé, tác giả đã **không** đưa ra những lí lẽ hoặc dẫn chứng nào?

A. Cùng với Lào, Cam-pu-chia, chúng ta là Indochine Francaise (Đông Dương thuộc Pháp) có 95% dân số thoát nạn mù chữ

B. Cách mạng tháng Tám thành công dẫn đến sự ra đời của Nhà nước Cách mạng đầu tiên ở Đông Nam châu Á

C. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với Chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng, làm lung lay cả hệ thống thực dân thế giới

D. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ kéo dài 21 năm và kết thúc với thắng lợi vĩ đại khiến cả thế giới biết đến Việt Nam

5. Với việc dẫn ra các số liệu (Việt Nam thu nhập 600 USD / đầu người / năm. Thái Lan: 2 000 USD / đầu người / năm, Ma-lai-xi-a: 5 000 USD / đầu người / năm, Hàn Quốc năm 1950 mới 100 USD / đầu người / năm đến nay đã lên đến trên 19 000 USD / đầu người / năm,...), tác giả muốn làm rõ điều gì?

A. Việt Nam đã xuất khẩu được gạo và nhiều hàng hoá ra các nước trên thế giới

B. Việt Nam là quốc gia phát triển, có tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối tốt

C. Việt Nam vẫn còn là nước rất nghèo, tụt hậu so với nhiều nước xung quanh

D. Việt Nam có mức thu nhập tính trên đầu người thuộc nhóm thấp ở Đông Nam Á

6. Phương án nào thể hiện đúng và đầy đủ nhất những mong muốn của tác giả đối với thế hệ trẻ?

(1) Phải đứng dậy, không né tránh mà chấp nhận cuộc đấu tranh, hội nhập quốc tế tham gia WTO

(2) Phải biết đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết để đoàn kết lại thành một khối, từ đó tạo ra sức mạnh

(3) Phải giúp mọi người dân tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập để sánh vai với các nước trong khu vực

(4) Phải biết cách học để trở thành những người có chuyên môn giỏi, có năng lực tốt và tầm nhìn xa

(5) Phải biết đấu tranh và vượt qua những yếu kém, tiêu cực đang làm cho mọi người bất bình, căm giận

A. 1 – 2 – 3

B. 1 – 3 – 5

C. 2 – 3 – 4

D. 2 – 4 – 5

7. Em hiểu ý của tác giả trong câu văn sau như thế nào: “Bản thân học sinh và sinh viên phải tự mình khắc phục những suy nghĩ lệch lạc, những tiêu cực của mình”?

8. Em có đồng tình với quan điểm dưới đây không? Vì sao?

“Phải có sức mạnh của trí tuệ, chúng ta mới có thể khắc phục những yếu kém, nhược điểm để có thể cạnh tranh với các nước, tiến về phía trước.”.

9. Bằng các lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, em hãy làm sáng tỏ luận điểm sau: “Ta còn nhiều khó khăn nhưng mọi người đều thấy hiện nay ta có vận hội lớn.”.

10. Nếu được viết một bức thư gửi các nhà lãnh đạo của đất nước ta để bày tỏ ý kiến của mình về những giải pháp xây dựng một đất nước Việt Nam lớn mạnh, em sẽ viết những gì?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc các văn bản nghị luận sau:

– Toàn văn bài viết (tiểu luận) *Một thời đại trong thi ca* trong *Thi nhân Việt Nam* (Hoài Thanh, Hoài Chân).

– Các bài diễn văn / phát biểu của các nhà chính trị, văn hoá, khoa học nổi tiếng thế giới. Ví dụ: *Tôi sẵn sàng để chết* (I am prepared to die) của Nen-xơn Man-đê-la (Nelson Mandela), *Hẹn hò với định mệnh* (Tryst with Destiny) của Gia-oa-hác-lan Nê-ru (Jawaharlal Nehru),...

2. Viết một bài luận trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống của cộng đồng, nhân loại mà em thấy gần gũi, thiết thực.

3. Tập chuyển một (một số) bài luận trên thành bài thuyết trình, khuyến khích sử dụng các phần mềm điện tử để tạo các bài thuyết trình hấp dẫn (Ví dụ: Canva, PowerPoint,...).

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- ▶ Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- ▶ Hiểu yêu cầu về mục tiêu, nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập trong việc tự đánh giá kết quả học tập cuối kì II.

NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Thống kê các bài đọc hiểu trong sách *Ngữ văn 11*, tập hai theo thể loại và kiểu văn bản.

Câu 2. Nêu một số nội dung chính (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, tư tưởng) của các truyện ngắn hiện đại ở Bài 5 trong sách *Ngữ văn 11*, tập hai. Phân tích ý nghĩa và tính thời sự của các nội dung đặt ra trong các truyện ngắn được học ở bài này.

Câu 3. Chỉ ra và làm sáng tỏ một số đặc điểm tiêu biểu cần chú ý khi đọc văn bản thơ có yếu tố tượng trưng trong Bài 6, sách *Ngữ văn 11*, tập hai.

Câu 4. Nêu các nội dung chính và chỉ ra ý nghĩa của các văn bản đọc hiểu của Bài 7 trong sách *Ngữ văn 11*, tập hai. Phân tích sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình qua một văn bản tùy bút, tản văn, hoặc sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí ở bài học này.

Câu 5. Tóm tắt nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong Bài 8 sách *Ngữ văn 11*, tập hai và nêu các nhân vật tiêu biểu trong các văn bản kịch ấy.

Câu 6. Nêu và nhận xét đặc điểm của các văn bản nghị luận được học trong Bài 9, sách *Ngữ văn 11*, tập hai. Phân tích yêu cầu và ý nghĩa của việc đọc hiểu các văn bản nghị luận này.

VIẾT

Câu 7. Nêu tên các kiểu văn bản được rèn luyện viết trong sách *Ngữ văn 11*, tập hai; chỉ ra các yêu cầu chính khi viết các kiểu văn bản này.

Câu 8. Nêu và phân tích ý nghĩa của các kỹ năng viết được rèn luyện trong các bài học ở *Ngữ văn 11*, tập hai.

Câu 9. Nêu một số điểm giống nhau và khác nhau giữa yêu cầu viết bài nghị luận về một tác phẩm truyện, nghị luận về một tác phẩm thơ và nghị luận về một bộ phim (vở kịch, bài hát, bức tranh, pho tượng).

NÓI VÀ NGHE

Câu 10. Các nội dung chính được rèn luyện trong phần *Nói và nghe* ở sách *Ngữ văn 11*, tập hai là những gì? Các nội dung này có gì giống và khác với nội dung phần *Nói và nghe* của *Ngữ văn 11*, tập một.

TIẾNG VIỆT

Câu 11. a) Thống kê tên các phần tiếng Việt trong các bài của sách *Ngữ văn 11*, tập hai.

b) Nhận xét về mối quan hệ giữa nội dung tiếng Việt với nội dung đọc hiểu và viết.

c) Phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ mà em thích nhất trong một văn bản thơ ở Bài 6.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Nội dung	– Kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu và viết văn bản. – Các kiến thức và kỹ năng đã học được yêu cầu vận dụng vào tình huống mới, với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học. – Khuyến khích sự sáng tạo trong ý tưởng và thể hiện, trình bày.
Hình thức	– Thời lượng làm bài đánh giá trong 2 tiết (90 phút). – Phạm vi kiến thức đã học trong sách <i>Ngữ văn 11</i>, tập hai. – Yêu cầu đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học gồm: Văn bản văn học, văn bản nghị luận. – Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và tự luận; tăng tỉ lệ yêu cầu viết tự luận (câu trả lời ngắn). – Đánh giá năng lực viết qua một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức như các kiểu văn bản đã được học (nghị luận là chính).

I. Đọc hiểu

Đọc đoạn trích sau, chọn phương án đúng của mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5) và trả lời ngắn các câu hỏi (từ câu 6 đến câu 10):

Đường trong làng: Hoa dại với mùi thơm...

Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm,

Lòng giắt sẵn ít hương hoa tưởng tượng.

Đất thù nằng, bóng tre rồi bóng phượng

Lần lượt buông màn nhẹ vướng chân lâu:

Lên bề cao hay đi xuống bề sâu?

Không biết nữa – Có chút gì làm ngợp

Trong không khí... hương với màu hoà hợp...

Một buổi trưa không biết ở thời nào,

Như buổi trưa nhẹ nhẹ trong ca dao,

Có cu gáy, có bướm vàng nữa chứ,

Mà đôi lúa đứng bên vườn tình tự.

Buổi trưa này xưa kia ta đã đi,

Phải cùng chăng? Lòng nhớ rõ làm chi! [...]

(HUY CẬN, *Đi giữa đường thơm*, in trong *Lửa thiêng*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995)

1. Con đường nào sau đây là hình ảnh con đường gợi lên từ đoạn trích?

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| A. Con đường đầy rơm rạ | B. Con đường đầy ánh nắng |
| C. Con đường đầy tre, trúc | D. Con đường đầy hương sắc |

2. Câu thơ nào sau đây có sử dụng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác?

- A. Đường trong làng: hoa dại với mùi thơm
B. Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm
C. Có cu gáy, có bướm vàng nữa chứ
D. Mà đôi lúa đứng bên vườn tình tự

3. Nhận xét nào sau đây đúng với sự “tương ứng các giác quan” được biểu hiện trong đoạn trích trên?

- A. Cảnh vật, con người, hương hoa, cây cối,... chan hoà trong một niềm vui
- B. Đất trời, đường làng, không gian, thời gian, hoa dại, mùi thơm,... lẫn lộn
- C. Cảm xúc, tâm trạng, niềm vui, sự ngất ngây, trí tưởng tượng,... đan xen
- D. Mùi hương, âm thanh, sắc màu xen lẫn cùng các giác quan giao hoà,...

4. Nhạc tính của đoạn thơ trên được tạo nên bởi những cách thức nào?

- A. Sử dụng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và so sánh
- B. Sử dụng nhiều thanh bằng và gieo vần chân
- C. Dùng nhiều từ ngữ và hình ảnh chỉ âm thanh
- D. Dùng nhiều từ ngữ và hình ảnh chỉ cảm giác

5. Câu nào dưới đây nêu đúng điểm giống nhau giữa đoạn trích trên và bài thơ *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu)?

- A. Đều viết về đề tài tình yêu thiên nhiên
- B. Đều vận dụng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác
- C. Đều viết về tâm trạng con người trước mùa thu
- D. Đều miêu tả cảnh đẹp của mùa thu

6. Nêu tác dụng của các yếu tố vần và nhịp của đoạn trích nêu trên.

7. Chỉ ra yếu tố tượng trưng trong đoạn trích trên.

8. Em hiểu “đường thơm” trong đoạn trích trên là gì?

9. Nhà thơ nhận biết và diễn tả cảm xúc của mình bằng các giác quan nào?

10. Theo em, đoạn trích thể hiện được tâm trạng và tình cảm gì của chủ thể trữ tình?

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau:

Đề 1. *Phân tích giá trị văn hoá hoặc triết lí nhân sinh trong một tác phẩm văn xuôi đã học ở Bài 5 và Bài 7 trong sách “Ngữ văn 11”, tập hai.*

Đề 2. *Điều em tâm đắc nhất khi đọc văn bản “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” (trích kịch “Vũ Như Tô” – Nguyễn Huy Tưởng).*

BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
ẩn dụ	36, 123, 149, 150	Huỳnh Ngọc Trảng	84
bài văn	3, 24, 25, 26,...	kết bài	46
bí kịch	87, 88, 95, 110,...	kết cấu	56, 85
biện pháp tu từ	35, 36, 37, 43,...	kết luận	13, 67, 78, 114
biểu cảm	113, 114, 122,...	kí	2, 4, 14, 53,...
cảm xúc	4, 35, 37, 38,...	kịch	14, 27, 30, 87,...
câu chuyện	3, 5, 6, 7,...	lập luận	47, 113, 114,...
Chế Lan Viên	42, 43, 44, 45,...	lí lẽ	24, 47, 80, 105,...
chi tiết	3, 5, 11, 16,...	liệt kê	36, 136
dẫn chứng	24, 45, 47, 112,...	luận đề	122, 125, 128
đánh giá	3, 24, 27, 44,...	luận điểm	45, 122, 125,...
đề tài	3, 37, 45, 48,...	Lưu Quang Vũ	102, 109, 110,...
đoạn trích	3, 56, 81, 89,...	mạch lạc	27, 28, 113
đoạn văn	11, 26, 34, 42,...	Mác-tin Lu-thơ Kinh	125
đọc hiểu	5, 36, 37, 55,...	Minh Chuyên	54, 60, 61
Go-rơ-ki	5, 10, 24, 25,...	mở bài	26, 46
giới thiệu	3, 5, 27, 34,...	nghị luận	3, 24, 25, 26,...
Hàn Mặc Tử	40, 41, 44, 49,...	nghị luận văn học	25, 111, 133
hình ảnh	11, 35, 40, 41,...	ngôn từ	48, 49, 123
hình thức	3, 24, 26, 27,...	người kể chuyện	3, 5, 10, 16,...
Hoài Thanh	47, 110, 111, ...	Nguyễn Đăng Mạnh	76, 110, 133
Hoàng Phủ Ngọc Tường	55, 69, 75, 76	Nguyễn Đình Thi	23, 111, 120
Huy Cận	4, 51, 52, 110,...	Nguyễn Huy Tưởng	88, 89, 95, 115,...

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
Nguyễn Khải	4, 11, 24, 27,...	tâm trạng	3, 10, 11, 25,...
Nguyễn Quang Thiều	39, 44	tân văn	53, 54, 55, 56,...
Nguyễn Thị Bình	144	thân bài	26, 46, 47
nhà thơ	35, 37, 39, 40,...	thơ hiện đại	35, 48
nhà văn	22, 41, 50, 54,...	thời gian	5, 10, 20, 22,...
nhan đề	26, 47, 51, 82	thông điệp	11, 25, 44, 69,...
nhân hoá	36	thông tin	5, 11, 17, 27,...
nhân vật	3, 5, 11, 16,...	thực hành	25, 26, 28, 45,...
nội dung	3, 5, 22, 24,...	tính cách	3, 11, 16, 22,...
phân tích	3, 10, 11, 23,...	tình huống	3, 27, 54, 69
Phong Điệp	17, 24, 27, 34	Trang Thế Hy	24, 33, 34
phương án	51, 85, 121, 149	trích dẫn	25, 55, 78, 79,...
phương thức biểu đạt	53	truyện ngắn	3, 5, 10, 22,...
quan điểm	11, 16, 86, 95,...	tư tưởng	3, 48, 76, 84,...
Quý Thê	4	tuỳ bút	53, 54, 55, 56,...
Sách-xpia	96, 115, 121	văn bản	2, 3, 5, 10,...
sơ đồ	16, 46, 49, 79,...	văn bản nghị luận	113, 122, 133,...
so sánh	36, 38, 44, 45,...	viết	2, 3, 4, 12,...
sự kiện	5, 10, 11, 29,...	Vũ Bằng	55, 56, 75
sự việc	16, 26, 28, 53,...	Xuân Diệu	23, 36, 37, 38,...
tác phẩm	3, 5, 24, 25,...	ý nghĩa	3, 5, 11, 16,...
tâm lí	15, 54, 77	yếu tố	3, 24, 25, 26,...

BẢNG TRA CỬU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
A-la-ba-ma	Alabama	127
Át-lan-ta	Atlanta	125
Ban-tích	Baltic	71
Béc-lin	Berlin	73
Bu-đa-pét	Budapest	71
Ca-piu-lét	Capulet	97, 98
Coóc-nen	Cornell	73
Đan-kô	Danko	5, 7, 8, 9,...
Đa-nuýp	Danube	71
Gia-oa-hác-lan Nê-ru	Jawaharlal Nehru	146
Gioóc-gi-a	Georgia	125, 127
Giu-li-ét	Juliet	96, 97, 98, 99,...
Hê-ra-clít	Heraclit	72
I-déc-ghin	Idecghin	5, 6, 10, 28,...
Lác-ra	Larra	5
Lâu-rân	Laurent	96
Lin-côn	Lincoln	126
Lê-nin-grát	Leningrad	71
Luân Đôn	London	73
Ma-lai-xi-a	Malaysia	143, 145
Mác-tin Lu-thơ Kinh	Martin Luther King	125
Mác-xim Go-rơ-ki	Maksim Gorky	126
Man-tua	Mantua	5, 10, 37

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
Mi-xi-xi-pi	Mississippi	127
Mơ-kiu-ti-ô	Murcutio	96
Môn-ta-ghiu	Montague	96, 97, 98, 99,...
Nen-xon Man-đê-la	Nelson Mandela	146
Nê-va	Neva	71, 72
Noóc-man U-phốp	Norman Uphoff	73
Niu-Oóc	New York	127
Oa-sinh-ton	Washington	125, 126
Pa-rít	Paris	96
Pê-téc-bua	Peterburg	71
Ra-pha-en Li-tao-ơ	Rafael Litauer	73
Rô-mê-ô	Romeo	96, 97, 98, 99,...
Sa-ra Lít-men	Sara Lidman	143
Sêch-xpia	Shakespeare	96, 115, 121
Ti-bân	Tybalt	96
Vê-rô-na	Verona	96
Vét-cút	Vercous	143
Xen	Seine	71

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt (*)
1	ái	2, 3	thương, yêu	ái ân // ái tình, ái mộ, bác ái, ưu ái
2	ảo	7	giả mà giống như thực	ảo vọng // ảo tưởng, ảo giác, huyền ảo, hư ảo
3	ẩn	2	– kín – tránh đi, giấu đi	ẩn cư // ẩn sĩ, ẩn danh, ẩn tàng, ẩn nấu, ẩn dấu, bí ẩn
4	báo	3, 5	trả lại	báo thù // báo ân, báo oán, báo đáp, báo ứng
5	bạo	9	hung ác	bạo lực // bạo tàn, bạo ngược, bạo chúa, thô bạo
6	bi	9	thương xót	bi ai // bi thương, bi lụy, bi hùng, bi tráng, từ bi
7	bỉ	8	– hèn hạ, hèn mọn – thô tục, thô lỗ	bỉ ôi // thô bỉ, khinh bỉ
8	biến	1, 2, 8	thay đổi	biến cố // biến thiên, biến đổi, biến hoá
9	biện	9	tranh luận điều phải trái	biện minh // biện luận, hùng biện, tranh biện
10	biệt	3, 9	– riêng, khác – chia ra	biệt đãi // biệt tài, đặc biệt
11	cải	7	thay đổi, biến đổi	cải tạo // cải cách, cải biên, hoán cải
12	cáo	3, 9	báo cho biết	cáo giác // cáo trạng, cáo từ, tố cáo, kháng cáo
13	cầu	7, 9	mong muốn	cầu nguyện // cầu mong, cầu chúc, yêu cầu
14	cấu	6, 7	kết lại	cấu trúc // cấu thành, cấu kết, hư cấu
15	chấp	7, 8	– cầm giữ, bắt – đồng ý nhận	chấp nhận // chấp thuận, chấp chính, tranh chấp
16	cơ	9	đôi	cơ hàn // cơ khổ, cơ cực

(*) Cột này bao gồm các từ có trong sách giáo khoa (phía trước dấu //) và một số từ thông dụng ở ngoài sách giáo khoa (phía sau dấu //) chứa yếu tố được giải thích.

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
17	cung	8	nhà ở của vua	<i>cung nữ // cung phi, cung điện, cung đình, cung cấm, hoàng cung,</i>
18	dã	7	đồng ruộng	<i>dã chiến // dân dã, điền dã, hoang dã</i>
19	du	9	đi chơi	<i>du khách // du thuyền, du lịch, du kí, du hí, du ngoạn, ngao du</i>
20	đàm	5	nói chuyện với nhau	<i>đàm tiếu // đàm luận, đàm đạo, hội đàm, toạ đàm</i>
21	đắc	5	– có được, lấy được – thích hợp	<i>đắc thắng // đắc ý, đắc địa, tâm đắc</i>
22	đặc	2, 5	– chỉ một mình, riêng – khác hẳn, vượt hơn bình thường	<i>đặc điểm // đặc sắc, đặc biệt, đặc thù, đặc tính, đặc ân, đặc sản</i>
23	đê	3, 9	– dưới thấp – cúi xuống	<i>đê tiện // đê nhục, đê hạ</i>
24	đoàn	9	tập hợp lại một cách có tổ chức	<i>đoàn thể // đoàn quân, tập đoàn</i>
25	đồng	7	cùng với nhau, cùng trong một lúc	<i>đồng đội // đồng hành, đồng tâm, đồng lòng, đồng cảm, đồng chí, đồng nghiệp, đồng hương</i>
26	đơn	8	một mình	<i>đơn giản // đơn độc, đơn thân, đơn âm, phòng đơn</i>
27	giai	9	tốt đẹp	<i>giai nhân // giai tác, giai phẩm</i>
28	giải	7	– chia gỡ ra, chia tách ra – thoát khỏi	<i>giải trừ // giải lao, giải trí, giải hạn, giải phóng, hoá giải</i>
29	gian	9	dối trá, lừa lọc	<i>gian ác // gian tham, gian lận, gian thương</i>
30	giao	7	– qua lại với nhau, kết hợp với nhau, tiếp xúc với nhau – đưa cho	<i>giao lưu // giao tiếp, giao hữu, giao thông, giao phó, bàn giao, giao hoà</i>
31	hậu	8	sau, phía sau	<i>hậu sinh // hậu sự, cửa hậu, tụt hậu</i>

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
32	hoài	1	– nhớ – ôm lấy	hoài nhân // hoài hương, hoài niệm, hoài bão, u hoài,
33	hoàn	7	trở về, trả trở lại	hoàn tục // hoàn trả, bồi hoàn
34	hối	3	tiếc đã để xảy ra lỗi lầm	hối hận // hối lỗi, hối cải, xám hối
35	hội	9	hợp nhau, gặp gỡ	hội nhập // hội đồng, hội đàm, hội thảo, tụ hội
36	hung	5	ác, xấu	hung dữ // hung thù, hung tặc, hung khí, hung tin, hung hăng, hành hung
37	hư	7, 8	không thực, không có	hư vô // hư không, hư ảo
38	kì	5, 9	lạ lùng đến mức ngạc nhiên	kì diệu, kì dị, kì quái // kì ảo, kì lạ, kì tài, kì kì
39	kiểm	3	– xem xét, tra xét – đánh giá	kiểm điểm // kiểm tra, kiểm soát, kiểm định, kiểm thảo
40	kiên	5	vững bền, giữ vững	kiên cố // kiên nhẫn, kiên cường, kiên định, kiên trì, kiên trì
41	kiến	4, 8	dựng lên, làm ra	kiến trúc // kiến tạo, kiến thiết
42	kiệt	2, 9	nổi trội hơn hẳn, xuất chúng	kiệt tác // kiệt xuất, hào kiệt, anh kiệt
43	kiệt	5	hết sạch	kiệt lực // kiệt quệ, cạn kiệt, khánh kiệt
44	kiêu	5	tự đánh giá cao, tự cho mình hơn người	kiêu hãnh // kiêu kì, kiêu căng, kiêu ngạo
45	kính	3, 7	thái độ rất coi trọng	kính cẩn // kính trọng, kính mến, tôn kính
46	khán	3	xem, trông, nhìn	khán quan, khán giả // khán đài, khán phòng
47	khinh	9	nhẹ, xem nhẹ	khinh miệt // khinh rẻ, khinh thường, khinh bạc
48	khoái	3	vui sướng, thích thú ở mức độ cao	khoái lạc // khoái khẩu, khoái chí, khoan khoái, sảng khoái

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
49	lương	3, 7	tốt, giỏi	<i>lương thiện // lương tâm, lương tri, lương duyên, thiên lương</i>
50	mãn	3, 7	đầy, đầy đủ	<i>mãn nguyện // mãn ý, mãn hạn, thỏa mãn</i>
51	nộ	5	giận dữ	<i>thịnh nộ // nộ khí, phẫn nộ</i>
52	ngoại	7	ở ngoài	<i>ngoại ô // ngoại thành, ngoại vi, ngoại hạng, ngoại tộc, ngoại bang, đối ngoại</i>
53	ngạo	3	tự cho mình là cao, khinh thường người khác	<i>ngạo ngược // ngạo mạn, kiêu ngạo</i>
54	ngụ	2	gửi vào, để vào	<i>ngụ tình // ngụ ý, ngụ ngôn, ngụ cư, trú ngụ</i>
55	ngục	3	nhà tù, nhà lao	<i>ngục quan, ngục tốt // ngục tù, ngục thất, nhà ngục</i>
56	nhã	8	đẹp một cách giản dị mà thanh cao, lịch sự	<i>nhã nhặn // nhã ý, hoà nhã, thanh nhã</i>
57	oan	9	– bị quy tội mà bản thân không phạm phải – điều mờ ám không đúng, gây ra đau khổ	<i>oan khuất // oan trái, oan ức, oan gia, oan tình</i>
58	phàm	7, 9	– tầm thường, trần tục, không thanh cao	<i>phàm tục // phàm trần, phàm ăn</i>
59	phản	7	trái, ngược lại, trả lại	<i>phản quang // phản chiếu, phản hồi, phản đối, phản diện, phản nghịch</i>
60	phận	2	địa vị của một người	<i>phận bạc // phận vị, phận sự, số phận, thân phận</i>
61	phong	2	tốt lành, thịnh vượng	<i>phong lưu // phong vận, phong hoá, phong tục, gia phong</i>
62	phù	1, 7	nổi lên, làm nổi lên	<i>phù sa // phù vân, phù trợ, phù hộ</i>
63	quản	5	trông coi, điều khiển	<i>quản trị // quản lí, cai quản, chủ quản</i>
64	quy	5	điều quy định thành phép tắc	<i>quy tắc // quy định, quy hoạch, quy chuẩn, nội quy</i>

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
65	tạ	8	tỏ lòng biết ơn một cách trân trọng	tạ từ // tạ ơn, đa tạ, hậu tạ
66	tham	8	chen dự vào	tham dự // tham gia, tham chính
67	thăng	2	lên, đưa lên, nâng lên	thăng trầm // thăng tiến, thăng chức, thăng hạng, thăng hoa
68	thâm	2	sâu	thâm tạ // thâm ý, thâm tình, thâm giao, thâm hiểm, thâm sâu
69	thân	3	quan hệ gần gũi, gắn bó mật thiết	thân thiện // thân tình, thân ái, thân yêu, thân mật
70	thất	7, 8, 9	– mất – thua	thất vọng // thất hứa, thất truyền, thất bại, thất thủ
71	thâu	2	thu về	thâu thái // thâu nhận
72	thấu	2, 5	suốt qua hết sự vật, xuyên qua	thấu hiểu // thấu tình, thấu suốt, thấu đáo, xuyên thấu
73	thị	7	xem, nhìn, quan sát, xem xét	thị giác // thị sát, giám thị, khiển thị
74	thị	7	chợ, nơi mua bán	thị trường, thị dân // siêu thị, thành thị
75	thị	3	cậy, nhờ cậy	thị oai // thị uy, thị tài
76	thô	3	không tinh, còn sơ sài	thô lỗ // thô kệch, thô bỉ, thô thiển
77	thủ	3	đầu, đứng đầu	thủ xướng // thủ lĩnh, thủ đô
78	thuần	3	cùng một thứ không tạp nham	thuần khiết // thuần nhất, thuần chủng, thuần hậu
79	tĩnh	7	trạng thái im lặng, yên ắng	tĩnh tâm // tĩnh vật, tĩnh lặng, yên tĩnh
80	toạ	3	– ngồi – nằm tại, ở tại	toạ lạc // toạ đàm, cử toạ
81	toàn	8	– trọn vẹn – bao gồm tất cả	toàn vẹn // toàn diện, toàn thể, hoàn toàn, chu toàn
82	tốc	7	rất nhanh	tốc hành // siêu tốc, tức tốc, cấp tốc

Thứ tự	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt
83	tồn	2, 9	còn lại, dồn cất lại	<i>tồn tại // tồn vong, bảo tồn</i>
84	tổn	5	hao mất	<i>tổn sức // tổn hại, tổn thương, hao tổn</i>
85	tổng	7	– tụ họp lại – gồm tất cả	<i>tổng thể // tổng kết, tổng quan, tổng luận</i>
86	trầm	7	– chìm, đắm – sâu kín	<i>trầm mặc // trầm lắng, trầm tĩnh, thâm trầm</i>
87	tri	3, 7, 8, 9	biết, hiểu	<i>tri kỉ, tri ân // tri âm, tri ngộ</i>
88	tùy	4, 5	theo, tuân theo	<i>tùy tiện // tùy nghi, tùy ý, tùy cơ, tùy thời, tùy thích</i>
89	tuyên	9	bày tỏ cho mọi người biết một cách trịnh trọng	<i>tuyên bố // tuyên phạt, tuyên dương, tuyên án</i>
90	tử	3	chết	<i>tử hình // tử tù, tử trận, tử vong, bất tử</i>
91	u	7	tăm tối, buồn	<i>u tịch, âm u // u mê, u tối, u hoài</i>
92	uất	3	tức giận, buồn bực đến mức không chịu nổi	<i>uất hận // uất ức, phẫn uất, u uất</i>
93	uế	5	dơ bẩn, bẩn thỉu, nhơ nhớp	<i>uế khí // uế tạp, ô uế</i>
94	viễn	7	xa xôi	<i>viễn chinh // viễn cảnh</i>
95	vĩnh	7, 8	rất lâu dài, mãi mãi	<i>vĩnh hằng // vĩnh biệt, vĩnh viễn</i>
96	xâm	2, 9	lấn, chiếm	<i>xâm lược // xâm chiếm, xâm lăng, xâm thực, ngoại xâm</i>
97	yên	3	trạng thái ổn định, không thay đổi	<i>yên ổn // yên tâm, yên vị, yên chí, yên vui, yên lành</i>

MỤC LỤC

Kí hiệu dùng trong sách

Bài	Nội dung	Trang
5. Truyện ngắn	Yêu cầu cần đạt	3
	Kiến thức ngữ văn	3
	Đọc	5
	• Đọc hiểu văn bản	5
	– <i>Trái tim Đan-kô</i> (Go-rơ-ki)	5
	– <i>Một người Hà Nội</i> (Nguyễn Khải)	11
	• Thực hành đọc hiểu	17
	<i>Tầng hai</i> (Phong Điệp)	17
	Thực hành tiếng Việt (Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường)	23
	Viết: Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm truyện	24
	Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm truyện	27
	Tự đánh giá: <i>Nắng đẹp miền quê ngoại</i> (Trang Thế Hy)	28
	Hướng dẫn tự học	34
6. Thơ	Yêu cầu cần đạt	35
	Kiến thức ngữ văn	35
	Đọc	37
	• Đọc hiểu văn bản	37
	– <i>Đây mùa thu tới</i> (Xuân Diệu)	37
	– <i>Sóng Đáy</i> (Nguyễn Quang Thiều)	39
	• Thực hành đọc hiểu	40
	– <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử)	40
	– <i>Tình ca ban mai</i> (Chế Lan Viên)	42
	Thực hành tiếng Việt (Ôn tập các biện pháp tu từ)	43
	Viết: Viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ	44
	Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm thơ	48
	Tự đánh giá: <i>Tràng giang</i> (Huy Cận)	50
	Hướng dẫn tự học	52

Bài	Nội dung	Trang
7. Tuỳ bút, tản văn, truyện kí	Yêu cầu cần đạt	53
	Kiến thức ngữ văn	53
	Đọc	55
	• Đọc hiểu văn bản	55
	– <i>Thương nhớ mùa xuân</i> (Trích <i>Thương nhớ mười hai</i> – Vũ Bằng)	55
	– <i>Vào chùa gặp lại</i> (Minh Chuyên)	60
	• Thực hành đọc hiểu	69
	– <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường)	69
	Thực hành tiếng Việt (Cách giải thích nghĩa của từ và cách trình bày tài liệu tham khảo trong một báo cáo nghiên cứu)	75
	Viết: Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội	76
	Nói và nghe: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội	81
	Tự đánh giá: <i>Bánh mì Sài Gòn</i> (Huỳnh Ngọc Trảng)	82
	Hướng dẫn tự học	86
8. Bi kịch	Yêu cầu cần đạt	87
	Kiến thức ngữ văn	87
	Đọc	88
	• Đọc hiểu văn bản	88
	– <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i> (Trích <i>Vũ Như Tô</i> – Nguyễn Huy Tưởng)	88
	– <i>Thề nguyền và vĩnh biệt</i> (Trích <i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i> – Sếch-xpia)	96
	• Thực hành đọc hiểu	102
	<i>Tôi muốn được là tôi toàn vẹn</i> (Trích <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> – Lưu Quang Vũ)	102
	Thực hành tiếng Việt (Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (tiếp theo))	110
	Viết: Nghị luận về một tác phẩm kịch	111
	Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm kịch	115
	Tự đánh giá: <i>Truong Chi</i> (Nguyễn Đình Thi)	116
	Hướng dẫn tự học	121

Bài	Nội dung	Trang
9. Văn bản nghị luận	Yêu cầu cần đạt	122
	Kiến thức ngữ văn	122
	Đọc	125
	• Đọc hiểu văn bản	125
	– Tôi có một giấc mơ (King)	125
	– Một thời đại trong thi ca (Hoài Thanh)	129
	• Thực hành đọc hiểu	133
	Lại đọc “Chữ người tử tù” của Nguyễn Tuân (Nguyễn Đăng Mạnh)	133
	Thực hành tiếng Việt (Lỗi thành phần câu (tiếp theo))	136
	Viết: Nghị luận về một hiện tượng đời sống	137
	Nói và nghe: Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một hiện tượng đời sống	141
	Tự đánh giá: <i>Thế hệ trẻ cần có quyết tâm lớn và phải biết hành động</i> (Nguyễn Thị Bình)	142
	Hướng dẫn tự học	146
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II		147
Bảng tra cứu từ ngữ		151
Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài		153
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt thông dụng		155

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:

LÊ THỊ BÍCH HẢO

Thiết kế sách:

PHAN THỊ TÚ UYÊN

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Minh họa:

NGÔ XUÂN KHÔI

Sửa bản in:

ĐÀO THỊ CẨM NHUNG

Tranh bìa: *Thuyền trên sông Hương* (TÔ NGỌC VÂN).

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

NGŨ VĂN 11 – TẬP HAI

Mã số:

ISBN:

In, khổ 19 x 26,5cm, tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng kí xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...